

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN TÂN UYÊN
(1930-1975)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ TÂN UYÊN

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN TÂN
UYÊN
(1930-1975)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội – 2016**

Chỉ đạo biên soạn
BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY TÂN UYÊN

Biên soạn
HÀ VĂN THẮNG



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG



LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Miền Đông Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là nơi diễn ra những trận đụng đầu lịch sử giữa quân, dân ta và những đội quân xâm lược chuyên nghiệp, thiện chiến, trang bị vũ khí, phương tiện hiện đại nhất lúc bấy giờ. Đây cũng là nơi lần đầu tiên thực dân, đế quốc đưa vào áp dụng những chiến lược chiến tranh tân kỳ nhất hòng khuất phục nhân dân ta. Trên chiến trường đó, Tân Uyên là một trong những trọng điểm đánh phá của địch, nơi giăng co quyết liệt giữa ta và địch. Vượt qua những khó khăn, thử thách, quân và dân Tân Uyên dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kiên cường chiến đấu, góp phần đưa đến thắng lợi cuối cùng ngày 30-4-1975 lịch sử.

Trong hai cuộc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ huyện, quân và dân Tân Uyên đã làm nên những chiến công hiển hách, xây dựng vào bảo vệ Chiến khu Đ thành căn cứ của tỉnh, miền. Từ đây, căn cứ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang ta đã giáng cho địch những đòn chí mạng. Chiến khu Đ trở thành nỗi ám ảnh đối với địch, chỗ dựa về niềm tin của quân, dân miền Đông Nam Bộ. Đồng thời Tân Uyên cũng là nơi ta thực hiện những cách đánh mới, đập tan hệ thống tháp canh của địch thời kháng chiến chống thực dân Pháp, nơi khởi nguồn cách đánh đặc công của miền Đông và của Quân đội nhân dân Việt Nam. Có thể nói, trong hai cuộc kháng chiến, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên xứng đáng là ngọn cờ đầu của tỉnh và của miền Đông Nam Bộ.

Tổng kết lại chặng đường lãnh đạo cách mạng, quá trình chiến đấu và trưởng thành của Đảng bộ huyện trong hai cuộc kháng chiến nhằm ghi nhớ công lao của những người đi trước, đúc kết những kinh nghiệm trong quá khứ để tiếp tục xây dựng quê hương trong hiện tại và tương lai, sau khi huyện Tân Uyên tách thành thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên (năm

2013), Đảng bộ thị xã Tân Uyên đã tiếp tục công việc của Đảng bộ huyện Tân Uyên, tiến hành tổ chức biên soạn và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Uyên (1930-1975). Đây là một tài liệu tham khảo bổ ích, tài liệu giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau noi gương cha ông vượt qua khó khăn, gian khổ hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới - xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong quá trình biên soạn và xuất bản, mặc dù đã rất cố gắng, song cuốn sách chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC
GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Trong 45 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược đầy gian khổ, ác liệt và hy sinh của quân và dân huyện Tân Uyên dưới sự lãnh đạo của Đảng là chặng đường lịch sử đấu tranh cách mạng gắn liền với quá trình xây dựng và bảo vệ chiến khu của Đảng bộ, quân và dân huyện Tân Uyên.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên. Nơi đây, từ giữa năm 1936, đã được cán bộ lãnh đạo Liên Tỉnh ủy miền Đông đến tuyên truyền, vận động xây dựng phong trào cách mạng, làm cơ sở để phát triển các chi bộ đảng. Đến cuối năm 1936, chi bộ cộng sản Mỹ Lộc được thành lập. Sau khi được thành lập, các đảng viên của chi bộ này đã đến các xã Thường Lang, Tân Tịch vận động cách mạng, tuyên truyền trong nhân dân địa phương. Qua đó, nhiều thanh niên hai xã này đã sớm được giác ngộ cách mạng, trở thành quần chúng tích cực và được kết nạp vào Đảng. Đến năm 1937, trên địa bàn huyện Tân Uyên đã thành lập được ba chi bộ cộng sản (Tân Hóa Khánh, Mỹ Lộc, Mỹ Quới). Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Huyện ủy Tân Uyên ra đời. Sau Cách mạng Tháng Tám, công tác xây dựng đảng ở Tân Uyên phát triển khá mạnh. Kể cả các chi bộ được thành lập từ trước năm 1945 đến những chi bộ thành lập năm 1946 như chi bộ làng Phước Thành (nay là Thạnh Phước), chi bộ Cù lao Thạnh Hội và đến năm 1947, toàn huyện Tân Uyên đã có 20 chi bộ trong tổng số 32 xã.

Sự ra đời của các chi bộ cộng sản trên vùng đất Tân Uyên trong những năm 1936 - 1937 không những đánh dấu một bước phát triển mới trong phong trào đấu tranh cách mạng tại địa phương là cơ sở vững chắc trong công tác phát triển đảng những năm tiếp theo, mà còn là một trong những yếu tố

rất quan trọng để Xứ ủy Nam Kỳ chọn Tân Uyên là nơi xây dựng căn cứ địa kháng chiến của miền Đông Nam Bộ ngay sau ngày thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Từ đó trở về sau và suốt cả chiều dài của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã có những đóng góp không nhỏ cả về tinh thần, vật chất, trí tuệ với cả tấm lòng yêu nước của người dân đối với cách mạng.

Vượt qua những thử thách khắc nghiệt của cuộc chiến tranh chống kẻ thù xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên càng được tôi luyện ý chí và nghị lực, xả thân vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang ấy, vùng đất Tân Uyên đã sản sinh ra những người con anh hùng với những chiến công chói lọi. Cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Uyên (1930 - 1975) đã phản ánh theo trình tự thời gian những sự kiện lịch sử tiêu biểu, nổi bật của Đảng bộ, quân và dân huyện Tân Uyên trong suốt thời kỳ kháng chiến chống thực dân và đế quốc xâm lược, đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, Ban Chỉ đạo biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân chứng lịch sử tại các cuộc tọa đàm, hội thảo do Huyện ủy Tân Uyên tổ chức và những đóng góp chân tình, tâm huyết của các đồng chí lãnh đạo huyện qua các thời kỳ.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách vẫn không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của độc giả để tiếp tục bổ sung, sửa chữa trong lần tái bản sau.

Tháng 1 năm 2016

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

MỞ ĐẦU

TÂN UYÊN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

1. Sự hình thành của vùng đất Tân Uyên

a. Những thay đổi về hành chính trong lịch sử của vùng đất Tân Uyên

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, đến đầu năm 1977, Tân Uyên là một trong 9 huyện, thị của tỉnh Sông Bé (Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng, Đồng Phú, Bến Cát, Tân Uyên, Thuận An và thị xã Thủ Dầu Một). Lúc này, huyện Tân Uyên có 18 xã và 1 thị trấn, với 16.176 hộ và 83.057 nhân khẩu. Suốt chiều dài lịch sử, biết bao thế hệ đã đổ mồ hôi, công sức và cả máu xương để tạo dựng nên vùng đất Tân Uyên như ngày hôm nay. Sự thay đổi diện mạo của vùng đất Tân Uyên gắn liền với sự phát triển của vùng đất Nam Bộ trong suốt chiều dài lịch sử.

Vào năm 1698, vùng ven sông Đồng Nai vẫn còn rất ít người. Những khu chợ được xây dựng khá sớm ở vùng này gồm có: Đồng Ván (Tân Ba), Thủ Đồn Sứ (Uyên Hưng) và Chợ Đồn ở bên kia sông. Khi Nguyễn Hữu Kính lấy vùng Đồng Nai thành lập huyện Phước Long thuộc dinh trấn Biên Hòa, lấy vùng Sài Gòn - Gia Định thành lập huyện Tân Bình thuộc dinh Phiên Trấn, Tân Uyên lúc này mới có hai làng tương đối đông đúc là Chợ Đồng Bản (Tân Ba) và Thủ Đồn Sứ (Uyên Hưng) thuộc huyện Phước Long.

Đến năm 1728, phần đất của huyện Phước Long ngày càng được mở rộng và dân số tăng lên. Vì vậy, huyện Phước Long được thăng thành phủ Phước Long. Phủ Phước Long chia các vùng ra làm 4 huyện gồm: Phước Bình, Bình An,

Nghĩa An và Tân Chánh. Phần đất của Vĩnh Cửu và Tân Uyên ngày nay, lúc đó thuộc huyện Tân Chánh.

Năm 1808, toàn bộ huyện Tân Chánh có 85 làng được chia thành 2 tổng. 46 làng bên kia sông (bên trái sông Đồng Nai) thuộc tổng Phước Vĩnh, 39 làng bên này sông (bên phải sông Đồng Nai) thuộc tổng Chánh Mỹ. Lấy hai chữ đầu của hai tổng ghép lại để đặt tên chung cho huyện là Phước Chánh. Địa bàn huyện Tân Uyên ngày nay lúc đó nằm trong tổng Chánh Mỹ.

Năm 1852, tổng Chánh Mỹ lại chia ra làm 3 tổng, gồm: Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung và Chánh Mỹ Hạ. Huyện Phước Chánh đổi lại thành huyện Phước Long, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa.

Năm 1878, huyện Phước Long đổi tên gọi là quận Tân Uyên. Quận Tân Uyên có 3 tổng là: Tổng Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, bao gồm 43 làng.

Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam Bộ, gồm Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh. Hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập lấy tên là tỉnh Thủ Biên, thuộc Phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có 2 thị xã và 7 huyện, trong đó có huyện Tân Uyên. Đến tháng 7-1951, tỉnh Thủ Biên lập huyện căn cứ Đồng Nai rộng 3.700km, gồm huyện Hớn Quản và một số xã của huyện Tân Uyên.

Tháng 1-1955, Xứ ủy Nam Bộ tách tỉnh Thủ Biên thành hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Huyện Tân Uyên lúc này thuộc tỉnh Biên Hòa.

Tháng 9-1960, Xứ ủy Nam Bộ nhập tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa thành tỉnh Thủ Biên lần thứ hai. Tân Uyên tách thành hai huyện: Tân Uyên 1 và Tân Uyên 2.

Tháng 6-1961, Xứ ủy lại tách Thủ Biên thành hai tỉnh: Thủ Dầu Một, Biên Hòa và thành lập 3 tỉnh mới: Phước Thành, Bình Long, Phước Long theo địa bàn hành chính của ngụy quyền Sài Gòn. Huyện Tân Uyên 1 đổi thành huyện Phú Giáo, Tân Uyên 2 thành huyện Tân Uyên.

Tháng 10-1966, tỉnh Phước Thành giải thể, huyện Tân Uyên được trả về tỉnh Thủ Dầu Một.

Tháng 10-1967, Trung ương Cục bố trí lại chiến trường, thành lập 5 phân khu thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn và Phân khu 6 nội đô Sài Gòn để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968. Tỉnh Thủ Dầu Một lúc này thuộc Phân khu 5, gồm các huyện: Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành, Lái Thiêu, Bắc Thủ Đức, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một và quận 5 (gồm 2 xã Bù Cháp, Lý Lịch).

Tháng 5-1971, Phân khu 5 giải thể rồi thành lập Phân khu Thủ Biên. Thực hiện Chỉ thị số 08/CT ngày 30-8-1972 của Thường vụ Trung ương Cục, Khu ủy miền Đông được thành lập lại, giải thể các phân khu, thành lập lại các tỉnh. Huyện Tân Uyên lúc này thuộc tỉnh Biên Hòa.

Tháng 10-1973, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú gồm các huyện: Tân Uyên, Phú Giáo, quận 5 của Thủ Dầu Một; các xã phía nam và đông nam của Phước Long; Định Quán, Độc Lập của Biên Hòa. Đến cuối năm 1974, Phú Giáo và Tân Uyên lại được trả về Thủ Dầu Một. Như vậy, đến đầu năm 1975, tỉnh Thủ Dầu Một gồm các huyện, thị: Bến Cát (Nam, Bắc Bến Cát), Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên, Dĩ An, Phú Giáo, Dầu Tiếng và thị xã Thủ

Dầu Một. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1954 và 1954 - 1975), Tân Uyên là vùng đất nằm trong Chiến khu Đ - Căn cứ của miền Đông và của cả Nam Bộ; là biểu tượng cho cách mạng, cho kháng chiến.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, do yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - chính trị quốc phòng, ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định sáp nhập các tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và 4 xã An Bình, Bình An, Đông Hòa, Tân Đông Hiệp (thuộc huyện Thủ Đức) thành tỉnh Sông Bé. Lúc này, huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Sông Bé. Từ giữa năm 1976, một số xã của huyện Tân Uyên được sáp nhập lại:

- Xã Thường Lang và xã Tân Tịch sáp nhập thành xã Thường Tân.
- Xã Tân Hòa và xã Mỹ Lộc sáp nhập thành xã Tân Mỹ.
- Xã Bình Hóa và xã Tân Nhuận sáp nhập thành xã Uyên Hưng.
- Xã Mỹ Hòa và xã Mỹ Quới sáp nhập thành xã Bạch Đằng.
- Xã Bình Chánh và xã Khánh Vân sáp nhập thành xã Khánh Bình.
- Xã Phước Thành và xã Thạnh Hội sáp nhập thành xã Thạnh Phước.
- Xã Tân Ba (có khu phố Tân Ba) chuyển thành xã Thái Hoà.

Được sự đồng ý của Trung ương, ngày 5-10-1976, Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé ra nghị quyết về việc sáp nhập một số huyện

trong tỉnh. Theo nghị quyết của Tỉnh ủy, 3 huyện: Châu Thành, Phú Giáo và Tân Uyên sáp nhập lại thành huyện Tân Châu, đến đầu năm 1977 đổi huyện Tân Châu thành huyện Tân Uyên.

Sau khi sáp nhập huyện, số lượng xã và đội ngũ cán bộ tăng lên, gồm: 11 xã của huyện Tân Uyên cũ, 4 xã của huyện Châu Thành và 4 xã của huyện Phú Giáo chuyển sang, nâng tổng số xã lên 19 xã với 16.176 hộ và 83.057 nhân khẩu. Trong 19 xã của huyện lúc này có 4 xã kinh tế mới đã hoàn chỉnh là Hội Nghĩa, Tân Phú, Tân Lập và Hưng Hòa (từ huyện Phú Giáo chuyển sang).

19 xã của huyện Tân Uyên sau khi sáp nhập là: Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước, Bạch Đằng, Bình Mỹ, Tân Bình, Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Khánh Bình, Uyên Hưng, Lạc An, Thường Tân, Tân Mỹ, Phước Hòa, Hội Nghĩa, Tân Lập, Hưng Hòa, Tân Phú.

Như vậy, từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến đầu năm 1977, tổ chức hành chính của huyện Tân Uyên đã đi vào ổn định để bước vào thời kỳ phát triển mới¹.

b. Điều kiện tự nhiên

Nhìn một cách tổng quát, địa hình vùng đất Tân Uyên hơi nghiêng từ hướng đông bắc xuống tây nam. Càng lên hướng bắc - đông bắc, địa hình càng cao, có nơi cao 60-70m, thậm chí 90m so với mặt nước biển; ở phía nam của huyện độ cao chỉ từ 10m đến 15m.

Địa hình Tân Uyên có 3 vùng: vùng núi, vùng bán sơn và vùng đồng bằng ven sông. Thời tiết, khí hậu giữa ngày và

¹ Ngày 1-1-1997, tỉnh Bình Dương được tách ra từ tỉnh Sông Bé và chính thức đi vào hoạt động. Từ lúc này, huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương.

đêm tương đối ổn định, không quá nóng và rất ít khi lạnh. Nhiệt độ trung bình từ 25 – 27°C. Thỉnh thoảng cũng có gió mạnh nhưng không có giông bão lớn, rất ít khi có sương mù. Lượng mưa hàng năm từ 2.000 đến 2.300mm, tập trung vào các tháng 5, 6 và 8, 9 âm lịch. Các tháng khác trong mùa tuy có mưa nhưng ít, có khi đột xuất gây lũ lớn làm thiệt hại mùa màng. Đường giao thông trong huyện bao gồm những trục đường chính như sau:

- Đường số 314 nối Tân Uyên với Biên Hòa và liên tỉnh lộ 1A từ cầu Sông Bé đến đập nước của Pari.
- Đường 115 nối Tân Uyên với Hiếu Liêm dài 43,6km.
- Đường nối giữa đường 314 với Tân Uyên qua Tân Phước Khánh dài 12km.
- Liên tỉnh lộ 15 từ Công Xanh đi Vĩnh Tân - Phú Chánh dài 26,3km.
- Liên tỉnh lộ 16 từ Tân Uyên qua Hội Nghĩa - Bình Mỹ, gặp lộ 14 dài 17,2km.

Nguồn nước ngầm ở địa bàn huyện rất ít, ngược lại nguồn nước mạch rất phong phú. Ở phía bắc, đông và nam được bao bọc bởi sông Đồng Nai và sông Bé.

Sông Bé bắt nguồn từ đông bắc Campuchia. Đoạn từ cầu Phước Hòa đến Nông trường Hiếu Liêm dài 80,6km; mùa mưa nước chảy xiết, về mùa khô nước cạn, bờ sông có nhiều đoạn dựng thẳng đứng. Với đặc điểm đó, sông Bé trở thành phòng tuyến thiên nhiên vô cùng lợi hại cho lực lượng kháng chiến của ta, làm giảm bớt sự càn quét của quân giặc.

Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên, đoạn từ Hiếu Liêm đến hết địa phận xã Thái Hòa dài hơn 46km. Sông Đồng Nai sâu và rộng hơn sông Bé. Đoạn hạ lưu

ít đá ngầm, vì vậy ghe thuyền đi lại dễ dàng. Sông Đồng Nai còn có giá trị lớn về cung cấp nước tưới cho nông nghiệp, giao thông vận tải đường thủy và cung cấp thủy sản cho nhân dân.

Rừng Tân Uyên trong thời kỳ các chúa Nguyễn được coi như là nơi kỳ bí. Trong rừng nhiều loại gỗ quý như cẩm lai, gỗ đỏ, bằng lăng, cẩm xe, trắc và rừng tre bạt ngàn, các loại động vật nhiệt đới gần như đủ mọi chủng loại như: chim thú, bò sát, voi, cạp, trâu rừng, nai, mễn, chồn, cheo, kỳ đà, v.v..

Rừng Tân Uyên không chỉ có ý nghĩa trong lĩnh vực kinh tế, mà còn cả trong lĩnh vực quân sự và trong nghiên cứu khoa học. Trong chiến tranh, động, thực vật của rừng là một trong những nguồn cung cấp thực phẩm trong vùng. Trải qua chiến tranh, rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Rừng Tân Uyên là trung tâm của Chiến khu Đ oai hùng trong thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Nằm trên triền đất thoải từ chân cao nguyên miền Trung chạy về phía nam, Chiến khu Đ là dải đất nối liền từ vùng rừng núi bạt ngàn Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ xuống giáp với các đô thị lớn như Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

Với những ưu điểm về điều kiện tự nhiên, Chiến khu Đ có một vị trí quân sự đặc biệt quan trọng. Nằm trong hệ thống rừng núi phía bắc miền Đông Nam Bộ với địa hình hiểm trở, Chiến khu Đ là một khu vực lý tưởng cho việc xây dựng căn cứ, nơi cất giấu lực lượng, cất trữ kho tàng và phát triển mọi mặt của một căn cứ địa kháng chiến. Lưng dựa vào Trường Sơn và vùng rừng núi miền Nam Đông Dương, nối với một phần đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, phía trước lấn sát vùng đồng bằng đông dân cư và các đô thị lớn, Chiến khu Đ còn là một vị trí án ngữ chiến lược, nối nhiều chiến trường với nhau,

là một trong những địa điểm liên lạc, tiếp nối, trung chuyển quan trọng từ hậu phương miền Bắc vào miền Nam. Hơn nữa, với ưu thế tiếp cận các đường giao thông chiến lược, các đô thị lớn và trung tâm sào huyệt của địch - thành phố Sài Gòn, Chiến khu Đ có ưu thế là một bàn đạp quân sự quan trọng đặc biệt. Từ đây lực lượng kháng chiến có thể mở các cuộc tiến công vào các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế của địch ở Sài Gòn, thị xã Biên Hòa, thị xã Thủ Dầu Một cùng toàn bộ các đường giao thông và cứ điểm quân sự địch trên vùng đông bắc miền Đông Nam Bộ.

Tùng là căn cứ đầu tiên của tỉnh Biên Hòa được xây dựng vào tháng 2-1946 sau Hội nghị cán bộ quân sự ở Lạc An (huyện Tân Uyên), Chiến khu Đ dần dần được mở rộng bao trùm toàn bộ vùng rừng ngang đường 16 trải dọc lưu vực hữu ngạn sông Đồng Nai đổ về thượng nguồn giáp với sông Bé thành căn cứ địa không chỉ của tỉnh Biên Hòa mà cả của Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1950.

Vừa sản xuất, gây dựng cơ sở cách mạng trong các buôn sóc đồng bào dân tộc, vừa bảo đảm nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ và cơ quan lãnh đạo và chiến đấu, Chiến khu Đ đã làm tròn nhiệm vụ giữ vững và mở rộng địa bàn, trở thành nơi dưỡng quân, huấn luyện, nâng cao chất lượng bộ đội và du kích, đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến của miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ. Hai đơn vị mạnh là Liên trung đoàn 301-310 và Tiểu đoàn chủ lực 303 đã hình thành và phát triển ở đây.

Đến tháng 5-1951, Chiến khu Đ đã trở thành một trong những căn cứ địa của hệ thống căn cứ địa của cả Nam Bộ gồm: Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đồng Tháp Mười và Chiến khu U Minh.

Là một căn cứ chính của Nam Bộ, Chiến khu Đ ngoài các nhiệm vụ chính như trước đây, từ ngày 1-5-1952 còn được Trung ương Cục miền Nam giao cho nhiệm vụ tiếp nhận hàng hóa của Trung ương do Liên khu V chuyển giao từ Bình Thuận vào Chiến khu Đ để từ đó phân cho các đơn vị trên chiến trường. Tiểu đoàn 320 được thành lập làm nhiệm vụ nói trên đã giữ vững đường liên lạc giữa Nam Bộ với Trung ương, đưa đón các đoàn cán bộ qua lại trên tuyến đường này.

Từ năm 1951 đến trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, các đơn vị, cơ quan của ta tại Chiến khu Đ đã vượt qua muôn vàn khó khăn như thiên tai (đặc biệt là cơn bão lụt nặng nề năm Nhâm Thìn 1952), địch họa (do địch càn quét, đánh phá bằng bom đạn, phá hoại kinh tế, gài do thám chỉ điểm, biệt kích), v.v. để giữ vững căn cứ địa cách mạng, góp phần vào thắng lợi chung của quân, dân cả nước, đưa đến việc Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết.

Đến kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Cục miền Nam được Trung ương giao nhiệm vụ lãnh đạo từ Khu 5 trở vào. Trung ương Cục đã chọn Chiến khu Đ làm căn cứ đặt cơ quan lãnh đạo của Trung ương Cục.

Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, Chiến khu Đ đã mở rộng địa bàn, vượt ra khỏi phạm vi cũ trong kháng chiến chống Pháp, phát triển rộng về phía đông và đông bắc, giáp với biên giới Campuchia và biên giới nam Tây Nguyên (Đắk Lắk).

Chính đây là một trong những nơi ra đời đầu tiên của các đơn vị vũ trang miền Đông và chủ lực Miền. Đường hành lang từ Trung ương theo đường Trường Sơn xuống nam Tây Nguyên được nối thẳng với Chiến khu Đ.

Sau này, do tình hình phát triển của cách mạng, Trung ương Cục và Quân ủy Miền không còn đóng ở Chiến khu Đ nữa, nhưng Chiến khu Đ vẫn là một căn cứ địa lớn của cách mạng miền Nam, đóng vai trò hậu phương tại chỗ của miền Đông Nam Bộ, là bàn đạp để lực lượng ta tiến công vào các đầu não, căn cứ quân sự, kho tàng, đường giao thông chiến lược của địch.

Điều kiện tự nhiên ở Chiến khu Đ có những khó khăn, hạn chế trong việc xây dựng một căn cứ địa, như thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, thú dữ, rắn rết, sên, vắt, muỗi mòng... là nguyên nhân của nhiều loại bệnh tật, nhất là sốt rét rừng. Đất rộng, nhưng diện tích trồng lúa nước không đáng kể, năng suất thấp, không có khả năng bảo đảm lương thực tại chỗ. Dân cư thưa thớt, phân bố không đều, nhiều địa bàn xung yếu rộng lớn phía bờ bắc Sông Bé không có dân. Mùa mưa, việc đi lại trong căn cứ rất khó khăn, trong lúc đó, hệ thống đường giao thông xung quanh căn cứ và nối từ căn cứ ra bên ngoài đã tạo điều kiện thuận lợi cho quân địch cơ động hành quân bao vây, càn quét. Cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đều đã triệt để lợi dụng những nhược điểm này đẩy dồn ta vào thế khó khăn trong hai cuộc kháng chiến.

Tuy nhiên, mặt thuận lợi, ưu điểm về điều kiện tự nhiên ở Chiến khu Đ vẫn là căn bản. Đất rừng, gần sông suối dễ gieo trồng cây lương thực, hoa màu ngắn ngày, lại có nguyên liệu cao lanh cho ngành sản xuất gốm và nhiều ngành công nghệ khác. Rừng vừa “che bộ đội”, vừa cung cấp cây thuốc chữa bệnh và nguồn thịt động vật, các loại cây, lá, củ, quả nuôi sống con người, nhất là trong các thời kỳ chiến tranh ác liệt. Hệ thống đồi núi được phủ xanh bằng rừng cây nhiều tầng, những tuyến hào phòng thủ thiên nhiên do sông suối tạo nên và các đường giao thông lớn nhỏ bao quanh, từ trong ra và đan dệt

trong lòng rừng đã tạo cho Chiến khu Đ một thế lợi hại về quân sự.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cùng với quá trình phát triển của cuộc chiến tranh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta ở Chiến khu đã từng bước nhận rõ tầm quan trọng, những tiềm năng của địa bàn Chiến khu và tiến hành khai thác để phục vụ cho cuộc kháng chiến. Đóng góp của Chiến khu Đ vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến, trước hết ở những yếu tố điều kiện tự nhiên của nó, đồng thời thể hiện rõ năng lực khắc phục mặt nhược điểm, khó khăn, phát huy mặt ưu điểm, thuận lợi của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta.

Với vị trí chiến lược quan trọng trong hai cuộc kháng chiến, Chiến khu Đ không còn đơn thuần mang ý nghĩa là một địa danh, mà đã trở thành biểu tượng cho cách mạng, cho kháng chiến đối với huyện Tân Uyên và cả Nam Bộ nói chung.

Đất đai Tân Uyên rất đa dạng và khá phong phú về chủng loại. Đó là những vùng đất sét, cao lạnh, nguyên liệu chủ yếu để sản xuất gốm sứ, gạch ngói và đồ sứ cao cấp với tổng trữ lượng gần 120 triệu m³. Ngoài ra, dọc sông Đồng Nai còn phát hiện nhiều chỗ có than bùn. Riêng Tân Ba có trữ lượng than 1 triệu 200 ngàn tấn, cho nhiệt lượng khá cao. Đất nâu vàng trên phù sa cổ nằm ở các vùng đồi thấp thoải ở huyện có thể trồng các loại rau màu, các loại cây ăn trái chịu được hạn như mít, điều... Đất phù sa Glây (đất dốc tụ, chủ yếu là đất dốc tụ trên phù sa cổ) nằm ở phía bắc của huyện; đất phù sa không được bồi nằm ở địa hình cao ven các sông Đồng Nai, sông Bé có thể trồng lúa, rau xanh, đậu các loại; đất nâu vàng trên phiến thạch sét có hàm lượng đất mùn khá tốt dày 70cm có thể trồng hoa màu, lương thực, nhưng ít thích ứng với cây công nghiệp dài ngày...

2. Quá trình hình thành cộng đồng dân cư trên vùng đất Tân Uyên

Từ đầu thế kỷ XVII, ngoài cư dân bản địa, trên địa bàn của vùng đất Bình Dương ngày nay dần xuất hiện những lớp cư dân mới. Đó là những di dân người Việt (người Kinh) từ các tỉnh phía Bắc, chủ yếu là nông dân và thợ thủ công nghèo khổ không chịu nổi sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến hà khắc, buộc phải đi vào phương Nam tìm đường sinh sống. Đặc biệt, trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, mâu thuẫn giữa địa chủ phong kiến và nông dân ngày càng trở nên gay gắt thì tiến trình di cư của người Việt vào phương Nam diễn ra thường xuyên với số lượng lớn hơn. Lịch sử đã ghi nhận vùng cù lao Tân Chánh, cù lao Rùa, Tân Ba, Uyên Hưng thuộc huyện Tân Uyên là những nơi dừng chân của lớp cư dân vào phương Nam trong giai đoạn lịch sử này.

Trong quá trình di dân vào Đàng Trong, ngoài người Việt còn có người Hoa. Người Hoa di cư vào Đàng Trong theo nhiều đợt, ở vào những giai đoạn khác nhau với những điều kiện xã hội khác nhau. Trong những giai đoạn ấy, đáng chú ý là giai đoạn từ năm 1678-1685, khi phong trào “Phản Thanh phục Minh” ở Đài Loan tan vỡ (1683) thì các di thần nhà Minh kéo nhau ra đi đến Đàng Trong định cư lâu dài với khoảng 3.000 binh lính của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch. Từ năm 1685 trở đi, khi cuộc chiến tranh kéo dài hơn 40 năm giữa hai họ Trịnh - Nguyễn chấm dứt ở thế cân bằng, tình hình, chính trị - xã hội đã tương đối ổn định, nền ngoại thương đang trên đà phát triển, cả một vùng lãnh thổ trải dài từ Thuận Quảng đến Cà Mau rất cần nguồn nhân lực. Cũng trong giai đoạn lịch sử này, người Hoa đã vượt biển đi các nước buôn bán. Vì vậy, trong giai đoạn này đông đảo người Hoa đã đến

định cư ở Đàng Trong (trong đó có vùng đất Tân Uyên, Bình Dương).

Tiến trình di cư của người Việt diễn ra liên tục suốt thế kỷ XVII. Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất phương Nam, xác lập cương thổ, xây dựng thiết chế hành chính, lập Phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên (gồm toàn bộ miền Đông Nam Bộ ngày nay) và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn (gồm Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An... ngày nay). Đây là đơn vị hành chính được xác lập đầu tiên trên vùng đất mới khai khẩn của người Việt ở phương Nam. Từ đó, vùng đất mới dần dần sinh sôi và phát triển. Cư dân ngày càng đông, các xóm làng, ruộng đồng ngày càng trù phú, phố chợ sầm uất nhộn nhịp. Trên đất Bình Dương thời đó, những tên đất, tên làng đã sớm xuất hiện với dáng vóc riêng biệt: Lái Thiêu, chợ Búng, chợ Phú Cường, chợ Tân Ba (Đồng Ván), chợ Tân Uyên (Thủ Đồn Sứ), chợ Thị Tịch, chợ Dầu Giếng (Dầu Tiếng)...

Sau khi Quang Trung mất (1792), triều Tây Sơn tan rã, một bộ phận quân Tây Sơn lánh đến vùng đất thuộc địa bàn Tân Phước Khánh hiện nay, cùng cộng đồng cư dân tại chỗ làm ăn, sinh sống. Võ Tây Sơn - một phái võ nổi tiếng ở nước ta cũng từ đó được truyền bá rộng rãi trong vùng.

Danh tiếng võ Tân Khánh - Bà Trà gắn liền với tên tuổi của một người phụ nữ có tên là Bà Trà, thuộc dòng dõi nhà Tây Sơn vì chạy trốn sự truy đuổi trả thù của nhà Nguyễn nên đã dẫn theo một nhóm người đến vùng đất Tân Khánh để sinh cơ lập nghiệp. Nổi tiếp truyền thống kiêu hùng của ông cha, Bà Trà đứng ra chiêu mộ thêm nghĩa binh để chống lại triều đình nhà Nguyễn, số người quy tụ lên đến hàng trăm người,

hầu hết đều là nữ giới. Cùng với việc sinh cơ lập nghiệp nơi vùng đất mới, Bà Trà chia chị em thành từng toán và tích cực ngày đêm luyện tập võ nghệ. Theo tương truyền, Bà Trà từng đưa nữ binh của mình đi đánh những tên cường hào, ác bá, lấy của cải về phát cho dân nghèo quanh vùng nên bà rất được người dân ở đây tin tưởng, kính nể và xem như một anh hùng nghĩa hiệp lúc bấy giờ. Còn bọn quan lại địa phương thì xem bà như cái gai trước mắt cần phải nhổ bỏ, nhưng vì danh tiếng và kiên nhẫn tài võ nghệ của bà mà không dám đụng đến. Dưới thời Bà Trà, danh tiếng võ Tân Khánh - Bà Trà không chỉ vang dội ở vùng Nam Bộ mà còn lan rộng ra cả nước.

Kế tục sự nghiệp của tiền nhân, những hậu duệ đời sau của Bà Trà cũng trở thành những bậc thầy danh tiếng, như thầy Hai Át, thầy Ba Giá, cô Năm Vuông (con gái của thầy Hai Át)... một thời làm rạng danh xứ võ Tân Khánh. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, làng võ Tân Khánh - Bà Trà đã có biết bao thanh niên võ dũng tiếp bước lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Đến thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta, sau khi ổn định bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành khai thác vùng đất đỏ màu mỡ ở miền Đông Nam Bộ để trồng cây cao su. Cũng từ đó, phần lớn nông dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung bị ép buộc của bọn tư bản Pháp đã ký hợp đồng dài hạn vào làm phu cho chủ đồn điền trên vùng đất này. Sự có mặt của đội ngũ công nhân cao su ở miền Đông Nam Bộ, trong đó có Thủ Dầu Một, Tân Uyên... dần dần đã biến những vùng đất hoang vắng trở thành những xóm làng trên vùng đất mới.

Trong giai đoạn đầu thời Mỹ - nguy, việc bố trí dân cư ở miền Đông Nam Bộ nói chung được Mỹ và tay sai coi là vấn đề chiến lược nhằm tạo một cơ sở chính trị hạ tầng làm hành

lang bao vây các căn cứ kháng chiến của ta. Âm mưu đó của địch được thể hiện qua việc lừa phỉnh đồng bào theo đạo Thiên Chúa ở miền Bắc rồi bỏ quê hương đến định cư ở những vùng xung yếu theo ý đồ quân sự của chúng. Nhưng đồng bào ta vẫn luôn là những người dân lương thiện thờ Chúa, ủng hộ kháng chiến.

3. Văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo

Từ cuối thế kỷ XIX, người Pháp đã phát hiện những hiện vật khảo cổ trên các bãi bồi dọc theo sông Đồng Nai thuộc huyện Tân Uyên. Tại các di chỉ khảo cổ được khai quật tại Vườn Dũ, Gò Đá, cù lao Rùa, Dốc Chùa... thuộc huyện Tân Uyên, các nhà khoa học đã phát hiện ra các hiện vật từ thời kỳ đồ đá mới đến thời kỳ đồ đồng. Vùng đất Tân Uyên ngày nay đã từng là địa bàn sinh tụ của tộc người Anghônêdiên cổ đại - tổ tiên của người X'Tiêng, Chơ Ro, Châu Mạ, Mơ Nông ngày nay. Từ đó, các nhóm dân tộc bản địa: X'Tiêng, M'Nông, Châu Ro, Châu Mạ... từng bước được hình thành, quy tụ khai phá đất đai cùng sinh sống.

Cũng như các vùng trong tỉnh, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân người Việt ở Tân Uyên phần đông được hình thành trên cơ sở các tập tục truyền thống làng xã của miền Trung và miền Bắc Việt Nam, mà trực tiếp là mô hình thôn làng Thuận Quảng được các nhóm lưu dân người Việt mang theo vào vùng đất mới, như lễ hội đình, lễ hội miếu, lễ hội võ, lễ hội tổ nghề, lễ hội chùa Phật... Các hình thức lễ hội có nguồn gốc xuất phát từ các nhóm dân cư vùng ngoài đến quy tụ, sinh cơ lập nghiệp ở Tân Uyên. Hàng năm, mỗi đình làng đều tổ chức nhiều ngày lễ như: ngày đưa thần là ngày 25-12, ngày rước thần là ngày 30-12, Nguyên đán ngày 1 tháng Giêng, Đoan Ngọ ngày 5-5, Khai Sơn ngày 7-7... Các ngày lễ

mang tính dân gian như lễ cúng Miếu, cầu an, tấn phong. Nhưng quan trọng nhất là lễ Kỳ yên, theo tập tục xưa được phân ra hai kỳ lễ: lễ Hạ điền và lễ Thượng điền.

Lễ Hạ điền được tổ chức vào đầu mùa mưa và thường 3 năm mới có lệ lấy ngày Hạ điền làm ngày lễ Kỳ yên. Lễ Thượng điền tổ chức vào cuối mùa mưa, gọi là Thượng điền chạp miếu. Nhiều địa phương ở Bình Dương thường không tổ chức lễ Thượng điền vào những ngày cuối năm mà lại theo điển lễ “thu tế”, tổ chức lễ cầu bông (còn gọi là cầu hoa, kỳ huê) vào khoảng giữa tháng 8. Nói chung, các đình trong tỉnh Bình Dương mỗi năm đều có một lễ lớn và một lễ phụ.

Lễ Kỳ yên có nghĩa là cầu an, có nơi gọi là vía Thành hoàng, vía Ông. Có nơi chọn tháng giêng, tháng hai, giữ nghĩa “xuân kỳ”, nghĩa là mùa xuân làm lễ cầu thần. Hoặc tháng 8, tháng 9, giữ nghĩa “thu báo”, tức là mùa thu làm lễ báo đáp sau khi gặt hái xong xuôi. Hoặc dùng 3 tháng mùa đông, giữ nghĩa trọn năm đã thành công nên tế “chương” tế “lạp” tạ ơn thần (gọi là chạp miếu). Như vậy lễ Kỳ yên hay lễ cầu bông đều nhằm mục đích cầu “phong điều vũ thuận”, mùa màng bội thu, quốc thái dân an, làng xóm yên vui, dân giàu nước mạnh.

Về tôn giáo, tín ngưỡng: Đa số người dân Tân Uyên theo phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên, tôn thờ những vị thần có công khai phá lập làng xã, có công với đất nước (như đình thần). Bên cạnh đó, đạo Phật cũng được truyền bá vào Tân Uyên khi những lớp cư dân đầu tiên từ miền Bắc đến định cư ở vùng đất này. Hầu hết những người theo đạo Phật đều có lòng yêu nước, tham gia kháng chiến, ủng hộ cách mạng.

Trong hai năm 1954 - 1955, Mỹ - ngụy đã cưỡng bức hơn 150 ngàn đồng bào theo đạo Thiên Chúa từ miền Bắc vào, bố trí dọc theo lộ số 1, 15, 20 cửa ngõ Sài Gòn và ngoại vi

Chiến khu Đ. Ngay trong căn cứ, chính quyền Ngô Đình Diệm bố trí gần một vạn đồng bào Thiên Chúa giáo di cư thành lập xã Thái Hưng (hầu hết là đồng bào tỉnh Thái Bình và Hưng Yên nên đặt tên là xã Thái Hưng) nằm trong ruột Chiến khu Đ - thuộc xã Lạc An, huyện Tân Uyên. Hàng loạt dinh điền được địch lập lên ở Khánh Vân, Sinh, Bà Đã, Váng Hương, Bàu Cá Trê, Nước Vàng... Tuyệt đại đa số đồng bào theo đạo Thiên Chúa, Tin Lành tại chỗ và từ miền Bắc di cư vào đều là những người lao động, mang truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam, một lòng kính Chúa, yêu nước, sống phúc âm trong lòng dân tộc, không sa vào âm mưu, cạm bẫy của kẻ thù chống lại Tổ quốc.

Suốt hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, kẻ thù luôn tìm mọi cách lợi dụng, chia rẽ dân tộc, tôn giáo nhằm chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Nhưng với chính sách đại đoàn kết dân tộc và tự do tín ngưỡng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tuyệt đại bộ phận tín đồ các tôn giáo trong tỉnh đều đứng về phía cách mạng, cùng toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Phần đông cư dân Tân Uyên, bất kể xuất phát từ đâu tới đều là người lao động nghèo khổ, cùng cảnh ngộ, bị vua quan phong kiến, thực dân áp bức, bóc lột. Trải qua nhiều thế hệ nối tiếp nhau, do nhu cầu tồn tại, làm chủ thiên nhiên và đấu tranh chống ngoại xâm đã gắn bó họ thành một khối có tinh thần yêu thương, đùm bọc và đoàn kết. Trên cơ sở lưu giữ phần cốt lõi tính cách dân tộc, quá trình đấu tranh để tồn tại và phát triển trong điều kiện lịch sử mới đã góp phần định hình tính cách của người dân nơi đây. Đó là tinh thần yêu quê hương, đất nước thiết tha, là ý chí bất khuất, là tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường, là phẩm chất tự lực tự cường, cần cù lao

động, là tinh thần tương thân, tương ái, không sợ gian khổ hy sinh, chung sức chung lòng chống kẻ thù xâm lược.

3. Truyền thống yêu nước của nhân dân Tân Uyên trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập

Ngày 27-6-1858, thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Ngày 17-2-1859, chúng đánh chiếm Gia Định, ngày 25-2-1861 đánh chiếm đồn Kỳ Hòa và chiếm xong thành Gia Định ngày 28-2-1861. Sau khi chiếm được Sài Gòn, sáng 18-12-1861 quân Pháp bất ngờ tấn công ly sở Biên Hòa và cùng ngày, quân Pháp dùng tàu chiến ngược dòng sông Đồng Nai tiến đánh chiếm chợ Đồng Ván (Tân Ba) và chợ Thủ Đôn Sứ (Uyên Hưng). Trong lúc quân triều đình mỗi nơi chạy trốn một hướng thì nghĩa quân theo phái chủ chiến ở Tân Uyên do Thân Văn Nhiếp đứng đầu vẫn kiên quyết đánh địch. Nhiều thanh niên vùng Tân Uyên gia nhập đội quân của Thân Văn Nhiếp, Lê Quang Tiến chống giặc. Đông đảo nhân dân đã ủng hộ lương thực, thực phẩm nuôi quân đánh giặc và thực hiện “vườn không, nhà trống” tiếp tục cuộc kháng chiến.

Ngay sau khi quân Pháp đánh chiếm tỉnh Biên Hòa, tháng 12-1861, nhân dân Tân Uyên cùng lực lượng bán vũ trang yêu nước đã tập kích tỉnh lỵ Biên Hòa, gây nhiều thiệt hại cho địch, làm xôn xao dư luận khắp lục tỉnh. Năm 1870, khi nghĩa quân của Trương Quyền và nhà sư Pôchumpô từ Tây Ninh tấn công vào các đồn nhỏ của Pháp ở ven sông Thị Tính (nay thuộc huyện Bến Cát), Bình An và Tân Uyên, nhân dân nhiều làng ở đây đã hưởng ứng mạnh mẽ. Đồng bào đã ủng hộ lương thực, quà bánh, heo, gà và dẫn đường cho nghĩa quân. Nhiều thanh niên đã tham gia vào hàng ngũ kháng chiến...

Trên các vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số, các cuộc đấu tranh chống xâm lược diễn ra mạnh mẽ, những cuộc đấu tranh của thợ thủ công của các lò gốm ở Tân Uyên, Lái Thiêu... cũng làm cho bọn thực dân lo ngại. Cũng như các địa phương khác ở Nam Kỳ, từ năm 1916 phong trào hoạt động yêu nước dưới hình thức thành lập các hội kín, nhất là Thiên địa hội phát triển rất mạnh ở Tân Uyên. Ngoài ra, ở các nơi như vùng Tân Bình - Mỹ Bình còn có các hội như Hội đá banh, Hội cấy, Hội cạo mũ. Vùng các xã ven sông Đồng Nai có Hội người già, Hội đua ghe.

Tại Tân Uyên và Vĩnh Cửu, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Trong lúc này, Chiến tranh thế giới thứ nhất đang diễn ra quyết liệt. Thực dân Pháp ra sức bóc lột, vơ vét bằng sưu thuế nặng nề để trang trải chiến phí và tăng cường bắt thanh niên Việt Nam đi lính để “hy sinh cho mẫu quốc” Pháp. Trại do các nhân vật yêu nước tinh thông võ nghệ như: Năm Hy, Tư Hồ, Ba Hầu, Hai Lựu, Bảy Đen, Ba Vạn, Hai Cầm... thành lập. Trại tổ chức luyện tập võ nghệ, trại viên được trang bị vũ khí thô sơ như gậy, dao, gươm và một ít súng điều thương.

Trại đã được nhân dân Tân Uyên, Vĩnh Cửu ủng hộ giúp đỡ lương thực. Hoạt động của trại Lâm Trung bí mật, các đội viên liên lạc với nhau bằng mật hiệu, chỉ có người trong cuộc mới nhận biết được.

Đầu năm 1916, trại Lâm Trung đề ra kế hoạch hoạt động với hai mục tiêu:

- Tiến đánh thành Săng Đá để tiêu diệt quân Pháp.
- Tiến đánh khám đường Biên Hòa, giải thoát những người yêu nước và thanh niên bị Pháp bắt đi lính.

Đêm 12 tháng Giêng năm Bính Thìn (nhằm đêm 16-2-1916), trại phát động tấn công. Trong đêm, trống mõ trong các làng đồng loạt nổi lên, thúc giục trại viên xuống đường tiến công các mục tiêu: Nhà làng Tân Trạch, Tập Lương, Tân Khánh, Bến Cát... Một số thanh niên đã được giải thoát.

Các ông Mười Sót, Mười Tiết chỉ huy mũi tiến đánh khám Biên Hòa. Tuy địch có bất ngờ, nhưng vì vũ khí của ta thô sơ, địch lại được lính từ thành Săng Đá tiếp viện nên việc không thành. Hai ông Mười Sót, Mười Tiết bị bắt sống, các trại viên còn lại chạy thoát. Một số phạm nhân bên trong nhân cơ hội nổi dậy phá khám chạy thoát được.

Giặc Pháp ở Biên Hòa đã tổ chức lùng sục vào các làng tìm bắt các lãnh tụ trại Lâm Trung. Chúng dùng cả thủ đoạn bắt cha, mẹ, vợ, con các vị để buộc các ông phải ra hàng. Do có bọn tay sai chỉ điểm, tháng 3-1916, các ông lãnh đạo trại Lâm Trung như Năm Hy, Hai Lựu, Lào, Lọt, Hai Sở, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh, Ba Hầu... đã bị giặc Pháp bắt.

Khoảng tháng 6-1916, thực dân Pháp đã xử bắn 9 người lãnh đạo trại Lâm Trung tại ngã ba Dốc Sỏi trước sự chứng kiến của hàng trăm bà con xung quanh vùng. Thực dân Pháp đưa thi thể 9 lãnh tụ của trại Lâm Trung chôn chung một nấm mồ tại “Cây gõ cụt” cách nơi hành hình khoảng 50m. Năm 1918, nhân dân đã xây dựng một miếu thờ dưới gốc đa ở ngã ba Dốc Sỏi, hàng ngày nhang khói để cầu siêu và tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông. Đến năm 1920, ngôi miếu chuyển về phía đông và được xây cất lại thành ngôi chùa với tên “Bửu Hưng Tự”.

Mặc dù trại Lâm Trung chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng những con em của nông dân có nghĩa khí cao cả trước kẻ thù xâm lược, có lòng thương yêu đùm bọc lẫn nhau,

những hành động yêu nước chống xâm lược của họ đã để lại cho nhân dân trong vùng sự kính trọng và cảm phục sâu sắc.

PHẦN THỨ NHẤT
CÁC CHI BỘ ĐẢNG Ở TÂN UYÊN RA ĐÒI LÃNH
ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN
(1930-1945)

Chương I

CÁC HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TÂN UYÊN TỪ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1935

I. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH TÂN UYÊN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

Trong những năm đầu thế kỷ XX, trên cơ sở những chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, trào lưu dân chủ tư sản từ phương Tây thông qua ảnh hưởng của Trung Quốc và Nhật Bản đã du nhập vào nước ta và được lực lượng sĩ phu cấp tiến hồ hởi đón nhận. Từ những năm 1904 - 1905, phong trào Đông Du do Phan Bội Châu tổ chức với mục đích vận động thanh niên sang Nhật học, qua đó nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ cho sự nghiệp yêu nước, giải phóng dân tộc đã được nhân dân Nam Kỳ hưởng ứng tích cực. Nhiều gia đình cho con em mình xuất dương du học, một số sĩ phu tự đứng ra mở cơ sở kinh doanh để tạo nguồn kinh phí ủng hộ cho du học sinh. Tiếp đó, ảnh hưởng của phong trào Duy Tân (Trung Kỳ) và Đông Kinh Nghĩa Thục (Bắc Kỳ) với việc hô hào đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, chấn hưng thực nghiệp, mở trường dạy theo lối mới, cổ động dùng chữ Quốc ngữ... cũng tác động mạnh mẽ đến các địa phương ở Nam Kỳ, trong đó có Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Dấu ấn của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo trào lưu dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX đã tạo nên những sắc thái mới trong phong trào yêu nước chống Pháp ở Thủ Dầu Một, Tân Uyên, khác với các hoạt động vũ trang đơn thuần hồi cuối thế kỷ XIX.

Đến những năm 1910-1911, ở nhiều tỉnh Nam Kỳ bắt đầu hình thành các tổ chức (Hội kín) của nông dân với nhiều tên gọi khác nhau, như Thiên Địa hội, Nghĩa Hòa hội, Thí

Bình hội, Phục Hưng hội, Ái Quốc hội... Đến những năm 1914-1918, khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, phong trào Hội kín phát triển mạnh ở các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bến Tre, Châu Đốc. trong đó có Tân Uyên.

Mục tiêu ban đầu của phong trào Hội kín là tập hợp nông dân và dân nghèo đấu tranh chống lại cường hào ác bá trong làng, trong tổng, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, ngặt nghèo... Sau đó, Hội kín nêu thêm mục tiêu đấu tranh chống bắt lính, phản đối việc cướp đoạt, vơ vét của thực dân Pháp để phục vụ chiến tranh. Có lúc khẩu hiệu đấu tranh của phong trào Hội kín được nâng lên thành “phản Pháp phục Nam”. Về tổ chức, các Hội kín hoạt động độc lập, không có hệ thống chỉ huy chung, mỗi Hội kín đều có Hội chủ (còn gọi là ông chủ). Hội chia thành từng nhóm, mỗi nhóm khoảng vài chục người, gọi là “kèo” (giữa các kèo không được biết nhau, khi gặp nhau, hội viên phải dùng ngôn ngữ và ký hiệu do Hội chủ quy định).

Tuy nhiên, tất cả các Hội kín ở Nam Kỳ đều tôn Phan Xích Long (tức Phan Phát Sanh) làm “hoàng đế”. Tư tưởng chủ đạo của Hội kín Nam Kỳ là tư tưởng yêu nước và tương thân tương ái, đồng thời có pha trộn màu sắc của đạo Khổng, đạo Lão, đạo Phật và một số yếu tố dị đoan, thần bí. Hoạt động chủ yếu của Hội kín là tổ chức huấn luyện võ nghệ và vũ trang gây gộc, giáo mác cho hội viên, gặp cơ hội thuận tiện thì tấn công các trụ sở mộ lính, phá nhà giam, trừng trị bọn quan lại và hội tể gian ác, lấy của nhà giàu chia cho người nghèo...

Từ năm 1913 trở đi, các làng Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Tân Hòa, Uyên Hưng ở quận Tân Uyên cùng các làng Phú An, An Điền, An Tây, Mỹ Phước, Thanh Tuyền (quận Bến Cát); Tân

Khánh, Tân An, Trương Bình Hiệp, Phú Hòa, Phú Thọ, Phú Cường (quận Châu Thành); Tân Thới, An Thạnh, Bình Nhâm, Tân Bình, Bình An, Tân Đông Hiệp (nay thuộc các huyện Thuận An và Dĩ An)... đều có cơ sở Hội kín. Riêng cơ sở Hội kín ở làng Trương Bình Hiệp còn thu hút cả hội tề của làng tham gia, lấy miếu cô hồn làm nơi hội họp và kết nạp hội viên mới, lấy sân đình làm nơi luyện võ...

Năm 1926, một sự kiện có tiếng vang lớn trên toàn quốc đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước của nhân dân Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Tân Uyên nói riêng. Đó là đám tang cụ Phan Châu Trinh, tang lễ mang tầm vóc một quốc tang với sự tham gia của gần 15 vạn người dân Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh lân cận, bày tỏ lòng ngưỡng mộ và tiếc thương đối với nhà chí sĩ đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cứu nước. Đông đảo nhân dân thuộc các thành phần ở các quận Tân Uyên, Châu Thành, Bến Cát, Lái Thiêu... đã kéo nhau về Sài Gòn dự lễ tang bất chấp sự ngăn cản của nhà cầm quyền.

Đám tang và lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh với tinh thần “Truy điệu Tây Hồ Nhật - Hoán tỉnh quốc dân hồn” trở thành cuộc biểu dương hùng hậu của phong trào yêu nước, tiếp tục thúc đẩy các hoạt động chống Pháp ở Thủ Dầu Một, Tân Uyên...

Đến những năm 20 của thế kỷ XX, đội ngũ công nhân ở miền Đông Nam Bộ nói chung, cũng như ở Thủ Dầu Một và Biên Hòa ra đời tuy chưa được bao lâu nhưng đã không ngừng đấu tranh cho quyền lợi thiết thân hàng ngày cũng như quyền lợi giai cấp bằng nhiều hình thức, từ thấp đến cao, trong đó nổi bật là tinh thần đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su. Đến năm 1930, đội ngũ công nhân cao su của tỉnh Thủ Dầu Một cùng các quận Bà Rá, Tân Uyên ước tính có khoảng 3 vạn

người, bao gồm nhiều loại hình nghề nghiệp như nhân viên kỹ thuật giống, thợ cạo mũ, thợ chế biến mũ, thợ cơ khí... Ngoài ra còn có đội ngũ công nhân và thợ thủ công làm việc tại các lò lu, lò chén, lò đường, trại cưa... Đây là lực lượng tạo nên sức mạnh đáng kể đối với bọn tư bản thực dân xâm lược.

Những cuộc đấu tranh của công nhân có tiếng vang lớn ở miền Đông Nam Bộ trong những năm 20 của thế kỷ XX trước hết phải kể đến cuộc đấu tranh của 400 công nhân dệt ô xe lửa Dĩ An (tháng 4-1926). Công nhân đồng loạt bãi công trong hai ngày để đòi chủ nhà máy giải quyết chế độ làm việc 8 giờ/ngày và tăng lương từ 20-40%. Cuộc đấu tranh của 500 công nhân ở đồn điền cao su Cam Tiêm (Côn Quế) vào tháng 12-1926 đồng loạt phản đối sự lừa gạt của bọn mộ phu, phản đối chủ sở không thực hiện những điều cam kết trong bản giao kèo. Hoặc trong tháng 8 và tháng 9-1927, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng nhiều lần nổi dậy đấu tranh đòi các quyền lợi kinh tế, nổi dậy giết tên sếp Môngtéc-lô (Monterlo) và lùng bắt, cảnh cáo một tên cai, xu, sếp gian ác ở phân sở...

Như vậy, vào những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước ở Tân Uyên đã chịu tác động và ảnh hưởng khá sâu sắc bởi các hoạt động yêu nước và phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân các vùng lân cận. Thậm chí đã có không ít người tại địa phương đã trực tiếp tham gia các hoạt động yêu nước và phong trào đấu tranh trong đội ngũ công nhân cao su. Đó là những yếu tố rất quan trọng tạo nên sức bật mới về chất đối với phong trào đấu tranh cách mạng ở Tân Uyên trong những chặng đường tiếp theo.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TÂN UYÊN ĐI DẦN VÀO QUỸ ĐẠO CÁCH MẠNG VÔ SẢN (1930 - 1935)

Giữa lúc dân tộc Việt Nam đang chìm trong đêm dài nô lệ, khủng hoảng về con đường cứu nước thì Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy con đường cứu nước - con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước. Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và nhân dân ở nước ta. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước, lập ra Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhằm đào tạo cán bộ, tổ chức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và quần chúng nhân dân trong nước.

Từ năm 1928-1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đề ra chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên của mình vào các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy... từ đó phong trào công nhân, phong trào cách mạng trong nước có những bước phát triển mới. Nhiều tổ chức cơ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được hình thành, giữ vai trò tổ chức tuyên truyền, lãnh đạo phong trào cách mạng ở các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền. Do vậy, phong trào yêu nước và đấu tranh trên cả nước có những chuyển biến mới. Các cuộc đấu tranh có liên hệ chặt chẽ với nhau và phát triển rộng khắp, có tính chất toàn quốc. Cùng với phong trào đấu tranh của công nhân, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân cũng diễn ra sôi nổi chống lại bọn cường hào cướp đoạt ruộng đất, đòi giảm sưu thuế, học sinh bãi khóa, tiểu thương, tiểu chủ chống thuế...

Từ cuối năm 1929 đầu năm 1930, ở nước ta lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929), An Nam Cộng sản Đảng (9-1929) và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (1-1930). Ba tổ chức cộng sản lần lượt ra

đời ở ba miền đất nước đã ảnh hưởng trực tiếp tới những người tiên tiến trong tổ chức thanh niên, mở ra một cao trào thành lập các chi bộ cộng sản ở các tỉnh.

Sau một thời gian tuyên truyền, giác ngộ, xây dựng cơ sở, tháng 10-1929, tại đồn điền cao su Phú Riềng (Biên Hòa) chi bộ cộng sản đã được thành lập do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (Nguyễn Văn Vĩnh) làm Bí thư. Đến tháng 1-1930, chi bộ dự bị đặc biệt được thành lập tại đèo ô xe lửa Dĩ An thuộc tỉnh Gia Định, gồm 2 đảng viên do đồng chí Nguyễn Đức Thiệu làm Bí thư.

Tháng 8-1930, chi bộ cộng sản xã Bình Nhâm thuộc tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập, gồm các đồng chí:

- Ba Phèn (thầy thuốc Ba Phèn): Bí thư chi bộ;
- Hồ Văn Công (Hai Công);
- Nguyễn Văn Tiết (Sáu Tiết);
- Nguyễn Văn Lộng (Tự Chùa);
- Đinh Văn Sáng (Tám Sáng).

Sau khi thành lập, chi bộ xã Bình Nhâm hoạt động trên một địa bàn khá rộng. Ngoài vùng Lái Thiêu, chi bộ còn hoạt động trên địa bàn một số xã lân cận, trong đó có Tân Phước Khánh.

Từ khi phong trào cách mạng có sự hướng dẫn, vận động, tổ chức của các đảng viên cộng sản, cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân nhiều nơi đã diễn ra với quy mô và tính chất khác hẳn so với thời gian trước.

Tại Lái Thiêu, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Bình Nhâm, những tháng cuối năm 1930, nhân dân đã bốn lần tổ chức mítting, biểu tình, đưa đơn kiến nghị lên Ban hội tề xã. Số

lượng quân chúng tham gia đấu tranh không chỉ bó hẹp trong xã mà còn mở rộng ra các xã Tân Khánh, Thuận Giao...

Cũng trong khoảng thời gian này, ở một số nơi lân cận như đê ô xe lửa Dĩ An, tuy không có sự chỉ đạo của đảng viên cộng sản, một số cốt cán công hội vẫn tự động rải truyền đơn “ủng hộ chính quyền Liên bang Xôviết”. Tại thị trấn Uyên Hưng, quận Tân Uyên, một số quần chúng được các đồng chí ở quận Củ Chi (Gia Định) hướng dẫn cũng tiến hành rải truyền đơn, treo cờ Đảng ở chợ.

Đầu năm 1930, lần đầu tiên lính Pháp dùng tàu theo đường sông Đồng Nai để đến Tân Uyên. Khi tàu Tây đi ngang sông lớn thuộc xã Mỹ Quới, đã có người dùng súng tự chế tạo phục kích tại bìa sông để bắn tàu Tây. Phát súng bắn ra không làm thiệt hại gì cho tàu nhưng đã gây được tiếng vang trên đất Biên Hòa - Thủ Dầu Một rằng “tại Cù lao Mỹ Quới đã có lực lượng vũ trang chống lại giặc Pháp và bọn tay sai”.

Sau sự kiện này, quân Pháp tổ chức trận càn để truy lùng, tiêu diệt lực lượng chống đối. Chúng đi càn nhưng không gặp lực lượng nào chống trả nên buộc phải rút quân về Biên Hòa. Từ đó về sau, khi đi trên sông chúng rất cảnh giác và thường càn quét hai bên bờ sông trên đường đi đến Tân Hòa - Tân Tịch.

Cũng trong năm 1930, lợi dụng thời cơ giặc Pháp chưa đóng bót tại Cù lao, lực lượng tề ngụy còn yếu, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa là cán bộ quận về Mỹ Quới hoạt động đã thăm dò trong nhân dân, sau đó tiếp cận, hướng dẫn ông Tư Lũy, ông Hai Tiến tham gia cách mạng. Được đồng chí Nghĩa giác ngộ cách mạng, hai ông đã tập hợp những người yêu nước tại Cù lao, hình thành một lực lượng đấu tranh có mục đích, phương hướng rõ ràng.

Trong những cuộc đấu tranh diễn ra vào đầu năm 1930, chúng ta không thể không nói đến sự kiện tiêu biểu “Phú Riềng đỏ”:

Đúng vào ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương 3-2-1930 (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã tiến hành cuộc đấu tranh với quy mô chưa từng có. Lần đầu tiên cờ đỏ búa liềm xuất hiện. Xích vệ đội ra đời, có những nữ đội viên Xích vệ đội tay cầm dao, búa xông lên cướp súng địch, đốt thẻ giao kèo. Bọn địch đến đàn áp hoảng sợ chạy tán loạn. Cai xu giờ tay đầu hàng. Chủ Tây run rẩy nhận tại chỗ mọi yêu sách của công nhân. Đây là phát pháo hiệu đầu tiên của công nhân trên địa bàn Chiến khu Đ nói riêng và Nam Kỳ nói chung, mở đầu những cuộc đấu tranh chính trị có kết hợp bán vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây cũng là cuộc đấu tranh lớn nhất trong số các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lúc bấy giờ, tạo được tiếng vang lớn trong cả nước.

Sự kiện “Phú Riềng đỏ” lan nhanh đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ. Ở Tân Uyên, nông dân vùng Tân Khánh, Uyên Hưng, Mỹ Quới lập thành đoàn đưa đơn kiến nghị chính quyền giảm sưu thuế nhưng không được chấp thuận.

Trước sự phát triển của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo trong những tháng đầu năm 1930, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố đàn áp khốc liệt. Chúng thẳng tay tàn sát những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước. Từ tháng 10-1930, nhiều lực cơ sở đảng ở Nam Kỳ bị phá vỡ, nhiều đảng

viên ưu tú bị giặc giết hại, tù đày. Tháng 5-1931, đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư của Đảng và nhiều đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương lần lượt rơi vào tay giặc. Phong trào cách mạng trong cả nước nói chung bước vào giai đoạn tạm lắng xuống và bắt đầu từ năm 1932 mới phục hồi trở lại.

Ở Biên Hòa, sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch lùng bắt, năm 1933 đồng chí Lưu Văn Việt (Tu Chà) trở về quê hương (thuộc quận Châu Thành) tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Đồng chí đã tuyên truyền, giác ngộ và kết nạp một số thanh niên ưu tú vào Đảng như đồng chí Huỳnh Văn Phan, Lưu Văn Văn...

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vũ) quê ở Tiền Giang được Liên tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí xin vào làm thợ ở nhà máy cơ khí Trường Tiền (tỉnh lỵ Biên Hòa). Từ đây, đồng chí đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò, liên lạc với nhóm cơ sở đảng do đồng chí Lưu Văn Việt tổ chức, xây dựng từ trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng, lấy tên là Chi bộ Bình Phước - Tân Triều (vì phần lớn đảng viên quê ở hai xã này). Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, Huỳnh Văn Phan làm Phó Bí thư. Các đảng viên gồm: Lưu Văn Việt, Lưu Văn Văn, Quách Sanh, Trần Minh Triết... Sau đó, một số thanh niên ưu tú được tiếp tục nạp Đảng như các đồng chí Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy.

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước - Tân Triều và các cơ sở của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng tỉnh

Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên được thành lập trên địa bàn tỉnh Biên Hòa (Đồng Nai ngày nay).

Cũng trong khoảng thời gian từ năm 1932 đến năm 1935, cùng với các cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre..., phong trào đấu tranh ở Thủ Dầu Một diễn ra khá rầm rộ. Có những cuộc đấu tranh diễn ra với quy mô lớn và gây tiếng vang không chỉ ở trong nước mà đã lan đến nước Pháp. Tiêu biểu như cuộc tổng bãi công của gần một vạn người trong 30 lò gốm ở Lái Thiêu diễn ra từ ngày 27-9 đến ngày 2-10-1935 tờ báo La Dépêche nhận xét: Đây là lần đầu tiên mà cuộc bãi công quan trọng như thế này đã xảy ra. Đó là dấu hiệu của thời buổi. E rằng nhiều chức nghiệp khác sẽ noi gương của công nhân lò gốm.

Chỉ trong hai năm 1934-1935, trên cả nước đã nổ ra 60 cuộc đấu tranh lớn của công nông, trong đó có Thủ Dầu Một. Cơ quan mật thám Pháp tại Đông Dương phải thú nhận rằng: Hoạt động của đại biểu công nhân là trung tâm thu hút mọi hoạt động chính trị ở Sài Gòn - Chợ Lớn và vùng ngoại ô. Họ đã trở thành cố vấn chính thức của giai cấp cần lao.

Các tổ chức cơ sở đảng ra đời ở Biên Hòa và Thủ Dầu Một cùng các cuộc đấu tranh ở Nam Bộ nói chung trong thời gian từ năm 1932 đến năm 1935 đã gây ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến phong trào yêu nước và phong trào đấu tranh ở Tân Uyên.

Tháng 3-1936, nông dân Khánh Vân, Bình Chánh, Tân Long, Thường Lang, Tân Tịch cùng các địa phương lân cận như Tân Khánh, Tân Hiệp, Bình Chuẩn bàn bạc cùng nhau thống nhất làm kiến nghị kéo lên tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa đấu tranh đòi giảm thuế môn bài, bỏ thuế thân và thuế nhà đất,

đòi được tự do đi lại làm ăn. Những người đấu tranh hô vang khẩu hiệu cùng những yêu sách đòi được giải quyết. Cuộc đấu tranh kéo dài, cuối cùng địch phải chấp nhận những yêu sách và hứa giải quyết.

Tin nông dân các vùng đấu tranh thắng lợi đã thổi bùng ngọn lửa vốn âm ỉ trong các tầng lớp nông dân và công nhân cao su. Từ đó, công nhân ở các cơ sở cao su phố Mua, Phú Hưng, Phước Hòa đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh như bao vây nhà chủ sở, tố cáo bọn cai, sếp đánh đập công nhân, hăm hiếp phụ nữ. Khác với mọi lần, chủ sở không dám cho lính đàn áp, đánh đập mà hứa sẽ giải quyết.

Nhìn chung, từ sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, sự hoạt động các tổ chức của Đảng ở các tỉnh, thành và phong trào đấu tranh cách mạng trên phạm vi cả nước có những chuyển biến mới cả về mặt nhận thức chính trị lẫn quy mô và hình thức đấu tranh. Đó là sự trưởng thành về mặt tổ chức lãnh đạo cách mạng của Đảng, là sự phát triển của phong trào cách mạng dưới sự dìu dắt của các tổ chức cơ sở đảng ở các địa phương. Từ đó, các cuộc đấu tranh dần dần đi vào quỹ đạo hoạt động vì mục tiêu, lý tưởng cao cả của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

Chương II

CÁC CHI BỘ ĐẢNG Ở TÂN UYÊN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. CÁC CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI Ở TÂN UYÊN LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 1936 – 1939

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 3-1935 về công tác phát triển Đảng, đồng thời nhằm đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, tháng 2-1936, Xứ ủy Nam Kỳ đã chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một. Đồng chí Trương Văn Nhâm (Xứ ủy viên) được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một đầu năm 1936 đánh dấu bước ngoặt quan trọng đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân trong tỉnh.

Đầu tháng 4-1936, chi bộ làng Tân Khánh ra đời gồm có 5 đảng viên, do đồng chí Hồ Văn Cống làm Bí thư Chi bộ. Sau khi được thành lập, được sự phân công của Tỉnh ủy, các đảng viên của chi bộ về Tân Hóa, Tân Long, Bình Chuẩn xây dựng cơ sở đảng và chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh của nông dân.

Tại Biên Hòa, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và củng cố kiện toàn tổ chức của tỉnh, giữa năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang - nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ từ năm 1933 - 1935 - được cử về Biên Hòa để vận động thành lập Ban Cán sự Đảng, xây dựng thêm một số chi bộ mới ở các quận và các đồn điền cao su trong tỉnh. Đồng chí thường đến các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Thường Lang, Tân Tịch vận động và xây dựng phong trào. Cũng trong thời gian này, đồng chí Tự ở

Phân liên chi Gia Định sang Tân Uyên tuyên truyền, gây dựng phong trào cách mạng ở các xã. Tại đây, đồng chí đã giác ngộ được một số quần chúng tích cực như Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ ở Mỹ Lộc; Trần Văn Quý người làng Tân Hòa... Một thời gian sau đó, các đồng chí Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Trần Văn Quý được kết nạp vào Đảng. Đến cuối năm 1936, tại khu vực chùa Gò Đá, chi bộ cộng sản xã Mỹ Lộc được thành lập, gồm các đồng chí: Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Huỳnh Liễn, Lê Văn Lành, Trần Văn Quý (Chín Quý), Ba Cờ, Hai Phiên, Ký. Đồng chí Lê Văn Tôn được đồng chí Trương Văn Bang, Bí thư Liên tỉnh ủy miền Đông chỉ định làm Bí thư chi bộ. Chi bộ xã Mỹ Lộc được thành lập có ý nghĩa quan trọng đối với Tân Uyên nói chung và nhân dân xã Lạc An, Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa nói riêng. Tại Lạc An, Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa các đảng viên trong Chi bộ Mỹ Lộc thường đến đây vận động cách mạng, tuyên truyền trong nhân dân địa phương. Qua đó, một số thanh niên hai xã Thường Lang, Tân Tịch như Năm Quyết, Hai Còi, Hai Tính, Ba Rê, Út Khích, Hai Đạo, Út Rỡ, Hai Thói, Ba Tôi, thầy Mão đã sớm được giác ngộ cách mạng, trở thành quần chúng tích cực của Đảng. Đến năm 1937, đồng chí Lê Văn Quyết (Năm Quyết) ở Tân Tịch và đồng chí Đoàn Văn Chon ở Thường Lang được kết nạp vào Đảng.

Tại Thủ Dầu Một, đến cuối năm 1936 công tác phát triển đảng ở các quận phía nam của tỉnh như Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu được đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Ngoài việc thành lập chi bộ mới ở Lò Chén làng Phú Cường, các chi bộ trước đây đã thành lập như Tân Khánh, Bình Nhâm, An Sơn, An Thạnh đều kết nạp thêm đảng viên mới.

Nhằm nâng cao về nhận thức chính trị, tư tưởng và nắm bắt tình hình thời cuộc cho đảng viên, Đảng bộ Thủ Dầu Một,

Biên Hòa ngoài việc duy trì hình thức hội họp bí mật đối với các chi bộ trực thuộc còn quan tâm thực hiện các hình thức sinh hoạt khác, tìm đọc các báo chí cách mạng, như tờ Giải phóng của Xứ ủy Nam Kỳ, tờ Dân quyền xuất bản công khai ở Sài Gòn và các báo chí tiến bộ như Đuốc Nhà Nam, tờ Tranh đấu.

Trước tình hình thế giới có những biến đổi quan trọng, tác động trực tiếp đến phong trào cách mạng Đông Dương cũng như ở Việt Nam, ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị lần thứ nhất tại Thượng Hải (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương trong thời kỳ này là phải đứng trong Mặt trận dân chủ và hòa bình thế giới chống chủ nghĩa phátxít và chống chiến tranh phátxít xâm lược. Hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu “đánh đổ đế quốc Pháp” và “tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”, chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (về sau đổi là Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương), tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ, đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phátxít và bọn phản động thuộc địa Pháp, giành quyền tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phátxít xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới. Về hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh, Trung ương Đảng chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng, kết hợp những hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp với những hoạt động bí mật để phát triển tổ chức đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, mở ra cho cách mạng Đông Dương một thời kỳ phát triển mới. Xứ ủy Nam Kỳ lúc bấy giờ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư đã tiếp thu Nghị quyết tháng 7-1936 và các nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng triển khai cho các tỉnh ủy thực hiện.

Chấp hành các nghị quyết của Trung ương Đảng và của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thực hiện chủ trương chuyên hình thức tổ chức không hợp pháp sang hình thức tổ chức công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tập hợp và hướng dẫn đông đảo quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, qua đó giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng như Công hội, Nông hội, Ủy ban hành động...

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, trong năm 1936 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh với hàng ngàn lượt công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo, công chức... tham gia, do các tổ chức Công hội và Nông hội tuyên truyền, vận động. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh nổ ra vào mùa xuân 1936 của nông dân trồng thuốc lá các làng Tân Khánh, Tân Hòa, Bình Chuẩn thuộc quận Châu Thành (nay thuộc một phần đất của huyện Tân Uyên và Thuận An) do đồng chí Hồ Văn Công và Chi bộ Tân Khánh lãnh đạo. Họ đã cùng nông dân tỉnh Gia Định và Chợ Lớn đấu tranh chống lại những thể lệ khắc nghiệt của chủ hãng thuốc lá ở Sài Gòn.

Lúc này, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước, người ở làng Uyên Hưng, quận Tân Uyên) người đảng viên đầu tiên của quận Tân Uyên đang công tác ở nhóm La Luytơ (La Lutte) ở Sài Gòn nhận được chỉ thị thành lập Ủy ban trừ bị Đông Dương. Đồng chí về Vĩnh Cửu và các làng thuộc quận Tân

Uyên gặp các đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Khoa, Phạm Văn Thuận... thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa, trụ sở đặt tại xã Bình Y, nay thuộc huyện Vĩnh Cửu. Mục đích của Ủy ban hành động là tập hợp dẫn nguyện, chuẩn bị cho Đông Dương Đại hội theo tinh thần chỉ đạo của Đảng.

Để tạo cơ sở dư luận cho việc thành lập Ủy ban hành động ở các xã, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã cho in hàng ngàn truyền đơn đem rải khắp nơi trong quận Tân Uyên và trong tỉnh Biên Hòa. Nội dung truyền đơn chủ yếu tuyên truyền thắng lợi của Mặt trận dân chủ Pháp và giải thích việc thành mục đích lập Đông Dương Đại hội. Truyền đơn cũng phổ biến mục đích của Đông Dương Đại hội là tập hợp lực lượng nhân dân đấu tranh đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận và đòi dân sinh, dân chủ, chống sưu cao, thuế nặng, đòi tăng lương, giảm giờ làm việc cho công nhân và kêu gọi các xã thành lập ban hành động để lấy kiến nghị của nhân dân gửi lên Đại hội.

Khắp vùng Tân Uyên, truyền đơn được chuyền tay nhau đọc, tạo ra không khí sôi nổi, phấn khởi chờ đón Ủy ban hành động ra đời.

7 giờ sáng ngày 19-8-1936, Ủy ban hành động được công bố, sớm nhất tỉnh Biên Hòa. Lúc bấy giờ có Ủy ban hành động của làng Uyên Hưng, sau đó là Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Tân Hòa, Tân Tịch.

Đầu tháng 9-1936, Ủy ban hành động của tỉnh Biên Hòa đã làm lễ ra mắt tại Gò Dê. Gần 1.000 người thuộc các xã của huyện Tân Uyên đi ghe, xuồng, có nhiều người lội qua sông sang dự mítting.

Lần đầu tiên nhân dân Tân Uyên được nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa thay mặt Ủy ban công khai tuyên truyền

chủ nghĩa cộng sản, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh để đòi chính quyền thực dân và bọn tay sai phải thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ; dân được tự do làm ăn, tự do hội họp, bỏ thuế thân, giảm thuế cho dân...

Tên cai tổng Võ Hà Đạm hay tin liền hùng hổ dẫn lính tới định đàn áp. Cuộc mítting biến thành cuộc biểu tình đả đảo cai tổng Đạm, đả đảo cường hào, chống sưu thuế... Trước sự phẫn nộ của mọi người, cai tổng và bọn lính mới tới đã phải lui thủ rút lui. Lần đầu tiên, nhân dân tập hợp trong tổ chức có sự lãnh đạo của Đảng và đã phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân áp đảo địch, góp phần củng cố niềm tin của dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Thành phần tham gia các Ủy ban hành động nói chung bao gồm nông dân, công nhân, thợ thủ công các lò đường, lò chén, thợ mộc, thợ hớt tóc, thợ may, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo... Họ phần lớn là những người trước đây từng tham gia các tổ chức Công hội, Nông hội, Hội Ái hữu, Hội Tương tế... Cũng có những người chưa vào các tổ chức yêu nước lần nào.

Trụ sở làm việc của các Ủy ban hành động thường đặt ở nhà dân với nhiều tên gọi khác nhau: Ban trị sự hành động, Ủy Ban lâm thời, Ủy ban hành động. Đây là tổ chức cơ sở của Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Các tổ chức cơ sở này có liên lạc với tổ chức Mặt trận cấp Xứ đóng tại Sài Gòn.

Cách sinh hoạt thông thường là hội họp, cao hơn là từng đoàn hoặc nhóm hội viên viết đơn “dân nguyện” đưa lên nhà cầm quyền xin bỏ các thứ thuế hiện hành như thuế thân, thuế nhà ngói, thuế thổ cư, thuế lò heo, thuế lò đường, thuế thợ hớt tóc... đòi không đấu giá đất công điền, bỏ quản thúc người tình nghi, thả tù chính trị, cho tự do hội họp, cho xuất dương...

Hầu hết hoạt động của các Ủy ban hành động đều có sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng hoặc đảng viên ở cơ sở. Tại vùng Tân Uyên có sự chỉ đạo của đồng chí Trương Văn Bang, vùng Dầu Tiếng có đồng chí Văn Công Khai, Nguyễn Văn Chiêu, hai quận Lái Thiêu và Châu Thành có các đồng chí Hồ Văn Cống, Trương Văn Nhâm... Sự lãnh đạo của những đảng viên đó thường biểu hiện dưới hình thức bí mật hoặc bán công khai. Do vậy, Ủy ban hành động ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một và ở Nam Bộ nói chung và Tân Uyên hoạt động rất sôi nổi.

Đứng trước sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào, bọn cầm quyền Pháp ở Đông Dương tỏ ra rất sợ hãi. Trong một cuộc họp của Nghị viện Pháp, Mutê (Moutet) - Bộ trưởng Thuộc địa - đã nói: “Nền tảng tổ chức xã hội ở Đông Dương là làng xóm với Ban Hội tề. Thành linh các chức việc làng thấy mọc lên 600 Ủy ban hành động nên họ khủng khiếp. Ta phải nhìn nhận rằng chính phủ đã sợ hãi”. Trong khi đó, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương cũng dùng mọi thủ đoạn để đối phó. Chúng đã cho mật thám trà trộn vào phá hoại cuộc họp thành lập Ủy ban trú bị ngày 13-8-1936 ở Sài Gòn. Rivoan, Thống đốc Nam Kỳ thông qua cho các chủ tỉnh, chủ quận một loại mẫu báo cáo in sẵn với 8 mục: ngày thành lập Ủy ban hành động; tên họ, tiểu sử, hạnh kiểm, thành phần xã hội những người tham gia; số lượng truyền đơn đã rải... Ngày 15-9, Mutê (Moutet) gửi cho Toàn quyền Đông Dương một bức điện yêu cầu tên này “ngăn chặn những sự bạo động hoặc xúi giục bạo động, phải dùng nhiều biện pháp mà luật pháp đã đề ra để giữ gìn trật tự”. Ngày 18-9, Toàn quyền Đông Dương ra lệnh cấm chỉ các Ủy ban hành động hoạt động. Trước sự đánh phá của địch, các Ủy ban hành động ở Nam Kỳ nói chung đã bị bắt, số còn lại cũng bị kiểm soát gắt gao.

Phong trào chuẩn bị cho Đông Dương Đại hội ở Tân Uyên cũng như ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa nói chung đã đem lại nhiều kết quả. Qua phong trào, công tác tổ chức và hướng dẫn quần chúng đấu tranh của các chi bộ và cán bộ, đảng viên bước đầu được tô luyện. Nhiều cuộc đấu tranh thực hiện được yêu sách thiết thực. Nhưng quan trọng hơn là qua phong trào, nhiều quần chúng ưu tú xuất hiện, các tổ chức cơ sở đảng được củng cố và phát triển. Đầu năm 1937, Chi bộ Mỹ Quới ở Tân Uyên được thành lập do đồng chí Tư Ngưu làm Bí thư.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập, đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư và các đồng chí Huỳnh Liễn, Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy.

Như vậy đến năm 1937, trên địa bàn quận Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa đã thành lập được 3 chi bộ cộng sản: Tân Hóa Khánh, Mỹ Lộc, Mỹ Quới. Trong số đảng viên của các chi bộ này có 3 đồng chí Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa và đồng chí Lê Văn Tôn thuộc Chi bộ xã Mỹ Lộc được Tỉnh ủy phân công lãnh đạo phong trào cách mạng ở quận Tân Uyên. Cơ sở đảng ở quận Tân Uyên được đánh giá là khá mạnh so với các quận thuộc miền Đông Nam Bộ thời điểm bấy giờ. Đây cũng là địa phương mà phong trào cách mạng luôn có sự tác động qua lại và liên quan với nhau giữa hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Trong đó công tác xây dựng và tổ chức cơ sở đảng ở Tân Uyên trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, chủ yếu vẫn chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Biên Hòa hoặc Đảng bộ Thủ Dầu Một. Đó là một yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng xuyên suốt và liên tục đối với phong trào cách mạng ở Tân Uyên.

Trước sự đấu tranh ngày càng mạnh mẽ của nhân dân ta và nhân dân Pháp, Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp cử phái viên Guýttxanh Gôđa (Justin Godart) thuộc Đảng cấp tiến của Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình kinh tế - xã hội ở Đông Dương. Nhân dịp này, Đảng ta chủ trương tổ chức quần chúng xuống đường biểu dương lực lượng với những khẩu hiệu đòi ân xá tù chính trị, bỏ thuế thân, tự do ngôn luận, tự do nghiệp đoàn...

Tại Sài Gòn, ngày 1-1-1937, chính quyền thuộc địa tổ chức đón tiếp Gôđa tại bến tàu Nhà Rồng. Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định huy động khoảng 20 ngàn lao động cũng đón tiếp Gôđa với những khẩu hiệu bằng chữ Việt và chữ Pháp: “Hoan nghênh Mặt trận bình dân Pháp”, “Đại xá chính trị phạm”, “Tự do nghiệp đoàn, Thi hành luật lao động”.

Tin tức thời sự, chính trị nóng bỏng ở Sài Gòn nhanh chóng lan truyền đến Thủ Dầu Một. Các quan chức địa phương có kế hoạch đón tiếp quan khách chính quốc. Nhân sự kiện này, cán bộ ta đã có kế hoạch vận động quần chúng đón tiếp đưa yêu sách lên phái viên của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp.

Khi Gôđa đến nhà việc làng Phú Cường (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân phường Phú Cường) có 200 người tụ tập để gặp phái viên. Ban đại diện đưa yêu sách nhờ Ban hội tề chuyển giao. Họ nêu các khẩu hiệu: “Hoan nghênh Mặt trận bình dân Pháp” và “tự do nghiệp đoàn”, còn bọn tay sai của tởrôtkit¹ thì hô tẩy chay Gôđa và gây rối.

¹ Tởrôtkit xuất phát từ nguồn gốc của nó là chủ nghĩa Tởrôttxki - trào lưu chính trị tư tưởng tiểu tư sản, thù địch với chủ nghĩa Mác-Lênin, che đậy bản chất cơ hội chủ nghĩa của nó bằng những lời lẽ tả khuynh. Chủ nghĩa Tởrôttxki ra đời đầu thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi và hoạt động của tên Tởrôttxki - một phần tử “tả khuynh” trong Đảng dân chủ - xã hội Nga. Bọn tởrôtkit chống lại học thuyết Mác - Lênin về cách mạng xã hội

Ở trụ sở làng Tân Khánh, khi Gôđa đến bằng xe hơi có lính bảo vệ, đã có hàng trăm nhà nông đón tiếp. Một lão thợ xắt thuốc (thái thuốc lá) thay mặt hàng trăm người trồng thuốc lá đưa đơn cho hương cả để trao lại phái viên. Nội dung gồm những điều: tự do trồng thuốc lá không phải xin phép nhà cầm quyền, đem bán chỉ nộp thuế một lần với giá 0,25 đồng 1kg, không phải nộp thuế cho chủ vựa (chủ kho hàng) và quan làng. Trong những người trực tiếp gặp Gôđa có đồng chí Hồ Văn Cống.

Những cuộc “đón tiếp” Gôđa nói trên thực chất là những cuộc biểu dương lực lượng quần chúng, là dịp để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, rèn luyện ý chí chiến đấu.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang diễn ra sôi nổi, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng tại xã Tân Thới Nhứt (Bà Điểm) trong hai ngày 13 và 14-3-1937. Hội nghị đã quyết định một số chủ trương về công tác vận động quần chúng và công tác xây dựng tổ chức đảng trong tình hình mới.

Về công tác vận động quần chúng, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: vận động rộng rãi quần chúng ủng hộ các cải cách, tiếp tục đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thân hằng ngày..., tìm cách ngăn ngừa hoặc hạn chế các hành động của bọn phátxít. Tổ chức các tầng lớp xã hội vào các hội công khai hợp pháp, không lấy tên “Công hội đỏ” hay “Nông hội đỏ” mà lấy tên Công hội và Nông hội, có thể lấy tên Hội ái hữu, Hội cúng tế bao gồm cả những lao động, cố, bản, trung nông.

chủ nghĩa, phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, bác bỏ chính sách liên minh công nông..., ủng hộ các thế lực đế quốc, phản động chống phá cách mạng thế giới.

Về công tác xây dựng tổ chức đảng, Nghị quyết nêu bật việc kết nạp vào Đảng phải chú ý những quần chúng tiên tiến, trẻ, công nhân, nữ lao động, dân tộc thiểu số, nhưng phải đủ điều kiện tiêu chuẩn đảng viên.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương mở rộng như một luồng gió mới tiếp thêm sinh khí cho phong trào cách mạng đang diễn ra sôi nổi ở Nam Bộ.

Vào đầu năm 1938, nguy cơ phátxít và chiến tranh đế quốc càng nổi rõ. Tình hình chính trị ở Pháp phát triển xấu, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương thẳng tay khủng bố phong trào cách mạng.

Trước tình hình đó, ngày 29 và 30-3-1938, tại xã Tân Thới Nhứt (Bà Điểm), Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu nghị mở rộng lần thứ tư, có các đồng chí Lê Hồng Phong, dự. Hội nghị đã phân tích chính sách cai trị của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương và thái độ của các đảng phái, đánh giá về công tác xây dựng Đảng và phong trào quần chúng. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương và coi đó là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị cũng đề ra phương pháp tổ chức quần chúng. Về xây dựng Đảng, Hội nghị quyết định phải củng cố cơ sở, nêu rõ việc chú trọng phát triển cơ sở đảng ở thành phố, đồn điền và các vùng kỹ nghệ tập trung, nêu ra những nguyên tắc để giải quyết mối quan hệ giữa công tác bí mật và công tác công khai. Hội nghị đã phê phán bệnh tả khuynh, cô độc, hẹp hòi cũng như những lệch lạc, hữu khuynh, coi thường bọn tởrốtkit và hợp tác vô nguyên tắc với bọn tởrốtkit.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5, Đảng ta phát động một phong trào đấu tranh sôi nổi trong phạm vi cả nước. Phong trào diễn ra công khai, sôi nổi chưa từng có so với nhiều năm trước đây ở Sài Gòn, Hà Nội. Trên địa bàn Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Dĩ An cũng hưởng ứng tích cực, sôi nổi nhất là ở đèo xe lửa Dĩ An.

Tại Dĩ An, nhân sự kiện một công nhân thợ nguội bị bọn gácđan đánh trọng thương, ngày 1-5-1938, Chi bộ Dĩ An đã phát động một cuộc biểu tình phản đối, có hàng trăm công nhân tham gia.

Cùng với Dĩ An, trong ngày Quốc tế Lao động 1-5, nhiều nơi ở Thủ Dầu Một đều tổ chức kỷ niệm với các hình thức khác nhau như sở Dầu Tiếng, đồn điền Thuận Lợi, các thị trấn Lái Thiêu và Tân Uyên, thị xã Thủ Dầu Một...

Cũng như trên toàn cõi Việt Nam, lễ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1938 ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa đã biến thành những cuộc biểu tình, đấu tranh, biểu dương sức mạnh đoàn kết của nhân dân lao động với quy mô lớn nhất trong thời kỳ vận động dân chủ.

Trong những năm 1936 – 1939, phong trào đấu tranh cách của nhân dân Biên Hòa, trong đó có Tân Uyên diễn ra sôi nổi và rộng khắp. Qua các cuộc đấu tranh, vai trò, vị trí của các tổ chức cơ sở đảng ngày càng được nâng cao. Bước đầu, các tổ chức đảng đã thành công trong việc tập hợp lực lượng tiềm tàng trong các tầng lớp nhân dân lao động. Đây là bước tập dượt quan trọng của lực lượng cách mạng trong quần chúng để dẫn dắt phong trào đấu tranh trong những giai đoạn tiếp theo phát triển mạnh mẽ, quyết liệt hơn.

II. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN TÂN UYÊN THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỲ VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1939

Đầu tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ban bố lệnh tổng động viên, ra sức bắt người, cướp của tại chỗ để cung cấp cho chiến tranh đế quốc của chúng, đồng thời ra tay đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo. Tại Sài Gòn, sau khi đã bắt đồng chí Hà Huy Tập (tháng 5-1938), chúng lại bắt đồng chí Lê Hồng Phong (tháng 6-1939). Nhiều đồng chí khác và quần chúng cảm tình của Đảng cùng lần lượt bị chúng bắt.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng đã kịp thời chỉ thị cho các cơ quan và cán bộ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải mau lẹ rút vào bí mật để tiến hành công tác, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng ở cả nông thôn và thành thị.

Tiếp đó, từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ sáu tại nhà ông Trần Văn Hy, ấp Tây Bắc Lân, xã Tân Thới Nhứt (Bà Điểm), huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Hội nghị nhấn mạnh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương, chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản động chia cho dân cày. Đề tập trung lực lượng đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai, Hội nghị chủ trương lập “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương”, trong đó lực lượng chính là công nhân và nông dân liên minh hoặc tập hợp giai cấp tư sản bản xứ và trung, tiểu địa chủ, dưới sự lãnh đạo

của giai cấp vô sản. Hội nghị vạch rõ chiến tranh đế quốc sẽ tạo ra thời cơ cho cuộc cách mạng ở Đông Dương bùng nổ, nhiệm vụ của Đảng là phải chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc bạo động giành chính quyền khi thời cơ đến.

Về các hình thức đấu tranh, Hội nghị nêu rõ cần được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ mới và chuẩn bị bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc, song phải hết sức tránh những cuộc tranh đấu non, tranh đấu không phương pháp, không chuẩn bị.

Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng đã đánh dấu một sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược, đánh giá một cách toàn diện vấn đề dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc, coi phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, đã giải quyết đúng những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng nhằm đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai. Hội nghị đã mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam.

Ở Biên Hòa, tên chánh tham biện tỉnh cũng ra hàng loạt nghị định cấm mọi hoạt động có tính chất chính trị mà chúng cho là có liên hệ với cộng sản. Và cả những tổ chức dân chủ của quần chúng như đại lý báo Dân Chúng, tổ đọc báo, Hội Ái hữu, Tương tế, v.v. cũng bị giải tán.

Đến cuối năm 1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng, bắt nhiều cán bộ của Đảng giam ở các nhà tù trong và ngoài tỉnh. Chúng đàn áp, bắt bớ cả những quần chúng tiên bộ, những người phụ trách quản trị các hội, đoàn ái hữu; tịch thu tiền bạc, tài sản của hội và gia đình họ, đe dọa quần chúng để tống tiền, gây hoang mang chia rẽ trong dân như bắt giam người này, thả người kia và buộc quần chúng phải nhận là bị cộng sản ép buộc.

Mặt khác, chúng tổ chức người chui vào các tôn giáo như Cao Đài, Thiên Chúa giáo... để lừa mị dân chúng, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng.

Ở khu vực miền núi, các đồn điền cao su, chúng mua chuộc, sử dụng lực lượng binh lính người dân tộc thiểu số và bọn mật thám đưa vào tận các buôn sóc, các phân sở rình rập, bắt bớ cán bộ cách mạng hoạt động tại đây.

Ngoài khám đường Biên Hòa đã có từ trước, địch còn lập ra các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài mà chúng gọi là “căng của những người lao động đặc biệt” để giam giữ những cán bộ, đảng viên cộng sản và những người yêu nước chống phátxít ở Nam Bộ.

Để phục vụ cho việc phòng thủ, vơ vét sức người, sức của cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc, thực dân Pháp thực hiện lệnh tổng động viên tuyển mộ lính, kéo dài thời hạn tại ngũ đối với những người đã mãn hạn, đồng thời tăng cường bắt nhân dân lao động xây dựng thêm đường sá, cầu cống, mở rộng sân bay Tân Phong, trường bắn Bình Ý, lập xưởng sửa chữa máy bay...

Địch tăng cường vơ vét, bóc lột bằng các hình thức dã man nhất. Tất cả các sắc thuế đều tăng, đặt ra nhiều loại thuế mới như “đảm phụ quốc phòng”, “quốc trái”... ra lệnh sung công, truy thu, trưng dụng các phương tiện vận tải hàng hóa của tư nhân nhằm thực hiện chính sách kinh tế thời chiến của chúng, làm cho đời sống của nhân dân ngày càng khó khăn.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam Kỳ về chuyển hướng công tác tổ chức và đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới, từ cuối năm 1939, Tỉnh ủy Biên Hòa đã có kế hoạch đưa các tổ chức, cán bộ hoạt động công khai vào bí mật, hoạt động dưới hình thức bán hợp pháp và bí

mật. Các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại... tạm lánh về các địa phương khác để tránh địch khủng bố, bắt bớ, tiếp tục hoạt động cách mạng, nhưng đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã bị địch bắt và đày lên cãng Bà Rá.

Các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời như Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết... rút vào hoạt động bí mật ở rừng Tân Uyên. Tại đây các đồng chí đã xây dựng được một đội vũ trang với 35 người do đồng chí Huỳnh Liễn chỉ huy. Lực lượng này chính là tiền thân của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

Tháng 7-1940, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị mở rộng tại xã Tân Lương tỉnh Mỹ Tho. Sau nhiều ngày thảo luận, Hội nghị đi đến nhất trí thông qua chủ trương, kế hoạch khởi nghĩa và thành lập ban quân sự các cấp. Hội nghị cũng đã bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư và cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc dự Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (tháng 11-1940) và xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa.

Tháng 9-1940. Xứ ủy tiếp tục mở Hội nghị tại xã Tân Xuân (Hóc Môn - Gia Định) để quyết định một số vấn đề về công tác trọng yếu, trao cho Thường vụ Xứ ủy quyền ra lệnh khởi nghĩa, quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Ngày 20-11-1940, lệnh khởi nghĩa được gửi đi các nơi quyết định toàn Xứ khởi nghĩa vào đêm 22-11-1940. Trong lúc đó, sau khi dự Hội nghị lần thứ bảy, đồng chí Phan Đăng Lưu mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa vừa về đến

Sài Gòn, thì lệnh khởi nghĩa của Thường vụ Xứ ủy đã xuống tận cơ sở không thể hoãn được nữa.

Ở Biên Hòa, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương, sôi nổi nhất là ở một số nơi thuộc Tân Uyên và Châu Thành. Các đồng chí trong Tỉnh ủy và một số đảng viên khác len lỏi về các quận, các xã chỉ đạo các chi bộ, các cơ sở cốt cán ở địa phương chuẩn bị lực lượng phát động quần chúng khởi nghĩa.

Nhân dân Tân Uyên được tin sẽ khởi nghĩa vô cùng phấn khởi. Thanh niên nhiều nơi rủ nhau chuẩn bị khí giới. Khắp huyện chỗ nào cũng hùng hực khí thế chiến đấu tiêu diệt thực dân Pháp và bọn tay sai bán nước.

Quận Tân Uyên được Tỉnh ủy Biên Hòa chọn làm trọng điểm cho cuộc khởi nghĩa sắp tới. Theo sự chỉ đạo của Ban khởi nghĩa, các đồng chí Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ và hai chi bộ Mỹ Lộc, Mỹ Quới (Bạch Đằng) đã làm công tác chuẩn bị từ tháng 8-1940.

Phương án khởi nghĩa được xác định chủ yếu tại hai vùng: phía nam lấy thị trấn Uyên Hưng làm trọng điểm, phía bắc lấy làng Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An làm điểm hỗ trợ. Lực lượng nổi dậy bao gồm quần chúng Hội phản đế, Nông dân, Thanh niên và đội vũ trang khoảng 35 người với vài khẩu súng trường, súng săn, giáo mác, gậy tầm vông. Lực lượng này do đồng chí Huỳnh Liễn chỉ đạo và đồng chí Trần Văn Quý chỉ huy.

Sau khi nhận được lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, Ban chỉ đạo Tỉnh ủy Thủ Dầu Một khẩn trương chấp hành theo phương án đã định: Lấy quận Lái Thiêu làm trọng điểm, chọn làng Thuận Giao làm điểm mở đầu phát động cho các làng khác nối tiếp trong cuộc khởi nghĩa này.

Tại làng Tân Khánh, nhân dân chặt cây ngã xuống cản đường không cho xe địch vào làng. Ban đêm đội tự vệ đi lùng bắt bọn tề ác ôn. Tiếng tù và, tiếng mõ tre của dân đánh liên hồi để uy hiếp tinh thần binh lính địch, cổ vũ tinh thần chiến sĩ và đồng bào ta. Ban ngày, hàng đoàn nông dân trồng thuốc lá kéo đến trụ sở Ban hội tề đòi giảm thuế. Cuộc đấu tranh này đã kéo theo đồng bào ở các làng ở Tân Vĩnh Hiệp, Tân Long ... cùng tham gia đến mấy ngày sau mới chấm dứt.

Ngày 23-11-1940, địch đã ban hành lệnh giới nghiêm ở thị trấn Uyên Hưng. Số anh em binh lính tích cực hứa làm nội ứng để cùng quân khởi nghĩa cướp đồn đã bị cầm trại. Do đó, mũi binh vận không thành, đơn vị vũ trang rút lui để làm nhiệm vụ bảo vệ nổi dậy ở nông thôn. Khi đó đồng bào ở các làng Uyên Hưng, Mỹ Quới, Tân Ba, Thạnh Hội không kéo đến quận lỵ được.

Đặc điểm nổi dậy ở phía bắc Tân Uyên khác hơn phía nam. Nhiều gia đình nông dân, thanh niên các làng Mỹ Lộc, Tân Tịch, Tân Hòa, Thường Lang, Lạc An đêm đêm thổi tù và, đánh mõ tre, đánh trống uy hiếp bọn hội tề. Nhờ có vị trí hiểm trở của rừng và xa cách đồn lính quận, tỉnh, nên cuộc nổi dậy trọn ngày đêm. Đến ngày 24-11, theo lệnh của Tỉnh trưởng Biên Hòa, Quận trưởng Tân Uyên đã điều hàng trăm quân lính đi bằng xe quân sự đến vùng khởi nghĩa 5 làng và gây nợ máu đối với đồng bào ta.

Sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp thực hiện chính sách đàn áp tàn bạo đối với những người tham gia cuộc khởi nghĩa.

Tại Tân Uyên, chúng cho quân đội tàn sát 11 người ở cầu Ông Hựu, làng Tân Hòa. Ngoài ra, còn có 30 người ở các nơi khác trong huyện bị thương, bị giết, bị bắt đày ra Côn Đảo.

Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại vì nó nổ ra không đúng thời cơ, điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã nêu cao tinh thần quyết tâm chống đế quốc để giành độc lập, tự do, nêu cao khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cùng với các cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương, cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ đã gây ảnh hưởng rộng lớn, kích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào trong cả nước. Nó là cuộc tập dượt vô cùng anh dũng chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ cũng để lại những bài học xương máu về nắm thời cơ khởi nghĩa, về sự phối hợp đồng bộ giữa địa phương và cả nước, giữa thành phố Sài Gòn và các tỉnh, giữa phát động quần chúng nhân dân nổi dậy với vận động binh lính quay súng chống lại quân thù, về tinh thần cảnh giác cách mạng... Đó là những kinh nghiệm quý báu cho các giai đoạn cách mạng kế tiếp.

Trong thời gian này, tình hình thế giới có những chuyển biến nhanh chóng. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Pháp, chính phủ phản động thân phátxít lên cầm quyền. Giữa năm 1940, Pháp đầu hàng phátxít Đức. Ngày 22-9-1940 Nhật nhảy vào Đông Dương. Ngày 27-9-1941, thực dân Pháp chấp nhận cho Nhật đem quân chiếm đóng Nam Kỳ. Từ khi Nhật vào Đông Dương, nhân dân Việt Nam tiếp tục bị ách thống trị “một cổ hai tròng”, cuộc sống vô cùng cơ cực.

Vừa đặt chân đến Thủ Dầu Một, phátxít Nhật tiến hành ngay việc xây dựng các sân bay quân sự, các hệ thống hầm hào, đồn bót kiên cố... Bọn chúng đi đến đâu, đóng ở nơi nào thì ở đó diễn ra cảnh bắt bớ, giết chóc, hãm hiếp, cướp giết một cách trắng trợn. Tại một số xã thuộc quận Châu Thành, Xuân Lộc, Long Thành, chúng cưỡng bức nhân dân nhổ lúa để trồng đay; vơ vét, thu mua lương thực, thực phẩm với giá rẻ

mạt... Mặt khác, chúng còn bắt đồng bào ta hàng ngày phải đi đắp đường, đào hào giao thông, xây dựng kho tàng, sân bay quân sự. Hàng nghìn quần chúng lao động phải dầm mưa dãi nắng, ăn đói mặc rách phục dịch cho chúng dưới làn roi, báng súng, lưỡi lê thật vô cùng tàn nhẫn.

Sự bóc lột vợ vét của phátxít Nhật làm cho đời sống của nhân dân Biên Hòa càng thêm khốn đốn. Vải vóc không có, nhiều người dân phải lấy bao bố may quần áo; dầu lửa, diêm quẹt không có phải dùng đá đánh lửa. Mọi hàng hóa đều khan hiếm, không khí xã hội ngày càng đen tối, ngột ngạt.

Để lừa mị nhân dân, bọn Nhật ra sức tuyên truyền thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng văn đồng chủng”, lôi kéo một số công chức, một số lãnh tụ tôn giáo ở địa phương, nhất là nhiều chức sắc đạo Cao Đài (giáo phái Tây Ninh) làm tay sai cho chúng.

Để tranh giành ảnh hưởng với Nhật, bọn cầm quyền thực dân Pháp cũng tuyên truyền rùm beng thuyết “Cần lao - Gia đình - Tổ quốc”, “Pháp - Việt phục hưng”, “khỏe để phục sự”... đồng thời đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể dục - thể thao để hướng thanh niên vào con đường vui chơi, lãng quên nỗi nhục mất nước, làm suy giảm ý chí đấu tranh, tinh thần cách mạng của nhân dân ta.

Tại tỉnh Thủ Dầu Một, do sưu cao, thuế nặng gây ra tình trạng bán cùng hóa khiến người dân càng nghèo khổ. Theo bản phúc trình của Quận trưởng Châu Thành và Quận trưởng Lái Thiêu cho biết, nhiều đối tượng ở hạng bình dân chịu đựng thảm cảnh đói nghèo. Nhiều tiểu chủ, đại lý, thầu khoán đã phải bỏ cuộc làm ăn lớn, quay lại làm ăn nhỏ, có người bị phá sản. Thợ thủ công thất nghiệp do chủ thất thu, nộp thuế nặng nề. Nông dân nghèo ăn thiếu, mặc rách, có người phải mặc

quần bao bố (bao tải) vì không có tiền mua vải thô. Nếu năm 1938 mua một mét vải chỉ cần bán 7kg lúa thì mấy năm sau mua một mét vải phải bán tới 12kg lúa.

Khi đó bọn cầm quyền Pháp tận thu mua lúa dự trữ, sản xuất ra gạo đem bán ở thị trường đáp ứng nhu cầu của Nhật gây ra nạn thiếu đói trầm trọng trong nhân dân ta.

Hai tên kẻ cướp này tuy có nhiều mâu thuẫn với nhau, nhưng đều thống nhất một âm mưu thâm hiểm là tập trung lực lượng đánh phá phong trào cách mạng Việt Nam, giam hãm dân tộc ta trong vòng nô lệ.

Giữa lúc phong trào cách mạng ở Nam Kỳ cũng như ở trong nước gặp khó khăn thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5-1941, Người chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám họp tại rừng Khuổi Nậm ở vùng Pắc Bó thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Hội nghị đã phát triển và hoàn chỉnh các nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu và Hội nghị lần thứ bảy của Trung ương về vấn đề giải phóng dân tộc. Hội nghị xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, chủ trương lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng Minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, bao gồm các hội cứu nước của các tầng lớp nhân dân và áp dụng một sách lược hết sức mềm dẻo để phân hóa cao độ kẻ thù và tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được nhằm cứu nước, giải phóng dân tộc; khẳng định chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại; chủ trương đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng, chú trọng công tác vận động công nhân đi đôi với công tác vận động binh lính địch. Hội nghị còn nhận định, khi

thời cơ đến, “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”¹.

Cuối năm 1942, cuộc Chiến tranh thế giới có nhiều chuyển biến thuận lợi cho quân Đồng minh. Quân đội Xôviết giành nhiều thắng lợi và đang tiến hành phản công trên khắp các mặt trận. Ở Đông Dương, phátxít Nhật ngày càng lấn Pháp, nắm quyền kiểm soát hầu hết các đầu mối quân sự - kinh tế quan trọng.

Bọn thực dân Pháp ở thuộc địa phân hóa thành hai phái Phái Pêtanh (Pétain) đầu hàng phátxít Đức và phái Đờgôn (De Gaul) kháng chiến chống phátxít.

Những biến chuyển ấy đã có tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam nói chung và Biên Hòa nói riêng.

Tuy chưa bắt được liên lạc và sự chỉ đạo của cấp trên, nhưng một số đồng chí cán bộ, đảng viên mấy năm trước ẩn tránh ở các nơi lân lượt trở về địa phương tiếp tục hoạt động như Nguyễn Thị Lựu, Phạm Văn Thuận, Phạm Văn Khoái, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Nghĩa... Một số đồng chí ở các tỉnh khác mãn hạn tù cũng bị thực dân Pháp đưa về đây quản thúc. Mặc dù bị địch theo dõi, kìm chế, khủng bố gắt gao, nhưng các đồng chí vẫn tìm mọi cách liên lạc với nhau, hình thành các đầu mối để gây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Các đồng chí tập trung tuyên truyền thắng lợi của Đồng minh, nhất là của Liên Xô, vạch trần bộ mặt xâm lược tàn bạo của phátxít Nhật, vận động quần chúng chống lại việc bắt xâu, nộp thuế, vơ vét tài sản của giặc, từ đó khơi dậy ý thức độc lập dân tộc, tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.131-132

Đầu năm 1943, Ban cán sự miền Đông cử đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục) về quận Long Thành (Biên Hòa) hoạt động. Đến cuối năm 1944, đồng chí đã tổ chức Quận bộ Việt Minh đầu tiên của tỉnh ở quận Long Thành, xây dựng được mạng lưới cơ sở Việt Minh trong các đồn điền cao su, lập được Chi bộ Đảng ở sở Bình Sơn do đồng chí Vũ Hồng Phô (tức Vũ Khánh) làm Bí thư.

Từ giữa năm 1943, các đồng chí Phạm Văn Búng, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Khoái, Lê Thái, Hồ Văn Giàu, Nguyễn Văn Ký, Hồ Hòa, Huỳnh Văn Lũy, Hồ Văn Đại, Phạm Văn Thuận... mọc nối liên lạc với nhau, bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở một số địa phương thuộc Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành và ngay cả trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa như xã Bình Trước.

Cũng trong thời gian này, trên địa bàn Tân Uyên đã có sự hoạt động của Chi bộ Mỹ Lộc, Phước Hòa và nhóm đảng viên ở xã Mỹ Quới.

Tháng 8-1943, được sự đồng ý của đốc phủ Viễn ở quận Thủ Đức, tại khu vực suối Lò Ô đã khai mạc trại hè có hơn 300 học sinh, sinh viên, thầy cô giáo ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Gia Định... đến dự. Bác sĩ Đặng Văn Chung làm Trại trưởng, Trịnh Kim Ánh làm thành viên thuộc Hội sinh viên Sài Gòn đứng ra tổ chức phong trào xếp bút nghiên hướng về nguồn. Mục đích cắm trại là để “nuôi chí cả” thể hiện trong chương trình hoạt động tiến bộ và yêu nước: Hội thảo thời cuộc, thăm hỏi, chăm sóc đồng bào đau ốm, giải thích cho cô bác, thanh niên về sự thất bại của phátxít, về sự thắng lợi của Đồng minh và Hồng quân Liên Xô, trình diễn các ca kịch lịch sử, ca khúc thanh niên yêu nước, ca ngợi những chiến thắng của tổ tiên ta chống quân thù xâm lược... Những hoạt động của trại hè đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giáo chức và thanh niên, học sinh các địa phương.

Tại Thủ Dầu Một, tháng 11-1943, đồng chí Văn Công Khai được đại diện Liên tỉnh ủy miền Đông truyền đạt lại những nội dung chủ yếu của Hội nghị tái thành lập Xứ ủy Nam Kỳ tháng 10-1943. Trong những nội dung chủ yếu đó có nhận định về tình hình thế giới và trong nước cùng nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân Nam Kỳ là mau chóng phục hồi hệ thống Đảng trong giai đoạn lịch sử sắp tới, phát triển thực lực cách mạng theo chương trình Mặt trận Việt Minh để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Cuối năm 1943, đồng chí Dương Quang Đông, Thường vụ Xứ ủy gặp đồng chí Văn Công Khai tại nhà cơ sở mật gần chợ Thủ Dầu Một truyền đạt Nghị quyết Xứ ủy Nam Kỳ, chương trình Mặt trận Việt Minh và bàn biện pháp thực hiện. Trước đó, tài liệu quan trọng này cũng được các đồng chí Nguyễn Oanh, Nguyễn Văn Trán, Nguyễn Thị Huệ phổ biến cho các đồng chí Văn Công Khai, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Đò. Kể từ đây trở đi, Chương trình Việt Minh, Điều lệ và Tuyên ngôn của Việt Minh dần dần được thâm nhập vào Đảng bộ và quần chúng Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Dĩ An.

Đầu năm 1944, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một tổ chức một cuộc hội nghị bàn về những nhiệm vụ trong thời gian tới. Chủ trì Hội nghị là đồng chí Văn Công Khai, Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị đã bàn những biện pháp thực hiện nghị quyết của Xứ ủy và tổ chức các Hội cứu quốc trong nông dân, công nhân, thanh niên, phụ nữ.

Ở làng Phước Hòa (quận Tân Uyên), các ngày 10 và 12-1-1944 đã xảy ra một vụ tranh chấp giữa nông dân với Ban Hội tề và binh lính. Đồng bào xin hoãn đi làm xâu cho Pháp ở núi Bà Rá nhưng không được quan làng chấp nhận. Chúng cho quân lính bắt dân đi và xảy ra vụ xô xát. Địch đàn áp, gây thương tích 5 người và tài sản một số gia đình bị đập phá. Nhân lúc lòng dân căm phẫn, đồng chí Huỳnh Văn Một, Bí thư Chi bộ và các đảng viên vận động cuộc đấu tranh mới. Các cụ

già đưa người bị thương và thân nhân của họ đến trụ sở làng đòi nhà chức trách bồi thường. Kết quả, tên Hương cả Viên phải bồi thường tiền về các tài sản bị phá và thuốc trị bệnh cho người bị thương.

Những hoạt động của Chi bộ Mỹ Lộc thời gian này vẫn do đồng chí Trần Văn Quý phụ trách. Đồng chí cùng chi bộ đã trải 4 năm (1941-1944) bám rừng sâu để hoạt động vô cùng gian khổ và nguy hiểm. Giặc Pháp ra lệnh cấm dân tiếp tế cho đơn vị, bao vây và truy lùng vào tận căn cứ Hóc Bà Sầm. Giữa ta và địch đã nhiều lần nổ súng đánh nhau. Bọn Nhật cho tay sai đến tìm cách mua chuộc người chỉ huy theo chúng chống Pháp. Nhưng đồng chí Trần Văn Quý và các chiến sĩ đã trả lời bằng hành động đánh vào nhà tên tay sai của Nhật để cảnh cáo cả thầy và tớ. Ta thu được một khẩu súng săn và nhiều tiền. Số tiền thu được, các đồng chí dành một phần giúp dân nghèo theo cách mạng và số còn lại để phục vụ đơn vị tiếp tục chiến đấu.

Điểm đặc biệt trong phong trào quần chúng thời kỳ này là các hoạt động tuyên truyền yêu nước phát triển mạnh.

Từ tháng 7-1944 trở đi, ở nhiều nơi như thị xã Thủ Dầu Một, các thị trấn Bến Cát, Lái Thiêu, Tân Uyên và các làng nông thôn đẩy lên hoạt động của Hội truyền bá Quốc ngữ do một số giáo chức yêu nước tổ chức. Các Chi bộ Đảng một mặt ủng hộ mạnh mẽ hoạt động của Hội, một mặt nhân cơ hội này đẩy mạnh công tác vận động trí thức và các tầng lớp trung lưu khác tham gia chống lại âm mưu của Nhật, Pháp dùng văn hóa đồi trụy để trụy lạc hóa thanh niên.

Phong trào truyền bá Quốc ngữ còn phát triển đến những nơi có cơ sở Hội ở các vùng xa tỉnh lỵ như Tân Khánh (Lái Thiêu), Trường Canh Nông (thị trấn Bến Cát), Đồn điền cao su Hớn Quản (Lộc Ninh)... Tại những cơ sở đó có những cán bộ của Hội làm nòng cốt như y sĩ Hồ Văn Huệ, kỹ sư Lê

Văn Phong và Huỳnh Thị Lẫm, thanh niên Nguyễn Văn Bánh...

Hoạt động của Hội truyền bá Quốc ngữ ở Tân Uyên ngay từ đầu đã được xác định mục đích là giải quyết nạn mù chữ, giúp cho đồng bào nghèo đều biết đọc, biết viết tiếng Việt, mở rộng dân trí, phổ biến kiến thức phổ thông về vệ sinh, y tế, lịch sử, địa lý, nâng cao tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm và kêu gọi đồng bào tham gia công tác cứu quốc chuẩn bị khởi nghĩa. Đây còn là bài học kinh nghiệm thành công về công tác vận động tầng lớp trí thức trong thời gian này.

Giữa lúc phong trào yêu nước của nhân dân ta đang phát triển mạnh thì tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển hết sức quan trọng.

Trên thế giới từ năm 1944 đến đầu năm 1945, tại chiến trường châu Âu, quân đội Xôviết đã giành được thắng lợi quyết định bằng hàng loạt đòn phản công chiến lược, đưa chiến tranh đến cửa ngõ sào huyệt phátxít Đức. Giờ tận số của phátxít Đức đã điểm. Ở mặt trận châu Á và Thái Bình Dương, số phận của phátxít Nhật cũng đang lung lay tận gốc.

Ở trong nước, tháng 8-1944, theo chủ trương của Đảng, Tổng bộ Việt Minh kêu gọi và phát động phong trào “sấm vũ khí, đuổi thù chung”, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đồng thời phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở nông thôn và thành thị cũng dâng cao. Trên phạm vi cả nước, không khí cách mạng sục sôi khắp nơi.

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, quân Nhật ở vùng Thái Bình Dương bị quân Anh, Mỹ dồn dập tấn công. Ở Đông Dương, Pháp tính toán mở cuộc tấn công quân sự vào Nhật nhằm giành lại quyền cai trị Đông Dương trước khi quân Đồng minh thắng trận. Mưu toan này của Đờngôn được các chính phủ

Anh, Mỹ ủng hộ với những biện pháp cụ thể như cho máy bay thả người và vũ khí đạn dược tăng cường cho quân Pháp ở các đồn vùng biên giới Trung - Việt, Lào - và nội địa Việt Nam.

Đứng trước tình hình đó, để trừ mối hậu họa bị quân Pháp đánh vào sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào Đông Dương, Nhật buộc phải làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương. Đêm 9-3-1945, cuộc xung đột vũ trang giữa Nhật và Pháp đã nổ ra. Lúc 8 giờ, cả 10 vạn lính Nhật ở Đông Dương đã bất ngờ tấn công vào bộ máy chính quyền Pháp. Chưa đầy 2 giờ sau, phần lớn lực lượng vũ trang của Pháp đã bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh.

Từ lâu, Đảng ta đã dự đoán cuộc đảo chính Nhật - Pháp sẽ nổ ra: “Nhật sửa soạn truất quyền Pháp ngày một gấp”¹, “cả hai quân thù Nhật - Pháp... đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mà chết, quyết liệt cùng nhau”.² Do đó ngày 9-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng tại làng Đình Bảng để bàn biện pháp đối phó với tình hình một khi cuộc đảo chính xảy ra. Cuộc họp đang tiến hành thì được tin Nhật - Pháp đã bắn nhau. Để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng sau sự biến vừa xảy ra, cuộc họp đã đánh giá tình hình cuộc đảo chính và đề ra những chủ trương của cách mạng trong thời kỳ mới. Hội nghị đã nhận định là cuộc đảo chính sẽ tạo ra một tình thế khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc Tổng khởi nghĩa chín muồi nhanh chóng. Hội nghị chủ trương nêu khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “đánh đuổi Nhật - Pháp” và phát động cao trào chống Nhật cứu nước mạnh mẽ, gấp rút tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

¹ Bức trần mưu gian của đế quốc Nhật, bài đăng trên báo Cờ giải phóng, số 3 ngày 15-12-1944, xem Ngọn cờ giải phóng, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955, tr.21.

² Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mũ, bài đăng trên báo Cờ giải phóng, số 7 ngày 28-9-1944, xem Ngọn cờ giải phóng, Sđd, tr.46.

Để cụ thể hóa những nhận định và Nghị quyết của Hội nghị, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị lịch sử: “Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Bản chỉ thị này có tác dụng chỉ đạo rất kịp thời và phát huy tinh thần độc lập, sáng tạo của các Đảng bộ địa phương.

Từ cuối tháng 3-1945, cách mạng Việt Nam đã chuyển lên cao trào và những cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ở nhiều địa phương trên miền Bắc, các căn cứ địa cách mạng được thành lập. Tại Nam Kỳ, nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên bị giặc bắt giam giữ đã thoát khỏi nhà tù trở về các địa phương hoạt động, chấp nối lại với các đồng chí còn lại ở địa phương, nhanh chóng khôi phục lại tổ chức đảng, khôi phục phong trào.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, nhiều đồng chí đảng viên cộng sản các nơi đã được cử về Biên Hòa hoạt động. Một số đảng viên phá trại giam Bà Rá về đây cũng nhanh chóng móc nối nhập với phong trào. Số lượng đảng viên tăng nhanh, phần nhiều là các đồng chí có năng lực lãnh đạo và tổ chức. Các nhóm cộng sản ở Biên Hòa, nhất là trong nội ô thị xã bắt đầu có sự liên lạc, kết hợp với nhau trên một số mặt công tác. Và tất cả các nhóm đều ra sức phát triển tổ chức, mở rộng cơ sở, ráo riết chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.

Tháng 5-1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Trần Văn Giàu làm Bí thư, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm Thủ lĩnh.

Trong vòng 2 tháng vận động và tổ chức, với sự tích cực hoạt động của cán bộ, đảng viên, đoàn viên công đoàn, đội ngũ Thanh niên Tiền phong đã phát triển nhanh chóng ở hầu hết các tỉnh Nam Kỳ, thu hút hàng triệu người yêu nước tham gia.

Ở tỉnh Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập do Huỳnh Thiện Nghệ làm Thủ lĩnh. Tổ chức Thanh

niên Tiên phong tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng không chỉ có thanh niên mà còn tập hợp được đông đảo nhân dân gồm các lứa tuổi như thiếu niên, người già, phụ nữ tham gia tạo nên một khí thế sôi cách mạng trong các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn.

Hòa nhịp với khí thế chung của toàn tỉnh lúc bấy giờ, các hoạt động của Thanh niên Tiên phong quận Tân Uyên hoạt động rất sôi nổi. Khắp 32 xã lúc bấy giờ, chỗ nào cũng tổ chức học tập quân sự, tuần tra bảo vệ xóm làng và chỗ nào cũng vang lên những bài ca cách mạng của Thanh niên Tiên phong.

Để kịp thời lãnh đạo, tổ chức quần chúng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền, Liên tỉnh ủy miền Đông triệu tập Hội nghị vào tháng 5-1945 tại ấp Vĩnh Cửu (Tam Hiệp, Biên Hòa) với các đại biểu của Đảng bộ Tây Ninh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định để phổ biến tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng. Các đồng chí Hoàng Minh Châu và Huỳnh Văn Hón (đại biểu Đảng bộ Biên Hòa) tham gia Hội nghị.

Tiếp đó tháng 7-1945, tại chùa Tân Mai, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam Kỳ đã họp với các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón, Phạm Văn Búng, Đặng Nguyên, phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, cả lực lượng chính trị và vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với phátxít Nhật. Chỉ trong vòng một tuần lễ, quân đội Xôviết đã tiêu diệt hoàn toàn đội quân “Quan Đông” (là lực lượng chủ yếu tinh nhuệ của quân đội phátxít Nhật đóng tại Mãn Châu). Ngày 15- 8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện.

Tin Nhật đầu hàng được lan truyền nhanh chóng, đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng. Một không khí khởi nghĩa sôi động khắp thành thị và nông thôn.

Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, chủ trương kịp thời lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Và để thống nhất lãnh đạo Tổng khởi nghĩa, Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, Sau đó, ngay trong đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc đã gửi bản Quân lệnh số 1 cho đồng bào và chiến sĩ cả nước nhanh chóng vùng dậy giành quyền độc lập.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, Đại hội quốc dân họp ngày 16-8-1945 tại Tân Trào đã thông qua “Mười chính sách lớn của Việt Minh”, thông qua “Lệnh tổng khởi nghĩa”, quyết định Quốc kỳ nền đỏ sao vàng, chọn bài “Tiến quân ca” làm Quốc ca và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Trung ương tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tại Đại hội lịch sử này, Đảng ta đã đề ra chủ trương hết sức đúng đắn là lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy tước vũ khí của Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn tay sai của Nhật, với địa vị làm chủ nước mình mà tiếp đoàn quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông Dương.

Ngay sau Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân Tân Trào, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời hiệu triệu đồng bào và chiến sĩ cả nước nổi dậy giành chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹.

Trong bối cảnh ấy, Xứ ủy Nam Kỳ họp hội nghị mở rộng tại Chợ Đệm do đồng chí Trần Văn Giàu chủ trì, có đủ đại diện của các Tỉnh ủy và Thành ủy Sài Gòn tham dự. Trong 4 ngày làm việc (từ ngày 17 đến ngày 20-8-1945), Hội nghị quyết định đưa Việt Minh ra công khai, quyết định ngày 23-8 tổ

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

chức khởi nghĩa thí điểm ở Tân An và những công việc cấp bách sau khi giành được chính quyền.

Ngày 23-8-1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ (quốc lộ 1 Biên Hòa), đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa. Tham dự cuộc họp có các đồng chí: Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Ngô Hà Thành, Hồ Văn Giàu, Lê Nguyên Đạt, Đặng Nguyên, Hồ Văn Đại... Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa, cử đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch và dự kiến danh sách Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời và quyết định tiến hành cuộc khởi nghĩa trước ở trung tâm tỉnh lỵ. Hội nghị cũng đề ra một số công tác quan trọng và cấp bách như phân công các đồng chí đảng viên huy động lực lượng ở các quận về thị xã Biên Hòa tham gia giành chính quyền, cử người liên lạc với Bộ Chỉ huy quân Nhật, vận động chúng “án binh tại chỗ” khi lực lượng cách mạng nổi dậy khởi nghĩa; tiếp xúc trước với Tỉnh trưởng bù nhìn Nguyễn Văn Quý ra điều kiện buộc bàn giao chính quyền cho cách mạng; cử đồng chí Hồ Văn Đại và một số đồng chí khác vận động lính mã tà, lính thủ hộ. nộp súng cho cách mạng, tránh xung đột vũ trang gây đổ máu; phân công đồng chí Lê Ngọc Liệu và Nguyễn Đình Ưu tổ chức đưa khoảng 500 người về Sài Gòn bằng xe lửa để tham gia khởi nghĩa ngày 25-8-1945; vận động, hướng dẫn nhân dân may cờ, kẻ khẩu hiệu, tự sắm lấy vũ khí; huy động lực lượng xung kích trong công nhân, trong Thanh niên Tiền phong, học sinh sẵn sàng hành động khi có lệnh khởi nghĩa...

Tại Tân Uyên, từ khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tinh thần lính Nhật đóng tại Tân Uyên hoang mang cực độ. Tại các bót Rạch Tre, Bến Sắn, lính Nhật không dám đi chợ lẻ tẻ như trước. Lợi dụng tình hình đó, nhân dân ở Tân Bình, Phước Hòa đã vào các kho ở sở Phước Hòa lấy lương thực, thuốc men.

Từ khi Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa được thành lập, ở khắp các huyện, Ủy ban khởi nghĩa cũng được thành lập. Tại Tân Uyên, Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Tô Văn Trước làm Chủ tịch. Quận cũng thành lập một đội cảm tử quân gồm 14 đội viên, do đồng chí Tiêm chỉ huy.

Trong đêm 23 rạng sáng ngày 24-8-1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, cờ vàng sao đỏ (cờ Thanh niên Tiền phong), dán khẩu hiệu khắp các phố thị... Trụ sở Ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tập nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa. Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi khí thế cách mạng.

Tại Tân Uyên, trước khí thế cách mạng của nhân dân và do đã vận động được một số người trong bộ máy quyền của quận, sáng sớm ngày 24-8-1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Tân Uyên đã hoàn toàn thắng lợi. Theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, gần 200 Thanh niên Tiền phong có trang bị vũ khí đồ về tham gia cướp chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa.

Đêm 24-8, tại rạp hát Trần Diễm (thị xã Biên Hòa), một cuộc mítting lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền.

Suốt đêm 24-8, lực lượng thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa.

4 giờ sáng ngày 25-8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa đã đưa hơn 500 người, bao gồm đại diện công nhân các nhà máy, nhân dân các ấp thuộc xã Bình Trước, quận Châu Thành về Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi ở Sài Gòn càng làm nức lòng

cán bộ, nhân dân Biên Hòa. Lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa.

Sáng sớm ngày 26-8-1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập hợp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh Tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dậy.

Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố, buộc Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng.

14 giờ chiều hôm đó, lực lượng cách mạng đã bắt giữ tên cò Phước (chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa), tịch thu 40 khẩu súng các loại của bọn lính mã tà tại cửa tiền (khám lớn). Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mítting lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ khắp các quận về tham dự. Tại cuộc mítting, đồng chí Hoàng Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa - đọc diễn văn Minh Châu tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, gồm các đồng chí:

- Hoàng Minh Châu, Chủ tịch.
- Huỳnh Văn Hón, Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban tuyên truyền.
- Nguyễn Văn Long, phụ trách cảnh sát.
- Ngô Hà Thành, Ủy viên phụ trách Quốc gia tự vệ Cuộc.
- Nguyễn Văn Tàng, Ủy viên phụ trách Ban quản trị tài sản của tỉnh.

Đến 12 giờ trưa, cuộc mítting kết thúc. Quần chúng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm! “Việt Minh muôn năm!”... và tiếp tục diễu hành tỏa về các địa phương biểu dương lực lượng. Từ thị xã đến nông thôn, nhà máy, đồn điền tỉnh Biên Hòa thực sự là một ngày hội lớn.

Cũng trong ngày 27-8-1945, một cuộc mítting lớn mừng thắng lợi được tổ chức tại sân vận động Tân Uyên. Nhân dân khắp nơi trong huyện với băng cờ, khẩu hiệu đến nơi tập kết dự mítting chào đón chính quyền cách mạng ra đời.

Ủy ban kháng chiến lâm thời quận Tân Uyên do đồng chí Tô Văn Trước làm Chủ tịch đã ra mắt nhân dân. Cuộc mítting biến thành cuộc tuần hành tỏa về các ngã đường trong quận, nhân dân với niềm sung sướng là người dân của một nước độc lập, tự do.

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công ở Tân Uyên và trên phạm vi cả nước thực sự là ngày hội lớn, là cuộc đổi đời của cả dân tộc chấm dứt hơn 80 năm dài sống trong nô lệ, xiềng xích của chế độ thực dân, phong kiến, mở ra một thời kỳ mới đối với người dân Tân Uyên và cách mạng Việt Nam nói chung.

PHẦN THỨ HAI
**ĐẢNG BỘ TÂN UYÊN LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG
CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945-1954)**

Chương I

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

SAU KHI GIÀNH CHÍNH QUYỀN

(Từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946)

I. THÀNH LẬP, CƯỜNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN

Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 giành chính quyền thắng lợi trên phạm vi cả nước đã lật nhào bộ máy chính quyền tay sai do phátxít Nhật dựng lên. Lần đầu tiên sau hơn 80 năm sống trong nô lệ, nhân dân Tân Uyên cùng nhân dân cả nước đã đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

Nhiệm vụ trước mắt của địa phương trong những ngày đầu sau khi giành được chính quyền là bảo đảm ổn định trật tự trị an, đồng thời gấp rút xây dựng bộ máy chính quyền từ quận đến cơ sở; củng cố tổ chức đảng, các tổ chức cách mạng và lực lượng tự vệ, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được.

Nhằm ổn định tổ chức để chỉ đạo cho các địa phương triển khai những nhiệm vụ trước mắt, tháng 10-1945¹, Hội

¹ Theo tài liệu tọa đàm ngày 14-9-1981 của Ban Nghiên cứu lịch sử tỉnh Đồng Nai (Tham gia cuộc tọa đàm có mặt các nhân chứng lịch sử: đồng chí Lê Thái (Năm Thái) nguyên Bí thư Quận ủy Tân Uyên năm 1945; đồng chí Huỳnh Kim Đỉnh (Hai Đỉnh), nguyên Bí thư Quận ủy Tân Uyên năm 1948; đồng chí Trần Công An, nguyên bộ đội đặc công, Đại đội trưởng Đại đội địa phương, Huyện đội phó Tân Uyên, Thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu; đồng chí Lê Văn Tư). Còn theo Lịch sử

ng nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa đã được triệu tập tại xã Bình Trước, quận Châu Thành, do đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy Nam Bộ chủ trì.

Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 đồng chí, do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư, đồng chí Hoàng Minh Châu làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ trước mắt:

- củng cố Ủy ban nhân dân tỉnh do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch; các Phó Chủ tịch gồm các đồng chí: Đặng Nguyên, Huỳnh Văn Hón (phụ trách tuyên truyền); Ủy viên quân sự: Phan Đình Công; Ủy viên Quốc gia tự vệ Cuộc: Ngô Hà Thành; Thư ký: Nguyễn Văn Tàng.

- Xây dựng Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Hồ Hòa làm Chủ nhiệm; đồng chí Huỳnh Văn Lũy là Phó Chủ nhiệm, phụ trách Nông dân cứu quốc. Xây dựng Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, huy động sức người, sức của cho kháng chiến. Tổ chức Công đoàn tỉnh do đồng chí Trịnh Trọng Tráng phụ trách; củng cố các Ủy ban tự quản ở các đồn điền cao su.

- Tổ chức trường huấn luyện quân sự để xây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến.

Sau Hội nghị tháng 10-1945, Tỉnh ủy triển khai thành lập Quận ủy Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành và cử đồng chí Lê Ngọc Liệu (Ba Liệu) làm Trưởng đoàn về Xuân Lộc chuẩn bị thành lập Quận ủy và tiến hành các công việc chuẩn bị kháng chiến.

Ban Chấp hành Quận ủy Tân Uyên lúc này gồm các đồng chí: Lê Thái (Năm Thái) làm Bí thư, Nguyễn Văn Thăng

Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai (1930–1995), Nxb. Đồng Nai, 1997, t.1, tr.111 thì Hội nghị tổ chức vào tối 23-9-1945.

(Bảy Thăng) làm Phó Bí thư. Các đồng chí Tư Lũy, Tư Uyên, Ba Ngàn là Ủy viên Ban Chấp hành.

Về mặt chính quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đầu tiên sau khi giành được chính quyền ở Tân Uyên là đồng chí Tô Văn Trước. Sau đó gần một tháng, đồng chí Tô Văn Lạc em đồng chí Tô Văn Cửa) thay đồng chí Tô Văn Trước. Nhằm tiếp tục củng cố tổ chức, ổn định công việc, huy động lực lượng tiến hành cuộc kháng chiến, Quận ủy Tân Uyên tổ chức một cuộc họp bao gồm Chủ tịch của 32 xã trong quận để tiến hành bầu cử chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Kết quả bầu cử, đồng chí Nguyễn Văn Trị đã trúng cử chức Chủ tịch thay đồng chí Tô Văn Lạc.

Ủy ban nhân dân quận Tân Uyên lúc này có các đồng chí:

- Nguyễn Văn Trị: Chủ tịch,
- Đồng chí Sâm: Phó Chủ tịch,
- Đồng chí Ba Ngàn: Ủy viên, phụ trách tư pháp,
- Đồng chí Dương Đình Ngụ: Ủy viên, phụ trách quân sự,
- Đồng chí Tư Uyên: Ủy viên.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng ở các xã phát triển khá mạnh ở Tân Uyên. Từ các chi bộ thành lập trước năm 1945 như Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Tân Hóa Khánh... đến những chi bộ thành lập vào năm 1946 như Chi bộ làng Phước Thành (nay là Thạnh Phước) thành lập tháng 1-1946, do đồng chí Chánh (Hành) làm Bí thư; chi bộ Cù lao Thạnh Hội, thành lập tháng 3-1946, do đồng chí Nguyễn Văn Cho (bí danh Công Thành) làm Bí thư... Đến năm 1947, toàn quận Tân Uyên đã có trên 20 chi bộ trên tổng số 32 xã.

Trong các năm 1945, 1946, ngoài lực lượng địa phương của tỉnh còn có các ban công tác liên thôn. Mỗi xã có Ban công tác của xã, có đội tự vệ chiến đấu (lúc đó chưa gọi là dân

quân tự vệ). Mỗi liên thôn có một tiểu đội, liên thôn mạnh nhất có hai tiểu đội. Nhiệm vụ của các liên thôn là giết giặc, trừ gian, diệt tề, bảo vệ phong trào cách mạng của quần chúng. Đây chính là tiền thân của du kích tập trung và bộ đội địa phương sau này.

Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và thực tế đất nước, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”. Bản chỉ thị đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Vì trên thực tế, nước ta vẫn chưa hoàn toàn độc lập. Chính quyền cách mạng cùng toàn dân phải kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy.

Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” còn nêu rõ những nhiệm vụ cấp bách trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, thử thách nặng nề và hoàn toàn dựa vào sức mình, Đảng ta ý thức rõ là phải khẩn trương tăng cường thực lực cách mạng về mọi mặt mới có khả năng tự bảo vệ có hiệu quả.

Trước hết, Đảng nhấn mạnh việc củng cố sức mạnh về chính trị, tinh thần của chế độ mới. Chính quyền là vấn đề cơ bản của cách mạng, do vậy, củng cố chính quyền cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, lập chính phủ chính thức, chân chính các cơ quan chính phủ, soạn thảo Hiến pháp để khẳng định trên thực tế về mặt pháp lý một chính quyền thực sự do nhân dân xây dựng nên, một chính quyền của dân và vì dân.

Nhằm xây dựng và tăng cường củng cố chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, Chính phủ Trung ương lâm thời chủ trương tiến hành Tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 6-1-

1946, bầu Quốc hội để lập ra Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại Biên Hòa, cử tri trong tỉnh (trừ xã Bình Trước do địch kiểm soát) đã nô nức tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên. Các địa điểm bỏ phiếu ở xã, ấp đều có lực lượng bảo vệ. Các đồng chí Phạm Văn Búng, Hoàng Minh Châu, Điều Xiển đã đắc cử đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Biên Hòa.

Kết quả cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam vào ngày 6-1-1946 biểu thị ý chí và sức mạnh của toàn dân trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền. Việc kiện toàn chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở có ý nghĩa to lớn cả về đối nội và đối ngoại và là bước tiến quan trọng nhằm tăng cường sức mạnh về chính trị.

Từ tháng 3-1946, Ủy ban nhân dân được đổi thành Ủy ban hành chính. Theo quy định thống nhất về tổ chức của Ủy ban hành chính Nam Bộ, Ủy ban hành chính tỉnh có thêm các chức danh mới như Tổng thư ký, Ủy viên xã hội, Ủy viên chính trị (thực sự làm công tác tổ chức cán bộ).

Vào thời điểm đất nước đứng trước những thử thách sống còn sau Cách mạng Tháng Tám, bên cạnh các chủ trương trọng đại như tổ chức Tổng tuyển cử, soạn thảo Hiến pháp, giảm thuế..., ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào chống giặc đói, chống giặc dốt và chống giặc ngoại xâm.

Ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng, với lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động chống giặc đói do Chính phủ phát động.

Tại Tân Uyên, các xã đều nghiêm túc thực hiện phong trào gạo kháng chiến” do Ban Chấp hành Phụ nữ cứu quốc phụ trách. Mỗi khi lấy gạo nấu cơm, người dân đều bớt một nắm

gạo bỏ vào hũ. Cứ sau 15 ngày, các tổ trưởng hoặc tổ phó đến nhận để ủng hộ kháng chiến. Phong trào chống giặc đốt cũng phát triển rầm rộ khắp các xã, ấp ở vùng tự do cũng như vùng tạm chiếm. Khắp các xã, ban đêm ở đâu cũng nghe bà con học vần và Tân Ba được công nhận là đơn vị xóa mù chữ đầu tiên của tỉnh Biên Hòa. Mặc dù người dân còn ít chữ, cuộc sống còn nhiều thiếu thốn, nhưng phong trào xóa mù chữ đã giúp người dân biết sống có văn hóa, có nhân cách của một công dân vừa được làm chủ vận mệnh của mình.

Nhằm khắc phục những khó khăn về mặt tài chính của nước nhà trong những ngày đầu độc lập, ngày 4-9-1945 Chính phủ nước Việt Nam mới ra Sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập” và ngày 17-9-1945 tổ chức “Tuần lễ vàng”. Cùng nhân dân cả nước quyết giữ vững nền độc lập dân tộc và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, nhân dân trong tỉnh đã hăng hái tham gia xây dựng “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng”.

Sau “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” ở tuần lễ đầu độc lập, tiếp đến là phong trào “Bánh ỏ cho kháng chiến”, “Bánh ỏ cho tiền tuyến”, “Hũ gạo nuôi quân”, “Quyên góp đồ đồng” để đúc vũ khí, v.v.. Các hoạt động thể hiện tinh thần yêu nước lại diễn ra liên tiếp, sôi nổi, kéo dài.

Chỉ tính riêng 3 tháng cuối năm 1945 và đầu năm 1946, đã có nhiều người dân Thủ Dầu Một, Tân Uyên quyên góp ủng hộ tiền bạc, hiến cho cách mạng nhiều tài sản quý giá. Đồng bào đã cho chính phủ mượn hàng trăm gạ lúa, chục chiếc thuyền, nhiều ngàn đồng cùng các loại vàng, bạc, đồ dùng gia đình khác. Gia đình ông Ba Nửa ở ấp 2 xã Phú An (Bến Cát) đã cho bộ đội mượn chiếc ghe gần 30 tấn đi chở hàng gia đình bà Nguyễn Thị Tàn ấp 1, xã Phú An đã giúp cho bộ đội 65 gạ lúa và 25.000đ (tiền lúc đó); gia đình bà Trần Thị Gia (ấp 1) hiến 3 bộ ván nằm; gia đình ông Nguyễn Văn Hà (ấp 3) hiến 1 xe kéo, 2 con trâu; gia đình ông Nguyễn Văn Tường (ấp 2) cho mượn 1 chiếc ghe 23 tấn; ông Huỳnh Văn Vui (ấp 2) 1 chiếc

ghe 20 tấn; bà Võ Thị Chuyện 2 con trâu; bà Lê Thị Hoa 1 xe kéo và một đôi bò; bà Nguyễn Thị Tỷ 1 chiếc ghe 7 tấn.

Ở xã Thanh An, An Sơn, Thuận Giao, Tân Phước Khánh, nhiều bà con, nhiều gia đình cũng đã tham gia tích hình như ở xã Tân Phước Khánh, ông Huỳnh Văn Xia đã hiến một đôi bò; ở xã Bạch Đằng, bà Phùng Thị Kiều đã ủng hộ 2 con trâu, 6 gia lúa; ông Võ Thanh Trà: 50 gia lúa; ở xã Thanh An, bà Bùi Thị Tiết đã hiến 1 chiếc ghe 30 tấn...

Bên cạnh việc vận động nhân dân đóng góp và được sự giúp đỡ của bà con, do tình hình bộ máy kháng chiến ngày càng tập trung, các cơ quan quân - dân - chính - đảng ngày càng đông và dồn về khu căn cứ... nên đòi hỏi cần có một số biện pháp tài chính khác, linh hoạt, phong phú hơn để cùng giải quyết vấn đề. Trước yêu cầu như vậy, Quận ủy chủ trương mở rộng các mối quan hệ với các khu vực trong vùng, quan hệ với miền Tây để tìm nguồn cung ứng lương thực, thực phẩm...

Ở Tân Uyên, Quận ủy đã kịp thời chỉ đạo, huy động dân công các xã Bình Chánh, các xã Chiến khu Đ xuống Kinh Ba (Long An) chở gạo, khô, mắm cùng các loại thực phẩm khác. Mỗi lần đi như thế ước có tới 200 người, phải len lỏi đôn bót, tránh địch giăng bẫy, phục kích chặn đường... Mỗi chuyến có khi phải mất tới 35 - 40 ngày mới về tới nơi.

Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi giành được chính quyền, thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Biên Hòa, Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng ở Tân Uyên đã nhanh chóng được xây dựng, củng cố để cùng toàn dân trong huyện bước vào giai đoạn cải cách mới. Các phong trào “Quý độc lập”, “Tuần lễ vàng”, “Hũ gạo nuôi quân”, “Bình dân học vụ xóa mù chữ” đã được nhân dân trong huyện đồng tình hưởng ứng. Đó là sự thể hiện truyền thống yêu nước, niềm tin son sắt của người dân đối với Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó cũng là sức mạnh, là chỗ dựa tin

cậy và vững chắc để cách mạng vượt qua những khó khăn, thử thách trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

II. THỰC HIỆN “TIÊU THỔ KHÁNG CHIẾN ĐÁNH ĐỊCH TẠI CHỖ”

Cuối tháng 10-1945, quân Pháp được tăng thêm viện binh đã phá vòng vây ở Sài Gòn, mở rộng lần chiếm ra các tỉnh xung quanh. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa ra lệnh “tiêu thổ kháng chiến”. Các cơ quan lãnh đạo của tỉnh chuyển về xây dựng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên. Nhiều xã thuộc quận Tân Uyên do được tuyên truyền, giải thích về chủ trương tiêu thổ kháng chiến đã vận động nhân dân không hợp tác với địch, nhờ đó đồng bào đã triệt để thực hiện chủ trương của chính quyền cách mạng. Người dân đã không ngần ngại châm lửa đốt hết nhà cửa, trường học, chùa chiền rồi rút đi nơi khác. Ngày 23-9-1945, đúng vào ngày 18-8 âm lịch, đình làng Tân Phước Khánh tổ chức lễ hát lệ Kỳ yên hàng năm. Thực hiện triệt để lệnh tiêu thổ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, cũng từ ngày lễ truyền thống đó, đồng bào trong xã cùng đại diện chính quyền, đại diện lực lượng quân sự địa phương tập trung tại sân đình Ông Cù trong không khí trang nghiêm, đầy xúc động đã làm lễ đốt đình, thực hiện tiêu thổ kháng chiến. Trước toàn thể đồng bào, đồng chí Nguyễn Văn Ngang (Tổng ủy viên quân sự) đã tố cáo thực dân Pháp trắng trợn tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai và kêu gọi toàn thể nhân dân Tân Phước Khánh cùng nhau đứng lên chống Pháp với tất cả vũ khí có trong tay như gậy tầm vông, giáo mác... Lễ đốt đình ngày 18-8 âm lịch (23-9-1945) đã mở đầu cho cuộc tiêu thổ kháng chiến của các tầng lớp nhân dân Tân Phước Khánh và nhân dân Tân Uyên nói chung. Các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã và đồng bào đã tự tay đốt ngôi nhà thân

yêu của mình. Tất cả nhà cửa, trường học và những gì giặc Pháp có thể sử dụng được dọc theo đường bộ đều biến thành “vườn không, nhà trống”. Người dân nơi đây, nhất là lực lượng thanh niên còn vót hàng nghìn cây chông cắm trên những cánh đồng để chống quân Pháp nhảy dù. Đồng thời trong huyện cũng dựng lên phong trào đắp mô, chặt cây hai bên đường làm vật cản để chặn bước tiến của quân giặc. Lần đầu tiên một huyện lỵ trong tỉnh Biên Hòa và của cả miền Đông đã biến thành gạch vụn.

Suốt một tháng bị lực lượng vũ trang ta vây hãm trong thành phố Sài Gòn, quân Pháp bị tiêu hao khá nặng. Ngày 23-10-1945, sau khi được tăng viện một binh đoàn thiết giáp, chúng mới đủ sức phá vòng vây và đánh chiếm rộng ra các tỉnh.

Ngày 24-10-1945, quân Pháp được quân Anh yểm trợ, dùng chiến xa mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm thị xã Biên Hòa. Cả thị xã vắng lặng, không chợ búa, không điện, nước, nhà nhà đều đóng cửa. Từ tháng 10 đến tháng 12-1945, thực dân Pháp tập trung xây dựng bộ máy chính quyền tay sai trong thị xã, đồng thời mở nhiều cuộc hành quân nhỏ thăm dò để chuẩn bị mở rộng lấn chiếm ra các địa bàn trong tỉnh. Ngày 24-1-1946, giặc Pháp chiếm thị trấn Tân Uyên trong cảnh vườn không, nhà trống.

Sau khi ổn định sự chiếm đóng ở Tân Uyên, năm 1946, địch xây dựng một yếu khu ở thị trấn tương đương với một tiểu khu trực thuộc tỉnh. Chúng còn thiết lập ba chi khu ở ba nơi tạo thành thế hình tam giác. Đó là Chi khu Cây Đào, được coi là đầu cầu tiếp tế và tuyến ngăn chặn ta từ phía đông bắc đi lên Biên Hòa, hai là Chi khu Tân Ba, ba là Chi khu Phước Hòa. Ở bốn xã phía nam Tân Uyên gồm Thái Hòa, Phước Thành, Thạnh Hội, Hóa An, địch xây dựng tại mỗi xã một lô cốt.

Về mặt hành chính, ở cơ sở, thực dân Pháp tái lập cai tổng Đó là chính quyền địa phương đồng thời cũng là chính quyền quân sự. Quân số ở mỗi chi khu gồm cả quân chính quy của Pháp và ngụy binh, nơi ít nhất cũng một trung đội Pháp đóng nơi nhiều nhất khoảng gần một đại đội. Các chi khu đều do sĩ quan Pháp chỉ huy.

Tại yếu khu thị trấn Tân Uyên, cả Pháp và ngụy binh là một tiểu đoàn do tên quan ba đại úy Saoutic (Suatic) chỉ huy. Ở Tân Ba do một đại úy Pháp chỉ huy, Chỉ huy phó là tên Trung úy Phòng Nhì Nguyễn Văn Đồi - là tên ác ôn khét tiếng ở Tân Uyên hồi đó. Về sau tên này bị lực lượng tình báo ta trừng trị tại Dương Trí Đường ở Biên Hòa khi hắn đến viếng người bạn cũng là Việt gian bị ta trừng trị.

Để diệt tề, trừ gian, giữ gìn an ninh và thúc đẩy phong trào kháng chiến trong các xóm ấp, Quận ủy thành lập nhiều tổ ám sát hoạt động ở các xã, khu vực liên xã:

- Tổ ám sát 1 hoạt động ở khu vực các xã Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Nhuận, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, do Võ Văn Thảo làm Tổ trưởng.

- Tổ ám sát 2 do Lê Văn Chè làm Tổ trưởng.

- Tổ ám sát 3 do Ba Bôi làm Tổ trưởng.

- Tổ ám sát 4 do Năm Mừng làm Tổ trưởng.

Các tổ được biên chế gọn nhẹ, tỏa về các địa phương hoạt động, cảnh cáo những tên Việt gian tay sai, trừng trị những tên khét tiếng tàn ác, có nhiều nợ máu với Cách mạng.

Ngay sau ngày các tổ ám sát được thành lập, một số Việt gian có nhiều nợ máu với Cách mạng đã bị đèn tội, như cai tổng Chánh Mỹ Hạ Nguyễn Văn Chi, tên Cả Phở làng Phước Thành... Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, phương thức hoạt động táo bạo, bí mật, bất ngờ, hoạt động của các tổ ám sát đã làm cho bọn địch tại địa phương rất lo sợ. Đặc biệt,

vào đầu tháng 2-1946, một tổ của đội Cẩm tử quân quận Tân Uyên do đồng chí Sáu Quan làm Tổ trưởng đã dùng lựu đạn đánh bọn Pháp càn quét vào chợ Tân Uyên, trong trận đánh này có tham gia của đồng chí Phan Tấn Lập. Kết quả trận đánh, quân Pháp bị chết và bị thương 14 tên. Đồng chí Sáu Quan và đồng chí Phan Tấn Lập bị giặc Pháp bắt đưa về đồn Tân Uyên. Nhằm khủng bố tinh thần và ý chí quyết tâm kháng chiến của quân, dân Tân Uyên, bọn Pháp trói tay, trói chân hai đồng chí treo ngược lên cây trong thành đồn, rồi bắt người dân tại khu chợ đứng ngoài bờ thành chứng kiến bọn chúng cắt cổ hai đồng chí. Sau khi đồng chí Sáu Quan vừa bị giết hại, bọn Pháp lại nắm đầu định cắt cổ đồng chí Lập. Lúc này tên Pháp sếp đồn cũng vừa tới xem. Đồng chí Lập nói với tên sếp đồn bằng tiếng Pháp rằng tôi là học sinh lớp Nhì một năm, chứ không phải là Việt Minh, nên nó cho cởi trói và dẫn ra công thả đồng chí Phan Tấn Lập. Cùng lúc đó, đông đảo người dân bị chúng bắt đang đứng ngoài bờ thành hô: đả đảo thực dân Pháp cướp nước, giết người và dùng đất đá ném tới tấp vào trong thành đồn.

Song song với hoạt động ám sát, tiêu diệt những kẻ phản động có nhiều nợ máu với cách mạng, nhiều trận đánh của quân và dân Tân Uyên đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, gây tiếng vang lớn.

Đêm ngày 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Bình, Khu trưởng Khu 7, các lực lượng Vệ quốc đoàn Biên Hòa (Huỳnh Văn Nghệ), Thủ Dầu Một (Chi đội 1), Bình Xuyên (Dương Văn Dương), Gia Định (Đào Sơn Tây) đã phối hợp tấn công bất ngờ vào các mục tiêu như trạm gác, nhà lao, công sở, đầu cầu của Pháp trong thị xã Biên Hòa.

Đòn tấn công bất ngờ vào các mục tiêu của địch trong thị xã Biên Hòa đã gây tiếng vang lớn, đập tan lời huênh

hoang của thực dân Pháp là “đã tiêu diệt hết Việt Minh”, đồng thời cổ vũ tinh thần kháng chiến của toàn dân Nam Bộ.

Tiếp theo các trận đánh tháng 11-1945 tại Hớn Quản chặn đánh một đơn vị địch di chuyển trên đường quốc lộ 13, trận đánh phục kích 200 lính Pháp của quân và dân Bến Cát tại cầu Ông Khương (tháng 12-1945), trận đánh bẻ gãy cuộc càn quét lớn gồm một trung đoàn bộ binh và cơ giới của địch vào Tân Phước Khánh thuộc quận Lái Thiêu (tháng 3-1946)... là một trận chiến đấu oanh liệt khác của ta phá vòng vây của 7.000 quân Pháp (có tài liệu viết 8.000 quân) vào Tân Uyên ngày 20-4-1946.

Ngày 18-4-1946, quân Pháp rầm rộ đem một lực lượng 7.000 lính, có xe tăng thiết giáp, do tướng Leclerc - Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương - chỉ huy, tiến hành bao vây vùng Phước Hòa, Lạc An (Tân Uyên) nhằm tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta. Khoảng 3 giờ sáng ngày 19-4-1946, quân Pháp chia làm nhiều hướng để tiến hành cuộc bao vây gồm:

- Cánh quân thứ nhất có 4 tàu đổ bộ lên Lạc An vào Giáp Lạc qua Đất Cuốc.
- Cánh thứ hai, từ Bến Vinh qua sông Đồng Nai và Hưng Đài (Sông Bé).
- Cánh thứ ba, từ Bình Cơ về Bàu Cá Trê.
- Cánh thứ tư, từ Phước Hòa chia thành hai hướng, một hướng xuống xóm Suối Ngang, một hướng khác từ Bà Đã xuống xóm Suối Voi.

Khi địch hành quân qua các nơi như Đồn Kiểm lâm, Giáp Lạc, Đất Cuốc..., quân ta đã lợi dụng sự thông thạo địa hình để bao vây đánh phá địch từ nhiều hướng, làm cho chúng chết và bị thương gần 100 tên.

Sáng 20-4-1946, quân Pháp đi lục soát khắp nơi nhưng chẳng những không chiếm được căn cứ nào của ta, mà đi tới đâu cũng bị quân ta công kích, gây thiệt hại không ít.

Ngày 21-4-1946, quân Pháp tiến vào xưởng sản xuất vũ khí của ta sau khi ta đã cất giấu vũ khí và sơ tán ra khỏi xưởng. Chúng chỉ phá phách qua loa rồi rút về Suối Voi nghỉ ngơi. Tại đây, chúng bất ngờ bị quân ta bao vây tấn công. Quân Pháp chống trả một cách yếu ớt và bỏ chạy, để lại trên 80 xác chết và một số súng ống, đạn dược.

Sau trận này, thực dân Pháp tiến hành bao vây nhằm tiêu diệt lực lượng ta, nhưng ta đã nghi binh, đánh lạc hướng, rút tất cả lực lượng một cách an toàn. Nhân dân trong chiến khu gồm khoảng 2.000 người thoát khỏi vòng vây của giặc tại Xóm Xinh an toàn. Đến ngày 24-4-1946, quân Pháp mới biết chúng đã bị mắc lừa.

Đây là một trong những trận ta vận dụng lối đánh du kích rất hay: Lúc địch tập trung lực lượng bao vây nhằm tiêu diệt quân ta, thì ta đã lợi dụng địa hình để phân tán lực lượng đánh địch từ nhiều hướng, làm cho chúng khó phát hiện lực lượng ta; khi chúng lùng sục suốt ngày nên thấm mệt, không đạt được kết quả gì mà còn bị tổn thất, đến lúc co cụm lại ăn nghỉ, thì ta dùng chiến thuật tập trung lực lượng bí mật bao vây, bất ngờ đồng loạt nổ súng tiêu diệt làm cho địch không kịp trở tay, mạnh ai nấy chạy thoát thân. Đồng thời ta đã nghi binh, đánh lạc hướng địch một cách tài tình, thoát khỏi vòng vây một cách an toàn.

Từ giữa năm 1946, tại khu vực quanh căn cứ Chiến khu Đ Pháp đóng thêm một số đồn bót: Nhà Nai, Tân Lợi, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, Rạch Đông... kéo dài đến dốc Bà Nghĩa, cổng Nhà Thiếc, Bình Mỹ, Cổng Xanh, Tân Trạch, An Chử, Rạch Tre. Tại đồn Tân Uyên, địch bỏ sung

thêm lực lượng gồm lính Pháp, partisan và lính ngụy người dân tộc thiểu số.

Từ các căn cứ, đồn bót trên, Pháp liên tục mở nhiều cuộc càn quét hòng tiêu diệt một bộ phận vũ trang của ta còn bám trụ. Các đơn vị Vệ quốc đoàn của ta phải phân tán nhỏ rút sâu vào các cụm rừng hiểm trở. Việc tiếp tế nuôi quân gặp nhiều khó khăn.

Để củng cố chính quyền kháng chiến địa phương phù hợp với tình hình mới, địa bàn Tân Uyên lúc này được tổ chức thành 9 quận quân sự. Mỗi quận quân sự gồm một số xã làm nhiệm vụ vận động nhân dân tiếp tế nuôi quân và gia nhập du kích. Để phát triển phong trào du kích và tạo địa bàn đứng chân hoạt động, các phân đội Vệ quốc đoàn được chia nhỏ về các quận quân sự, chỉ để lại 2 trung đội cơ động bảo vệ khu căn cứ, bảo vệ máy móc, cơ sở hậu cần đã cất giấu.

Quận cũng chấn chỉnh lại tổ chức Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể kháng chiến. 40 cán bộ nam, nữ của các xã được cử lên tỉnh dự khóa học một tháng về công tác mặt trận do Mặt trận Việt Minh tỉnh mở. Các cán bộ này trở về các quận quân sự, đến tận các xóm ấp hẻo lánh để xây dựng cơ sở, vận động quần chúng, củng cố Ủy ban hành chính các cấp.

Tháng 5-1946, tại nhà ông Tư Bộ, xã Mỹ Quới, Quận ủy triệu tập hội nghị gồm đủ Mặt trận Việt Minh và các ngành, đoàn thể về dự. Trong ba ngày làm việc, Hội nghị đã đề ra nhiều biện pháp nhằm xây dựng rộng rãi Mặt trận Việt Minh trong toàn quận, thắt chặt tình đoàn kết toàn dân và đẩy mạnh công cuộc kháng chiến một cách có hiệu quả. Hội nghị đã bầu Lê Kỳ Ngoại làm Chủ tịch Mặt trận Việt Minh quận, Nguyễn Đức Huệ làm Hội trưởng Hội Nông dân Cứu quốc, anh Đông phụ trách Thanh niên Cứu quốc, chị Phấn phụ trách Phụ nữ Cứu quốc...

Cuối tháng 4-1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Bí thư Khu ủy miền Đông đã về Biên Hòa, triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại Cù Lao Vịt (xã Bình Hòa, quận Châu Thành, nay thuộc huyện Vĩnh Cửu). Trong hội nghị, đồng chí đã chỉ rõ sai lầm, khuyết điểm của Tỉnh ủy Biên Hòa trong nhận thức và thực hiện chỉ thị “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán” dẫn đến tình trạng Đảng không lãnh đạo toàn diện kháng chiến, nhất là với lực lượng vũ trang. Tham dự hội nghị có một số đồng chí ở quận Châu Thành như Phạm Văn Thuận, Nguyễn Văn Ký, Trần Minh Trí, Hồ Văn Đại, Hoàng Đình Thương, Phạm Văn Khoai, Trịnh Trọng Tráng, Huỳnh Văn Lũy...

Thay mặt Khu ủy miền Đông, đồng chí Nguyễn Đức Thuận chỉ định đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh (thay đồng chí Hồ Hòa đã về Bà Rịa). Để củng cố bộ máy lãnh đạo kháng chiến, Hội nghị cử ông Nguyễn Văn Tàng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh; đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, Chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hòa làm Phó Chủ tịch kiêm Ủy viên quân sự tỉnh; đồng chí Trịnh Trọng Tráng, Phó Chủ tịch Mặt trận Việt Minh phụ trách Công đoàn; đồng chí Phạm Văn Khoái làm Hội trưởng Nông dân Cứu quốc tỉnh. Phụ trách Công an tỉnh có các đồng chí: Phạm Văn Thuận, Nguyễn Văn Ký, Hồ Văn Đại, Hoàng Đình Thương... Nghị quyết hội nghị tập trung vào các công tác quan trọng như xây dựng hệ thống lãnh đạo đảng các cấp; nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng, nhất là với lực lượng vũ trang; củng cố Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể; xây dựng khối đoàn kết toàn dân để tập hợp lực lượng kháng chiến.

Hội nghị tại Cù lao Vịt có ý nghĩa quan trọng đối với Đảng bộ và phong trào kháng chiến tỉnh Biên Hòa, xác lập được sự lãnh đạo tập trung của Tỉnh ủy đối với lực lượng vũ

trang, xây dựng được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa dân - quân chính - đảng.

Tháng 5-1946, Tỉnh ủy mở Hội nghị quân sự tỉnh tại xóm Đền (xã Tân Hòa, quận Tân Uyên). Hội nghị đã ra nghị quyết về hai vấn đề lớn:

- Thống nhất các lực lượng vũ trang gồm: Du kích Sở Tiêu, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, Vệ quốc đoàn Biên Hòa, sau có thêm Vệ quốc đoàn quận Long Thành, lấy tên là Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

- Xây dựng Chiến khu Đ thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh.

Hội nghị quân sự tỉnh Biên Hòa tháng 5-1946 đã góp phần tạo nền tảng cho việc thống nhất lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Tháng 6-1946, Khu bộ Khu 7 quyết định thành lập Chi đội 10 Biên Hòa, do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Chi đội trưởng, Phan Đình Công làm Chính trị viên. Chi đội 10 Biên Hòa có 1.100 chiến sĩ, chia làm 3 đại đội A, B, C, đứng chân hoạt động ở các quận Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc.

Chi đội 10 Biên Hòa được thành lập đã tạo ra một sức mạnh mới, hỗ trợ phong trào cách mạng và lực lượng vũ trang các địa phương không ngừng phát triển.

III. ĐẢNG BỘ VÀ QUÂN DÂN TÂN UYÊN GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CĂN CỨ, CHIẾN KHU (từ 10-1945 đến 12-1946)

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, trong chỉ thị của Trung ương Đảng ngày 25-11-1945, việc xây dựng căn cứ đã được đặt ra: “Phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại tiến có thể đánh, lui có thể giữ... (phòng thủ mọi việc,

địa điểm, cán bộ, lương thực, thuốc men, quần áo, vũ khí, vật liệu, cơ kiện, v.v.”¹

Sau khi thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai, âm mưu tiếp theo của chúng sẽ là tăng cường lực lượng chuẩn bị đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ. Do tương quan lực lượng không cân sức nên các đơn vị kháng chiến của ta phải dần rút ra vòng ngoài để bảo toàn, củng cố lực lượng tiếp tục cuộc kháng chiến. Tân Uyên với ưu thế về vị trí địa hình đã trở thành hướng rút quân thuận lợi cho nhiều đơn vị vũ trang từ các nơi, trước hết là ở vùng phụ cận Sài Gòn trên hướng bắc và đông bắc.

Đêm 22-10-1945, được tin quân Anh rục rịch lên Biên Hòa, Ủy ban kháng chiến miền Đông rút ra Xuân Lộc, rồi Phan Thiết. Một bộ phận gồm 40 người và 30 súng trường do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy đã kéo về Tân Tịch, Đất Cuốc, dựa vào đất rừng quê hương làm căn cứ xây dựng lực lượng chống Pháp.

Tại quận Tân Uyên, tiểu đội vũ trang của đồng chí Chín Quỳ, bộ phận Ủy ban kháng chiến quận của đồng chí Cao Văn Bỏ, tự vệ chiến đấu các xã, công nhân sở cao su Phước Hòa... lần lượt đến gia nhập bộ đội Huỳnh Văn Nghệ. Lực lượng vũ trang trong toàn quận được thống nhất lại.

Nhiều lực lượng yêu nước ở các nơi khác như phân đội Ban Tiếp tế miền Đông của đồng chí Đào Văn Quang, các đơn vị tự vệ của Tổng Công đoàn Nam Bộ, các tổ chức kháng chiến bị tan rã, công nhân từ các xưởng Ba Son, Đêô Dĩ An, BIF Biên Hòa cũng lần lượt rút về Tân Uyên.

Được bổ sung thêm lực lượng, ta mở trại huấn luyện quân sự tại miếu Đất Cuốc. Hàng trăm thanh niên tự vệ chiến

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.8, tr.32.

đầu, công nhân, nông dân, sinh viên được trang bị những kiến thức quân sự cơ bản. Học viên học xong, một nửa trở về các xã làm nòng cốt cho du kích địa phương, một nửa ở lại gia nhập bộ đội. Đơn vị bộ đội tự trang bị vũ khí bằng cách mò tìm ở các tàu Pháp, tàu Nhật bị chìm trước đây, hoặc mua của bọn lính Nhật và tiếp nhận từ các nguồn đóng góp của nhân dân. Đến cuối tháng 11-1945, bộ đội Huỳnh Văn Nghệ tổ chức thành 4 phân đội, gọi là Vệ quốc đoàn Biên Hòa, hoạt động chủ yếu trong phạm vi quận Tân Uyên. Phân đội 1 được bố trí hoạt động ở vùng căn cứ thuộc các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An.

Tháng 11-1945, Trường huấn luyện du kích tỉnh Biên Hòa từ ấp Vĩnh Cửu (xã Tam Hiệp, Châu Thành) chuyển về Gành Rái, sau đó về Sở Tiêu, gần trại huấn luyện Đất Cuốc. Đây là trại huấn luyện quân sự đào tạo cán bộ chỉ huy đánh du kích và phân đội nhỏ của tỉnh ra đời sau Hội nghị Bình Trước. Cùng với trại huấn luyện Đất Cuốc, Trường huấn luyện Sở Tiêu đã góp phần đào tạo các cán bộ nòng cốt cho phong trào du kích địa phương trong toàn tỉnh.

Đầu tháng 11-1945, đồng chí Nguyễn Bình được Trung ương cử vào phụ trách công tác quân sự ở Nam Bộ. Trong khi đi nắm tình hình ở các chiến trường, đồng chí về Tân Uyên khảo sát thực địa. Nhận rõ vị trí, địa thế lợi hại của vùng rừng Tân Uyên, đồng chí đã thảo luận với Ban Chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa về việc chọn khu vực Lạc An lập căn cứ địa cho toàn khu.

Ngày 10-12-1945, tại Đức Hòa (Chợ Lớn), Hội nghị quân sự toàn Nam Bộ được triệu tập. Đồng chí Hoàng Quốc Việt và nhiều cán bộ được Trung ương cử vào và cán bộ ở các địa phương như Cao Hùng Lĩnh, Vũ Đức, Đào Văn Trường, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn), Huỳnh Văn Tiêng, Bùi Công Trừng, Nguyễn Bình... đã về dự. Chấp hành lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị quyết định chia Nam

Bộ thành các Chiến khu 7, 8, 9, chỉ định Khu trưởng và Ủy viên chính trị khu, đồng thời bàn biện pháp củng cố lực lượng vũ trang tỉnh, thành phố, các chi đội Vệ quốc đoàn và xây dựng các khu Lạc An, Đồng Tháp, U Minh làm căn cứ cho các chiến khu.

Chiến khu 7 một tổ chức hành chính quân sự - được chính thức thành lập gồm các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa và thành phố Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Bình được chỉ định làm Khu trưởng và đồng chí Trần Xuân Độ làm Chính trị ủy viên khu.

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị Đức Hòa, ngày 17-12-1945, cơ quan Khu bộ Khu 7 về đứng chân và xây dựng hệ thống phòng thủ ở Tân Uyên. Lạc An - một xã trong vùng căn cứ thuộc quận Tân Uyên, nơi đứng chân của Vệ quốc đoàn Biên Hòa, được chính thức xây dựng thành căn cứ địa kháng chiến của Chiến khu 7. Cơ quan Khu bộ đóng ở thị trấn Tân Uyên. Ban Chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa đóng ở Tân Tịch, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ được chỉ định làm Chỉ huy trưởng. Lực lượng bảo vệ căn cứ gồm hơn 4 đại đội, bố trí ở Tân Long, Tân Nhuận, Cây Đào, Tân Tịch và thị trấn.

Cùng với cơ quan Khu bộ Khu 7, một số đơn vị vũ trang trong toàn khu cũng chuyển một bộ phận về đóng ở Tân Uyên và các vùng kế cận.

Ngày 25-11-1945, lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Dầu Một thống nhất lại thành lập chi đội, lấy phiên hiệu là Chi đội 1, do đồng chí Huỳnh Kim Trương làm Chi đội trưởng. Một bộ phận của Chi đội về đóng ở Tân Uyên.

Như vậy, sau 2 tháng kể từ khi thực dân Pháp đánh lên Biên Hòa, Thủ Dầu Một, cùng với quá trình phân hóa tan rã của các sư đoàn Cộng hòa vệ binh (thành lập sau Cách mạng Tháng Tám) và sự ra đời của lực lượng vũ trang cách mạng trong toàn khu, nhiều đơn vị vũ trang và cơ quan đầu não

kháng chiến Khu 7 đã lần lượt rút về vùng căn cứ Tân Uyên để củng cố, xây dựng lực lượng.

Giữa năm 1946, Chiến khu Vĩnh Lợi được chọn là khu trung tâm để xây dựng thành căn cứ địa vững chắc. Chiến khu Vĩnh Lợi bao gồm hầu hết diện tích của xã Vĩnh Tân, một phần xã Tân Bình và xã Bình Mỹ (thuộc Tân Uyên ngày nay). Đây được coi là địa bàn làm cầu nối liên hoàn từ các căn cứ Chiến khu Thuận An Hòa, Chiến khu Đ, Long Nguyên; là nơi làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào du kích chiến khu và các xã ven thị xã Thủ Dầu Một và huyện Lái Thiêu; là nơi dừng chân của các lực lượng vũ trang tỉnh, quận thọc sâu xuống vùng yếu thị xã Thủ Dầu Một và phía đông bắc thành phố Sài Gòn - Gia Định. Đây cũng là nơi trú đóng của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể của tỉnh, quận để lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến; là nơi tiếp nhận, dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ cho lực lượng kháng chiến trong vùng; là nơi sản xuất lương thực, thực phẩm để tự cung, tự cấp, cải thiện đời sống của nhân dân và đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, người dân Vĩnh Tân và các xã xung quanh luôn là lực lượng nòng cốt bảo vệ, đùm bọc cho chiến khu.

Đã có căn cứ đứng chân khá vững chắc và tập trung được lực lượng vũ trang trong toàn khu, cuối tháng 12-1945, tại Tân Uyên, Khu bộ Khu 7 đã họp với chỉ huy trưởng các đơn vị bộ đội để thảo luận kế hoạch tiến công địch trong thị xã Biên Hòa. Theo kế hoạch, lực lượng tham gia tiến công gồm có các đơn vị bộ đội Huỳnh Văn Nghệ, Huỳnh Kim Trương, Dương Văn Dương, Đào Sơn Tây, Tô Ký, quân số lên đến hàng ngàn người. Vùng Thường Lang, Tân Tịch được chọn làm một trong những địa điểm tập kết của các cánh quân. Thời gian tiến công được chọn vào đêm Tết dương lịch.

Đêm mùng 1-1-1946, lực lượng ta chia làm 4 cánh quân bí mật áp sát, luôn sâu vào thị xã. Lúc 0 giờ ngày mùng 2, bộ đội ta bất ngờ nổ súng tiến công các trạm gác, công sở, nhà lao, đầu cầu, gây cho địch bất ngờ ngay từ đầu. Quân Pháp cố thủ trong thành Săng Đá để chống trả. Sau khi tiêu diệt một số tên địch, bắn cháy chợ và một vài công sở khác, bộ đội ta rút lui an toàn.

Trong lúc địch đang ồ ạt đánh chiếm khắp các tỉnh Nam Bộ, thì trận tấn công táo bạo vào thị xã Biên Hòa tuy không tiêu diệt được nhiều địch nhưng đã gây tiếng vang lớn về chính trị. Đây là trận phối hợp tấn công có quy mô lớn đầu tiên của bộ đội ta lấy Tân Uyên làm một trong những vị trí xuất quân. Nó trực tiếp đập tan luận điệu huênh hoang “đã tiêu diệt hết Việt Minh” của thực dân Pháp, gây thanh thế cho lực lượng vũ trang cách mạng trong buổi đầu, kích thích tinh thần hăng hái tham gia kháng chiến và tin tưởng vào sự nghiệp kháng chiến của nhân dân ta.

Nhờ ảnh hưởng của trận đánh này, số người yêu nước từ Sài Gòn, Chợ Lớn, thị xã Biên Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, các sở cao su, các tỉnh miền Tây Nam Bộ tìm về căn cứ Tân Uyên ngày càng đông. Vệ quốc đoàn Biên Hòa được bổ sung thêm nhiều cán bộ, chiến sĩ và vũ khí.

Tại Tân Uyên, nhân dân một mặt tranh thủ thời gian Pháp chưa lên tới để củng cố chính quyền cách mạng và các đoàn thể, mặt khác, hăng hái làm nhiệm vụ hậu cần của một căn cứ kháng chiến. Đồng bào tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Có người hiến cả một đàn trâu. Gia đình nào cũng tham gia gánh vác công việc cách mạng như nấu nướng tiếp tế, động viên con em đầu quân giết giặc hoặc tham gia các đội tự vệ chiến đấu, tiếp đón, cu rùa mang các gia đình từ vùng tạm bị chiếm tản cư về.

Đầu năm 1946, Tân Uyên trở thành một trong những trung tâm kháng chiến ở miền Đông Nam Bộ. Từ căn cứ của một tiểu đội vũ trang, các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An trở thành căn cứ của Vệ quốc đoàn Biên Hòa, rồi của toàn Chiến khu 7.

Từ giữa tháng Giêng, giặc Pháp bắt đầu tổ chức các cuộc trinh sát và hành quân thăm dò lên Tân Uyên. Ngày ngày, máy bay Pháp bay lượn trên bầu trời căn cứ. Sáng ngày 20-1, các trạm gác của hệ thống phòng thủ Tân Uyên dọc sông Đồng Nai báo về có một đoàn tàu địch theo sông Đồng Nai tiến lên Tân Uyên. Các trung đội phục kích dọc bờ sông được lệnh tấn công địch. Bộ đội ta chọn khúc sông gần Lò Rèn, cách thị trấn Tân Uyên 2km làm trận địa tiêu diệt địch. Một bè cây được đẩy ra neo chặn không cho tàu địch chạy sát bờ sông phía Cù Lao.

Hơn 6 giờ sáng, đoàn tàu địch gồm 1 tàu và 2 xuồng chiến đấu đã tới trận địa phục kích. Gấp bè cây, chúng buộc phải bẻ lái chạy sát bờ phải. Bộ đội ta thừa cơ dùng lựu đạn ném xối xả xuống tàu Pháp. Một quả lựu đạn rơi trúng ống khói nổ làm tàu bị hư máy không chạy được. Hai xuồng nhỏ vừa bắn loạn xạ lên bờ, vừa ép sát hai bên mạn tàu đón quân Pháp trên tàu xuống rồi vội vã quay trở lui. Bộ đội ta tiếp tục vận động dọc bờ sông truy kích địch xuống tận Vĩnh Phước.

Ngày 22-1, địch lại tổ chức cuộc tiến công thăm dò lần thứ hai. 9 giờ sáng, 2 tàu Pháp từ Biên Hòa tiến lên Tân Uyên. Lần này, lực lượng bảo vệ căn cứ của ta di chuyển địa điểm phục kích cách vị trí cũ 800m về phía hạ nguồn. Tàu địch vừa tới nơi, bộ đội ta từ bờ sông Cù Lao bắn tới tấp. Tên lái tàu bị chết tại chỗ. Chiếc tàu không người lái quay mũi đâm vào bờ. Hơn 30 tên địch bị trúng đạn rơi xuống sông. Chiếc còn lại, sau phút choáng váng ban đầu, tập trung hỏa lực bắn như vũ đạn lên hai bên bờ, ngoan cố tiếp tục tiến lên Tân Uyên. Trên Cù Lao, bộ đội ta đuổi theo, mỗi lần vượt lên mũi tàu liền nằm

xuống bắn chặn, rồi lại chạy vượt lên. Do không có súng lớn và thiếu kinh nghiệm đánh vận động nên ta không diệt được tàu địch. Tuy vậy, bị quân ta bắn ráo riết, khi đến cách thị trấn Tân Uyên một cây số, tàu địch buộc phải quay về.

Thắng lợi trong hai trận đánh đầu tiên bảo vệ căn cứ Tân Uyên làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, cổ vũ quân và dân chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

Sau khi có chủ trương thành lập các quận quân sự của tỉnh Biên Hòa, tại Chiến khu Đ, quận quân sự I được thành lập với một tiểu đội vũ trang tập trung, phụ trách 5 xã và căn cứ Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An. Được sự giúp đỡ của các phân đội Vệ quốc đoàn, quận đã hoạt động tích cực trong việc phát triển dân quân du kích, chiến đấu chống càn và phục vụ tiếp tế cho bộ đội đóng quân tác chiến trên địa phương. Phong trào chiến tranh nhân dân nhờ thế sôi nổi hẳn lên, góp phần thiết thực xây dựng, bảo vệ căn cứ. Công tác bảo đảm hậu cần được giải quyết một bước.

Để có đủ quân đưa ra chiến trường miền Bắc nhằm thực hiện âm mưu mở rộng cuộc chiến tranh trên toàn quốc, bắt đầu từ tháng 6-1946, thực dân Pháp rút bớt lực lượng ở Nam Bộ. Tại Tân Uyên, chúng rút bớt các đồn lẻ, chỉ giữ lại những đồn bót, chi khu trọng yếu ở thị trấn, Sở cao su Phước Hòa, các cửa ngõ giao thông quan trọng trên dọc đường và ven sông Đồng Nai. Đồng thời chúng đẩy mạnh thành lập nguy binh, củng cố các tổ chức quân sự địa phương và hội tế để tăng cường kiểm soát vùng căn cứ. Từ sau Tạm ước 14-9, hoạt động càn quét của địch giảm xuống. Địch chỉ còn giữ lại ở Tân Uyên Chi khu Tân Uyên và bót Tân Uyên, Cống Xanh, Phước Hòa. Bên tả ngạn sông Đồng Nai chỉ còn Chi khu Cây Đào và bót Rạch Đông. Phạm vi kiểm soát của địch đối với chiến khu thu hẹp lại. Từ Đất Cuốc, Lạc An, ta mở đường liên lạc vận tải dễ dàng lên đường 13 ở phía bắc và qua sông Đồng Nai về Long Thành, Bà Rịa ở phía nam.

Các cơ quan kháng chiến của tỉnh, huyện từ rừng sâu chuyển ra phía ngoài, đóng dọc Đất Cuốc, Tân Lợi, Mỹ Lộc, Tân Tịch, xây dựng lán trại khá khang trang.

Sở Chỉ huy Chi đội 10 từ Bình Chánh chuyển về Tân Tịch. Chi đội tranh thủ thời gian vừa củng cố, xây dựng lực lượng bổ sung thêm quân số, vừa huấn luyện nâng cao trình độ chỉ huy chiến đấu và thực hành chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ. Các phân đội đưa từng bộ phận về bám sát hoạt động ăn ở luôn tại xóm ấp, có nơi sát đồn địch để gây dựng và phát triển phong trào địa phương.

Bên cạnh việc vận động nhân dân tại chỗ đóng góp, bộ phận quân nhu do đồng chí Cao Văn Bỏ phụ trách xây dựng mạng lưới bảo đảm hậu cần xung quanh căn cứ, đặt các cơ sở nội thành làm nhiệm vụ mua sắm hoặc vận động đồng bào ủng hộ tiền bạc, thuốc men, hóa chất, tổ chức các đường dây vận chuyển thường xuyên về Chiến khu.

Trong điều kiện hết sức thiếu thốn, khó khăn, các cơ quan kháng chiến và đơn vị vũ trang đã trụ lại Tân Uyên với quyết tâm xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Đi đôi với công tác xây dựng căn cứ, mọi hoạt động hậu cần được triển khai có kết quả, đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi với một căn cứ kháng chiến. Trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển Chiến khu Đ, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã có những đóng góp không nhỏ cả về tinh thần, vật chất và đặc biệt là tấm lòng yêu nước của người dân đối với cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Đó là cơ sở để xây dựng Chiến khu Đ trở thành “Thủ đô kháng chiến” của tỉnh Biên Hòa và các vùng kế cận thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Sự vững vàng của Chiến khu được xây dựng bởi công sức và cả máu xương của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào. Chiến khu đã trở thành một biểu tượng kháng chiến để nhân dân khắp nơi hướng về, tin tưởng, hy vọng ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TIẾN HÀNH CUỘC ĐẤU TRANH TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN THUẬT THÁP CANH CỦA THỰC DÂN PHÁP (1947 - 1950)

I. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, PHÁT TRIỂN ĐẤU TRANH DU KÍCH, CHIẾN THUẬT ĐẶC CÔNG RA ĐỜI

Theo kế hoạch của Bộ Chỉ huy quân đội Pháp, địch phải tập trung lực lượng bình định Nam Bộ dứt điểm vào mùa thu năm 1947, “tách Nam Kỳ ra khỏi cuộc chiến tranh”, từ đó dồn sức cho chiến trường miền Bắc, hòng giải quyết triệt để cuộc chiến. Bình định Nam Bộ trở thành khâu then chốt trong chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Valuya để lại cho Nam Đông Dương phân nửa số quân tăng viện từ Pháp sang. Quân số của Tướng Ngô lên gần 40% lực lượng quân viễn chinh (23/69 tiểu đoàn bộ binh, 9 đại đội pháo binh, 5 đại đội kỵ binh, quân số tất cả là 35.000 tên) cùng với trên 60.000 lính bảo an và khoảng 10.000 dân vệ (tức thân binh).

Quân, dân Tân Uyên dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, tuy lực lượng còn mỏng, song tinh thần kiên định và gắn bó máu thịt với nhân dân trong hơn một năm chiến đấu gay go và anh dũng là một bài học thực tiễn có tính thuyết phục. Về quân sự, tuy địch tạm thời hơn hẳn ta về trang bị và kinh nghiệm chiến tranh, song vẫn không tiêu diệt được lực lượng kháng chiến của ta. Những thủ đoạn tuyên truyền bịp bợm, gian xảo của địch không thể lừa gạt, lôi kéo được đại bộ

phận nhân dân. Những tội ác tày trời của địch không làm cho dân ta khiếp sợ, trái lại còn nung nấu thêm ý chí căm thù, quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Tháng 7-1947, Tỉnh ủy Biên Hòa triệu tập Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần thứ hai tại Mỹ Lộc (Tân Uyên). Hội nghị đã kiểm điểm phong trào địa phương từ khi cả nước bước vào cuộc kháng chiến. Phong trào kháng chiến ở địa phương có bước phát triển, nhưng sự lãnh đạo của Đảng chưa toàn diện. Hội nghị đã cử đồng chí Nguyễn Văn Ký làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư - Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm Ủy viên quân sự tỉnh và củng cố các đoàn thể cứu quốc.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy cử nhiều đồng chí trong cấp ủy dự các lớp huấn luyện về công tác Đảng ở Khu và Xứ, đồng thời mở nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ nhận thức lý luận và lãnh đạo cho đảng viên.

Tiếp đó, ngày 28-7-1947, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ đã ra chỉ thị “Phát triển Đảng”. Bản chỉ thị đã vạch rõ thiếu sót của công tác phát triển Đảng thời gian qua là đảng viên không phát triển mạnh mẽ, nhịp nhàng tương ứng với trình độ giác ngộ cách mạng của quần chúng. Nguyên nhân là nhiều đồng chí còn giữ quan niệm cũ về Đảng, có thái độ hoài nghi, dè dặt đối với những nhân tố tích cực đã được thử thách trong 2 năm kháng chiến hiện đang hoạt động trong hầu hết các đoàn thể cứu quốc, trong bộ đội, cơ quan...

Bản chỉ thị cũng nêu lên những tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp và giáo dục đảng viên mới, đồng thời chỉ đạo phải hết sức cảnh giác đối với những phần tử cơ hội, xu thời, len lỏi vào hàng ngũ của Đảng để “lợi dụng thanh danh của Đảng mà thỏa thích lòng riêng của họ”.

Bản chỉ thị “Phát triển Đảng” của Xứ ủy Nam Bộ đã đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo thực tế của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, đồng thời cũng định hướng cho sự phát triển Đảng, phát triển phong trào ở địa phương.

Ở các vùng nông thôn, vùng căn cứ, sau khi có chỉ thị “Phát triển Đảng”, Tỉnh ủy Biên Hòa đã chỉ đạo trực tiếp cho các Quận ủy, Ủy ban kháng chiến, Ủy ban hành chính, Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc... nhanh chóng đưa cán bộ về xã để củng cố bộ máy đảng, chính quyền; qua phong trào thực tế ở địa phương để bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới, xây dựng chi bộ cơ sở.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1947 đến năm 1950, Quận ủy Tân Uyên luôn được củng cố. Năm 1947, đồng chí Huỳnh Văn Đính được chỉ định làm Bí thư Quận ủy Tân Uyên thay đồng chí Hồ Thu bị bệnh; Phó Bí thư là đồng chí Lê Huyền và các ủy viên Ban Chấp hành là các đồng chí: Cổ Tấn Chương, phụ trách Quận đội trưởng dân quân; đồng chí Tân Xuân phụ trách Trưởng công an quận; đồng chí Phạm Khánh Nhuận phụ trách công nhân; nữ đồng chí Vân phụ trách Hội Phụ nữ Cứu quốc; đồng chí Phạm Văn Vang, Võ Thái Thương, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính quận phụ trách kinh tế - tài chính.

Năm 1948, Quận ủy Tân Uyên thay đổi một số ủy viên trong Ban Chấp hành Quận ủy. Đồng chí Phạm Văn Vang được điều về làm Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, phụ trách kinh tế; đồng chí Phan Duy Khai, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính quận Châu Thành về làm Ủy viên Ban Chấp hành Quận ủy thay đồng chí Phạm Văn Vang; đồng chí Võ Thái Thương được Tỉnh ủy điều về quận Long Thành, nằm trong Quận ủy, Ủy ban kháng chiến, phụ trách kinh tế quận.

Cuối năm 1948, Quận ủy Tân Uyên mở lớp bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cơ sở, do các đồng chí trong Thường vụ Quận ủy như Hai Đính, Lê Huyền, Xuân Nguyên phụ trách lớp học. Gần 40 bí thư, phó bí thư các xã trong quận về dự. Lớp học đã bồi dưỡng chính trị và năng lực công tác lãnh đạo, chỉ đạo cho chi bộ Đảng ở cơ sở, duy trì và phát triển một đội ngũ cán bộ cơ sở thường xuyên ở các địa bàn trong toàn quận.

Đầu năm 1949, Tỉnh ủy Biên Hòa lập một quận mới, lấy tên là quận Đồng Nai, gồm các làng: Tân Nhuận, Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, Cộng Hòa (gồm các ấp Bà Phụng, Suối Tre, Cây Chanh, Hàng Dài, Cội Tiệp, Thuộc Nghĩa, Suối Linh).

Ban Chấp hành Quận ủy Đồng Nai gồm có các đồng chí:

- Mai Sơn Việt (bí danh Chí Nhân): Bí thư Quận ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính quận (chưa có Phó Bí thư).
- Lê Văn Quang: Ủy viên Ban Thường vụ, phụ trách Mặt trận Việt Minh.
- Trần Công Đạo: Quận ủy viên, Quận đội phó.
- Nguyễn Văn Uyên: Quận ủy viên, Phó Chính trị viên quận.

Chính trị viên Ban Chỉ huy quận do đồng chí Mai Sơn Việt phụ trách.

Cuối năm 1949, Tỉnh ủy Biên Hòa điều đồng chí Mai Sơn Việt đang là Bí thư Quận ủy Đồng Nai về làm Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính quận Tân Uyên thay đồng chí Phan Duy Khai (đồng chí Khai chuyển về làm Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, phụ trách công tác xã hội thay đồng chí Huỳnh Nghị nghỉ việc do sức khỏe).

Cuối năm 1949, đồng chí Mai Sơn Việt được điều về làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã Biên Hòa.

Từ cuối năm 1949 đến tháng 2-1951, Ban Chấp hành Quận ủy Tân Uyên, gồm các đồng chí:

- Huỳnh Văn Đính: Bí thư Quận ủy.
- Lê Huyền: Phó Bí thư.
- Đồng chí Tân Xuân: Ủy viên Ban thường vụ, làm Trưởng công an quận.
- Nguyễn Văn Quyên (Queo): Ủy viên Ban thường vụ, làm Trưởng ban trình sát công an quận.

Ban Chấp hành bầu bổ sung ba Quận ủy viên: Đồng chí Nguyễn Văn Luông (Bí thư xã Thái Hòa), làm Hội trưởng Hội Nông dân Cứu quốc; đồng chí Võ Văn Tạo (Mười Bản), Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính phụ trách Ban Xã hội quận; đồng chí Hà Tư, phụ trách công tác thông tin - văn hóa quận.

Về phía địch, nhằm thực hiện kế hoạch bình định, từ năm 1947 thực dân Pháp ra sức lôi kéo các phe nhóm tôn giáo phản động, lập các đảng phái và “Mặt trận quốc gia” giả hiệu, các “khu quốc gia”, “khu an ninh” nhằm tạo thêm cơ sở xã hội cho chúng và chia rẽ hàng ngũ kháng chiến của ta. Địch củng cố các cơ sở kinh tế như cao su ở miền Đông, lúa gạo ở miền Tây và các đường giao thông chiến lược. Biện pháp hoạt động quân sự của chúng là tập trung lực lượng lớn hành quân sâu vào các vùng căn cứ kháng chiến nhằm vào đánh cơ quan đầu não của ta, tìm diệt lực lượng vũ trang, triệt phá cơ sở hậu phương, liên tục đánh phá vùng du kích, từng bước mở rộng vùng chúng kiểm soát và vùng tạm bị chiếm. Chiến khu Đ trở thành mục tiêu cần quét chủ yếu của Lữ đoàn lê dương số 13 Pháp.

Nhiệm vụ chung của ta ở Nam Bộ lúc này là: Đẩy mạnh đánh địch ở khắp các mặt trận, mở một cuộc tổng tiến công, quấy rối, phong tỏa, phá hoại, không để cho giặc Pháp đem của cải lấy được ở Nam Bộ ra đánh miền Trung, miền Bắc, kiên quyết ngăn chặn âm mưu của địch lợi dụng tôn giáo, chia rẽ hàng ngũ kháng chiến của ta.

Tháng 1-1947, Tư lệnh bộ Khu 7 (từ tháng 12-1946 Khu bộ Khu 7 đổi tên là Tư lệnh bộ) mở hội nghị quân sự, chủ trương chấn chỉnh lại lực lượng vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng hoàn chỉnh, tổ chức đánh giao thông địch, chống càn quét và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Tại Chiến khu Đ, chấp hành chỉ thị của trên, Chi đội 10 tăng cường công tác xây dựng, bảo vệ căn cứ của tỉnh, mặt khác chấn chỉnh lại lực lượng, tổ chức các trận đánh tiêu diệt địch, vừa đánh vừa rút kinh nghiệm xây dựng, phát triển đơn vị.

Để bảo vệ căn cứ, ngoài việc bố trí các phân đội thuộc Đại đội A, Chi đội 10 còn tổ chức xây dựng mạng lưới trinh sát, tình báo làm nhiệm vụ nắm địch, chống do thám, gián điệp và thông báo tình hình địch kịp thời cho Ban Chỉ huy chi đội. Đầu năm 1947, tổ trinh sát của Chi đội dời về Chiến khu Đ và đổi thành tổ tình báo do đồng chí Bùi Trọng Nghĩa phụ trách. Tổ đã móc nối xây dựng các ban tình báo huyện, xã trong toàn tỉnh. Riêng ở Chiến khu Đ, dựa vào bộ phận của đồng chí Chín Quỳ, Ban Chỉ huy chi đội đã lập một trung đội tình báo kiêm cảnh sát quân sự - tòa án binh hoạt động trong địa bàn chiến khu. Công tác bảo vệ căn cứ được đặt ra một cách có hệ thống và thường xuyên.

Ngày 18-1-1947, giặc Pháp huy động lực lượng càn vào Tân Tịch và nhảy dù xuống Mỹ Lộc nhằm đánh úp cơ quan kháng chiến của tỉnh và Chi đội 10. Các phân đội bảo vệ căn cứ đã chặn đánh quyết liệt, diệt 1 tiểu đội địch, thu nhiều đạn dược thuốc men và 100 chiếc dù. Qua trận đánh này, bộ đội ta có thêm kinh nghiệm chiến đấu chống chiến thuật nhảy dù

đánh úp của địch, từ đó triển khai xây dựng hệ thống vật cản chống địch nhảy dù. Bộ đội và du kích chặt cây vạt nhọn chôn xuống đất, hình thành những bãi chông lớn trên khắp các trảng trống.

Tháng 3-1947, có cơ sở nội ứng phối hợp, Chi đội đã tập kích bất ngờ, diệt gọn đồn Đất Cuốc do một trung đội địch đóng giữ, giải tỏa vùng trung tâm Chiến khu.

Trên các đường giao thông vào căn cứ như tỉnh lộ 16 (Tân Uyên), tỉnh lộ 24 Châu Thành, tỉnh lộ 17, 19 (Long Thành) và các đường huyết mạch khác như quốc lộ 1, 14, 15, 20, liên tỉnh lộ 2... đều bị dân quân đào phá, đắp ụ làm chướng ngại vật ngăn cản các cuộc càn bộ của giặc. Đặc biệt, ở vùng đồn điền cao su, phong trào phá hoại kinh tế của địch phát triển mạnh. Công nhân nhận thêm phần cây cạo để bổ sung lao động đi phá hoại kinh tế, đường sá...

Tháng 12-1947, theo chỉ đạo của Phòng Dân quân Nam Bộ, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập Tỉnh đội bộ Dân quân. Theo hệ thống dọc, quận có Quận đội bộ, xã có Xã đội bộ. Các Quận đội bộ có đội du kích tập trung, Xã đội bộ có dân quân du kích, dân quân tự vệ.

Cuối năm 1947, tỉnh Biên Hòa đã hình thành 3 loại tổ chức lực lượng vũ trang: bộ đội tập trung (chi đội), du kích tập trung và dân quân du kích, dân quân tự vệ, là tiền đề để hình thành 3 thứ quân ở địa phương.

Phối hợp với chiến trường chung, nhằm phá tan kế hoạch Thu - Đông 1947 – 1948 của Pháp ở Việt Bắc, Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo lực lượng vũ trang chuẩn bị tiến công ra ngoài căn cứ, chủ yếu đánh giao thông địch nhằm vào các đoàn xe côngvoa.

Chi đội 10 Biên Hòa đã mở một loạt trận phục kích đánh giao thông, diệt nhiều sinh lực địch. Nổi bật là trận đánh giao thông Đồng Xoài quốc lộ 14 ngày 19-12-1947 kỷ niệm

một năm Ngày toàn quốc kháng chiến. Ngày 1-3-1948, dựa vào tin tức của Chi quân báo do Bùi Trọng Nghĩa chỉ huy, Chi đội 10 đánh trận giao thông La Ngà (quốc lộ 20 Sài Gòn - Đà Lạt) giành thắng lợi, gây tiếng vang lớn trong và ngoài nước. Đây cũng là trận đánh giao thông lớn nhất bấy giờ ở Nam Bộ, thể hiện rõ ý chí chiến đấu và chính nghĩa của cách mạng¹.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Quân khu 7 ngày 27-3-1948 về xây dựng 10 trung đoàn, ngày 14-6-1948, Chi đội 1 được nâng lên thành Trung đoàn 301. Các đại đội 1, 2, 3 trở thành các tiểu đoàn 901, 902, 903. Chi đội 10 (Biên Hòa) cũng trở thành Trung đoàn 310 vào thời điểm đó.

Cùng với sự trưởng thành của lực lượng tập trung địa phương, từ tháng 9-1947, phong trào dân quân bước đầu được sự chỉ đạo thống nhất từ Nam Bộ đến cơ sở. Với sự năng nổ hoạt động của các cấp đội bộ dân quân từ tỉnh đến xã, ở Biên Hòa, Tân Uyên đã hình thành mạng lưới dân quân dày đặc, mà nòng cốt là dân quân du kích thoát ly và bán thoát ly. Các lực lượng vũ trang của địa phương hợp thành thể trận “thiên la địa võng”, chỗ nào cũng có mặt, lúc nào cũng sẵn sàng tiêu diệt quân xâm lược. Các lực lượng gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân thương yêu, giúp đỡ, đùm bọc, chia sẻ từng miếng cơm, manh áo trong những lúc gian nan, khổ cực nhất. Nhờ vậy, cuộc kháng chiến của quân và dân Biên Hòa, Tân Uyên đạt được nhiều thắng lợi trên mặt trận quân sự.

Ở Tân Uyên, tháng 2-1948, địch huy động 2.000 quân chia làm nhiều cánh tiến công vào Chiến khu Đ. Phối hợp với bộ binh, một đoàn tàu chiến tiến dọc theo sông Đồng Nai cùng với hàng trăm lính nhảy dù xuống xã Mỹ Lộc để bắt thần chụp vào các cơ quan lãnh đạo của ta.

¹ Trận La Ngà, ta diệt 59/70 xe quân sự, 150 lính Lê dương, 25 sĩ quan, bắt sống một trung úy (Jeffrey). Trong số 25 sĩ quan có 2 đại tá (De Sérigné và Patruit). Sau trận đánh, Đại tá Talès - Chỉ huy trưởng Đồng Nai Thượng đã tự sát vì sợ trách nhiệm.

Theo dõi sát mọi hoạt động của địch, ngay từ đầu, lực lượng vũ trang của ta gồm quân chủ lực của Quân khu 7, Chi đội 10, lực lượng địa phương Tân Uyên và các đội du kích xã được phân công bám địch từ các hướng. Ta cũng tổ chức một lực lượng du kích luôn ra khỏi vòng vây của địch để nghi binh, quấy rối địch tại thị trấn Tân Uyên. Suốt 7 ngày đêm quần nhau quyết liệt với địch, ta đã diệt và làm bị thương hàng trăm tên, thu 400 dù và nhiều vũ khí. Cơ quan Khu bộ, cơ quan của tỉnh Biên Hòa được bảo vệ an toàn.

Trận chiến của ta trên đường 20 với trận La Ngà nổi tiếng đã giáng cho địch một đòn nặng nề. Chúng rất cay cú, phản kích điên cuồng vào Chiến khu Đ lần thứ hai. Đêm mùng 1 rạng mùng 2-3, địch huy động 5 tiểu đoàn bằng nhiều hướng trên bộ, trên sông và cả quân nhảy dù quyết tiêu diệt các cơ quan khu, tỉnh và lực lượng vũ trang ta. Song cũng như lần trước, bộ đội và du kích ta chiến đấu quyết liệt, diệt và làm bị thương hơn 50 tên, thu một số vũ khí và máy bộ đàm.

Cay cú vì thất bại, địch bắn giết bừa bãi hàng chục đồng bào dân tộc thiểu số ở Bù Cháp, Lý Lịch và đồng bào Kinh ở các xã Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, đốt 500 gia lúa, bắn chết 100 con trâu, bò. Một lần nữa, địch chẳng những không thực hiện được ý đồ ngông cuồng của chúng mà còn khơi dậy thêm lòng căm thù của nhân dân.

Đêm 19-3-1948 đã diễn ra trận đánh độc đáo tiêu diệt tháp canh cầu Bà Kiên trên đường 16. Một tổ chiến đấu do Trần Công An, trợ lý tác chiến Quận đội Tân Uyên chỉ huy. Dùng thang đặt ở chân tháp canh, chiến sĩ ta leo lên ném 2 trái lựu đạn vào trong tua. Lựu đạn nổ, tiểu đội nguy chết tại chỗ. Ta thu 8 súng, 20 lựu đạn và đốt luôn tháp canh. Trận đánh này tuy nhỏ, song lại là trận đánh mở đầu bằng lối đánh đặc công và ngày 19-3 đã đi vào lịch sử của Tân Uyên và trở thành ngày truyền thống binh chủng đặc công của Quân đội

nhân dân Việt Nam anh hùng. Và Tân Uyên đã trở thành nơi khởi đầu cách đánh đặc công ấy.

II. CÙNG TOÀN TỈNH ĐÁNH PHÁ CHIẾN THUẬT THÁP CANH CỦA THỰC DÂN PHÁP

Đầu năm 1948, Tướng Đờlatua thay Tướng Ngô chỉ huy lực lượng quân đội Pháp ở Nam Bộ. Tướng Đờlatua rút kinh nghiệm chiêm đóng của Hítle ở Bắc Phi đã trùm lên mảnh đất miền Đông và cả Nam Bộ một mạng lưới cứ điểm nhỏ, tháp canh chằng chịt, nhằm bảo vệ giao thông, siết chặt vùng chiếm đóng, ngăn chặn giao thông của ta, chia cắt, khống chế và bao vây các căn cứ kháng chiến. Mỗi tua, tháp canh cách nhau chừng 1km và có từ nửa đến một tiểu đội lính chiếm giữ những vị trí quan trọng nhưng chưa cần thiết đóng đồn, chúng xây “Tua mẹ” lớn hơn, có từ một đến hai tiểu đội thân binh canh giữ. Đồn, cứ điểm là nơi đóng quân và là nơi xuất phát hành quân càn quét đi gây tội ác của địch. Diệt cứ điểm, nhổ đồn, đánh tua, tháp canh là mối quan tâm thường trực của quân và dân ta. Bộ Tổng tham mưu quân đội ta đã chỉ thị cho lực lượng vũ trang Nam Bộ phải nghiên cứu phá chiến thuật cứ điểm nhỏ, đội quân ứng chiến nhỏ của giặc Pháp. Có làm thất bại chiến thuật này, thì ta mới phá được chính sách “bình định” của địch.

Thực hiện chủ trương của Bộ Tổng tham mưu quân đội ta là một quá trình trải nghiệm để tìm ra cách đánh đạt hiệu quả cao nhất, làm thất bại chiến thuật của Đờlatua. Và từ sau trận đánh tiêu diệt tháp canh cầu Bà Kiên ngày 19-3-1948 trên đường 16, tại Tân Uyên đã mở ra một phong trào diệt tháp canh, giáng một đòn nặng nề vào chiến thuật tháp canh của thực dân Pháp.

Tháng 3-1949, diễn ra một cuộc chống càn tại Chiến khu Đ. Địch huy động cả ngàn quân đánh vào Bộ Tư lệnh Quân khu và các cơ quan đầu não tỉnh Biên Hòa. Chúng chia

lực lượng thành nhiều cánh tấn công, có xe tăng yểm trợ. Bộ Tư lệnh Quân khu trực tiếp chỉ đạo trận chống càn này. Ngoài các đơn vị chặn đánh các ngã đường vào Chiến khu và đánh tàu trên sông Đồng Nai, đồng chí Trần Công An chỉ huy một tiểu đội đặc công đánh thử nghiệm xe tăng bằng mìn do ta tự tạo. Mìn tự tạo được bố trí sẵn theo đường vào Văn phòng Bộ Tư lệnh. Ba xe tăng địch dẫn xác đến trận địa, trúng mìn, bị tan xác tại chỗ. Ở các cánh quân khác, nhiều binh lính địch và xe tăng cũng bị thiệt hại nặng. Lần đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ, xe tăng địch bị diệt, khiến bọn chỉ huy địch hốt hoảng, vội vã rút quân, kết thúc cuộc càn.

Cũng trong tháng 4-1949, ta tổ chức đánh cứ điểm Dầm Giá nằm trên đường 14, cách chi khu Phước Hòa 8km về phía bắc. Cứ điểm này vừa là tua, vừa là bót, có 4 tầng, xây dựng rất kiên cố. Mỗi tầng đều có lỗ châu mai. Lực lượng đóng giữ là 1 trung đội lính Âu - Phi. Cứ điểm được bảo vệ bằng 4 lớp kẽm gai, giữa là 2 lớp rào cấm chông dày đặc. Lực lượng ta gồm Đại đội Bạch Đằng và đội du kích tập trung Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy. Bộ đội ta bí mật cắt rào kẽm vào đến tận chân tường đặt mìn do ta sản xuất (trái lớn nặng hơn 20kg). Mìn nổ, tường xi măng dày bị rã từng mảng lớn. Cả trung đội địch bị diệt gần hết. Ta bắt sống 4 tù binh Pháp, thu nhiều súng đạn, trong đó có một khẩu đại liên cùng lương thực các loại chở đầy 4 xe bò. Sau trận này, địch rút bỏ luôn tua Dầm Giá.

Rút kinh nghiệm từ các trận đánh bằng chiến thuật đặc công, tháng 5-1949, Quân khu 7 mở lớp huấn luyện đặc công tại Bà Đã cho 85 học viên các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Gia Định. Đây là chiến thuật mới nhằm đánh vào hệ thống tua mà địch đang dựng lên chằng chịt khắp các nơi xung yếu. Các học viên học xong chưa được đánh vì còn phải chờ công binh xưởng sản xuất vũ khí và chờ lệnh tấn công đồng loạt nhiều tháp canh để địch không kịp ngay đối phó.

Tháng 6-1949, trung đội du kích tập trung ở Tân Uyên do Quận đội phó Cổ Tấn Chương chỉ huy đã kỳ tập lấy bót Rạch Tre, thu hết súng đạn rồi đốt tua. Sau trận này, địch đóng lại tháp canh, xây tường bê tông rất chắc, cửa sắt dày, ngoài có lưới kẽm gai bảo vệ. Lực lượng địch đóng giữ được tăng gấp đôi.

Tháng 10-1949, Tỉnh đội phó dân quân Biên Hòa là Bùi Cát Vũ và Giám đốc Công binh xưởng Đặng Sĩ Hùng đã nghiên cứu sản xuất được loại vũ khí phá tường (ký hiệu FT). Sau khi thử nghiệm đạt kết quả tốt, công binh xưởng tiếp tục sản xuất hàng loạt vũ khí này.

Trong khi các đơn vị lực lượng vũ trang của ta tập trung tìm cách đánh tiêu hao, tiêu diệt địch trên các chiến trường thì lực lượng trinh sát, công an xung phong và du kích các xã luôn bám địa bàn tìm diệt những tên tề gian ác, những tên chỉ điểm, gián điệp và phá bộ máy ngụy quyền, góp phần làm thất bại chiến tranh gián điệp của chúng.

Những tên Việt gian có nhiều nợ máu với nhân dân, với cách mạng bị đèn tội ngay tại hang ổ của chúng. Đó là các tên Trần Ngọc Sâm (lính kín), cai tổng Cao ở Tân Khánh, trốn ra thị xã đều bị diệt tại Phú Cường. Tại Tân Uyên, các tên xã Bí, tổng Ngô, tổng Khỏe, tổng Quốc, xã Lê, hương cả Xuân, hương cả Chà... đều bị ta tiêu diệt.

Những trận diệt tề, trừ gián điệp, chỉ điểm đều thực hiện đúng đối tượng, đúng chính sách với tinh thần quả cảm, táo bạo của cán bộ, chiến sĩ ta, được cán bộ, đồng bào hoan nghênh. Cũng nhờ đó mà từ cuối năm 1949, ở nhiều xã thuộc vùng yếu, bộ máy kìm kẹp của địch bị phá lỏng.

Công tác phá hoại đường bộ, đường sắt tuy những năm trước tỉnh có quan tâm chỉ đạo nhưng việc thực hiện không được thường xuyên. Từ khi tổ chức dân quân được hình thành

từ tỉnh đến xã thì công tác này tiến hành thường xuyên, có nền nếp và quy mô hơn trước.

Trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một có các đường giao thông huyết mạch: đường sắt từ Sài Gòn lên Lộc Ninh; đường 13 cũng từ Sài Gòn lên Lộc Ninh rồi chạy qua Campuchia, qua Lào; đường liên tỉnh 14 từ Thủ Dầu Một đi Tây Nguyên; đường 14 đi Dầu Tiếng; đường 16 nối Tân Uyên với Phước Hòa; đường số 8 từ Tân Uyên đến Lạc An và nhiều con lộ trải sỏi đỏ liên xã, liên huyện trong chiến tranh. Với những con đường này, ta và địch giằng co rất quyết liệt: ta phá, địch sửa, ta lại phá. Để ngăn chặn dân quân phá hoại đường, địch bắn pháo cầm canh, theo các trục lộ chính. Song ta vẫn phá, có lúc pháo bắn phía trước, ta phá phía sau và ngược lại.

Tháng 10-1949, Trung đoàn 301 sáp nhập với Trung đoàn 310 thành Liên trung đoàn 301-310 hoạt động trên toàn chiến trường Thủ Dầu Một và Biên Hòa do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm Liên trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Quang Việt vừa được Xứ ủy điều về Thủ Dầu Một làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên. Thực hiện chủ trương phân tán lực lượng thành các đại đội độc lập, Liên trung đoàn hoạt động đều khắp ở các huyện. Đến đây ba thứ quân trong tỉnh được hình thành rõ rệt. Tỉnh có tiểu đoàn chủ lực, huyện có đại đội độc lập và du kích tập trung, xã có từ 1 tiểu đội đến trung đội dân quân du kích và tổ chức dân quân tự vệ rộng rãi.

Từ nửa cuối năm 1949, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa chỉ đạo bổ sung thêm một số quy định nhằm đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm kinh tế tự túc, chống địch phong tỏa bao vây. Các đơn vị bộ đội và cơ quan dân chính khắc phục hiện tượng chỉ lo kinh doanh, “làm thương mại” mà chuyển sang tập trung cho sản xuất, lấy trồng trọt chăn nuôi làm chính. Ta mở rộng các nguồn thu như thu thuế sản xuất căn cứ, thuế đánh vào các loại hàng hóa bán vào vùng tạm bị chiếm, thuế thu ở vùng du kích và tạm bị chiếm, ở các sở cao su.

Cuối năm 1949, Chiến khu Đ được mùa lớn. Số lúa thu hoạch trong chiến khu tăng gấp 20 lần so với vụ mùa cuối năm 1947. Nông dân phấn khởi đóng góp lương thực cho cách mạng như lập “bồ lúa kháng chiến” hoặc bán chịu chờ ngày độc lập lấy tiền sau. Các sinh hoạt trong chiến khu dần ổn định trở lại. Dọc bến Chang Chang, bầu Ông Iêng, Sinh... hình thành những trung tâm dân cư, có các hiệu tạp hóa, ăn uống, chụp hình, cắt tóc, may đo, v.v..

Cuối năm 1949, mặc dù ta có được những thành tích đáng kể trong việc bảo vệ căn cứ, bảo vệ dự trữ kháng chiến nhưng công tác xây dựng căn cứ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu chung còn chưa được chú ý đúng mức và còn nhiều thiếu sót, tác động không nhỏ đến việc xây dựng, phát triển các lực lượng vũ trang theo kịp yêu cầu chung của chiến trường toàn quốc. Bộ đội thiếu quân số, thiếu vũ khí, thiếu huấn luyện cơ bản; hoạt động tác chiến còn theo lối du kích, chưa chuẩn bị đủ điều kiện cho nhiệm vụ chuyển sang tổng phản công.

Trong lúc đó, thực dân Pháp ngày càng đẩy mạnh bình định trên toàn chiến trường Nam Bộ. Đối với vùng căn cứ, chúng tăng cường bao vây và dùng các đội biệt kích (commăngđô) bất ngờ thọc sâu phá hoại. Đặc điểm nổi bật trong hoạt động của địch giai đoạn này là triển khai thực hiện chiến thuật Đòlatua, xây dựng hàng ngàn đồn bót, tháp canh trên các trục lộ giao thông, các cửa khẩu và xung quanh căn cứ của ta. Đến cuối năm 1949, hệ thống tháp canh được thiết lập tương đối hoàn chỉnh trên toàn chiến trường miền Đông.

Xung quanh Chiến khu Đ, địch dựng lên hàng loạt tháp canh nối liền nhau. Trên đường 16: từ Tân Ba lên thị trấn Tân Uyên đến Sở cao su Phước Hòa; dọc lộ 24: từ Cây Đào đến Rạch Đông; xa hơn: dọc liên tỉnh lộ 14 và quốc lộ 13... Tháp canh địch mọc lên dày đặc, tạo thành một vành đai bao bọc chiến khu từ cả 3 phía bắc, tây và nam. Các tháp canh này vừa làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông của địch, vừa ngăn chặn giao

thông của ta, cô lập Chiến khu Đ, đồng thời làm chỗ dựa để tổ chức thường xuyên các trận càn vào Chiến khu, dựng thêm tháp canh mới, mở rộng phạm vi kiểm soát, lấn dần vào căn cứ của ta.

Ngày 25-8-1949, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị đề ra nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới. Tiếp đó, ngày 28-9, chấp hành Nghị quyết Xứ ủy, Bộ Tư lệnh Nam Bộ triệu tập hội nghị quân sự mở rộng toàn Nam Bộ, chủ trương chuẩn bị mọi điều kiện để chuyển mạnh sang tổng phản công với phương châm “du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới”.

Tháng 10-1949, tướng Săngxông (Chanson) sang thay Đờlatua làm tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại miền Nam. Săngxông tiếp tục sách lược bình định như cũ, đẩy mạnh thực hiện chiến thuật Đờlatua, tăng cường khả năng kiểm soát và bao vây, càn quét căn cứ.

Một yêu cầu cấp bách đối với ta lúc này là phải tìm mọi biện pháp để diệt được tháp canh của địch, đánh mạnh vào giao thông của chúng và giải tỏa, mở rộng vùng căn cứ.

Tháng 11-1949, tại Bà Đã, xã Tân Hòa, Bộ Tư lệnh Khu 7 triệu tập hội nghị chuyên đề đánh tháp canh. Đại diện các đơn vị chủ lực, Tỉnh đội, Huyện đội và Binh công xưởng Khu đã về dự. Trên cơ sở kết luận của hội nghị về phương án bí mật tiếp cận dùng vũ khí tiêu diệt mục tiêu, Bộ Tư lệnh giao nhiệm cho Tỉnh đội Biên Hòa tổ chức đánh tháp canh và chỉ thị cho Ban quân giới Khu sản xuất loại mìn có khả năng đánh sập tường tháp.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Khu, Tỉnh đội Biên Hòa tổ chức lớp học đánh tháp canh. Ba trăm du kích ưu tú được chọn từ các huyện về, biên chế thành 50 tổ. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Tỉnh đội phó tỉnh Biên Hòa cho dựng một tháp

canh giả và chỉ huy luyện tập. Các học viên đã tiến hành luyện tập với tinh thần nghiêm túc, hăng hái và tuyệt đối bí mật.

Đầu năm 1950, mọi công tác chuẩn bị đánh tháp canh đã hoàn tất. Các học viên đã được tập luyện một cách thành thục và sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Ban Quân giới Khu cải tiến một loại mìn và cho đem nổ thử ở lò đường cũ tại Lạc An, thu được kết quả tốt. Tỉnh đội Biên Hòa quyết định tiến hành trận đánh.

Đêm 21 rạng ngày 22-3-1950, 50 tổ du kích đồng loạt đánh 50 tháp canh dọc các lộ 24, 16, 15 và quốc lộ 1. Kết quả, cả 50 tháp canh đều bị thủng 1 lỗ nhưng không cái nào bị sập. Bọn lính ngủ trong tháp bị chết, riêng tên gác trên sàn nóc còn sống đã dùng súng và lựu đạn đối phó lại ta.

Trận đánh 50 tháp canh tuy không thu được kết quả như mong muốn, nhưng đã gây tác động mạnh đối với địch, đồng thời kích thích tinh thần hăng hái diệt tháp canh của chiến sĩ ta.

Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh Khu 7 cùng với Tỉnh đội Biên Hòa mở hội nghị rút kinh nghiệm, khẳng định tính ưu việt của kỹ thuật bí mật tiếp cận đánh tháp canh. Hội nghị bổ sung hoàn chỉnh cách đánh mới: sau khi cho nổ FT, đưa thêm một quả mìn Pêta qua lỗ thủng cho nổ tiếp từ bên trong để đánh sập tường tháp. Ban Quân giới Khu lại được giao nhiệm vụ sản xuất mìn FT và Pêta và đội du kích Tân Uyên được giao nhiệm vụ đánh thử nghiệm một tháp canh theo phương pháp mới.

Đêm 18-4-1950, một tổ du kích Tân Uyên do đồng chí Bùi Cát Vũ và đồng chí Trần Công An chỉ huy đột nhập “tháp canh mẹ” tại cầu Bà Kiên nằm trên đường 16. Theo phương pháp đánh mới, hai quả mìn FT và Pêta đã đánh sập tháp canh, diệt hoàn toàn bọn lính trong tháp, thu toàn bộ vũ khí.

Sau trận cầu Bà Kiên, du kích Tân Uyên phối hợp với Đại đội Bạch Đằng diệt tháp canh Vàm Giá nằm trên đường 14

án ngữ một cửa ngõ quan trọng vào Chiến khu Đ. Trong trận này, ta diệt 1 trung đội lê dương, thu 1 súng cối 60 ly, 1 đại liên, hàng tấn đạn dược và lương thực, thực phẩm.

Trận cầu Bà Kiên và trận Vàm Giá đã khẳng định thắng lợi của cách đánh mới, mở ra khả năng đánh bại chiến thuật tháp canh của địch.

Xung quanh Chiến khu Đ, từ sau tháng 4-1950 trở đi, ta tiếp tục diệt nhiều tháp canh khác. Chiến khu ngày càng được mở rộng.

Phong trào diệt tháp canh từ đây lan rộng ra toàn tỉnh, ra toàn Khu 7 và trên nhiều chiến trường khắp cả nước. Tại Chiến khu Đ, Khu và tỉnh mở các lớp huấn luyện đánh tháp canh cho cán bộ, bộ đội và du kích khắp nơi về học. Nhiều cán bộ của tỉnh Biên Hòa còn đi phổ biến kinh nghiệm cho chiến trường miền Tây Nam Bộ và ra chiến trường miền Trung và miền Bắc. Kỹ thuật đánh tháp canh còn được bộ đội ứng dụng rộng rãi trong đánh lô cốt, đồn bót, cầu cống, kho tàng.

Tháng 6-1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, giải phóng một phần đất đai, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Tháng 7-1950, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ đạo củng cố thêm một bước lực lượng vũ trang ba thứ quân, tập trung xây dựng chủ lực mạnh, xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, phát triển dân quân du kích, kiện toàn các cơ quan chỉ đạo Khu, Tỉnh đội, Huyện đội. Các tỉnh đều thành lập một tiểu đoàn địa phương và bộ đội chủ lực. Mỗi huyện có 1 đại đội địa phương.

Trên địa bàn Chiến khu Đ, du kích tập trung Tân Uyên xây dựng thành đại đội bộ đội địa phương huyện, lấy tên là Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, do đồng chí Trần Công An (Hai Cà), Huyện đội phó kiêm Đại đội trưởng; đồng chí Ước là Chính trị viên đại đội; đồng chí Bùi Công Tạo là Đại đội phó.

Để phối hợp với các chiến dịch lớn đang mở rộng trên chiến trường cả nước. Bộ Tư lệnh Khu quyết định mở Chiến dịch Bến Cát vào tháng 10-1950. Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường miền Đông. Khắp nơi, công tác chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch được triển khai sôi nổi, khẩn trương.

Ở Tân Uyên, bộ đội địa phương chuẩn bị mở đợt tiến công phối hợp thu hút địch. Nhân dân trong chiến khu phát động phong trào “hũ gạo nuôi quân”. Các Hội mẹ chiến sĩ, Hội phụ nữ vận động các hội viên quyên góp lương thực, thực phẩm và vật dụng sinh hoạt ủng hộ bộ đội.

Chiến dịch Bến Cát giành được thắng lợi, tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, đánh mạnh vào hệ thống đồn bốt, tháp canh của chúng xung quanh Chiến khu Long Nguyên và dọc tuyến hành lang từ Chiến khu Đ lên Chiến khu Dương Minh Châu, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân ta.

Tóm lại, từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1950, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp là Quận ủy Tân Uyên, phong trào cách mạng tại địa phương không ngừng phát triển. Hệ thống tổ chức đảng từ huyện đến cơ sở được xây dựng và phát triển nhanh. Lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích từng bước trưởng thành và hoạt động chiến đấu, chống bình định, lấn chiếm, tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch bằng nhiều cách đánh phong phú ngày càng có hiệu quả, góp phần xây dựng và giữ vững chiến khu, căn cứ kháng chiến. Khi ta chuyển sang thế tiến công, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã đóng góp nhiều công sức góp phần tiêu diệt hàng loạt tháp canh của địch, làm cho âm mưu bình định, lấn chiếm của thực dân Pháp bị thất bại. Cách đánh đặc công lần đầu tiên ra đời ở Tân Uyên là đòn chí mạng, phá vỡ từng mảng hệ thống tháp canh của Pháp tại Biên Hòa, Thủ Dầu Một và cả Nam Bộ. Vùng ta làm chủ được mở rộng ra các hướng, nối liền với các

căn cứ địa, tạo thành địa bàn đứng chân cho các lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) hoạt động, góp phần đưa cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới.

Chương III

GÓP PHẦN GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG CĂN CỨ, VƯỢT QUA THIÊN TAI, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951-1954)

I. GÓP PHẦN GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG CHIẾN KHU Đ, BẮM TRỤ SẢN XUẤT, CỨU ĐÓI SAU BÃO LỤT

Trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến đổi quan trọng, quân, dân ta thắng lớn trên khắp các chiến trường, nhất là chiến thắng Việt Bắc, một sự kiện quan trọng đối với nhân dân cả nước. Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tuyên Quang (Việt Bắc). Đại hội đã thể hiện ý chí và quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, “Tất cả cho tuyên truyền”, “Tất cả để chiến thắng”. Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Sau Đại hội II, Trung ương Đảng chủ trương tổ chức lại chiến trường Nam Bộ thật gọn và mạnh, đáp ứng kịp tình hình mới. Ta thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Giải thể ba quân khu 7, 8 và 9. Nam Bộ được chia thành hai Phân liên khu: Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây. Phân liên khu miền Đông gồm đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn và 5 tỉnh mới: Gia Định Ninh, Thủ Biên, Bà Rịa - Chợ Lớn, Mỹ Tho (gồm cả Tân An và Gò Công) và Long Châu Sa. Các tỉnh Nam Bộ còn lại gộp thành Phân liên miền tây. Phân liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính phân liên khu miền đông trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị hành chính trong Phân liên khu..

Theo chủ trương trên, tháng 5-1951 hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa nhập lại thành tỉnh Thủ Biên.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thủ Biên được chỉ định gồm 21 đồng chí, Ban Thường vụ có 5 đồng chí:

- Nguyễn Quang Việt, Bí thư kiêm Chính trị viên Tỉnh đội,
- Phạm Thuận, Phó Bí thư phụ trách dân vận,
- Vũ Duy Hanh, Phó Bí thư phụ trách tuyên huấn,
- Huỳnh Văn Nghệ, Ủy viên thường vụ, Tỉnh đội trưởng,
- Lê Thái, Ủy viên thường vụ, Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Bí thư Đảng đoàn chính quyền.

Tháng 6-1951, Tỉnh ủy Thủ Biên họp Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng. Sau khi đánh giá tình hình chung trong toàn tỉnh, Hội nghị đã đề ra những công việc lớn phải thực hiện đến cuối năm 1951.

Về mặt tư tưởng, phải thực hiện đoàn kết nội bộ từ cấp ủy đến các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; kiên định lập trường chiến đấu đến cùng; nâng cao tinh thần tự lực cánh sinh nhằm chủ động đối phó với những khó khăn về nhiều mặt đang xuất hiện và có thể tăng thêm trong thời gian tới.

Triệt để giảm chi, thực hành tiết kiệm, nghiên cứu thực hiện phương châm “tinh binh, tinh can, giản chính” trong từng cơ quan, đơn vị vừa nhằm nâng cao chất lượng công tác và chiến đấu, vừa bảo đảm giải quyết hợp tình, hợp lý số người dôi ra sau khi tinh giản bộ máy.

Đưa lực lượng vũ trang tỉnh ra tuyến trước, phối hợp và hỗ trợ lực lượng huyện và du kích xã chống hành động lấn chiếm của địch, phối hợp với địa phương giúp dân bảo vệ vụ mùa, đánh bại âm mưu cướp lúa, đốt lúa của địch.

Phát động phong trào sản xuất, cải thiện đời sống. Từng cơ quan, đơn vị chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và vật chất để ra quân đồng loạt phát rừng làm mùa ven Sông Bé, thực hiện sản xuất tự túc về lương thực. Các huyện chọn địa điểm thích hợp cho cơ quan đơn vị mình.

- Có kế hoạch xây dựng Chiến khu Đ một cách toàn diện.
- Chuẩn bị chu đáo cho Hội nghị cán bộ tỉnh Thủ Biên lần thứ nhất dự kiến vào tháng 9-1951.

Sau hội nghị đầu tháng 6, Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết của hội nghị.

Trước đây, Thủ Dầu Một và Biên Hòa đều rất coi trọng những căn cứ lớn nhỏ trong tỉnh (thường gọi là chiến khu), song chưa đặt vấn đề xây dựng toàn diện các căn cứ ấy. Nay Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo Thủ Biên phải quy hoạch lại toàn bộ nhằm xây dựng, củng cố và bảo vệ Chiến khu Đ, cứ vừa là căn cứ lớn nhất của tỉnh vừa là căn cứ của Khu và Nam Bộ. Chiến khu Đ phải vừa là ngọn cờ hiệu triệu, vừa là nơi đồn trú của các lực lượng lớn và là bàn đạp tấn công địch trên các hướng mà chủ yếu là thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, thủ phủ của Nam Bộ.

Do đó, phải củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, kiện toàn các đội du kích xã, củng cố bộ đội địa phương huyện, phân chia khu vực đóng quân giữa lực lượng tỉnh và huyện, lập phương án tác chiến chống càn một cách chủ động, tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm hậu cần cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, có kế hoạch tăng gia sản xuất, tự túc lương thực, tuyên truyền, giáo dục nhân dân phòng gian, bảo mật, bảo đảm hành lang vận chuyển từ chiến khu ra các vùng xung quanh.

Theo hướng củng cố căn cứ, Tỉnh ủy chủ trương sáp nhập quận Tân Uyên và quận Hớn Quản thành quận Đồng Nai. Đồng chí Lê Thái, Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy được phân công

làm Bí thư Quận ủy; đồng chí Vũ Đình Thính, nguyên Bí thư Hớn Quản làm Phó Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn Tư, Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội phó Thủ Biên về Đồng Nai làm Ủy viên thường vụ kiêm Quận đội trưởng. Tỉnh ủy còn điều thêm nhiều cán bộ tinh tăng cường cho Quận ủy Đồng Nai, tiếp đó điều nhiều Quận ủy viên về cơ sở trực tiếp làm bí thư ở những xã vừa được sáp nhập lại như Tân Mỹ (Tân Hòa và Mỹ Lộc), Thường Tân (Thường Lang và Tân Tịch), Chánh Bình (Chánh Hòa và Bình Mỹ), Phước An (Phước Sang và An Linh nhập lại), Sông Lô (ba xã Vĩnh Hòa, Cây Khô, Phước Vĩnh nhập lại). Ngoài ra còn có một xã mới ở vùng Bà Đã, Sinh, Đất Cuốc, Đất Đạo gọi là xã Thanh Lâm. Xã Thanh Lâm là xã trung tâm của Chiến khu Đ, do đồng chí Trịnh Đình Hoa làm Bí thư kiêm Chủ tịch. Sau đó, đồng chí Lê Kỳ Hòa làm Chủ tịch và đồng chí Mười Bản làm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Sự thành lập huyện căn cứ và sắp xếp lại các xã nói trên đã góp phần ổn định lại căn cứ về mặt hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặc biệt của vùng căn cứ địa này.

Để bảo đảm cho việc bố phòng bảo vệ căn cứ, quận Đồng Nai được chia ra làm 6 khu vực, mỗi khu vực do các trạm trinh sát quân báo phụ trách. Đại đội địa phương Nguyễn Văn Nghĩa chuyển sang làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, quân số có 120 người, chia làm 3 trung đội hoạt động trên các khu vực của huyện. Tiểu đoàn bảo vệ 295 thành lập tháng 2-1951 do đồng chí Bùi Khánh Ngươn làm Chỉ huy trưởng cùng phối hợp với Tiểu đoàn chủ lực 303 cũng được giao nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ căn cứ.

Các xã, cơ quan, nông trường, công trường trong khu căn cứ đều tổ chức đội du kích từ 1 tổ đến 1 trung đội tùy theo quân số biên chế. Tổng số du kích trong Chiến khu có 350 người. Các đội du kích được vũ trang bằng các loại vũ khí thô

sơ và huấn luyện về kỹ, chiến thuật chiến đấu, các phương án tác chiến chống càn.

Hệ thống vật cản phòng thủ bằng hầm, hố chông, cần bặt, lựu đạn gài được thiết lập. Những nơi dự kiến địch có thể nhảy dù hoặc dùng xe cơ giới đều được chôn cọc và đặt các loại mìn chống tăng. Mọi cửa ngõ vào chiến khu, đặc biệt ở mặt sông Đồng Nai đều có trạm gác của các tổ du kích. Mạng lưới trinh sát thông tin được hình thành khá chặt chẽ giữa các tổ trinh sát chuyên môn của quân báo, công an và các cơ sở trong nhân dân.

Công tác tăng gia sản xuất được củng cố, đổi mới một bước. Ban căn cứ địa Đồng Nai tiến hành quy hoạch phân đất cho các đơn vị lập nông trường sản xuất. Tỉnh Thủ Biên lập ban sản xuất tại Chiến khu Đ để lo cung cấp cho tiểu đoàn chủ lực và liên xưởng tỉnh. Các bộ phận sản xuất của Phân liên khu, các cơ quan, đơn vị bộ đội đều tổ chức sản xuất lương thực ở các rẫy gần cơ quan đơn vị và có trại sản xuất ở xa như Sinh, Hàn Dài, Vĩnh An, Mã Đà, Bà Hào...

Công trường căn cứ địa Đồng Nai được thành lập làm sản xuất, sửa chữa vũ khí phục vụ cho công tác bảo vệ căn cứ như: sửa súng, nhồi đạn, làm lựu đạn, chông mìn. Các tổ vũ khí xã được củng cố về mặt tổ chức, trang bị thêm dụng cụ sản xuất và quán triệt phương châm sản xuất các vũ khí thiết thực như làm đập lỏi, bàn chông và các loại nông cụ.

Các cơ quan, đơn vị đều tổ chức sản xuất lương thực Quận lập trại sản xuất tại bàu Ông Yểng và một số địa điểm rải rác khắp căn cứ. Lúa, mì, khoai được trồng khắp các rẫy Suối Đá, xóm Ông Thủ, Thiềng Liềng, bàu Phụng, nhất là khu vực Sinh, Hàng Dài, Vĩnh An, Mã Đà, Bà Hào và ruộng rẫy, xung quanh khu vực nhà ở.

Cuối tháng 6-1951, mọi mặt trong căn cứ vừa được sắp xếp tạm ổn định thì địch tổ chức cuộc càn lớn. Hàng trăm xe

cơ giới và tàu chiến, có pháo binh, máy bay yểm trợ từ 4 mặt tiến công vào Chiến khu.

Theo phương án tác chiến đã được chuẩn bị, Tiểu đoàn 295 chia quân bảo vệ các cơ quan, công xưởng, kho tàng. Đại đội 55 Tiểu đoàn 303 chặn đánh địch ở hướng Tân Dân. Đêm đến Đại đội bất ngờ tập kích khoảng một Tiểu đoàn Âu - Phi ngủ đêm tại Bàu Bép. Bị đánh bất ngờ, quân địch chạy tán loạn. Gần một phần ba quân số tiểu đoàn địch bị thương vong. Khi chúng gom quân lại và đưa thương binh lên máy bay chuẩn bị rút, Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa tiếp tục bắn một trái đạn cối đúng vào giữa đội hình giặc làm tên Paren (chỉ huy cuộc càn) bị thương nặng, về đến đồn thì chết. Ở hướng Mã Đà, một đại đội khác của Tiểu đoàn 303 tập kích một đại đội lính lê dương, gây cho chúng thiệt hại nặng. Trên đường 16, đội biệt động Thủ Biên diệt 3 xe cơ giới. Bọn địch hốt hoảng tháo chạy, bỏ lại 13 xe và hàng trăm xác chết.

Thắng lợi của trận chống càn tháng 6-1951 đã chứng tỏ sự thành công của việc nâng cấp, bố trí lại căn cứ và khả năng phối hợp chiến đấu giữa các đơn vị vũ trang và nhân dân vùng căn cứ.

Hạ tuần tháng 9-1951, Hội nghị cán bộ lần thứ nhất tỉnh Thủ Biên họp tại suối Sâu. Đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp chỉ đạo Hội nghị suốt 10 ngày.

Tham dự Hội nghị có trên 100 cán bộ từ Tỉnh ủy đến các Quận ủy, Thị xã ủy và cán bộ nòng cốt các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị vũ trang trong tỉnh. Trong điều kiện cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn gay go, quyết liệt, Hội nghị đã góp phần củng cố tinh thần và ý chí chiến đấu, nâng cao một bước nhận thức về công tác xây dựng đảng, công tác chính quyền, đoàn thể, đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ, về phương châm hoạt động quân sự ở các vùng và

đấu tranh kinh tế với địch, đẩy mạnh sản xuất tự túc ở vùng căn cứ du kích, chú trọng phòng gian, bảo mật, chống chiến tranh gián điệp, chiêu hàng của địch.

Các đại biểu dự Hội nghị rất thâm thía lời đồng chí Lê Duẩn nói về những khuyết điểm, nhược điểm của Đảng bộ: Công tác xây dựng đảng cả về mặt tư tưởng và tổ chức còn hời hợt, hình thức, chưa đi sâu vào bản chất của vấn đề; hoạt động của quân, dân trong tỉnh tuy đã đạt nhiều kết quả, song có lúc chưa đi đúng đường lối quần chúng của Đảng.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy họp hội nghị bất thường để soát xét lại công tác tổ chức, cán bộ và những hoạt động từ tỉnh đến cơ sở nhằm đối phó có hiệu quả với kế hoạch “bình định gấp rút, phản công quyết liệt” của địch.

Sau khi lập quận Đồng Nai, Quận ủy đóng ở Chiến khu Đ không chỉ đạo sát đến các xã của Hớn Quản cũ nên phong trào ở đây có phần sa sút. Vì vậy, sau khi cân nhắc kỹ, cuối năm 1951, Tỉnh ủy quyết định tách quận căn cứ Đồng Nai thành hai quận như cũ là: quận Hớn Quản và quận Tân Uyên (quận Tân Uyên lúc này lấy tên là quận căn cứ địa Đồng Nai). Sau khi tách huyện, tình hình đã được cải thiện ở các xã thuộc quận Hớn Quản.

Sang năm 1952, Tướng Bôngđi thay Săngxông làm Tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam Bộ, tiếp tục thực hiện chính sách “bình định gấp rút”, “phản công quyết liệt” với quyết tâm cao hơn, thủ đoạn thâm độc hơn. Ở tỉnh Thủ Biên, địch tăng cường đánh phá vùng tạm bị chiếm và vùng du kích. Xung quanh Chiến khu Đ, giặc Pháp tiến hành thiết lập các hành lang chia cắt, lấn dần. Chúng đóng hàng loạt đồn bót, chi khu như Phước Hòa, Tân Ba, Chánh Lưu, Gò Lũy, đặt dưới sự chỉ huy của tên quan ba Pháp ở Tân Uyên; lấn chiếm sâu rộng các vùng phì nhiêu như Vĩnh Hòa, Bà Miêu, Bình Đa, Gò Chùa, sở Ong Cỏ, đồng thời bao vây kinh tế chặt chẽ, cô lập Chiến khu

Đ với Sài Gòn, Chợ Lớn và các tỉnh miền Tây. Đường liên lạc giữa Chiến khu với các vùng xung quanh luôn bị phục kích. Đường vận tải liên tỉnh từ miền Tây lên rất khó thực hiện vì địch kiểm soát gắt gao. Chuyến vận tải nào cũng có người hy sinh. Có đơn hy sinh quá nửa quân số trong một chuyến công tác vận tải Nhiều người khi vận tải về đến Chiến khu Đ, trong lòng chỉ còn vài lon gạo và một ít khô cá kèo. Các nguồn vận chuyển lương thực, thực phẩm, hóa liệu, thuốc men về Chiến khu bị ngưng trệ, gián đoạn.

Trong Chiến khu, Tiểu đoàn bảo vệ căn cứ 295 sáp nhập vào đơn vị khác và được điều động về Chiến khu Dương Minh Châu. Nhiệm vụ bảo vệ căn cứ giao cho Tiểu đoàn 303 và bộ đội địa phương quận. Các đơn vị bộ đội này thiên về hoạt động tác chiến đánh địch ngoài căn cứ như đánh giao thông, cứ điểm. Lực lượng cơ sở tại chỗ thiếu, nhưng được củng cố, bổ sung. Địch ngày càng hoạt động ráo riết. Phong trào du kích trong căn cứ vì thế sa sút hẳn. Để bảo đảm an ninh trong căn cứ, công tác phòng gian, bảo mật được đẩy mạnh và đã thu được nhiều kết quả. Ty Công an cử cán bộ về phối hợp với công an huyện căn cứ và các xã đội tổ chức đoàn thể các xã phát động quần chúng giữ gìn an ninh căn cứ, xây dựng ý thức bảo mật, phòng gian, tổ chức các tổ ngũ gia liên bảo. Đặc biệt, trong thời gian này, ngành quân báo và công an tỉnh Thủ Biên đã phá hàng loạt vụ án gián điệp, bắt và xử lý nhiều tên Phòng Nhì Pháp chui vào hàng ngũ của ta như tên Đường ở Liên hiệp công đoàn tỉnh, tên Khôi ở Phòng Tham mưu Tỉnh đội và vợ y là Điệp, tên Tòng ở Văn phòng Tỉnh đội, tên Kia ở Ty Kinh tài... Một trong những vụ án nghiêm trọng nhất là vụ gián điệp Mai Văn Hạo. Hạo vốn là công chức của Pháp tại Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa. Lợi dụng Chỉ thị số 4/NV của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, y vào căn cứ Bình Đa, được nhận vào công tác tại cơ quan huyện Vĩnh Cửu, sau đó được điều lên cơ quan tỉnh đóng tại Chiến khu Đ. Y tỏ ra giác ngộ

và hoạt động tích cực nên được tin nhiệm cử làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Đảng Dân chủ tỉnh Biên Hòa, rồi Ủy viên Ban Liên Việt tỉnh Thủ Biên. Hạo đã bí mật cung cấp cho địch nhiều tài liệu, tin tức mật của ta, vẽ bản đồ khu vực căn cứ, chỉ điểm cho máy bay Pháp ném bom vào khu vực cơ quan, làm nhiều người chết và bị thương. Hạo bị ta theo dõi và bị bắt. Trước tòa, y buộc phải thú tội và lãnh án tử hình. Tình hình an ninh trong căn cứ được củng cố một bước quan trọng, gây niềm phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Ngày 1-5-1952, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông chấp hành chỉ thị của Trung ương Cục ra quyết định thành lập Tiểu đoàn vận tải 320 làm nhiệm vụ tiếp nhận hàng hóa của Trung ương do Liên khu 5 chuyên giao từ Bình Thuận vào Chiến khu Đ, từ đó phân phối cho các đơn vị trên khắp chiến trường; giữ vững đường liên lạc giữa Nam Bộ với Trung ương; đưa đón các đoàn cán bộ qua lại trên tuyến đường này. Đồng chí Nguyễn Văn Lung được phân công chịu trách nhiệm xây dựng và chỉ huy đơn vị. Tiểu đoàn tổ chức thành 4 đại đội: 3 đại đội vận tải và 1 đại đội làm nhiệm vụ đầu cầu như tiếp nhận hàng hóa, chuyên nhập kho, làm kho tàng bí mật, bảo quản, bàn giao hàng, tặng gia sản xuất...

Thượng tuần tháng 6-1952, tại Bà Đã, lễ thành lập Tiểu đoàn 320 được tiến hành. Lễ thành lập tiểu đoàn cũng là lễ xuất quân chuyên vận tải đầu tiên. Đường vận tải xe dịch lên xuống trên một tuyến hành lang dài 200-300km, từ xóm Sinh lên Lạc An, vượt sông Đồng Nai qua Vĩnh Cửu xuống rừng lá, Xuyên Mộc đến Bình Châu, Bình Thuận. Thời gian mỗi lượt đi mất 7-8 ngày đêm. Hàng vận tải giai đoạn này chủ yếu là nguyên, hóa liệu cho quân giới và một số súng lớn như đại liên, DKZ, đạn lõm.

Giặc Pháp nhanh chóng đánh hơi thấy đường vận chuyển chiến lược này. Chúng đóng hàng loạt đồn bót ở các đoạn đường số 1, đường sắt, đường Võ Đắc, đường 20 dọc

hành lang vận chuyển của ta; dùng bọng tay sai người dân tộc thiểu số dẫn đường luồn rừng gài mìn phục kích, tập kích, bắn đại bác cầm canh ngày đêm. Bộ đội ta phải thường xuyên mở đường mới trong rừng, tăng cường các bộ phận trinh sát cảnh giới và chặn hậu, chiến đấu diệt địch trên dọc đường vận tải. Tháng 9-1952, vừa chở hàng về Chiến khu Đ, gặp phải trận càn lớn của địch, Tiểu đoàn đã phối hợp với Bộ đội 303 chiến đấu, diệt và làm bị thương gần 20 tên.

Sự ra đời và hoạt động của Tiểu đoàn 320 đã tạo điều kiện tiếp nhận kịp thời và có hiệu quả sự lãnh đạo và chi viện của Trung ương cho Nam Bộ trong giai đoạn Nam Bộ đang gặp nhiều khó khăn. Chiến khu Đ từ nay giữ thêm một nhiệm vụ quan trọng: là một đầu cầu của con đường vận chuyển chiến lược từ Trung ương vào Nam Bộ.

Ngày 20-10-1952, một trận bão lụt lớn đã xảy ra ở các tỉnh Miền Đông. Sông Đồng Nai, Sông Bé, La Ngà... nước dâng tràn như một biển lớn. Nhà cửa bị trôi dạt, gia súc, gia cầm chết sạch, ruộng lúa, rẫy lúa, rẫy mì của đồng bào và của nhiều cơ quan, đơn vị dọc theo sông đều chìm trong nước. Dọc sông Đồng Nai, nhiều đồng bào đã leo lên nóc nhà, ngọn cây để tránh lũ lụt. Ủy ban kháng chiến hành chính chuyển đến những chỗ có gò cao để sống tạm. Lúa ruộng ở Tân Uyên mất trắng. Chỉ có một số rẫy ở vùng đất cao, tuy còn nhưng cũng bị ngã đổ vì mưa to, gió lớn. Sau trận lụt, nước rút đi để lại một cảnh hoang tàn, đổ nát.

Ở Chiến khu Đ, năm 1951, địch bao vây, phong tỏa kinh tế làm cho đời sống cán bộ, chiến sĩ và nhân dân rất cơ cực. Sang năm 1952, bão lụt làm hoa màu thối rữa hết, cán bộ, chiến sĩ ở Chiến khu Đ bị đói ghê gớm, chỉ ăn rau, khoai. Cả tháng mới có ăn được bữa cơm độn khoai mì, khoai lang.

Lợi dụng lúc ta đang gặp khó khăn nghiêm trọng vì thiên tai, giặc Pháp tiến hành hàng loạt biện pháp nhằm xóa

sạch căn cứ. Chúng liên tục hành quân càn quét, bao vây, ngăn chặn các ngã đường vận chuyển, liên lạc, nhất là vận chuyển lương thực, tuyên truyền chiêu dụ cán bộ, chiến sĩ ra đầu hàng.

Tình hình sinh hoạt mọi mặt của chiến khu gặp muôn vàn khó khăn. Mọi hoạt động sản xuất, huấn luyện vận tải bị gián đoạn. Hàng vạn cán bộ, bộ đội và nhân dân thiếu ăn. Tiêu chuẩn gạo cho bộ đội từ 20 đến 25 lít một tháng trước bão lụt nay tụt xuống còn 7 lít, thậm chí có nơi còn 3 lít. Không còn đủ gạo để nấu cháo cho thương binh. Những người khỏe mạnh phải đi đào củ mì đã bị thối rữa do ngập nước lâu hoặc củ mài, củ chụp, tìm các loại rau rừng, măng tre để ăn trừ bữa. Bị đói, thiếu quần áo, thuốc men, lại phải liên tục di chuyển địa điểm và chống càn nên số người đau ốm tăng vọt, có nơi chiếm đến 60% quân số. Khá đông nông dân, dù một lòng gắn bó với kháng chiến vẫn buộc phải tạm lánh về vùng địch. Nhiều gia đình phải gửi bố mẹ già và con nhỏ về thành để “bớt miệng ăn”. Tính riêng các xã Thanh Lâm, Chánh Bình, Tân Dân, Thường Lang, số người về vùng địch tạm chiếm lên đến trên 2.000 người.

Trước tình hình đó, Trung ương Cục miền Nam họp và ra chỉ thị khắc phục khó khăn, phát động phong trào sản xuất cứu đói và kêu gọi đồng bào khắp nơi ủng hộ nhân dân vùng bão lụt.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Cục, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ tập trung tiền mặt cung cấp cho quân nhu Phân liên khu miền Đông mua gạo. Đồng bào, cán bộ, bộ đội miền Tây tổ chức “tuần lễ ủng hộ miền Đông”, lao động lấy tiền, quyên góp gửi ủng hộ hàng triệu đồng tiền ngân hàng Đông Dương, hàng chục tấn gạo, thực phẩm và vật phẩm khác. Các tỉnh miền Đông vận động đồng bào vùng không bị bão lụt san sẻ khó khăn với vùng bị bão lụt. Các gia đình ở vùng tạm bị chiếm tìm cách gửi cho gia đình bà con hoặc con em đi kháng chiến trong khu tiền, gạo, thuốc men, vải vóc.

Sự giúp đỡ trên đã giải quyết được 50% nhu cầu về lương thực của quân và dân tại chiến khu trong 3 tháng sau bão lụt. Nó biểu hiện lòng tin yêu sâu sắc và luôn hướng về cách mạng, hướng về chiến khu của đồng bào khắp nơi trong vùng tạm bị chiếm, khích lệ những người ở lại Chiến khu quyết tâm vượt qua thiếu thốn, gian khổ trước mắt.

Bão lụt vừa dứt, các đơn vị cơ quan một mặt nhanh chóng khắc phục hậu quả, mặt khác đẩy mạnh sản xuất tự túc. Tại căn cứ, nước rút đến đâu, cây lương thực, hoa màu được trồng ngay đến đó. Đến cuối năm, khắp chiến khu, đặc biệt dọc sông Đông Nai, vàm Sông Bé, Mã Đà, Bà Hào... các loại cây lương thực ngấn ngày đã lên xanh.

Giữa lúc nhân dân và bộ đội vùng bị lũ lụt nói chung và ở Tân Uyên nói riêng đang tích cực sản xuất sau bão lụt thì địch tìm mọi cách phá hoại mùa màng. Chúng cho máy bay thường xuyên bay trên vùng căn cứ bắn giết trâu, bò và những người đi làm đồng, tưới xăng và dùng bom napan đốt cháy cây cối, hoa màu. Ngoài ra, chúng còn dùng xe lội nước càn ruộng lúa, cho các đội biệt kích đi cắt lúa, nhổ khoai, mì và đốt phá. Trên đường 16, chúng đóng thêm một số đồn bót, thường xuyên tung các đội commăngđô vào càn phá rồi rút ra nhanh chóng. Để đối phó với hành động phá hoại của giặc, ta chuyển sang sản xuất ban đêm. Bộ đội có sáng kiến trồng mì đại trà, vì trồng mì địch không thể phá hết và còn lại cây thì ta vẫn tiếp tục trồng lại dễ dàng. Phong trào trồng mì thành rừng lan khắp, Tiểu đoàn 320 có rẫy mì 20ha ở Bà Hào gọi là “rẫy mì chiến lược”. Trong số những gia đình nông dân ở vùng căn cứ có nhiều thành tích tăng gia sản xuất chống đói sau bão lụt, tiêu biểu có gia đình chị Tám Tỷ có rẫy mì đến 13ha. Trong giai đoạn khó khăn này, củ mì đã trở thành nguồn lương thực quan trọng đối với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Trận bão lụt xảy ra vào tháng 10-1952 là một thử thách khắc nghiệt đối với tỉnh Thủ Biên nói chung và Tân Uyên nói

riêng. Nhưng tinh thần chịu đựng, sự nỗ lực vươn lên của những người nơi đây cộng với sự tương thân, tương ái, giúp đỡ từ các nơi, đói khát và bệnh tật từng bước được đẩy lùi, tinh thần và ý chí chiến đấu tiếp tục được phát huy.

Sau trận bão lụt, ngày 27-10-1952, du kích 2 làng Tân Hiệp và Tân Hóa phối hợp với Đại đội Nguyễn An Ninh (huyện Lái Thiêu) và lực lượng Tiểu đoàn 303 thực hiện “nội công, ngoại kích” tấn công đồn Bến Sắn. Đúng 24 giờ ngày 27-10- 1952, sau khi nhận được tín hiệu từ cơ sở nội ứng trong đồn theo kế hoạch, bộ đội ta với mã tấu xông vào đồn. Bọn địch kinh hoàng tháo chạy tán loạn nhưng không thoát. Cả đại đội partisan bị diệt gọn. Ta bắt 20 tên, thu hơn 80 súng các loại (gồm đại liên, súng trường, súng cối) và hơn một tấn đạn cùng một số lương thực góp phần cứu tế cho đồng bào sau bão lụt.

II. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GIAN KHỔ, TÍCH CỰC ĐÁNH ĐỊCH, GÓP PHẦN KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

Cuối năm 1952, Tỉnh ủy chỉ thị thành lập Ban Phòng gian của Tỉnh ủy do đồng chí Đào Trọng Hằng, Phó trưởng Ty công an làm Trưởng ban. Các ủy viên của Ban đều là bí thư các chi bộ cơ quan dân, quân, chính, đảng. Ban Phòng gian có nhiệm vụ theo dõi tình hình diễn biến tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên trong cơ quan, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục chính trị, tư tưởng, đi sâu tìm hiểu tâm tư, tình cảm, phát động mỗi người tự nguyện báo cáo thật thà tư tưởng của mình cho tập thể để có hướng khắc phục. Nhờ sự hoạt động tích cực, có tình của chi bộ các cơ quan dưới sự hướng dẫn của Ban Phòng gian Tỉnh ủy, tình trạng đào ngũ đã giảm tối đa.

Bộ Tư lệnh Phân liên khu và tỉnh Thủ Biên cử nhiều đoàn cán bộ xuống các xã căn cứ để củng cố cơ sở và xây dựng phong trào du kích chiến tranh như các xã trọng điểm Thanh Lâm, Chánh Bình... Về phòng gian bảo mật, ta khám phá được nhiều vụ địch tổ chức phá hoại như cài do thám, chỉ điểm, tuyên truyền xuyên tạc... tạo nên không khí yên tâm, phấn khởi trong Chiến khu.

Phối hợp với lực lượng chống càn tại chỗ bảo vệ sản xuất, các đội vũ trang tuyên truyền tỏa đi hoạt động mạnh ở vùng tạm bị chiếm nông thôn và thành thị. Tiểu đoàn 303 giữ lại một bộ phận nhỏ cùng với bộ đội địa phương và du kích chống càn, còn lại tỏa ra tác chiến ở vòng ngoài. Cuối năm 1952, Đại đội 55, 60 Tiểu đoàn 303 phối hợp với bộ đội địa phương và du kích các quận Tân Uyên, Bến Cát, Châu Thành, Hớn Quản, Vĩnh Cửu diệt hàng loạt đồn bót như Bến Tranh (2 lần), Bến Thê, Tương Bình Hiệp, Cẩm Vinh, Bà Miêu, Long Điền, Trảng Bom, đốt kho xăng thị xã Biên Hòa.

Đầu năm 1953, các lực lượng vũ trang tại căn cứ đã chống trả quyết liệt trận càn kéo dài 52 ngày đêm của địch. Tiểu đoàn 303 chủ động tiến công địch bằng nhiều hình thức như tập kích, phục kích cả ngày đêm, lúc chập tối hoặc từ mờ sáng, diệt được nhiều địch. Sau đó, Tiểu đoàn đã cùng với bộ đội địa phương Lái Thiêu tiến hành địch vận, phối hợp với nội ứng bên trong lấy đồn Gò Lũy không tốn một viên đạn.

Tại Tân Ba, cuộc tấn công của địch vào rừng Cơm Ngươi với lực lượng một tiểu đoàn bộ binh và hai liên đội thiết giáp đã gặp sức kháng cự quyết liệt của du kích. Lợi dụng địa hình quen thuộc cùng với địa đạo, bằng lối đánh du kích, ta đã tiêu hao khá nhiều sinh lực địch. Cuối cùng chúng phải rút quân.

Từ tháng 5-1953, thực hiện sự chỉ đạo của trên, ta chuyển hướng công tác ở vùng du kích và vùng địch tạm chiếm. Nhưng do không thấu đáo tư tưởng chỉ đạo: “Trường kỳ mai phục, súc tích lực lượng, chờ đợi thời cơ, đấu tranh có lý, có lợi, đúng mức”, trong việc thi hành ta có nhiều sai lầm, lệch lạc, rút lực lượng vũ trang vùng tạm chiếm về bổ sung cho bộ đội địa phương, giải tán Xã đội bộ, chuyển du kích xã thành du kích mật, một số cán bộ quân sự đưa sang công tác dân vận..., nên vùng du kích yếu và vùng tạm chiếm bị ngưng trệ.

Hơn nữa, năm 1951, do tư tưởng hữu khuynh, ta đã xếp hàng loạt xã thuộc vùng du kích trở thành xã tạm chiếm và áp dụng phương châm hoạt động vùng tạm chiếm tại các xã đó. Việc này đã thực sự thủ tiêu chiến đấu vũ trang trên phạm vi gồm rất nhiều xã. Sai lầm của ta đã vô tình giúp cho địch rảnh tay đối phó ở vùng tạm chiếm và nhiều xã vùng du kích, tập trung lực lượng và phương tiện đánh phá ác liệt vùng căn cứ du kích. Đặc biệt, ở đường 14 và đường 16, địch mưu toan cắt rời Long Nguyên khỏi căn cứ Bời Lời (Gia Định Ninh) và bao vây Chiến khu Đ, khống chế hai bàn đạp Vĩnh Lợi và Bắc Lái

Thiên, đẩy ta ra xa vùng địch hậu. Từ tháng 5 đến tháng 8, giặc Pháp càn vào Chiến khu Đ bốn lần với lực lượng từ một đến hai tiểu đoàn, 24 lần đột kích cấp trung đội. Tháng 6, chúng dùng 2 đại đội bất ngờ thọc sâu vào Nhà Nai nhằm chụp gọn các cơ quan đầu não của ta. Đồng thời chúng dùng máy bay ném bom bắn phá và rải truyền đơn chiêu hàng thường xuyên.

Trong căn cứ, bộ đội, du kích bị động đối phó với các trận càn của địch. Các cơ quan, cơ sở sản xuất lại phải liên tục di chuyển địa điểm trong điều kiện mùa mưa đi lại rất khó khăn. Hoa màu bị bắn phá hư hại đáng kể. Có đến 1.000 nông dân các xã Thường Lang, Lạc An... lần lượt bỏ Chiến khu ra vùng tạm bị chiếm. Xung quanh Chiến khu Đ, địch gom dân tạo thành một vành đai trắng dọc ven sông Đồng Nai và đường 16.

Trước tình hình đó, tháng 9-1953, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị gọi là “Hội nghị chỉnh lý phương châm” nhằm khắc phục sai lầm hữu khuynh. Hội nghị đã đưa ra một số nội dung cần khắc phục như: Đối với vùng tạm chiếm, ta tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh chính trị cho dân sinh, dân chủ, đồng thời khôi phục hoạt động vũ trang, kết hợp cả hai lực lượng du kích mật và lộ, kết hợp diệt tề, trừ gian với hoạt động kiểu biệt động để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta. Đối với các xã du kích đã xếp loại sai thì phải xếp loại lại, phục hồi tổ chức và hoạt động theo phương châm vùng du kích, tấn công địch bằng vũ trang không hạn chế.

Sau khi cán bộ các cấp được học tập và liên hệ về sai lầm hữu khuynh đã qua và đề ra kế hoạch khắc phục khuyết điểm, phong trào vũ trang ở vùng tạm chiếm và du kích từng bước được khôi phục và phát triển. Cán bộ ly hương được đưa về bám trụ ở địa bàn.

Sau hội nghị ở tỉnh, Tỉnh ủy phân công các tỉnh ủy viên đi truyền đạt cho các huyện ủy và ban, ngành tỉnh nghị quyết mới và bàn biện pháp tích cực sửa chữa sai lầm hữu khuynh đối với vùng du kích và vùng tạm chiếm. Tiểu đoàn 303 phân công các đại đội đi các huyện hỗ trợ cho bộ đội địa phương và dân quân du kích mở một đợt hoạt động để tiêu hao, tiêu diệt địch ở vùng du kích, đồng thời có kế hoạch chu đáo hoạt động theo nghị quyết của tỉnh đối với vùng tạm chiếm.

Chủ trương đúng đắn trên được các cấp phấn khởi tiếp thu và nghiêm chỉnh chấp hành. Tại Tân Uyên, đội vũ trang tuyên truyền của huyện tỏa ra hoạt động ở các vùng du kích, vùng tạm chiếm, xây dựng lại lực lượng, móc nối cơ sở, diệt tề, trừ gian. Qua thời gian đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, phong trào du kích được phục hồi. Mỗi xã xây dựng được hai tiểu đội du kích làm nòng cốt chiến đấu chống càn, bảo vệ làng xóm. Tiểu đoàn 303 phối hợp với Huyện đội tổ chức huấn luyện, phát triển du kích chiến tranh. Nhiều đội du kích các xã trong huyện hỗ trợ tích cực bảo vệ và tham gia thu hoạch vụ mùa. Chỉ riêng ở cánh đồng Lạc An, ta đã thu hoạch được 25.000 gia thóc, vụ mùa thắng lợi, nạn đói được đẩy lùi, đồng bào phấn khởi nộp thuế nông nghiệp. Việc dự trữ lương thực trong bộ đội, du kích được nâng lên.

Từ giữa năm 1953, so sánh lực lượng giữa ta và địch trong cả nước đã thay đổi có lợi cho ta. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954 ra nghị quyết lịch sử: đưa quân chủ lực lên Tây Bắc, mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 nhằm buộc địch phân tán lực lượng, tạo thời cơ cho ta tiêu diệt, tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát triển rộng khắp ở vùng sau lưng địch phối hợp với chiến trường chính.

Đối với chiến trường Nam Bộ, Bộ Chính trị chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, lợi dụng địch tập trung lực lượng trên các hướng khác mà tăng cường hoạt động, tiêu hao,

tiêu diệt nhiều bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh công tác địch, nguy vận, mở rộng căn cứ.

Thực hiện kế hoạch Nava, từ tháng 9-1953, trên chiến trường Đông Nam Bộ, nhiều đơn vị cơ động tinh nhuệ của địch đã rút đi. Tại Thủ Biên, chúng rút 2 tiểu đoàn, 2 đại đội, 5 trung đội Âu – Phi và quân nguy. Đến tháng 11, địch rút thêm 1 tiểu đoàn quân chính quy nữa. Tổng số quân địch trên toàn tỉnh đến cuối năm 1953 chỉ còn 26.000 tên, bằng 3/5 tổng số quân năm 1952. Do thiếu quân số và bị ta tấn công, địch phải rút bỏ 4 bót và 17 tháp canh để tổ chức thành những đơn vị cơ động mới và tăng cường một số bót mà chúng cho là quan trọng để trấn giữ đường 14, đường 13. Đó là các bót Phước Hòa, Cầu Định, Bung Cầu. Ở Lái Thiêu, chúng rút 3 bót Cao Đài để tăng cường hoạt động ở Chiến khu Thuận An Hòa, lập thêm Phân chi khu Tân Uyên và 7 đội Commăngđô, tập trung lực lượng từ 1 đến 2 tiểu đội hoạt động trên đường 13, 14 để bảo vệ giao thông.

Sau khi ta khắc phục những lệch lạc về thực hiện phương châm ba vùng, phong trào toàn tỉnh đã chuyển biến rõ rệt. Tỉnh ủy khẩn trương tổ chức thực hiện Chỉ thị của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông với nhiệm vụ chính là giữ vững và đẩy mạnh công tác địch, nguy vận. Từ cuối năm 1953 đến những tháng đầu năm 1954, phong trào du kích chiến tranh phát triển tương đối đều khắp, công tác địch nguy vận thu được một số thắng lợi.

Từ tháng 9-1953 đến tháng 3-1954, toàn tỉnh đã xây dựng thêm 52 đội du kích xã, đưa số lượng du kích từ 140 lên 513 đội viên. Dân quân tự vệ phát triển từ 453 lên 1.862; du kích mật từ 219 lên 527, trong đó riêng huyện căn cứ Đồng Nai xây dựng thêm được 5 đội du kích. Lực lượng du kích tham gia tích cực trong việc canh gác, thông tin liên lạc, gài mìn, chống càn quét. Riêng du kích xã, áp đã rào được 10.000m mìn dọc sông Đồng Nai không cho địch đi tàu dưới

sông dễ dàng đổ bộ, rào 26.000m xung quanh ấp và nhà ở, đặc biệt xung quanh khu vực Vàm Đá, Vàm Nhựa, đò Bà Cẩm...

Trên cơ sở phong trào kháng chiến trong tỉnh phát triển, hệ thống đồn bót địch lung lay và bị thu hẹp, một số xã vùng tạm chiếm chuyển lên vùng du kích, vùng du kích chuyển lên vùng giải phóng. Sâu trong các vùng tạm chiếm, ta xây dựng được nhiều lữ căn cứ như Thới Hòa, Chánh Phú Hòa (Bến Cát), trũng Bồng Bông, Tân Định, Hòa Lợi (Châu Thành), Khánh Vân, Thuận An Hòa (Lái Thiêu)... Các căn cứ địa trong địa bàn tỉnh được củng cố và ngày càng mở rộng. Chiến khu Đ phát triển lên phía bắc tới đường 14, phía đông đến vùng Tà Lài, với diện tích khoảng 4.000km².

Công tác xây dựng đảng được đẩy mạnh hơn bao giờ hết ở chi bộ các xã, các đội vũ trang tuyên truyền, các liên chi Huyện đội bộ, Tỉnh đội bộ, Tiểu đoàn 303, Tiểu đoàn 320, quân giới, nông trường sản xuất... Riêng trong tháng 2 và tháng 3-1954, tại các xã Chánh Bình, Sông Lô, Cộng Hòa, Thanh Lâm, ta kiện toàn xong các chi ủy, kết nạp thêm được 20 đảng viên mới trong số 38 đối tượng cảm tình Đảng. Các tổ chức đoàn thể như Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên được chấn chỉnh thêm một bước.

Phong trào giáo dục văn hóa - văn nghệ phát triển. Huyện căn cứ mở được 14 lớp bình dân học vụ. Đoàn văn công tỉnh Thủ Biên được thành lập biểu diễn phục vụ chiến đấu, sản xuất trong căn cứ, ngoài ra còn tổ chức những đội xung kích đi phục vụ ở những vùng tranh chấp. Nội dung chương trình biểu diễn là ca ngợi lòng yêu nước, tinh thần khắc phục khó khăn, dám xả thân vì nghĩa lớn.

Phối hợp với các chiến trường, từ tháng 3-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên đã chủ trương mở đợt tiến công quân sự dồn dập vào vùng tạm chiếm, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, tạo đà phát triển mới cho vùng sau lưng địch. Cũng từ đó, bộ

đội tỉnh, huyện cùng dân quân du kích thực hiện đánh liên tục, tiêu hao, tiêu diệt địch. Tiểu đoàn 303 phối hợp với bộ đội địa phương các quận Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, Thủ Đức đẩy mạnh hoạt động quân sự như các trận chống càn ở Long Nguyên, Thanh An, Thanh Tuyên, Rừng Sặt, rừng Đồng An, Chiến khu Thuận An Hòa; các trận phục kích trên đường 16, 14, 13, quốc lộ 1; các trận tập kích, pháo kích đồn địch ở Lạc An, đồn Bà Cẩm, Uyên Hưng, Tân Ba, thị trấn Bến Cát, Rạch Bắp, Bến Súc, thị trấn Lái Thiêu, sân bay Biên Hòa; các trận hạ đồn, tháp canh Rinét, Rạch Kiến, chợ Chánh Lưu, Bình Chuẩn, Tân Đông Hiệp.

Thắng lợi của các hoạt động quân sự trên đã tạo điều kiện cho chiến dịch địch, nguy vận thu được kết quả tốt. Tại vùng Chiến khu Đ - Tân Uyên, bộ đội và nhân dân tham gia công tác tuyên truyền vận động nguy binh bỏ hàng ngũ trở về nhà làm ăn hoặc về với kháng chiến; thực hiện 4 không: không cướp phá, không bắn giết, không bắt bớ, không hãm hiếp. Nhiều hình thức tuyên truyền vận động đã thu được kết quả tốt như: căng khẩu hiệu, lập trạm dán tin ở các ngã đường có địch đi lại, dùng áp phích thả bè xuôi theo sông qua các vị trí có địch chiếm đóng, viết thư tay, gửi quà bánh kèm theo thư từ truyền đơn, trực tiếp đến các đồn nguy thăm hỏi, kể chuyện kháng chiến thắng lợi. Kết quả, riêng huyện căn cứ Đồng Nai đã vận động được 527 nguy binh đào ngũ về nhà làm ăn, 17 nguy binh mang 21 súng về đầu hàng.

Các đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở các huyện xung quanh căn cứ vận động thanh niên không đi lính cho Pháp, phát triển cơ sở, vận động đồng bào trở về căn cứ.

Giữa lúc các mặt trận trong tỉnh đang phối hợp cùng chiến trường chính, ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ bị ta tiêu diệt. Tin chiến thắng truyền về đã làm nức lòng quân, dân trong tỉnh. Hòa cùng chiến thắng Điện Biên Phủ, đêm 31-5 rạng sáng ngày 1-6-

1954, Đại đội 65 thuộc Tiểu đoàn 303 tỉnh Thủ Biên phối hợp với 2 đại đội địa phương quận Bến Cát và Châu Thành kết hợp với cơ sở binh vận tiên công tiêu diệt Đại đội Commăngđô đóng ở đồn Cầu Định nằm ven quốc lộ 13, cách thị xã Thủ Dầu Một 10km về phía bắc. Ta diệt và bắt 155 tên, thu toàn bộ vũ khí và nhiều đồ dùng quân sự.

Chiến thắng Cầu Định cùng các đợt tiên công trong Đông - Xuân 1953-1954 của quân dân tỉnh Thủ Biên nói chung đã đóng góp đáng kể vào sự phối hợp để chiến trường chính ở Bắc Bộ giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương được ký kết. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược đã kết thúc thắng lợi. Từ ngày 11-8-1954, lệnh ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực ở Nam Bộ.

Ngày 15-8-1954, tại cơ quan Thường trực Tỉnh ủy ở căn cứ Bàu Xuân (Chiến khu Đ), Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức hội nghị bất thường do đồng chí Nguyễn Quang Việt, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị tập trung bàn biện pháp thực hiện Hiệp định Giơnevơ và đề ra chủ trương công tác trong tình hình nhiệm vụ mới. Hội nghị đã nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy quán triệt chủ trương của trên về việc ký kết, về thắng lợi và những nội dung cơ bản của Hiệp định Giơnevơ. Cũng tại Hội nghị này, Tỉnh ủy đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn chào mừng thắng lợi của cuộc kháng chiến. Đông đảo đồng bào từ các vùng căn cứ, du kích, các vùng tạm chiếm đã về dự lễ trong không khí tung bừng, phấn khởi.

Sau chín năm kháng chiến trường kỳ, hòa bình đã được lập lại. Ngày 25-8-1954, tại Nhà Nai (Chiến khu Đ), Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức làm lễ tiễn đưa đoàn quân lên đường tập kết, có hàng vạn người tham gia. Cùng với việc tiễn đưa anh em

tập kết, Tỉnh ủy Thủ Biên triển khai các công việc cần kíp trước mắt như bố trí cán bộ dân - chính - đảng được phân công ở lại; triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; kiện toàn tổ chức, lãnh đạo tư tưởng, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh trong giai đoạn mới.

*

* * *

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên giai đoạn 1945-1954 là cuộc kháng chiến gắn liền với việc xây dựng, củng cố, mở rộng vùng căn cứ như Chiến khu Vĩnh Lợi và nhất là Chiến khu Đ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chiến khu Đ là một trong những căn cứ quan trọng của các cấp ủy Đảng, các tổ chức chính quyền và cơ quan chỉ huy quân sự thuộc nhiều quận, tỉnh lân cận đến Khu 7, Phân liên khu miền Đông và Nam Bộ. Đây là nơi lực lượng kháng chiến rút về củng cố, xây dựng và tích trữ lực lượng làm chỗ dựa cho cuộc kháng chiến lâu dài; là nơi ở của các cơ quan lãnh đạo kháng chiến và từ đó chỉ đạo, chỉ huy cuộc kháng chiến ở các vùng, các chiến trường; là nơi xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung các cấp, từ phân đội nhỏ lẻ trong buổi đầu kháng chiến đến các đơn vị chủ lực tập trung cấp tiểu đoàn, trung đoàn. Đây cũng là địa bàn có hàng ngàn chuyến giao thông liên lạc từ Trung ương đã đi qua, để từ đó tỏa về các tỉnh, là nơi đầu cầu của một đoạn đường vận tải chiến lược của Tiểu đoàn 320 từ vùng giải phóng Khu 5 vào Nam Bộ phục vụ cho các chiến trường... Với tất cả ý nghĩa đó, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã không ngại khó khăn, gian khổ, ra sức đóng góp sức người, sức của, đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, xứng đáng là căn cứ “lòng dân” của cuộc kháng chiến.

Chiến khu Đ không chỉ là chiến trường tiêu diệt địch tại chỗ mà còn là nơi xuất phát, là bàn đạp để tiến công địch bên

ngoài căn cứ, gây cho chúng những tổn thất nặng nề. Đó là những trận Lạc An, Tân Uyên, Nhà Nai, Mã Đà, Cầu Bà Kiên và nhiều trận đánh bại các cuộc càn quét với quy mô lớn của địch, có trận kéo dài hàng tháng vào Chiến khu Đ; hay trận tiến công vào thị xã Biên Hòa (năm 1946, 1947), hàng loạt trận đánh giao thông trên chiến trường Thủ Dầu Một, Biên Hòa (tiêu biểu là trận đánh La Ngà năm 1948). Trong những chiến thắng vang dội đó, nhiều trận đã để lại dấu ấn về sự tham gia đóng góp của nhân dân Tân Uyên.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954) của Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên cũng như những đơn vị, cơ quan hoạt động, chiến đấu ở Chiến khu Đ diễn ra trong điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn, ác liệt, nhất là khi chiến tranh ngày càng phát triển, kẻ thù xâm lược ngày càng điên cuồng tìm cách xóa bỏ căn cứ với mức độ tiến công lớn hơn, thủ đoạn xảo quyệt hơn. Mặt khác, kẻ thù luôn tìm mọi cách, dùng mọi thủ đoạn như xuyên tạc, ly gián lòng dân với cách mạng, phá hoại phong trào chiến tranh nhân dân, kiểm soát nghiêm ngặt công nhân các đồn điền cao su và mua chuộc đồng bào dân tộc thiểu số. Chính sách và âm mưu của địch đã gây không ít khó khăn cho cách mạng. Vì vậy, nếu chỉ với các đơn vị, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thì không thể nào bảo vệ nổi căn cứ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quá trình xây dựng, phát triển của Chiến khu Đ gắn liền với sự đóng góp to lớn của mọi tầng lớp nhân dân quận Tân Uyên, của công nhân cao su và đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã Bù Cháp, Lý Lịch, Tứ Hiệp, Vĩnh An... Họ vừa là những chiến sĩ hậu cần, vừa là lực lượng chính làm nhiệm vụ xây dựng hệ thống vật cản, phá hoại, làm nhiệm vụ trinh sát nắm địch, truyền tin báo động, liên lạc vận tải. Việc thành lập các xã mới ở trung tâm chiến khu như Thanh Lâm hay thành lập các xã ở vùng đất phía bắc phì nhiêu nhưng vắng dân như Cộng Hòa, Dân Chủ, Sông Lô là nhằm mục đích bố trí lực

lượng quân chúng nhân dân trong căn cứ, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ

Tại chiến trường trên địa bàn Tân Uyên - Chiến khu Đ ngoài sự đánh phá ác liệt của giặc Pháp, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, sự thiếu thốn lương thực, thực phẩm, thuốc men là một thử thách lớn lao đối với những con người nơi đây. Có những lúc khó khăn như thời điểm xảy ra trận bão lụt năm 1952, anh em bộ đội nhịn đói mà vẫn đánh giặc, lấy lời ca tiếng hát, tình đồng chí, đồng đội động viên nhau vượt khó khăn, chiến đấu. Mỗi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào nơi đây đã sống, chiến đấu với niềm tin và lòng thủy chung son sắt với sự nghiệp cách mạng của Đảng; với tinh thần chịu đựng gian khổ và ý chí vươn tới chiến thắng mãnh liệt trong tình đồng chí, đồng bào trong sáng và thân thiết như tình ruột thịt. Những thử thách khắc nghiệt trong chiến tranh và tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau cùng đi trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc đã tôi luyện người dân Tân Uyên trở thành những chiến sĩ kiên cường, dũng cảm để bước tiếp vào một giai đoạn lịch sử mới.

PHẦN THỨ BA
ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN
HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU
NƯỚC
(Từ 7-1954 đến 4-1975)

Chương I

TỔ CHỨC, BỐ TRÍ LẠI LỰC LƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO TỪNG BƯỚC TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI (1954-1960)

I. SẮP XẾP BỐ TRÍ LẠI LỰC LƯỢNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO (1954 – 1956)

Sau chín năm chiến đấu đầy gian khổ và anh dũng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới. Hướng chỉ đạo chiến lược từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ tiến tới Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Đặc điểm lớn nhất của giai đoạn này là đất nước tạm chia làm hai miền: miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ra sức khắc phục hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, từng bước chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; miền Nam tạm thời do địch kiểm soát. Cách mạng miền Nam từ chỗ có chính quyền, có quân đội, có vùng giải phóng rộng lớn, trở thành không có chính quyền, quân đội, phải tạm giao vùng giải phóng do nhân dân làm chủ trong suốt 9 năm kháng chiến cho đôi phương quản lý, chờ hai năm sau tiến hành hiệp thương Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Theo Hiệp định Giơnevơ, ở miền Nam, ta rút hết lực lượng vũ trang để tập kết ra Bắc. Cũng trong thời gian đó, toàn bộ lực lượng của địch ở miền Bắc dồn dập kéo vào Nam, trong đó có những tên phản động có nợ máu với nhân dân và hàng chục vạn đồng bào Thiên Chúa giáo bị lừa gạt, cưỡng bức di

cu. Tình hình đó càng làm cho miền Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng gặp vô vàn khó khăn, phức tạp.

Khi Hiệp định Giơnevơ ký kết chưa ráo mực, Ngô Đình Diệm được Mỹ hậu thuẫn âm mưu phé truất Bảo Đại, hất cẳng thực dân Pháp, thanh toán lực lượng vũ trang các giáo phái, rước đế quốc Mỹ vào miền Nam, trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, là tiền đồn chống cộng ở Đông Nam châu Á.

Để củng cố quyền lực, Mỹ - Diệm ráo riết xây dựng bộ máy nguy quyền tay sai phản động từ Trung ương đến tận cơ sở, cải tổ lại quân đội, cảnh sát làm công cụ chủ yếu cho chính sách xâm lược theo kiểu thực dân mới của Mỹ. Về chính trị, chúng dựng lên “Đảng Cần lao nhân vị”, “phong trào cách mạng quốc gia”, các tổ chức Thanh niên Cộng hòa, Phụ nữ liên đới, Công đoàn Vàng... nhằm tập hợp các lực lượng, hậu thuẫn cho chế độ Diệm. Bên cạnh đó, chúng đẩy mạnh việc xây dựng các lực lượng an ninh, mật vụ, tâm lý chiến trực thuộc Phủ Tổng thống; xây dựng bảo an, dân vệ, tự vệ hương thôn... ở khắp vùng nông thôn, căn cứ kháng chiến trước đây để kìm kẹp nhân dân, theo dõi truy bắt cán bộ cách mạng nằm vùng và những người dân yêu nước. Chúng chia nhỏ nông thôn thành ấp, khu, năm nhà thành một “ngũ gia liên bảo”; tổ chức mạng lưới chỉ điểm viên tận xóm, ấp để đánh phá cơ sở cách mạng, cấy bọ mật vụ, tình báo, tâm lý chiến đeo bám từng địa bàn; theo dõi, phân loại từng hộ dân nhằm “loại bỏ mầm mống cộng sản” ra khỏi nhân dân, tách nhân dân, nhất là nông dân ở nông thôn ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Chúng ra sức tuyên truyền gây chia rẽ trong nội bộ nhân dân, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, khơi gợi lại hận thù; bao che, khuyến khích số ác ôn, có nợ máu với nhân dân quay trở lại trả thù nhân dân, trả thù những người kháng chiến... làm cho bầu không khí ở nông thôn luôn căng thẳng, ngột ngạt.

Để phù hợp với tình hình cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, tổ chức đảng chuyển vào hoạt động vào bí mật, được sắp xếp, bố trí lại gọn nhẹ. Số cán bộ, đảng viên hoạt động công khai phải thay tên đổi họ, đổi ngành nghề, chuyển vùng hoạt động để che mắt địch. Các tổ chức cán bộ, đoàn thể, mặt trận được bố trí vào các tổ chức biến tướng, hợp pháp như Hội banh, Hội tương tế, Hội phụ huynh học sinh, Hội đình, chùa... để nắm quần chúng, dựa vào vỏ bọc của quần chúng tạo thế hoạt động hợp pháp.

Để phù hợp với tình hình mới, cuối năm 1954, Xứ ủy Nam Bộ đã quyết định tách tỉnh Thủ Biên, lập lại hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Tỉnh ủy Biên Hòa do đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư. Đến đầu 1955, Thường vụ Xứ ủy điều động đồng chí Vũ Ngọc Hồ (Bảy Hồng Vũ) từ Liên tỉnh ủy miền Đông về làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, đồng chí Phạm Văn Thuận làm Phó Bí thư. Một thời gian ngắn sau đó, đồng chí Phạm Văn Thuận lại thay thế làm Bí thư Tỉnh ủy. Năm 1954, Quận ủy Tân Uyên gồm các đồng chí:

- Huỳnh Văn Đính (Hai Đính): Bí thư Quận ủy.
- Mai Sơn Việt: Phó Bí thư.
- Võ Thế Đại: Ủy viên thường vụ.
- Võ Văn Tạo: Quận ủy viên.
- Hà Tư: Quận ủy viên.

Đến năm 1955, quận Tân Uyên chuyển thành huyện Tân Uyên. Bí thư Huyện ủy là đồng chí Nguyễn Văn Tỏ. Các đồng chí khác trong Ban Chấp hành không thay đổi. Cũng trong thời gian này, bộ máy Đảng, mặt trận và các đoàn thể bí mật các làng xã trong huyện cũng được tổ chức, sắp xếp lại như Tân Ba, An Thành, Thái Hòa, Phước Thành, Thạnh Hội, Bình

Chánh, Tân Hiệp, thị trấn Uyên Hưng, Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lan, Lạc An...

Sau khi đã ổn định bộ máy lãnh đạo các cấp, Tỉnh ủy Biên Hòa có nghị quyết quy định tổ chức hoạt động của các cán bộ Đảng từ tỉnh, huyện, xã phải thực hiện đúng nguyên tắc bí mật, công khai, bán công khai. Mỗi cán bộ được bố trí công tác ở đâu đều phải tạo việc làm hợp pháp, hòa bình trong dân, xây dựng cốt cán quần chúng, qua đó mà tuyên truyền vận động quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Tỉnh ủy cũng đề ra chủ trương đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới là: Các cán bộ được bố trí ở lại phải bám trụ trong dân, tạo thế công khai, hợp pháp, dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơnevơ để lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị đòi dân sinh, dân chủ, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước; bảo vệ cán bộ, bảo vệ tính mạng và tài sản, quyền lợi của nhân dân, chống địch khủng bố, bắt bớ. Các cuộc đấu tranh dù nhỏ hay lớn đều phải tranh thủ lôi kéo gia đình binh sĩ đứng về phía nhân dân, xây dựng gia đình binh sĩ thành ngòi pháo trong các cuộc đấu tranh. Đấu tranh phải có lý, có lẽ và đúng mức. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Biên Hòa quan tâm đến công tác binh vận và chỉ đạo tăng cường cán bộ cho công tác này, đồng thời phân công theo dõi các đối tượng trong lực lượng chủ lực, bảo an, dân vệ, tề nhằm tuyên truyền, giáo dục, lôi kéo binh sĩ nguy, vạch trần tội ác của đế quốc Mỹ xâm lược; vận động gia đình binh sĩ cùng nhân dân đấu tranh bênh vực quyền lợi cho quần chúng. Tại huyện Tân Uyên, đồng chí Mai Sơn Việt, Phó Bí thư Huyện ủy được phân công phụ trách Ban binh vận huyện.

Thực hiện chủ trương của trên, lợi dụng Mỹ - nguy “trung cầu dân ý” bầu Hội đồng hương chính các xã trong huyện, chỉ bộ các xã đã lãnh đạo giới thiệu người của ta ra ứng cử và vận động nhân dân bỏ phiếu cho những người này. Tại nhiều xã của huyện Tân Uyên, Tân Hòa, Tân Bình, Tân Phước

Khánh..., chính quyền ngụy mới bầu lên đa số là người của ta. Thông qua những cơ sở cài được vào những cơ quan địch, ta nắm được tình hình, đối phó kịp thời các âm mưu thủ đoạn của địch, hoặc khi địch thay thế căn cứ, giấy thông hành, ta đã làm giấy tờ hợp pháp cho một số cán bộ tránh được sự truy quét của chúng.

Từ khi bắt đầu thay chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhận thức Chiến khu Đ là một căn cứ địa của cách mạng uy hiếp trực tiếp các cơ quan đầu não của chúng ở miền Đông và Sài Gòn. Do vậy, một trong những mục tiêu hàng đầu của Mỹ - ngụy là triệt phá và chia cắt Chiến khu Đ cùng với các căn cứ quan trọng khác ở miền Đông. Trong hai năm 1954 – 1955, Mỹ - ngụy đã cưỡng bức hơn 150 ngàn đồng bào theo đạo Thiên Chúa từ miền Bắc vào bố trí dọc lộ 1, 15, 20, cửa ngõ Sài Gòn và ngoại vi Chiến khu Đ. Trong vùng căn cứ, Diệm bố trí gần một vạn đồng bào Thiên Chúa giáo di cư chủ yếu thuộc hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên để thành lập xã Thái Hưng (thuộc địa bàn xã Lạc An, huyện Tân Uyên - xã ruột của Chiến khu Đ).

Hàng loạt dinh điền được địch lập lên ở Khánh Vân, Sinh, Bà Đã, Váng Hương, Bàu Cá Trê, Nước Vàng... Rõ ràng âm mưu của Mỹ - Diệm là nhằm xây dựng lực lượng chính trị làm hậu thuẫn cho chính sách thực dân mới, tạo ra mâu thuẫn giữa dân trong địa bàn chiến khu và đồng bào Công giáo. Ở phía nam Chiến khu Đ, địch cho bọn tư sản và công chức cao cấp lập nhiều trại be với danh nghĩa khai thác lâm sản, nhưng mục đích chính là phá rừng, ủi đường (nhiều đường ủi mang tên Trần Lệ Xuân) để xẻ ngang, cắt dọc Chiến khu Đ phục vụ yêu cầu kiểm soát, đánh phá vùng căn cứ kháng chiến. Diệm và Nhu công khai nói rõ ý đồ của chúng “Biện pháp xẻ đường, đưa dân vào mật khu Việt cộng để dùng dân đây cộng sản ra khỏi vùng đất đó. Dinh điền là nơi cung cấp tin tức tình báo, nơi xuất phát để hành quân, rào chặn xâm nhập”.

Từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1956, phong trào đấu tranh chính trị đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của nhân dân trong tỉnh phát triển mạnh ở cả vùng nông thôn, thị trấn, thị xã và trong công nhân cao su. Hòa cùng khí thế đấu tranh của công nhân cao su, nông dân ở các huyện Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên, Bến Cát và công nhân lò đường, lò gốm cũng liên tục nổi dậy đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, chống trả thù người kháng chiến cũ. Hầu hết các xã đều tham gia phong trào tổ chức những nhóm (mỗi nhóm vài người, vài ngày lại tổ chức một nhóm) đưa đơn kiến nghị có nhiều chữ ký gửi tới Ủy ban kiểm soát đình chiến quốc tế, gửi Quốc hội nghị Sài Gòn.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ở các xã vùng nông thôn, ta vận động quần chúng đấu tranh đòi được lập ra các tổ chức hợp pháp như “Đội dân làng” chống trộm cướp, Hội “âm công lo giúp việc ma chay, Hội cúng miếu, cúng đình, Hội đá banh, Hội đờn ca, Hội hỗ trợ người nghèo giúp nhau sản xuất... Các tổ chức này đã thỏa mãn nguyện vọng của quần chúng, nhất là khi ta dựa vào quan hệ họ hàng, tín ngưỡng, sở thích... để vận động.

Ngày 23-10-1955, Ngô Đình Diệm tổ chức “Trung cầu dân ý” nhằm truất phế Bảo Đại, lên làm Tổng thống. Đồng bào khắp nơi trong tỉnh đã đấu tranh quyết liệt chống trò hề này. Lực lượng tham gia đấu tranh chủ yếu là phụ nữ. Ở các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Thường Lang, đảng viên đã lãnh đạo nhân dân từng đoàn kéo về quận đấu tranh. Đoàn biểu tình của xã Tân Tịch đi bằng ghe, xuống bị địch chặn lại, đập người xuống sông, cô bác lội lên bờ tiếp tục đi bộ đấu tranh. Địch nổ súng hăm dọa, đoàn biểu tình vẫn không chùn bước, hô vang các khẩu hiệu đấu tranh. Địch điều Tiểu đoàn bảo an 64 ra chặn lại, bắt anh Năm Thảo, bà Năm Độ, chị Năm Huệ của xã Mỹ Lộc về bắt. Đồng chí Năm Quyết dẫn đầu đoàn đấu tranh trực diện với quận. Đuối lý trước sức mạnh của quần chúng, nguy

quyền phải thả những người chúng bắt: Ngày 10-11-1955, hơn 10.000 công nhân cao su ở các đồn điền Dầu Tiếng, Phước Hòa, Quán Lợi, Lộc Ninh liên tục đấu tranh, đưa yêu sách đòi tăng lương, đòi cải thiện chế độ ăn ở, đòi tự do, dân chủ, đòi hòa bình. Cuộc bãi công kéo dài suốt một tuần lễ làm thiệt hại cho Công ty xuất nhập khẩu cao su trên 10 vạn đôla.

Ngày 4-3-1956, Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội nguy Sài Gòn. Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương vận động nhân dân đấu tranh tẩy chay cuộc bầu cử bằng cách không đi bỏ phiếu, khi bị thúc ép phải đi thì bỏ phiếu trắng hoặc bôi bã trà vào lá phiếu... Nhân dân các xã Tân Hòa, Khánh Vân, Phước Hòa tổ chức phá thùng phiếu, xé phiếu, gạch chéo, bôi nước cốt trà lên mặt hình Ngô Đình Diệm, gậy gỗ, cũi vãi làm hỗn loạn nơi bầu cử, có nơi địch phải bắn súng chỉ thiên đe dọa.

Sau khi dẹp xong các giáo phái thân Pháp, đầu năm 1956, trong khi đang gấp rút chuẩn bị bầu cử quốc hội bù nhìn, Mỹ - Diệm đã từng bước phátxít hóa bộ máy cai trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng miền Nam. Giữa năm 1956, sau khi xây dựng và củng cố bộ máy thống trị từ Trung ương đến các địa phương, ngày 7-7-1956, Diệm chính thức lên nắm chính quyền, công khai tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử, đẩy mạnh chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, thẳng tay mở những cuộc “khủng bố trắng” trên toàn miền Nam. Ngày 10-7-1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Cùng với bọn tề điệp, bảo an, dân vệ, bọn đầu hàng chỉ điểm suốt ngày đêm càn quét, sục sạo khắp xóm làng vùng nông thôn, vùng căn cứ cũ và các đồn điền cao su để lùng bắt cán bộ, đảng viên ta. Trên các trục lộ giao thông, chúng lập những trạm gác, bố trí bọn phản động đầu hàng chỉ điểm nhận dạng cán bộ ta đi lại hoạt động. Ở những nơi dân cư sinh sống tập trung, chúng liên tục đưa quân chà đi xát lại nhiều lần. Đi đến đâu địch cũng gom dân tập trung để tuyên truyền vu

không cách mạng, bồi nhọ, hạ uy thế đảng viên và cán bộ kháng chiến. Chúng triển khai nhiều đợt học tập “tổ cộng” kéo dài, kết hợp khủng bố với dụ dỗ, mua chuộc, kêu gọi nhân dân tố giác cán bộ, đảng viên với khẩu hiệu “tổ cộng là yêu nước”.

Với những gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người thân đi tập kết, chúng bắt bớ, giam cầm, khủng bố, tra tấn, đánh đập dã man. Những cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ chẳng may bị bắt, sau những đòn tra tấn, chúng ép buộc ký tên ly khai khỏi Đảng, bắt quỳ trước đèn suốt đêm “sám hối”. Ai không chịu ly khai, sám hối, chúng tiếp tục tra tấn, công khai bắn giết hoặc bí mật thủ tiêu. Những gia đình cách mạng có chồng đi tập kết, chúng bắt vợ ly khai chồng, dùng bọn công dân vụ, mật vụ đến dụ dỗ, hù dọa, mua chuộc, khủng bố, cưỡng hiếp vợ con. Địch đưa ra khẩu hiệu hành động: “Tiêu diệt nội tuyến, diệt trừ nội tâm”, “đạp lên oán thù để thực hiện dân chủ, nhân vị quốc gia”, với phương châm: “Không có đánh cho có; có đánh cho chừa”, “thà giết nhầm hơn bỏ sót!”... nhằm thực hiện “đào tận gốc, tróc tận rễ cộng sản nằm vùng”. Chúng thanh lọc, phân loại quần chúng ra làm ba loại hòng làm cho nội bộ nhân dân trong từng xóm ấp, từng gia đình, cha con, chồng vợ, anh em... nghi kỵ lẫn nhau để dễ bề tiêu diệt cán bộ, đảng viên ta đang bám rễ trong quần chúng nhân dân.

Cùng với những hoạt động trên, Mỹ - Diệm còn thực hiện thanh lọc bộ máy chính quyền các cấp khiến hầu hết cơ sở ta cài cắm trước đây lần lượt bị bắt hoặc bị đánh bật ra. Những người trung thành với cách mạng bị chúng bắt giam, đánh đập, giết hại; số khác may mắn thoát được phải chuyển đi nơi khác làm ăn sinh sống, rồi tìm cách móc nối với Đảng. Có người không giữ được khí tiết, phản bội, đầu hàng làm tay sai cho giặc, chống lại nhân dân, chống lại cách mạng.

Tại tỉnh Biên Hòa, “không khí đau thương uất hận bao trùm khắp thôn xóm. Một tiếng chó sủa, một tiếng súng nổ

bằng quơ cũng làm cho bà con nơm nớp lo âu. Tai họa có thể ập đến với bất cứ người dân nào. Bọn ác ôn, công an ngầm, chỉ điểm ngày càng lộ ng hành, tàn ác. Nhân dân Biên Hòa sục sôi căm thù, nguyện rửa các tên Sáu Tầng ở Vĩnh Cửu, Mười Hiếm ở Long Thành cùng hàng trăm tên ác ôn khác. Máu của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta không ngày nào là không nhuộm đỏ bàn tay chúng. Nhà tù, trại giam ở trong tỉnh chật ních người”¹.

Các cấp ủy Đảng từ tỉnh, huyện, xã ở Biên Hòa đều chấp hành tuyệt đối đường lối đấu tranh chính trị của Đảng, thể hiện ý thức tổ chức, kỷ luật của Đảng. Nhưng trước những hành động địch ngày càng khùng bố trắng trợn, bắt người vô cớ, hàng chục cơ sở đảng trong tỉnh bị phá vỡ, các cụ già chí cốt với cách mạng đến gặp cán bộ cứ đề nghị cho diệt ác ôn.

Do chấp hành chủ trương của Đảng, đa số cán bộ, đảng viên không dám manh động. Nhưng quá bức tức trước những tổn thất của cách mạng, một vài nơi như Thiện Tân, Tam Hiệp, cán bộ, đảng viên tại chỗ đã bắt, diệt một số tên công an ngầm. Những trường hợp này khi phát hiện, Đảng cho tổ chức kiểm điểm, kỷ luật, vì tình hình chưa thuận lợi, nếu ta hoạt động không khéo, địch lấy cớ đàn áp phong trào. Ở các xã Tân Ba (Thái Hòa), Tân Bình..., các đồng chí Mai Sơn Việt (Bảy Chí), Tám Hòa tự động bí mật tổ chức các đội vũ trang trấn áp bọn phản động, cảnh cáo, trừng trị một số tên ác ôn ngoan cố. “Đảng cướp Rừng xanh” do hai ông Liễu, Bờ chỉ huy được Tỉnh ủy Thủ Dầu Một vận động thuyết phục đã tự nguyện chịu sự lãnh đạo của Đảng, liên hệ với tổ chức vũ trang của đồng chí Chín Quỳ ở Chiến khu Đ nhằm phối hợp diệt trừ ác ôn.

Nằm trong bối cảnh chung các tỉnh ở miền Đông Nam Bộ và Nam Bộ, ở Thủ Dầu Một từ giữa năm 1956 trở đi tình

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai: Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930 - 1995, tập II, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2000, tr.40, 41.

hình trở nên hết sức gay go. Chỉ qua vài tháng đầu chiến dịch Trương Tấn Bửu của địch, lực lượng cách mạng bị tổn thất rất lớn. Phần lớn cán bộ, đảng viên ở cơ sở hoạt động công khai do sơ hở, mất cảnh giác đều sa vào tay giặc. Ở Lộc Ninh, sau hơn một năm xây dựng lại chi bộ, số đảng viên đã lên đến 101 đồng chí, nhưng chỉ qua mấy tháng đánh phá dai dẳng của địch, lực lượng bị tổn thất quá nửa. Ở Hớn Quản, chỉ trong một đêm đầu tháng 7-1956, địch đã bắt đi 82 người. Ở Xa Cam, Xa Trạch, Minh Thạnh, mỗi nơi địch bắt từ 40 đến 50 người. Dầu Tiếng, 42 đảng viên từ căn cứ Định Thành trở về thị trấn hoạt động từ cuối năm 1954 thì đến cuối năm 1956 chỉ còn lại 9 đồng chí. Ở xã Long Nguyên, cuối năm 1954 có 175 đảng viên với 3 chi bộ, đến cuối năm 1956 chỉ còn lại 18 đảng viên... Nhiều xã không còn chi bộ. Một số cấp ủy huyện cũng tổn thất nặng. Một số đồng chí trong Tỉnh ủy bị địch tổ chức theo dõi rình bắt như đồng chí Lê Đình Nhơn, Bí thư Tỉnh ủy bị bắt ngày 2-9-1956 tại Lái Thiêu. Cuối tháng 9-1956, đồng chí Võ Duy Hanh, Phó Bí thư Tỉnh ủy cùng đồng chí Lưu Thị Hồng Thoại, Tỉnh ủy viên phụ trách Trưởng ban giao liên căn cứ và đồng chí Diệp Hồi, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy cũng bị những tên đầu hàng phản bội chỉ điểm cho địch lùng bắt trong chiến dịch Trương Tấn Bửu.

Một bài học xương máu về nguyên nhân khiến địch phát hiện và khủng bố, bắt bớ nhiều cán bộ, đảng viên, cơ sở quần chúng nòng cốt trung kiên trong một thời gian ngắn như trên là “do trước đó, trong quá trình vận động, tổ chức đấu tranh cũng như việc đi lại, liên lạc quan hệ công tác, ta bộc lộ nhiều nhược điểm về nguyên tắc bí mật, để bọn tay chân của địch phát hiện chỉ điểm, khi chúng ra tay quyết liệt, ta chuyển hướng không kịp. Hơn nữa, chấp hành Nghị quyết của Đảng, cán bộ, đảng viên khi đụng địch hoặc để bị địch bắt, hoặc tìm cách thoát thân chứ không được dùng vũ lực để tự vệ, ai đòi đánh hoặc mang dao trong người bị phê bình là “thiếu tin

tướng đường lối”, có “tư tưởng vũ trang mạnh động”. Tình trạng đó dẫn đến tình hình chung là đảng viên, cán bộ, quần chúng hăng hái nhiệt tình thì dễ bị sa lưới, hoặc chỉ nằm hàm thụ động chờ đợi thời cơ. Một số đồng chí vốn tích cực dần dần trở thành tiêu cực, bi quan. Lúc này, như một số đồng chí đã nói là đấu tranh chính trị, đấu tranh với địch chỉ có “huề đến thua”. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở một số nơi tạm lắng xuống”¹.

Thực tế tình hình phong trào cách mạng của nhân dân trong tỉnh cũng như cách mạng miền Nam từ sau ngày 20- 7- 1956 cho thấy cuộc đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước là không còn hiện thực khi Ngô Đình Diệm đã hoàn toàn cự tuyệt hiệp thương, tổng tuyển cử, hô hào “Lấp sông Bến Hải”, thực hiện “Bắc tiến”. Con đường đấu tranh chính trị đơn thuần lúc này không thể thực hiện được những yêu cầu cơ bản của nhân dân là độc lập, thống nhất, hòa bình; là quyền tự do dân chủ, là cải thiện đời sống nhân dân, nhất là nhân dân lao động. Khi kẻ thù điên cuồng chống phá cách mạng bằng bạo lực thì yêu cầu bức xúc của quần chúng lúc này là phải có lực lượng vũ trang tự vệ, bảo vệ cán bộ, bảo tồn lực lượng cách mạng. Đó là một tất yếu, là cơ sở để cho Đảng có những chủ trương đúng đắn, kịp thời tiếp tục đưa cuộc cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

II. VŨ TRANG TUYÊN TRUYỀN, DIỆT ÁC PHÁ KÌM GÓP PHẦN CỨNG CỐ XÂY DỰNG CHIẾN KHU Đ (1957-1958)

Từ tháng 7-1956 trở đi, chính quyền tay sai của Mỹ - Diệm ở miền Nam bước vào thời kỳ được coi là tương đối ổn định. Mỹ - Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội và tiếp tục đẩy

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930 – 1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.306

nhanh tốc độ xây dựng chính quyền, quân đội; đưa vũ khí và cố vấn Mỹ vào miền Nam ngày càng nhiều; đẩy mạnh việc xây dựng căn cứ quân sự, xây dựng bộ máy kìm kẹp xuống tận cơ sở, từng khu, ấp và đến tận người dân trong các “liên gia”. Tuy vẫn còn tiếp tục truy quét nhằm triệt tiêu các lực lượng giáo phái, các đảng phái đối lập, nhưng trọng tâm là tập trung tiêu diệt lực lượng yêu nước và cách mạng ở miền Nam mà Diệm gọi chung là “cộng sản”.

Quốc sách “tố cộng, diệt cộng” được Diệm đặt lên hàng đầu. Chiến dịch “tố cộng” bước sang giai đoạn 2 với phương châm “tiến vào bề sâu, mở rộng và mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân mà trọng tâm là Nam Bộ”.

Để lãnh đạo cuộc đấu tranh ở miền Nam, tháng 6-1956, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết và Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 10 (tháng 9-1956) nhận định: Mỹ Diệm đã hoàn toàn làm chủ ở miền Nam, chính quyền Diệm bước đầu được củng cố. Đó là chính quyền độc tài, phátxít của bọn tư sản mại bản và phong kiến thân Mỹ, phản động. Miền Nam đã trở thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ. Chúng đang âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta và chuẩn bị chiến tranh; các quyền tự do, dân chủ ở miền Nam bị bóp nghẹt; phong trào cách mạng miền Nam đang bị Diệm tấn công, tiêu diệt. mâu thuẫn chủ yếu ở miền Nam lúc này là giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm.

Từ nhận định trên, Trung ương chủ trương tiếp tục đấu tranh bằng phương pháp hòa bình. Nghị quyết Trung ương cũng đề ra nhiệm vụ củng cố lực lượng vũ trang và nửa vũ trang hiện có, xây dựng căn cứ làm chỗ dựa, đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Cần tổ chức tự vệ vũ trang quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh và giải thoát cho cán bộ khi cần thiết.

Trong lúc Trung ương đề ra chủ trương và nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam như trên, xuất phát từ tình hình thực tế ở Nam Bộ, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy với sự hỗ trợ, tham gia của các đồng chí Xứ ủy đã dự thảo ra Đề cương về đường lối cách mạng miền Nam.

Đồng chí đã phân tích sâu sắc tình hình ở miền Nam và khẳng định rằng: “Tình hình ấy nhất định thúc đẩy nhân dân miền Nam phải đứng lên đập tan chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm để tự cứu mình... mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc”¹.

Tháng 12-1956, căn cứ vào “Đề cương cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn, Xứ ủy Nam Bộ đã họp đánh giá tình hình cách mạng miền Nam, đi đến chủ trương: Do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong một chừng mực nào đó cần phải có lực lượng tự vệ vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm”. Xứ ủy quyết định: “... Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đơn vị vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ miền núi...”. Đối với miền Đông Nam Bộ, một địa bàn chiến lược, Xứ ủy triển khai các chủ trương về đấu tranh cho các địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên được Xứ ủy cử về miền Đông để thực hiện nhiệm vụ thống nhất các lực lượng vũ trang. Hai đồng chí Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh phụ trách việc xây dựng căn cứ trên địa bàn miền Đông Nam Bộ. Đến năm 1957, miền Đông Nam Bộ đã hình thành các vùng căn cứ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr.787.

lớn: Căn cứ đông bắc gồm Chiến khu Đ (cũ) được mở rộng lên giáp biên giới Việt Nam - Campuchia, sau gọi là Khu A. Vùng căn cứ tây bắc gồm căn cứ Dương Minh Châu (cũ) và rừng núi tỉnh Tây Ninh sau gọi là Khu B. Khu căn cứ Thị Tịch, Long Nguyên (Bến Cát) gọi là Khu C. Các căn cứ núi Mây Tàu, Hắc Dịch, rừng Sác, sông La Ngà là khu E. Từ Chiến khu Đ (Khu A) đường liên lạc bộ được nối thông với các căn cứ. Xứ ủy đã cử nhiều cán bộ quân sự ở miền Tây Nam Bộ về tăng cường cho miền Đông, trong đó có các đồng chí Lê Thành Công (Sáu Thịnh), Đặng Văn Huấn (Sáu Huấn), Võ Cương (Mười Năng) ...

Ở Thủ Dầu Một, sau khi hình thành hai trung đội vũ trang vào cuối năm 1956, đầu năm 1957, Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai và mở rộng căn cứ lên địa bàn phía bắc của tỉnh. Một bộ phận lực lượng vũ trang của tỉnh từ căn cứ Hoác Mãng, Bà Tòng bí mật cắt rừng mở đường lên suối Đá - Bà Tứ nối với căn cứ Hồ Mên, xã Long Nguyên, sau đó phát triển mở rộng tới gần Chơn Thành, Nha Bích sang Đồng Xoài, kéo xuống vùng An Linh, Phước Sang... hình thành đường dây giao liên nối liền Chiến khu Đ với căn cứ Long Nguyên qua Chiến khu Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh. Đường mở đến đâu ta tổ chức cán bộ chốt lại xây dựng căn cứ, móc nối cơ sở cách mạng, cán bộ hoạt động công khai, bí mật để lo hậu cần đến đó. Lực lượng mở đường, xây dựng căn cứ trên tuyến đường bí mật này trở thành lực lượng đảm nhận việc liên lạc, dẫn đường, đưa đón, bảo vệ cán bộ từ các vùng Tân Uyên nối tới Biên Hòa, Bà Rịa cũng như từ Lái Thiêu, Thủ Đức về Liên tỉnh ủy miền Đông.

Lúc 17 giờ ngày 2-12-1956, sau khi bắt liên lạc được với Tỉnh ủy Biên Hòa, đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm) Bí thư Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa) đã lãnh đạo các chiến sĩ cách mạng và người yêu nước bị địch giam giữ nổi dậy cướp súng địch, phá trạm giam. Hơn 400 người đã

cướp được trên 40 khẩu súng thoát khỏi nhà tù của địch. 21 cán bộ, đảng viên và người yêu nước đã hy sinh trước cửa trại giam. Khi đến rừng Tân Định (nay thuộc Vĩnh Cửu), Đảng ủy quyết định phân tán đoàn, mỗi tỉnh sẽ lập một chi bộ và tìm cách đưa các đồng chí ai về địa phương nấy để tiếp tục hoạt động. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa, Huyện ủy Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành đã tổ chức các tổ liên lạc, dẫn đường cùng nhân dân các xã quanh vùng tận tình giúp đỡ, cung cấp lương thực, che giấu, dẫn đường cho anh em tù vượt ngục tránh né vượt khỏi vòng vây và sự truy lùng gắt gao của địch một cách an toàn. Với hơn 400 cán bộ, đảng viên mang theo trên 40 khẩu súng là những cán bộ, đảng viên, chiến sĩ kiên cường được bổ sung cho các tổ chức đảng và lực lượng vũ trang cách mạng đang nhen nhóm ở Chiến khu Đ cũng như ở một số địa phương khác.

Năm 1957, Tỉnh ủy Biên Hòa chuyển đồng chí Nguyễn Văn Tỏ, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên về làm Bí thư Quận ủy Châu Thành (Biên Hòa). Đồng chí Ngô Tiến, Bí thư Huyện ủy Long Thành về làm Bí thư Huyện ủy Tân Uyên thay đồng chí Nguyễn Văn Tỏ; Phó Bí thư Huyện ủy Tân Uyên là đồng chí Mai Sơn Việt.

Từ năm 1958 - 1959, Tỉnh ủy chuyển đồng chí Ngô Tiến (Ba Lộc) về làm Bí thư Huyện ủy Xuân Lộc; chuyển đồng chí Trần Xuân Hà (Hà Tư) về làm Bí thư Huyện ủy Tân Uyên; Phó Bí thư là đồng chí Mai Sơn Việt. Thời gian này, đồng chí Nguyễn Văn Luông được bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện ủy thay đồng chí Võ Thế Đại về công tác đặc biệt cho Tỉnh ủy Về sau Trần Xuân Hà chuyển qua làm Bí thư Huyện ủy Long Thành và tháng 5-1959, Trần Xuân Hà đầu hàng giặc, dẫn địch đến bắt một số cán bộ, đảng viên ở hai huyện Tân Uyên và Long Thành. Ở Long Thành, Trần Xuân

Hà chỉ cho địch bắt các huyện ủy viên Trần Tấn Lộc, Năm Khôi, Châu Minh Sĩ...¹

Về phía địch, sau khi kết thúc chiến dịch Trương Tấn Bửu chúng mở tiếp cuộc càn Sao Mai, tập trung đánh phá vùng nông thôn và vùng căn cứ cũ, thực hiện gom dân lập các “khu trừ mật”, bắt thanh niên đi lính hoặc tham gia vào các tổ chức phản động như Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới, Phòng vệ quốc gia. Tháng 3-1957, Mỹ - Diệm dùng xe ủi mở đường từ Cây Gáo lên Mã Đà để chia cắt, đánh phá căn cứ Chiến khu Đ. Ở Bến Cát, chúng ủi phá rừng Long Nguyên, đưa 30.000 đồng bào Công giáo di cư vào dọc lộ 7 Thị Tính, Kiến An, Phó Bình. Ở Tân Uyên, chúng lập “khu trừ mật kiểu mẫu” Khánh Vân. Cuộc đấu tranh chống địch cào nhà gom dân của đồng bào các địa phương liên tục diễn ra. Ở Khánh Vân, mặc dù nhân dân đấu tranh dai dẳng nhưng địch quyết tâm tập trung lực lượng xây dựng “khu trừ mật kiểu mẫu” này. Cuối tháng 5-1957, chúng bắt dân tập trung vào sân lễ để cắt băng khánh thành, nhưng khi “quan khách” đến đông đủ, quần chúng bất ngờ đồng loạt đứng dậy đấu tranh đòi tẩy chay khu trừ mật. Trước sức mạnh của quần chúng, địch phải nhượng bộ, không dám đàn áp. Sau đó địch ra sức khống chế, kìm kẹp nhưng cuối cùng “khu trừ mật kiểu mẫu” Khánh Vân vẫn bị quần chúng phá banh.

Đầu năm 1957, Mỹ - Diệm liên tiếp mở các đợt “tô cộng” trong toàn huyện. Chúng ép cán bộ, đảng viên phải xé cờ Tổ quốc, bước qua ảnh Bác Hồ hồng hạ uy tín của Đảng. Chúng dụ dỗ, bắt vợ của anh em tập kết phải làm giấy ly hôn chồng. Bằng thủ đoạn mua chuộc, khống chế, chúng bắt con phải tố cha, vợ tố chồng là “Việt cộng” để gây nghi ngờ, xáo

¹ Chỉ từ tháng 5 đến tháng 8-1959, tại Biên Hòa có 5 tên đã phản bội Tổ quốc, phản Đảng: Hà Tư (Hai Giò, Bí thư Chi bộ xã Phú Hữu), Tư Cường (Đoàn Trị - cán bộ binh vận của tỉnh), Ba Chánh (Trưởng ban giao liên tỉnh), Mười Lôi (cán bộ Huyện ủy Tân Uyên) dẫn địch bắt trên 300 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, cơ sở cốt cán quần chúng ở Long Thành, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

trộn, chia rẽ trong gia đình, xóm làng, ly gián giữa Đảng với quần chúng, giữa tổ chức đảng với đảng viên. Nhiều đồng chí cấp ủy, đảng viên đã sa vào tay giặc và bị giết hại. Tại Mỹ Lộc, đồng chí Nguyễn Văn Nhơn, Bí thư chi bộ bị địch bắn chết. Sau khi đồng chí Nhơn hy sinh, địch còn nhẫn tâm hành hạ thân xác đồng chí nhằm uy hiếp tinh thần cán bộ và nhân dân địa phương.

Nhằm hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị ở các địa phương miền Đông, đồng thời để có thêm vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang, các đơn vị vũ trang của Xứ ủy, của miền Đông đã phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương thực hiện một số trận đánh gây tiếng vang lớn, thu được một số vũ khí, lương thực... Đó là các trận Bến Củi (Dầu Tiếng) tháng 5-1957, trận Minh Thạnh ngày 10-8-1957, trận tiên công vào trại be (Biên Hòa) ngày 18-9-1957...

Phát huy thắng lợi về mặt quân sự, những tháng cuối năm 1957, hai Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và Biên Hòa chủ trương phát động phong trào “phá u tối” để cải thiện tình hình và khôi phục lại phong trào ở cơ sở. Trong hai năm 1957, 1958, những cán bộ, đảng viên bị lộ rút ra rừng căn cứ hình thành các tổ diệt ác ở một số xã thuộc các huyện Tân Uyên, Châu Thành Bến Cát, tham gia diệt ác ở địa phương. Hàng chục tên ác ôn có nợ máu với nhân dân đã bị đền tội. Ở Tân Uyên, nhiều tên ác ôn đã bị diệt như tên Thom, Sáu Búa ở Giáp Lạc; tên Diều ở Lạc An; tên Huê ở Uyên Hưng; tên Mạnh, tên Chồi ở Tân Khánh; tên Giỡn ở Phước Hòa; tên Chín ở Bình Mỹ...

Từ cuối năm 1958 đến đầu năm 1961, Chiến khu Đ bao gồm toàn bộ huyện Tân Uyên và một số vùng phía bắc hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được khôi phục và mở rộng thành căn cứ địa miền Đông rồi căn cứ địa của Trung ương Cục, là nơi đứng chân các đơn vị vũ trang tập trung của Miền, lực lượng vũ trang hai tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một...

Theo chỉ đạo của Đảng ủy và Ban quân sự miền Đông là mở rộng căn cứ về phía đông và đông bắc, trong hai tháng 6 và 7 năm 1960, lực lượng vũ trang miền Đông và bộ đội địa phương tỉnh Phước Long tổ chức tiến công giải tán các dinh điền của địch nằm dọc lộ 14, diệt các chốt của địch cắm sâu trong căn cứ (như chốt Bà Điểm, chốt Cầu Cây nằm trên đường ủi Cây Gáo đi Đồng Xoài, chốt Lý Lịch...). Các tuyến đường liên lạc trong căn cứ được nối thông. Tháng 7-1960, Bộ Chỉ huy lực lượng vũ trang giải phóng miền Đông (Quân khu miền Đông) và Khu ủy miền Đông (T1) được chính thức thành lập, đặt cơ quan lãnh đạo, chỉ huy tại Suối Linh (gọi là Căn cứ 820) thuộc Chiến khu Đ. Khu ủy miền Đông do đồng chí Mai Chí Thọ (Tám Cao) làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên được cử làm Chỉ huy trưởng, Lâm Quốc Đăng (Tur Thuộc) làm Chỉ huy phó.

Từ giữa năm 1959, Trung ương Đảng đã lần lượt cử các đoàn cán bộ gồm các đồng chí miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954 xoi đường vào Nam để liên lạc với Xứ ủy Nam Bộ. Nhận được điện của Trung ương, Xứ ủy, Khu ủy miền Đông đã cử hai đội vũ trang từ Chiến khu Đ cắt rừng về hai hướng bắc và đông bắc để đón các đồng chí xoi đường từ miền Bắc vào, đồng thời nối thông hành lang từ Chiến khu Đ ra Nam Tây Nguyên. Tháng 12-1960, đội vũ trang tuyên truyền của Xứ ủy đã bắt được liên lạc với đoàn xoi đường của Trung ương vào tại Km5 quốc lộ 14B. Con đường chiến lược Trung ương - Nam Bộ từ Trường Sơn vào Đông Nam Bộ đã được khai thông. Chiến khu Đ trở thành trạm trung chuyển, nơi đón nhận cán bộ, khí tài, lương thực... của hậu phương lớn miền Bắc vào chiến trường Nam Bộ.

Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng miền Nam, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp ngày 23-1-1961 đã quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam. Sau một thời gian chuẩn bị, tháng

10-1961, tại Mã Đà, Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được cử làm Bí thư Trung ương Cục. Các ủy viên Võ Chí Công, Trần Nam Phạm Văn Xô, Trương Trung, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Đáng Công Thuận, Phạm Thái Bường. Các cơ quan tham mưu của Trung ương Cục được thành lập để đẩy nhanh tốc độ phát triển các lực lượng cách mạng. Căn cứ của Trung ương Cục đóng tại suối Nhung.

Tháng 3-1961, T1 (Khu miền Đông) được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ khu A (gồm Chiến khu Đ cũ mở rộng đến đông quốc lộ 13, mang phiên hiệu C150). Đảng ủy khu A gồm các đồng chí Lâm Quốc Đăng - Bí thư, Sáu Chuộng, Hồng Sơn, Năm Ninh, sau đó bổ sung thêm đồng chí Mười Bi. Đến tháng 9-1961, căn cứ khu A đổi phiên hiệu là U50 do đồng chí Hoàng Kim Khanh (Đào Sơn Tây) làm Bí thư Đảng ủy. Đảng ủy đã lãnh đạo tập trung thực hiện các nhiệm vụ quan trọng:

- Xây dựng khu A thành một căn cứ địa hoàn chỉnh.
- Mở rộng diện tích sản xuất trong căn cứ, dự trữ vật chất để đón cán bộ, chiến sĩ từ Trung ương vào miền Nam chiến đấu.
- Xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cơ động từ 1 đến 2 tiểu đoàn. Tổ chức du kích gắn liền với lực lượng bảo vệ sản xuất, bảo vệ đường dây giao liên.
- Tổ chức đường dây liên lạc, nối liền Trường Sơn với các tỉnh, đường dây trong căn cứ từ đường 14 Đồng Xoài xuống Vĩnh An, Cây Gáo.
- Vận động đồng bào tham gia kháng chiến, tham gia sản xuất và bảo vệ căn cứ.

Trong một thời gian ngắn, Đảng ủy đã chỉ đạo xây dựng được một xưởng quân giới ở Bàu Sắn nằm trên một nhánh suối Linh, cách đường Trần Lệ Xuân 14km về phía tây nam, do

đồng chí Bá phụ trách. Tổ thu mua do đồng chí Tư Ký phụ trách triển khai mua nhiều hàng hóa ở vùng tạm chiếm Tân Bình, Vĩnh Tân.

Việc mở rộng Chiến khu Đ và sự hình thành Đảng ủy chiến khu theo sự chỉ đạo của Đảng là một bước phát triển mới trong vấn đề xây dựng, phát triển căn cứ địa. Từ đây, Chiến khu Đ ngày càng phát triển toàn diện, nối liền với hậu phương lớn miền Bắc qua đường Trường Sơn, cùng với vùng căn cứ các tỉnh phía đông tạo thành thế căn cứ liên hoàn, trở thành một hậu phương chiến lược ở miền Đông Nam Bộ. Trong đó, nhân dân huyện Tân Uyên đã tích cực đóng góp sức người, sức của, góp phần xây dựng và bảo vệ chiến khu. Căn cứ địa mở rộng và phát triển cũng là điều kiện thuận lợi cho các hoạt động cách mạng ở địa phương vùng căn cứ ngày càng vững mạnh.

III. Củng cố, xây dựng lực lượng, tiến hành cuộc đồng khởi tại địa phương (1959 – 1960)

Giữa lúc cách mạng miền Nam đang đứng trải qua thời kỳ cực kỳ khó khăn (1955-1959), tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II tiến hành Hội nghị lần thứ 15 đã đề ra nghị quyết quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”¹

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời đáp ứng được đòi hỏi của cách mạng và nguyện vọng thiết tha của cán

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.82.

bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam và nhân dân cả nước, mở đường cho cách mạng miền Nam bước sang giai đoạn mới chuyển lên thế tiến công. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, Đảng bộ và nhân dân miền Nam giải tỏa được bế tắc về đường lối đấu tranh, chấm dứt thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần, đẩy lên làn không khí mới, phấn khởi và hăng hái với khí thế mạnh mẽ chuẩn bị cho cuộc đấu tranh với chính trị, vũ trang kết hợp, bằng cả chính trị, quân sự và binh vận; vừa khẩn trương mở rộng địa bàn, xây dựng căn cứ chiến lược ở miền núi, xây dựng lực lượng vũ trang, vừa duy trì phát triển đấu tranh chính trị, chuẩn bị cho một cuộc đồng khởi.

Tháng 11-1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị (mở rộng đến Bí thư Tỉnh ủy) tại Trảng Chiên (Rùm Đuôn - Tây Ninh) để học tập quán triệt nội dung cơ bản Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương và đề ra phương hướng thực hiện nghị quyết trong tình hình thực tế ở Nam Bộ. Xứ ủy đã đề ra cho toàn Đảng bộ Nam Bộ phải nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang để làm nòng cốt cho toàn dân đồng loạt đồng khởi.

Đầu tháng 2-1960, tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa họp hội nghị mở rộng để triển khai Nghị quyết 15 và Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ quan trọng là phát động quần chúng nổi dậy phá tan bộ máy kìm kẹp của địch, diệt ác, phá kìm, trấn áp bọn phản cách mạng, hạ uy thế địch, nâng cao uy thế quần chúng. Qua phong trào nổi dậy của quần chúng, chọn người xây dựng, phát triển thực lực cách mạng, phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Sau thời gian địch khủng bố ác liệt, thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Biên Hòa gặp phải những khó khăn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Biên Hòa chỉ còn 5 đồng chí, do đồng chí Lê Quang Chử (Năm Chử) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Ba Bắc) làm Phó Bí thư. Tỉnh ủy viên

có các đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) - Bí thư Huyện ủy Vĩnh Cửu và Ba Tình - Bí thư Huyện ủy Tân Uyên. Huyện Long Thành và Xuân Lộc bị đứt liên lạc với tỉnh. Tuy vậy, cũng có thuận lợi là được Liên tỉnh ủy miền Đông tăng cường cho Biên Hòa một trung đội vũ trang do đồng chí Huỳnh Văn Viên (Ba Viên) làm Trung đội trưởng để hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Căn cứ vào tình hình cụ thể trong tỉnh, Tỉnh ủy chỉ đạo: Cần sử dụng ngay lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành một đợt vũ trang tuyên truyền, trọng điểm là các xã vùng Chiến khu Đ thuộc Tân Uyên, đồng thời khẩn trương chuẩn bị lực lượng mở rộng địa bàn hoạt động xuống vùng giáp ranh Vĩnh Cửu, bắt liên lạc với huyện Long Thành.

Ban Chấp hành Huyện ủy Tân Uyên lúc này do đồng chí Ba Tình làm Bí thư, Phó Bí thư là đồng chí Mai Sơn Việt cùng các huyện ủy viên Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Phàn đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đồng khởi trên phạm vi toàn huyện. Đầu tháng 3-1960, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tỉnh, nhân dân các xã Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc do đồng chí Ba Tình - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tân Uyên - trực tiếp chỉ đạo đã đồng loạt nổi dậy đốt phá trụ sở tề ngụy, diệt bọn ác ôn. Làn sóng khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng khắp vùng. Từ Đất Cuốc, Mỹ Lộc, Thường Lang đến Bình Mỹ, Phước Hòa, các đơn vị vũ trang của huyện, tỉnh, vũ trang tuyên truyền, diệt ác, hỗ trợ phong trào quần chúng nổi dậy, đồng thời diệt một số bót địch như ở Miếu Bà, Cầu Chùa, Đồi Trắng, Thợ Ut... Du kích tiến hành đốt các cầu Vũng Cắm, Rạch Rỡ và rải truyền đơn kêu gọi bọn lính và tề xã thôi làm tay sai cho giặc. Hàng chục nam nữ thanh niên hăng hái thoát ly gia nhập bộ đội tỉnh, huyện và du kích các xã.

Kết hợp đấu tranh chính trị với hoạt động vũ trang, công tác binh vận cũng được đẩy mạnh và thu được kết quả ở nhiều

nơi. Nhân dân phối hợp với các tổ vũ trang tuyên truyền đêm đêm phát loa kêu gọi binh lính trong đồn bắt trở về với gia đình, truy bắt, trừng trị những tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân. Tại xã Tân Bình, đội vũ trang tuyên truyền xã kết hợp với cơ sở nội ứng (có 2 đảng viên, 2 đoàn viên) do chi bộ xã bố trí cài vào trước đó, diệt được tên đồn trưởng, tên thám báo, kêu gọi trung đội lính dân vệ đồn Nhà Đỏ mang 22 súng về với cách mạng. Trong dịp này cơ sở binh vận trong các dinh điền cũng đẩy mạnh hoạt động, xây dựng được một số cơ sở quần chúng trong đồng bào di cư theo đạo Thiên Chúa, trong đó có linh mục Đoàn Thành ở dinh điền Ích Tân (Hiếu Liêm) tích cực vận động đồng bào Công giáo mua thuốc men, gạo, vải... cung cấp cho bộ đội, du kích trong căn cứ.

Tháng 9-1960, Xứ ủy Nam Bộ quyết định sáp nhập hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên, do đồng chí Lê Quang Chử làm Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Võ Văn Đợi (Tư Đức) làm Phó Bí thư. Tỉnh ủy đóng tại Chiến khu Đ (Tân Uyên). Sau khi sáp nhập tỉnh, huyện Tân Uyên tách ra thành hai huyện gồm Tân Uyên 1 do đồng chí Phạm Hòa làm Bí thư và Tân Uyên 2 do đồng chí Vũ Khánh làm Bí thư.

Kết quả của phong trào Đồng khởi dâng lên mạnh mẽ trên toàn miền Nam đã dẫn tới sự chuyển biến về mặt chất lượng đối với phong trào cách mạng. Trong không khí sôi nổi của cách mạng, ngày 20-12-1960 tại Rùm Đuông, xã Tân Lập, huyện Châu Thành - một địa điểm nằm sâu trong căn cứ bắc Tây Ninh - Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam đã được tiến hành. Đại hội đã quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Mặt trận thành lập nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, xu hướng chính trị... cùng đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và đánh đổ ách thống trị của bọn tay sai phản động, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Chào mừng sự kiện lịch sử quan trọng này, các xã trong huyện Tân Uyên đã tổ chức mít tinh. Đồng chí Tám Rê thay mặt Huyện ủy kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết xung quanh Mặt trận cùng chống đế quốc Mỹ xâm lược. Tại các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, bọn lính từ Tân Uyên kéo đến định đàn áp cuộc mít tinh nhưng đến Dốc Chùa đã bị lực lượng vũ trang ta nổ súng diệt 2 tên, số còn lại rút chạy về quận lỵ. Kết thúc cuộc mít tinh, đông đảo đồng bào tham gia cuộc tuần hành đi qua bốn xã của Chiến khu Đ biểu dương khí thế của cách mạng.

Phong trào Đồng khởi năm 1960 đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng toàn miền Nam. Thế và lực của cách mạng phát triển nhanh chóng. Thời kỳ cách mạng chuyển sang thế tiến công địch đã bắt đầu. Tân Uyên - vùng Chiến khu Đ ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cuộc chiến mới.

Chương II

TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC; ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT”

CỦA MỸ - NGUYỄN (1961 - 1965)

I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC, CÙNG CÓ QUYỀN LÀM CHỦ XÃ ÁP CỦA NHÂN DÂN

Sau phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã phải thừa nhận: “Tình hình Việt Nam hết sức nghiêm trọng, hoạt động quân sự của Việt cộng dưới các hình thức đột kích, tập kích, công đồn lên tiếp xảy ra, đấu tranh chính trị phát triển đến mức đáng lo ngại; và vấn đề Nam Việt Nam sau đồng khởi không còn đơn thuần là vấn đề chính trị và tình báo, cảnh sát nữa mà đã trở thành vấn đề chứa nhiều nhân tố quân sự. Cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thực chất là cuộc nổi dậy nên hướng chiến lược của Mỹ phải là chống nổi dậy”.

Không cam chịu thất bại, tháng 1-1961, Kennodi thay Aixenhao làm Tổng thống Mỹ đã quyết định chuyển hướng chiến tranh Việt Nam sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” nhằm bốn mục tiêu cơ bản là cô lập cách mạng miền Nam với miền Bắc; giành lại vùng nông thôn đã mất, đánh bật lực lượng vũ trang và cơ sở cách mạng ra khỏi nhân dân; nhanh chóng tiêu diệt lực lượng vũ trang và vùng căn cứ địa của cộng sản ở miền Nam; quấy rối, phá hoại miền Bắc bằng các hoạt động biệt kích, gián điệp, không cho miền Bắc yên ổn xây dựng để chi viện cho miền Nam.

Thực hiện ý đồ của Mỹ, Diệm tổ chức lại chiến trường, chia lãnh thổ thành các vùng chiến thuật, kiện toàn các tiểu khu quân sự (cấp tỉnh), chi khu (quận, huyện), củng cố lại mạng lưới tình báo, gián điệp, hệ thống tề xã, ấp, chuyển bộ máy chính quyền hành chính cấp tỉnh, quận, huyện thành chính quyền quân sự do những tên sĩ quan cấp tá trung thành làm Tỉnh trưởng nhằm tạo điều kiện phục vụ cho các cuộc hành quân càn quét, gom dân, bình định ở từng địa phương có hiệu quả hơn.

Trên địa bàn Chiến khu Đ, địch tăng cường lực lượng và đóng thêm đồn, bót, mở rộng Tiểu khu Phước Thành thành một cứ điểm quân sự mạnh, làm bàn đạp đánh phá, chia cắt căn cứ, tìm diệt lực lượng vũ trang cách mạng. Tiếp đó, ngày 13-4-1961, địch bố trí lại chiến trường, thành lập Khu chiến thuật 31 đảm nhiệm việc đánh phá cách mạng ở miền Đông, trong đó có hai tỉnh Phước Thành và Phước Long. Nhiều chốt quân sự được địch xây dựng trong căn cứ như Rẫy Gạch, Giáng Hương, Suối Ngang. Các chi khu Hiếu Liêm, Tân Uyên, Phú Giáo đều được tăng cường một đại đội pháo 105 ly để bắn phá vào căn cứ ta.

Tháng 1-1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và nhận định: “Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu”¹. Bộ Chính trị vạch ra phương châm chiến lược của cách mạng miền Nam là: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự”².

Thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị và sự chỉ đạo của Trung ương Cục, tháng 2 năm 1961, Bộ Tư lệnh Quân khu

^{1,2} Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.22, tr.685, 687.

miền Đông (gọi là T1) quyết định thành lập Tiểu đoàn 800 chủ lực tập trung của Khu. Tiểu đoàn gồm 600 quân với 3 đại đội bộ binh (C1, C2, C3), một đại đội pháo, một đại đội trinh sát. Đây là tiểu đoàn chủ lực tập trung đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm đồng chí Đặng Ngọc Sỹ (Hai Sỹ) là Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Trọng Tâm (Bảy Tâm Bảy BK) là Chính trị viên. Sau khi huấn luyện, củng cố, theo chỉ đạo của Khu ủy, Tiểu đoàn 800 đã mở đợt hoạt động đầu tiên, mục tiêu là Chi khu Hiếu Liêm nằm ở xã Lạc An, các đồn bót địch cắm trong căn cứ và vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm, làm chủ xã, ấp.

Sáng ngày 17-3-1961, Tiểu đoàn hành quân dọc bờ sông tiến công vào các bót Lạc An, uy hiếp bót núi Bà Cẩm, Sinh, Mã Đà, Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, phát động nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kìm. Toàn bộ tề xã của ngụy tan rã. Ta làm chủ một đoạn đường 16 và đường số 8, giải phóng một mảng lớn ở phía tây nam Chiến khu.

Trong lúc đó, tại tỉnh Phước Thành, địch tiếp tục phá rừng, ủi nhiều đường, chia cắt Chiến khu thành từng mảnh như đường ủi từ Đồng Xoài đến bến đò sông Đồng Nai, đường ủi Tà Lài - Vĩnh An... Chúng củng cố các khu dinh điền, khu trù mật như Giáng Hương, Sinh, Bà Đã, Suối Ngang, Hiếu Liêm, Lạc An, các dinh điền 1, 2, 3 thuộc xã An Linh, Phước Sang, Phước Vĩnh, tạo thành lá chắn bảo vệ vòng ngoài thị xã Phước Bình. Địch tổ chức nhiều cuộc hành quân lớn càn quét nhằm đánh bật lực lượng ta ra khỏi căn cứ. Ý đồ của Mỹ - Diệm là xây dựng Phước Thành thành một tiểu khu mạnh, cùng với Chơn Thành, Bình Long, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Phước Bình tạo nên một hệ thống phòng thủ liên hoàn chia cắt căn cứ cách mạng, bảo vệ phía bắc và đông bắc Sài Gòn.

Tháng 6-1961, Khu ủy miền Đông quyết định giải thể tỉnh Thủ Biên và tổ chức lại thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành.

Phước Thành là một tỉnh rừng núi bao gồm trung tâm chiến khu phía đông bắc Sài Gòn. Ban Cán sự Đảng tỉnh Phước Thành được chỉ định gồm 3 đồng chí, do đồng chí Phan Văn Lâm (Út Lâm) làm Bí thư. Tỉnh Phước Thành mới thành lập có hai huyện: Tân Uyên 1 và Tân Uyên 2 (tức huyện Phú Giáo và huyện Tân Uyên). Huyện ủy Tân Uyên 2 có các đồng chí: Đông Châu, Năm Thạch, Hai Thời, Mai Sơn Việt, Năm Quyết, do đồng chí Năm Quyết làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Vũ Khánh về tỉnh Biên Hòa. Đến tháng 7-1961, Tỉnh ủy Phước Thành quyết định đổi tên gọi Tân Uyên 1 thành huyện Phú Giáo, Tân Uyên 2 thành huyện Tân Uyên.

Đại đội 380 - đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh Thủ Biên - được chia cho 3 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành làm lực lượng nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang mỗi tỉnh sau này. Sau khi được thành lập, cuối tháng 6-1961, Ban Cán sự Đảng và các lực lượng của tỉnh về xây dựng căn cứ của tỉnh tại xã Mỹ Lộc. Trong điều kiện chiến trường của tỉnh, Ban cán sự đã thống nhất một số chủ trương lớn trước mắt:

1. Phát động phong trào sản xuất lương thực trong toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh; vận động gia đình và nhân dân ủng hộ, vay mượn tài chính, lương thực, phương tiện sản xuất; các cơ quan tỉnh, huyện có kế hoạch sản xuất tự túc.

2. Xây dựng ấp, xã, cơ quan chiến đấu chống địch càn quét, bảo vệ Chiến khu Đ; đưa bộ đội và du kích thọc sâu vào vùng tạm chiếm đánh địch lấy súng, vận động rút người, rút của xây dựng lực lượng.

3. Tổ chức học tập, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ Đảng, cán bộ quân sự và các đoàn thể cho xã, huyện, tỉnh.

Nghị quyết của cấp ủy tỉnh chú trọng công tác xây dựng Đảng về tổ chức; củng cố khôi phục chi bộ, phát triển đảng viên ở xã, ấp; xây dựng, phát triển đoàn thể, tạo nguồn cán bộ

trung kiên bổ sung cho cơ sở. Hệ thống tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, cán bộ các đoàn thể cách mạng từ tỉnh đến huyện được hình thành và từng bước kiên toàn.

Trên cơ sở được phân bổ một số lực lượng từ Đại hội 380 của tỉnh Thủ Biên, tỉnh Phước Thành hình thành Đại đội 301 của huyện Phú Giáo, Đại đội 302 của huyện Tân Uyên và Đại đội 303 tập trung của tỉnh. Sau khi các cơ quan quân sự của tỉnh, huyện được tổ chức, các cơ sở phục vụ cho chỉ đạo, chỉ huy như trinh sát, thông tin liên lạc, tổ chức hậu cần, quân nhu đến hệ thống căn cứ đứng chân, căn cứ chiến đấu được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở. Tình hình cách mạng ở địa phương đang có những chuyển biến lớn. Quân chúng nhân dân hăng hái đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

II. ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, THAM GIA TIÊU DIỆT TIÊU KHU QUÂN SỰ PHƯỚC THÀNH, CÙNG QUÂN DÂN TRONG TỈNH GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY

Trước sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam qua phong trào Đồng khởi, tháng 6-1961, Tổng thống Mỹ Kennodi thông qua chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, bao gồm các nội dung: quân đội ngụy cộng với vũ khí, trang thiết bị, tài chính Mỹ, do Mỹ chỉ huy để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Mục tiêu cơ bản đầu tiên của “chiến tranh đặc biệt” là chống chiến tranh du kích, với ý đồ sau 18 tháng bình định sẽ đè bẹp được phong trào cách mạng miền Nam, Kế hoạch bình định của Xtalây - Taylo đề ra 5 biện pháp chủ yếu là: Sử dụng toàn bộ lực lượng quân sự đánh phá phong trào và căn cứ cách mạng, ráo riết bình định nông thôn, lập áp chiến lược, tăng cường quân chủ lực, bảo an, tăng cường vũ khí hiện đại và cố vấn Mỹ. Đây là kế hoạch kết hợp càn quét đi đôi với gom dân lập áp chiến lược, thực hiện tiến công cách mạng cả về quân sự, chính trị, kinh tế. Bằng các thủ đoạn tàn bạo, xảo

quyết kết hợp lừa mị với dụ dỗ, Mỹ - Diệm thúc ép dồn hàng trăm ngàn dân vùng nông thôn vào các trại tập trung trá hình dưới danh nghĩa “ấp chiến lược”. Chúng nhận định: thành công hay thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam chính là kết quả thực hiện công cuộc “bình định nông thôn” mà dồn dân vào ấp chiến lược là nội dung cốt lõi nhất của chương trình này. Gom được dân là triệt phá được cơ sở của cách mạng trong dân chúng, là triệt được nguồn cung cấp người, của cho cộng sản... Mỹ - Diệm xác định gom dân, lập ấp chiến lược là quốc sách, là nền tảng của kế hoạch Xtalây Taylo, là một sự thành công to lớn cả về quân sự và chính trị; là các đồn lũy chống cộng, tách rời dân chúng với tổ chức chính quyền cách mạng. Nhưng do phong trào cách mạng phát triển mạnh, ta liên tục đánh phá, địch bị động đối phó, nên kế hoạch lập ấp chiến lược trong năm 1961 ở các địa phương trong tỉnh Phước Thành cũng như ở tỉnh Thủ Dầu Một chưa thực hiện được theo ý đồ của chúng.

Nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu vũ khí để trang bị cho ta, phá thế bao vây chia cắt giữa các vùng, bảo vệ căn cứ cách mạng và giải thoát các chiến sĩ cách mạng và những người yêu nước đang bị địch giam giữ, tháng 9-1961, Khu ủy và Bộ Tư lệnh miền Đông quyết định mở một trận đánh lớn vào Tiểu khu Phước Thành.

Là địa bàn xung yếu án ngữ trên trục lộ giao thông chiến lược 14 ở ngay cửa ngõ Chiến khu Đ, Phước Thành có vị thế quan trọng cả trước mắt và lâu dài. Khi thành lập tỉnh Phước Thành, địch lấy Phước Vĩnh đặt làm tỉnh lỵ, đưa thiếu tá Nguyễn Minh Mẫn (con nuôi Diệm) làm Tỉnh trưởng. Từ năm 1956-1958, Diệm đã cho mở nhiều con đường vào các vùng rừng Chiến khu Đ, vừa khai thác gỗ thu lợi kinh tế vừa thực hiện ủa phá căn cứ kháng chiến của Quân khu miền Đông. Chúng lập ra các khu dinh điền, khu trù mật ở Tân Uyên, Hiếu Liêm, đưa đồng bào theo đạo Thiên Chúa di cư đến ở. Chúng

dùng chính sách mị dân kết hợp với tuyên truyền phản động, lợi dụng tín ngưỡng của đồng bào để kích động chia rẽ người có đạo và người không có đạo nhằm chống phá cách mạng. Từ khi thành lập tỉnh Phước Thành (1959) đến trước khi bị ta tấn công, địch đã bắt hàng trăm cán bộ, đảng viên, quần chúng yêu nước đem về đây giam giữ. Nhiều người bị chúng tra tấn dã man và đưa ra cầu Sông Bé bắn chết rồi bỏ xác xuống sông. Âm mưu của địch là biến nơi đây thành một căn cứ quân sự trong hệ thống cứ điểm liên hoàn gồm: Đồng Xoài, Chơn Thành, Hiếu Liêm, Tân Uyên để chia cắt vùng căn cứ rộng lớn của ta và bảo vệ hướng bắc và đông bắc Sài Gòn.

Phước Thành cũng là căn cứ của ta, là cửa ngõ then chốt, yết hầu của Chiến khu Đ, là căn cứ quan trọng đối với cả chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, Ban Cán sự đảng tỉnh Phước Thành và Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã triển khai kế hoạch phối hợp với lực lượng của trên trong trận đánh có ý nghĩa quan trọng này. Chi bộ các xã vùng căn cứ vận động nhân dân mua gạo, xay lúa dự trữ cho bộ đội; cơ sở quân báo, ban binh vận tỉnh Phước Thành bố trí cán bộ bắt liên lạc với cơ sở nội tuyến trong bộ máy hành chính tỉnh của ngụy quyền địch ở Phước Vĩnh, nắm tình hình địch phục vụ cho trận đánh. Tỉnh Thủ Dầu Một sử dụng một phần lực lượng tập trung của tỉnh huyện Bến Cát, Châu Thành cùng du kích các xã mở đợt hoạt động trên quốc lộ 13, đường số 2... đánh địch, kết hợp vận động quần chúng gọi hàng binh lính địch ở các đồn bót lẻ, thực hiện quấy rối, căng kéo, cầm chân địch, không cho chúng rảnh tay đi ứng cứu khi ta tấn công Tiểu khu Phước Thành.

Sau một thời gian chuẩn bị chiến trường, đêm 17-9-1961, Tiểu đoàn 800 (Tiểu đoàn 500 đổi phiên hiệu thành 800) của Quân khu miền Đông cùng với Đại đội 260 và đơn vị ĐK 57 ly của Miền tăng cường tổ chức thành 4 mũi đồng loạt tấn công vào các mục tiêu địch trong Tiểu khu Phước Thành. Sau

hơn 10 phút chiến đấu, mũi tiến công vào Dinh Tỉnh trưởng hoàn toàn làm chủ. Mũi Đại đội 260 tấn công vị trí Tỉnh đoàn bảo an (có một đại đội bảo an và một chi đội xe thiết giáp) bị địch phản kích quyết liệt, hướng tiến công không phát triển được. Mũi Đại đội 59 và Đại đội 80 đánh vào vị trí trại lính biệt động quân và một mũi tiến vào trại giam phá khám, giải thoát cho hơn 300 cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước đang bị địch giam cầm.

Trên các hướng nghi binh, chặn viện, bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành và các huyện Phú Giáo, Tân Uyên cùng du kích các xã đào đường, phá cầu, đắp mô làm chướng ngại vật trên các trụ giao thông kết hợp tấn công, uy hiếp, cầm chân địch ở các đồn bót xung quanh nhằm ngăn chặn địch chi viện, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung đánh dứt điểm các mục tiêu trong Tiểu khu Phước Thành. Du kích xã Phước Thành đốt cầu Tổng Bảng để không cho viện binh từ Biên Hòa kéo lên. Du kích Tân Bình, Bình Mỹ đào hào, đắp ụ trên các đường liên tỉnh lộ 1A, đường 16 để cản địch. Lực lượng của huyện cùng du kích các xã ven Chiến khu Đ tấn công bao vây toàn bộ địch ở các bót cầu Ông Hựu, cầu Gõ, cầu Chùa, cầu Rạch Rớ, cầu Bà Đặng và bót Tân Ba, vv.. Tại Tân Phước Khánh, đội du kích xã do đồng chí Ngô Văn Rén (Chín Lùn) kết hợp với lực lượng C62 chặn đánh một xe Jeep ở miếu Ông Cù, diệt 6 tên, sau đó kết hợp với du kích Tân Vĩnh Hiệp phục kích đánh địch tại Hồ Dài, diệt tên Quận trưởng Tân Uyên, làm bị thương 2 tên, đốt cháy xe Jeep.

Trận đánh vào Tiểu khu Phước Thành của các lực lượng vũ trang ta kết thúc thắng lợi, diệt và loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 tên địch, trong đó có Tỉnh trưởng Nguyễn Minh Mẫn, bắt sống 100 tên (trong đó có tên Tỉnh phó), thu hơn 400 súng các loại, phá hủy một khẩu pháo 105 ly, 12 xe quân sự, 32 máy truyền tin, giải thoát hơn 300 cán bộ, đồng bào yêu nước bị địch giam cầm. Ta đã phá vỡ một cứ điểm, một bàn

đạp quân sự, căn cứ xuất phát của địch đánh phá Chiến khu Đ; đạp tan âm mưu chia cắt Chiến khu Đ với các vùng căn cứ lớn của ta ở miền Đông Nam Bộ. Chiến thắng Phước Thành đánh dấu sự trưởng thành của bộ đội chủ lực Quân khu, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng của tỉnh Phước Thành phát triển.

Chiến thắng Phước Thành đã giáng đòn phủ đầu vào kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược của địch vừa mới triển khai trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, là tiếng chuông báo hiệu sự phá sản không thể tránh khỏi của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam.

Phát huy chiến thắng Phước Thành, Ban Cán sự tỉnh Phước Thành chủ trương mở đợt hoạt động gỡ đồn bót, mở thế kìm cho dân. Tại Phú Giáo, Đại đội 303 của tỉnh cùng lực lượng 301 của huyện và du kích xã Tân Bình, phối hợp cơ sở nội ứng tiến công tiêu diệt trung đội dân vệ đóng đồn trong ấp chiến lược Nhà Đỏ. Tiếp đó, lực lượng vũ trang Phú Giáo mở đợt hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá tề ở các xã Phước Sang, An Long, An Linh, An Bình, Phước Hòa... Cả một hệ thống tua bót địch đóng dọc trên đường từ Bó Lá lên Phước Vĩnh tới giáp Đồng Xoài tụt chạy. Quần chúng nổi dậy phá rã, phá banh) máy kìm kẹp của địch ở xã, ấp. Tiếp theo đó, đêm 31-10-1961, Đại đội 303 hỗ trợ cho lực lượng du kích các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, dùng mưu đánh kỳ tập, diệt gọn trung đội địch đóng ở bót Bà Đặng, thu toàn bộ vũ khí, đẩy lui địch hơn 3km trên đường số 8 từ Hiếu Liêm đi Tân Uyên. Từ cuối tháng 7-1961, trên địa bàn tỉnh Phước Thành cũng như ở Thủ Dầu Một, địch đã tiến hành gom dân lập ấp chiến lược, nhưng đến đầu năm 1962 chúng mới thực hiện trên quy mô lớn và quyết liệt.

Đầu tháng 2-1962, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh thành lập Ủy ban liên bộ về ấp chiến lược” gồm các tướng lĩnh, chính khách cao cấp trong chính quyền ngụy. Tháng 8-1962,

chương trình “ấp chiến lược” được Diệm thông qua và nâng lên thành “quốc sách”, đề ra chỉ tiêu đến cuối năm 1962 phải lập 11.000 ấp chiến lược trong tổng số 17.000 ấp chiến lược của toàn miền Nam. Ở Nam Bộ, địch chủ trương phải bình định cho được các tỉnh vành đai Sài Gòn, giành ưu tiên số một cho các tỉnh Long An, Tây Ninh, Bình Dương (Thủ Dầu Một), Phước Thành, Biên Hòa, Bình Tuy (Bà Rịa).

Trong vùng địch kiểm soát, việc gom dân lập ấp được tiến hành trước hết ở các xã ven thị xã, quận lỵ, dọc các tuyến giao thông chiến lược. Thủ đoạn phổ biến đầu tiên là tuyên truyền tâm lý, mua chuộc mị dân, ép dân vào các tổ chức phản động để khống chế.

Ở vùng tranh chấp, thủ đoạn gom dân chủ yếu của địch là hành quân càn quét dài ngày, chà đi xát lại từng khu vực, thanh lọc quần chúng, cô lập từng khu vực để lục soát hòng phát hiện cơ sở cán bộ nằm vùng để tiêu diệt.

Ở vùng căn cứ, vùng giải phóng của ta, thủ đoạn chủ yếu của địch là hành quân càn quét kết hợp bom đạn, phi pháo ác liệt để buộc nhân dân phải chạy ra vùng chúng kiểm soát.

Trong năm 1962, Mỹ - ngụy liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân với mục đích tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, bình định nông thôn, gom khoanh dân, lập ấp chiến lược và tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng.

Ngày 23-2-1962, Mỹ - Diệm huy động 8.000 quân, được máy bay, thiết giáp yểm trợ, mở cuộc hành quân mang tên Chiến dịch Mặt trời mọc do Thiếu tướng ngụy Văn Thành Cao chỉ huy, đánh vào địa bàn huyện Bến Cát, sau đó lan rộng ra các tỉnh miền Đông nhằm đánh phá các căn cứ cách mạng, truy tìm, tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta và hỗ trợ kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược.

Tại Tân Uyên, đầu năm 1962, địch dùng một tiểu đoàn lính ngụy thuộc Sư đoàn 10 càn quét vào khu vực Bàu Cỏ. Du

kích và nhân dân nơi đây đã chiến đấu anh dũng, diệt 50 tên địch. Thời gian này, ngoài các cuộc càn quét lớn trên địa bàn huyện, tại các đồn bót, địch tăng cường, bổ sung quân và vũ khí, trang bị. Các bót đóng tại Uyên Hưng, Giáng Hương, Rẫy Gạch, Suối Ngang mỗi nơi có một đại đội trú đóng. Ở Bàu Cá Trê có hai đại đội địa phương quân, ở Hiếu Liêm có thêm một trận địa pháo 105 ly... Địch tiến hành gom dân các xã Mỹ Lộc, Thường Lang, Tân Hòa, Tân Tịch vào các ấp chiến lược ở khu 5 cầu Ông Hựu. Dân ở các xã Tân Ba, Phước Thái và ấp Tân Lương, Bình Chánh thì gom vào ấp chiến lược của xã Phước Thành, suối Nước Trong. Trong quá trình gom dân vào các ấp chiến lược, địch thực hiện các thủ đoạn từ dụ dỗ, mua chuộc đến hăm dọa, cưỡng ép, đốt phá nhà cửa, cho xe đến chở đồ đạc, người vào trong ấp chiến lược. Chỉ riêng xã Vĩnh Tân (thuộc huyện Châu Thành), địch đốt cháy hàng trăm ngôi nhà của đồng bào và xé lẻ một số quần chúng gom về ấp chiến lược Nhà Đỏ, xã Tân Bình, một số đưa về ấp chiến lược xã Phú Chánh... nhằm triệt phá phong trào cách mạng của nhân dân xã Vĩnh Tân.

Người dân đã bị gom vào trong ấp chiến lược, mỗi ngày trở về ruộng vườn cũ trông tĩa phải chấp hành đúng những quy định: ra vào ấp chiến lược theo cổng chính, đúng giờ giấc. Tại cổng gác, lính tra xét ngặt nghèo, không cho mang theo bất cứ thứ gì có thể tiếp tế cho Việt cộng. Người dân sống trong ấp chiến lược ngày cũng như đêm, nhất cử nhất động đều không tránh khỏi những cặp mắt cú vọ của địch rình rập theo dõi.

Ở vùng Lạc An, Thái Hưng và dinh điền Ích Tân, Mỹ - Diệm dùng chiêu bài “chống cộng, bảo vệ đạo” để lừa mị đồng bào Thiên Chúa giáo. Riêng khu vực Lạc An và dinh điền Ích Tân, chúng tổ chức mỗi nơi được gần một đại đội dân vệ và “thanh niên chiến đấu”, trang bị súng đạn đầy đủ.

Từ khi địch hình thành ấp chiến lược, các hoạt động và cuộc sống của lực lượng ta gặp những khó khăn nhất định, như

nguồn tiếp tế lương thực từ nhân dân thiếu hụt, một số cơ sở cách mạng bị đứt liên lạc chưa móc nối lại được, nhiều nơi bị gián đoạn, ngăn cách.

Trước những âm mưu, thủ đoạn tàn bạo của kẻ thù với nhân dân và phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung, tháng 4-1962, Trung ương Cục họp quán triệt thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị (tháng 2-1962). Hội nghị xác định phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam là: “đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị lâu dài, đánh đổ địch từng phần, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”¹. Hội nghị Thường vụ Trung ương Cục nhấn mạnh ba công tác trọng tâm nhằm trực tiếp đánh vào những âm mưu nguy hiểm của địch là:

“Tích cực đẩy mạnh phong trào đấu tranh toàn diện, đều khắp ở nông thôn, đô thị, kiên quyết chống lại và làm thất bại kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất trong ba nhiệm vụ trọng tâm.

Ra sức xây dựng, mở rộng căn cứ địa vững mạnh toàn diện và tăng cường công tác quản lý nông thôn.

Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, chú trọng cả ba thứ quân mau lớn mạnh để đủ sức chặn đứng, và đập tan những âm mưu quân sự của địch”².

Tháng 5-1962, Trung ương Cục ra nghị quyết về công tác quân sự, chỉ rõ nhiệm vụ của đấu tranh vũ trang và phải giữ vững, củng cố và mở rộng khu giải phóng; chống địch càn quét, chống địch gom dân lập ấp chiến lược, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, góp phần vào xây dựng căn cứ cách

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.312, 313...

² Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam, Sđd, tr.312, 313.

mạng. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ, phương châm tác chiến của từng vùng (nông thôn, đô thị) và ra sức đẩy mạnh phong trào du kích, xây dựng xã chiến đấu, phát triển vũ khí thô sơ, lấy vũ khí địch đánh địch; tăng cường công tác đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ hệ quân sự địa phương.

Quán triệt và chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy, hai tỉnh ủy (Thủ Dầu Một và Phước Thành) đã kịp thời chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống lại âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Phước Thành, ngay từ lúc địch bắt đầu xúc tiến kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược, Huyện ủy Tân Uyên đã đề ra hai nhiệm vụ cụ thể lúc bấy giờ là: củng cố và kiện toàn lại các chi bộ Đảng trong toàn huyện và chống phá kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược của địch.

Lúc này, ngoài các chi bộ tương đối mạnh như Chi bộ Vĩnh Tân, Bình Mỹ, Thường Lang, các chi bộ Mỹ Quới, Thái Hòa, Uyên Hưng đã được củng cố thêm một bước.

Việc kết hợp hai lực lượng vũ trang và chính trị chống phá ấp chiến lược ở Tân Uyên diễn ra gay go và quyết liệt.

Các chi bộ lúc này đều hình thành hai bộ phận: Một bộ phận công khai và một bộ phận cài sâu vào trong dân. Các chi bộ vận động nhân dân “một tác không đi, một ly không rời”. Kiên quyết không rời bỏ mồ mả ông bà, không rời bỏ quê hương. Nhiều bà má dững cảm cảnh đầu xe địch không cho chúng ủi phá nhà cửa, hoa màu. Với phương châm “ngày làm đêm phá”, Huyện đưa nhiều cán bộ vào bám trụ trong dân, vận động và lãnh đạo nhân dân trì hoãn việc lập ấp chiến lược bằng nhiều hình thức như mượn có đau yếu, có người viện lý do sanh đẻ, bận rộn mùa vụ... Điển hình cho phong trào phá ấp chiến lược lúc này có các xã Tân Bình, Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Tân, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Tân Mỹ, Thường Lang.

Tại Tân Bình, Tỉnh ủy cử đồng chí Bảy Kiên, Phó ban Tuyên huấn xuống trực tiếp lãnh đạo nhân dân sáng làm, tối lại ra phá, tìm mọi cách, mọi cơ trí hoãn không chịu làm. Đây là trọng điểm gom dân của địch, vì vậy đây cũng là điểm chỉ đạo tập trung của huyện chống phá áp chiến lược.

Cuối tháng 2-1962, nhằm hỗ trợ cho việc gom dân lập ấp chiến lược, địch mở nhiều cuộc càn quét lớn trên địa bàn Tân Uyên, trong đó có cuộc càn quét của hơn 4.000 quân vào vùng Chiến khu Đ. Kết hợp với các lực lượng của tỉnh, huyện và lực lượng của Khu đóng trên địa bàn, du kích các xã Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Đất Cuốc, Tân Hòa đã ngày đêm anh dũng chiến đấu gây cho địch nhiều thiệt hại. Đêm 26-2-1962, lượng du kích các xã trong huyện cùng Tiểu đoàn 800 tập kích một đại đội bộ binh thuộc Sư đoàn 5 nguy đang chốt tại cầu Rạch Ró, diệt và làm bị thương gần 40 tên, bắt sống 19 tên, thu 32 súng các loại. Một cánh quân khác của địch đang càn vào hướng Mỹ Lộc phải bỏ dỡ, quay trở lại cứu nguy cho cụm giặc ở Rạch Ró.

Cuối tháng 3-1962, gần 1.000 dân ở các xã, ấp Bạch Đằng, Bình Chánh, Thạnh Hội, Tân Lương, Vĩnh Phước và gần 700 đồng bào của xã Tân Hóa, Tân Phước Khánh đã kéo lên đồn giặc đấu tranh chống bắn phá bừa bãi, đòi tự do làm ăn, đòi bồi thường hoa màu, trâu bò, nhà cửa bị thiệt hại, chống gom dân vào ấp chiến lược. Giữa năm 1962, nhân dân ba xã Mỹ Lộc, Thường Lang, Tân Tịch, tất cả trên 600 người tập trung thành một đoàn, đội ngũ chỉnh tề đem theo mảnh bom, pháo kéo lên quận lỵ Tân Uyên đấu tranh. Đến cuối năm 1962, nhiều vùng trong huyện địch đã lập được nhiều ấp chiến lược. dù phần lớn các ấp chiến lược này chưa hoàn chỉnh như địch mong muốn nhưng chúng đã từng bước xây dựng được bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp.

Từ đầu năm 1963, cách mạng miền Nam có bước phát triển mới. Sau chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân tỉnh Mỹ

Tho, Trung ương Cục phát động toàn Miền phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”. Tháng 5-1963, Khu ủy miền Đông quyết định mở đợt phản công đồng loạt trên khắp chiến trường nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phá thế bao vây và tạo thế cho quần chúng nổi dậy phá vỡ hệ thống ấp chiến lược của địch.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, đầu tháng 6-1963, Tỉnh ủy Phước Thành chủ trương phá ấp chiến lược Tân Bình làm thí điểm, vì ở đây ta có chi bộ mật, có cơ sở nội tuyến và quần chúng đã được chuẩn bị tốt. Lực lượng C301 và C303 kết hợp với du kích xã Tân Bình bí mật vào bên trong ấp chiến lược ém quân sẵn trong nhà dân từ đêm trước. Sáng sớm hôm sau, như thường lệ trung đội dân vệ từ trên bót đi hai mũi xuống khu dân cư trong ấp. Cả trung đội địch lọt vào đội hình bố trí của ta. Bộ đội nổ súng diệt gọn trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí, rút ra an toàn. Phối hợp hành động, chi bộ mật lãnh đạo phát động nhân dân nổi dậy phá banh ấp chiến lược Tân Bình. Các ấp chiến lược Bình Mỹ, Bó Lá (Phước Hòa)... bị quân dân địa phương phối hợp ba mũi tấn công phá lỏng thế kìm của địch.

Kết hợp với công tác chính trị và quân sự, công tác binh vận làm tan rã hàng ngũ địch, thức tỉnh anh em binh sĩ quay trở về với nhân dân được nhân dân Tân Uyên chú trọng và coi là một trong những mặt công tác phải làm liên tục, lâu dài.

Từ đầu tháng 3-1963, địch tổ chức càn quét để tiếp tục gom dân vào các ấp chiến lược. Chúng thẳng tay đốt phá nhà cửa những gia đình không chịu vào ấp chiến lược. Hàng trăm gia đình ở xóm Ông Thủ, suối Nước Trong, Rẫy Gạch đã bị xức đi trong đợt này. Lợi dụng địch gom dân, nhiều xã đã cài người của ta vào hoạt động như: Ba Thương ở Tân Bình, Năm Quế, ở Thái Hòa...

Cùng với việc gom dân vào các ấp chiến lược, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, tổ chức chiếu phim, triển lãm và xây dựng hàng loạt nhà thông tin để tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu cách mạng. Tại Uyên Hưng, hàng ngày chúng tổ chức cho bọn đầu hàng phản bội lên máy truyền thanh kêu gọi nhân dân đừng tiếp tế, đừng cho con đi cách mạng và bịa đặt nói xấu bộ đội, v.v... Quyết không để tình trạng này kéo dài, dưới sự chỉ đạo của các chi bộ cơ sở, chỉ trong một tháng rưỡi, từ đầu tháng 3 đến 16-4-1963, các nhà thông tin của địch ở Uyên Hưng, Tân Khánh, Phước Hòa, Lạc An lần lượt bị ta đánh sập.

Giữa năm 1963, trước yêu cầu của cách mạng và để chuẩn bị Cơ sở vật chất cho kháng chiến, hàng loạt cửa khẩu được mở ra ở xung quanh vùng Chiến khu Đ. Ngoài hàng trăm chiếc xe bò của người dân Tân Bình, Bình Mỹ, Vĩnh Tân... đêm đêm chở gạo vào căn cứ, ta còn móc nối được cả đoàn xe be, xe vận tải (trong đó có một số chủ xe là vợ con tướng, tá ngụy) chở lương thực, thực phẩm, hàng y dược bán cho các cửa khẩu của ta. Nắm được tình hình hoạt động của các cửa khẩu, địch đã khám xét dọc đường, xét đột xuất rất gắt gao các loại xe đi về hướng Tân Bình - Bình Mỹ... (Tân Uyên). Mặc dù địch ra sức hăm dọa, cấm đoán, nhưng những lon gạo của đồng bào đêm đêm vẫn được chuyển ra cho cách mạng. Trên đường vận chuyển, hàng chục xe bò đã bị trúng pháo, vướng mìn của địch. Có biết bao tấm gương dũng cảm, quên mình trong cuộc vận chuyển này như ông Bảy Néo ở Tân Bình, ông Tám Số ở Bình Mỹ...

Đến cuối năm 1963, kế hoạch bình định gom dân, lập ấp chiến lược của Mỹ - Diệm bị quân và dân miền Nam đánh phá quyết liệt. Tại Tân Uyên, nhiều ấp chiến lược vùng Tân Khánh, Thái Hòa, Bình Mỹ, Vĩnh Tân, Tân Bình bị phong trào du kích chiến tranh vây hãm, địch rơi vào thế bị động, lúng túng. Các đội du kích ven lộ 16 đã phá cầu làm ách tắc giao thông địch. Kết hợp với lực lượng bên ngoài bao vây, nhân

dân trong các ấp chiến lược liên tục đấu tranh với địch, không đi hội họp, không đi cắm chông...

Trước khí thế cách mạng ở miền Nam ngày càng dâng cao, mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ với chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ngày càng sâu sắc. Ngày 11-11-1963, Diệm bị lật đổ, Mỹ đưa Dương Văn Minh lên thay, nhưng mâu thuẫn trong nội bộ địch vẫn ngày càng thêm gay gắt, tinh thần binh lính địch càng thêm sa sút.

Cuối tháng 11-1963, Tổng thống Mỹ Kennơđi bị ám sát, Phó Tổng thống Giônxon lên thay tiếp tục theo đuổi chính sách của Mỹ ở Việt Nam. Tháng 3-1964, Giônxon đưa ra kế hoạch mới mang tên “Kế hoạch Giônxon - Mắc Namara”, thực chất là kế hoạch Xtalây - Taylo được cải biên lại cho phù hợp với tình hình miền Nam đang ngày càng xấu đi nghiêm trọng, nhằm cố gắng đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tiến công quân sự và gom dân lập ấp chiến lược mà chúng đổi tên là “ấp tân sinh”, với thời gian dự tính trong 2 năm và tiến hành có trọng điểm.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục, năm thời cơ lúc bọn ngụy ở địa phương đang hoang mang trước việc đế quốc Mỹ “thay ngựa giữa dòng”, Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 chủ trương đẩy mạnh tiến công địch, phá ấp chiến lược, tập trung ở khu vực tỉnh Phước Thành và vùng ven chiến khu.

Tháng 4-1964, bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành tiến công diệt hai đồn Tân Bình và Nhà Đỏ, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá tan ấp chiến lược Nhà Đỏ với hơn 3.000m rào kẽm gai. Nhân dân xã Thái Hòa, Thạnh Hội, Tân Phước Khánh, Phước Hòa (Tân Uyên) cũng đã kiên trì đấu tranh, nổi dậy phá tan các ấp chiến lược của địch dọc sông Đồng Nai, trở về quê cũ.

Cũng trong thời gian này, tại ấp chiến lược Ba Đình (Tân Ba - Thái Hòa), các đồng chí Tư Quyền, Năm Nam, Năm

Rang đã rải truyền đơn trong các ấp chiến lược kêu gọi anh em binh sĩ, dân vệ trở về với cách mạng, gây hoang mang trong hàng ngũ địch. Kết hợp với cơ sở bên trong, lực lượng vũ trang do đồng chí Súng chỉ huy áp sát các bót, gài trái và trùng trị một số tên ác ôn, cảnh sát, tấn công bọn binh định ở Giếng Nước. Đêm đêm, các đồng chí Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Văn Long và Nguyễn Văn Thạch dùng mìn, xà beng phá hàng rào ấp chiến lược; địch rào lại, các đồng chí phá đi phá lại nhiều lần. Sau này, trên mặt trận phá ấp chiến lược, cả ba đồng chí lần lượt hy sinh.

Cuối tháng 4-1964, du kích Tân Phước Khánh do Út Dũng chỉ huy đã kết hợp với C62 đánh nhiều trận ở ngã ba Lò Rèn, Chàm Dứa, diệt 30 tên, thu 6 cạc bin, 1 tôn xông, 1 col 45.

Như vậy đến gần giữa tháng 5-1964, toàn bộ ấp chiến lược ở phía tây Chiến khu Đ từ An Long, An Ninh, Phước Sang, Hồ Mua qua Phước Hòa, Tân Bình, Bình Mỹ đến Bà Đã đã hoàn toàn bị phá banh. Hành lang đi Bến Cát và Hớn Quản đã được khai thông. Phía đông, đông nam các xã Thái Hòa, Thạnh Hội, Bình Chánh, Khánh Vân, Tân Hiệp, Tân Hóa Khánh, địch liên tiếp bị uy hiếp. Nhiều ấp chiến lược bị san bằng, đại bộ phận dân đã được đưa ra khỏi khu vực địch khống chế, kìm kẹp.

Trước nguy cơ sụp đổ của “quốc sách ấp chiến lược” ở vùng Chiến khu Đ, địch quyết không để mất những vị trí quan trọng. Bộ Tư lệnh Biệt khu Phước Bình Thành (Phước Long, Bình Long, Phước Thành) do tên đại tá Đỗ Văn Diễm chỉ huy mở nhiều đợt hành quân càn quét lớn trên vùng đất Tân Uyên. Mở đầu là trận càn lớn của địch vào Bình Chánh. Chúng nghi ngờ ở đây có căn cứ của Quân khu nên đã huy động 70 xe tăng, thiết giáp, có pháo binh và máy bay yểm trợ, ồ ạt tấn công vào xã. Chi bộ và lực lượng du kích xã anh dũng chiến đấu với địch. Phía ta có 23 người, trong đó có 2 nữ là đồng chí

Sáu Thức và Sáu Men. Trận chiến đấu không cân sức đã diễn ra tại Sở Gò. Địch vừa đánh vừa kêu gọi ta đầu hàng. Lực lượng ta tuy ít nhưng linh hoạt, lại thông thạo địa hình, đã bẻ gãy cuộc càn này của địch, bắn cháy 3 xe tăng, bắn rơi ba máy bay. Đây là trận chống càn lớn nhất của quân, dân Bình Chánh trong giai đoạn địch lấn chiếm. Tháng 5-1964, một tiểu đoàn biệt động quân của địch bất ngờ bao vây căn cứ của Xã đội Tân Phước Khánh. Tuy lúc đầu bị bất ngờ, nhưng du kích xã kịp thời đánh trả địch quyết liệt. Lực lượng của ta có 9 người, do đồng chí Út Dũng chỉ huy, cầm cự với địch từ 8 giờ sáng đến 6 giờ tối, bẻ gãy 6 đợt tấn công của địch, diệt 27 tên, thu 8 súng, giữ vững căn cứ, bảo vệ được thương binh.

Tháng 5-1964, Khu ủy miền Đông chủ trương mở đợt hoạt động hè đánh vào âm mưu càn quét và lập lại các ấp chiến lược của địch, phá thế bao vây, mở rộng hành lang đứng chân của ta ra vùng quanh căn cứ.

Sau khi điều nghiên các mục tiêu Chi khu Hiếu Liêm, Sinh Bà Đã, bàu Cá Trê, bàu Sầm, phương án tác chiến đánh đồn bàu Cá Trê đã được thông qua.

Theo kế hoạch của Bộ Chỉ huy Quân khu, trận đánh dự kiến vào đêm 13-5-1964. Lực lượng tham gia gồm: hai đại đội (C301 và C302) tỉnh Phước Thành cùng Đại đội 306 tỉnh Thủ Dầu Một phối hợp với Tiểu đoàn 800, hai đại đội đặc công, một đại đội trinh sát, một đại đội ĐKZ và cối 82 của Quân khu. Tân Bình, Phước Hòa mỗi nơi tham gia một tiểu đội. Riêng Bình Mỹ tham gia một trung đội.

Đồn bàu Cá Trê là một đồn nằm trong hệ thống phòng thủ từ Tân Bình, Bình Cơ, bàu Cá Trê, Sinh, Bà Đã. Đồn bàu Cá Trê nằm trong ấp chiến lược, có 90 gia đình và khoảng 500 người, đa số là đồng bào di cư, có một số gia đình ở thành phố bị hỏa hoạn, địch đưa về đây. Tại đây, địch thường xuyên kết hợp với các bót Bình Cơ, Bà Đã, mò ra các vùng xung quanh

quấy phá, không chế mọi hoạt động của ta. Lực lượng chúng gồm 2 trung đội thuộc C324 - D37 “cọp đen” và 35 dân vệ, thanh niên chiến đấu.

21 giờ 20 phút ngày 13-5-1964, ta nổ súng tấn công. Sau 30 phút chiến đấu, ta diệt 14 tên, bắt sống 3 tên, thu 64 súng các loại. Số thoát chết chạy tán loạn. Ta làm chủ tình hình suốt đêm đó.

5 giờ sáng ngày 14-5, địch cho ba đại đội 327, 329 và 313 thuộc tiểu đoàn biệt động quân đang đóng ở Bình Mỹ chia làm bốn mũi tiến công để cứu viện cho đồng bọn ở bầu Cá Trê.

Các lực lượng của ta sau khi tiêu diệt địch ở bầu Cá Trê đã triển khai đội hình phục kích đánh viện. Đúng 7 giờ 45 phút, các cánh quân cứu viện được pháo binh bắn dọn đường đã lọt vào trận địa phục kích của ta. Chờ cho địch còn cách khoảng 20m, trung đội đột phá của Đại đội 3 (SI04) xung phong và bắn xối xả vào toán đi đầu của địch. Tiếng súng của Đại đội 3 là hiệu lệnh tấn công cho toàn trận địa. Cuộc chiến đấu ở một số hướng trở nên ác liệt. Đại đội 4 buộc phải rút lui vì hết đạn. Nhiều nơi ta và địch vật lộn, đánh giáp lá cà. Cả bốn mũi cứu viện của địch đã bị ta đánh tan, 130 tên trong đó có 4 cố vấn Mỹ bị diệt tại chỗ, 64 tên khác bị thương, 8 tên bị bắt sống, ta thu 78 súng các loại. Số địch còn lại tháo chạy vào rừng, hai tên đại đội trưởng bị diệt ngay tại trận. Riêng tên tiểu đoàn trưởng đến giờ phút nguy kịch đã cởi bỏ áo mũ, quăng lon chạy theo đám tàn quân nên may mắn thoát chết.

Trong lúc đó, địch ở Chi khu Tân Uyên và Bình Mỹ liên tục điện thúc ép bọn ở Sinh, Bà Đã tiếp tục cứu viện. Tại Bà Đã, một trung đội địch vừa kéo ra khỏi bót bị ta chặn đánh, chúng hốt hoảng quăng súng chạy về bót cố thủ. Bọn ở bót Sinh kéo ra một trung đội cũng bị ta diệt 3 tên, số còn lại chạy về bót.

Chiều hôm đó, trực thăng địch đáp xuống Bà Đã tiếp viện, bị ta bắn rơi 2 chiếc, 5 chiếc còn lại bay luôn không dám hạ xuống Bà Đã. Đêm đó du kích Bình Mỹ lại bắn rơi một khu trực sát bót Bình Mỹ.

Mấy ngày sau, ta gửi thư cho địch ở Bình Mỹ và Tân Uyên báo cho chúng vào lấy xác quân lính, thì chúng mới dám mò vào. Khi xe chở xác chết ra đường 16, hàng trăm vợ con lính ở các bót Nhà Đỏ, Bình Cơ, Bình Mỹ ra cản đường, nhảy lên xe lấy xác chồng con, khóc lóc, la ó. Số thoát chết chạy về các bót kể lại càng làm cho bọn lính của Trung đoàn 48 thêm hoang mang.

Chiến thắng bầu Cá Trê chẳng những đã buộc địch ở các bót Sinh, Bà Đã, Bình Cơ phải rút chạy, trên 9.000 dân được giải phóng. Chiến thắng này còn mở cho ta cách đánh mới cho các địa phương. Đó là chiến thuật “công đồn, diệt viện” của thời kỳ này.

Sau chiến thắng trận bầu Cá Trê, ta tiếp tục tấn công đồn Cây Gáo và Chi khu Hiếu Liêm để khai thông hành lang với các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Sau khi tiêu diệt đồn Cây Gáo, ta quyết định tấn công Chi khu quân sự Hiếu Liêm lần thứ hai. Đây là một cứ điểm ở vàm Sông Bé, nằm trong mắt xích hệ thống Hiếu Liêm - Cây Gáo - Đại An - Lạc An, hình thành thể liên hoàn ngăn chặn, chia cắt ta ở giữa Chiến khu Đ. Chi khu do một đại đội bảo an đóng giữ, có hào giao thông, lô cốt ngầm khá kiên cố, bên ngoài có hàng chục chốt dân vệ.

Đêm 12-9-1964, lực lượng vũ trang Phước Thành phối hợp với lực lượng vũ trang Quân khu tiên công địch tại Chi khu quân sự Hiếu Liêm. Theo kế hoạch hợp đồng, một số cơ sở cách mạng trong chi khu đã đốt kho súng, gõ mõ, gõ keng, vận động quần chúng nổi dậy truy bắt bọn lính bảo an, dân vệ

lần trốn. Chi khu quân sự Hiếu Liêm bị đập tan, nhân dân các ấp chiến lược xung quanh nổi dậy phá ách kìm kẹp.

Đợt hoạt động Hè - Thu năm 1964 trên địa bàn Chiến khu Đ của quân và dân tỉnh Phước Thành phối hợp với lực lượng Quân khu đã giành được thắng lợi lớn. Hệ thống ấp chiến lược, dinh điền từ An Linh, Phước Sang, Tân Bình, Bình Mỹ, Bà Đã, tới ven sông Đồng Nai bị phá một mảng lớn. Ta tạo được bàn đạp uy hiếp sân bay Biên Hòa và mở lại các cửa khẩu Bình Mỹ, Tân Bình để huy động lương thực, bảo đảm cho bộ đội chủ lực Miền thực hiện những chiến dịch lớn thời kỳ cuối “chiến tranh đặc biệt” trên các chiến trường Đông Nam Bộ.

Đối với tỉnh Phước Thành, qua những đợt phá ấp chiến lược, các cơ sở đảng, bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, các tổ chức, đoàn thể được xây dựng, củng cố, phát triển. Số lượng đảng viên của nhiều chi bộ xã từ 4-5 người vào cuối năm 1960 như Phước Sang, Tân Hòa, Mỹ Lộc, Bạch Đằng... đến cuối năm 1964, đã phát triển lên 12-15 đồng chí. Nguồn cán bộ phát triển từ cơ sở và hàng trăm cán bộ được bồi dưỡng, đào tạo từ Trường Đảng của tỉnh, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tỉnh đang ngày càng phát triển. Phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, quần chúng trong vùng căn cứ tích cực tăng gia sản xuất, đi dân công phục vụ bộ đội tác chiến, vận chuyên lương thực, vũ khí từ các cửa khẩu về căn cứ, vận động con em tham gia tình nguyện thoát ly vào lực lượng của huyện, tỉnh, đóng góp ngày càng nhiều về người và của cho cách mạng.

Phát huy thắng lợi đã đạt được, tháng 12-1964, Quân ủy Miền quyết định mở Chiến dịch Bình Giã ở Bà Rịa nhằm tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận quân chủ lực ngụy. Chiến dịch kéo dài từ ngày 5-12-1964 đến đầu tháng 3-1965. Ta tiêu diệt trên 1.700 tên địch (có 52 tên Mỹ chết, 4 tên khác bị thương), bắt 300 tên, diệt gọn 2 tiểu đoàn, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn khác,

bắn rơi 35 máy bay, phá hỏng 22 xe M.113, 5 xe tăng, 18 xe GMC... thu hàng trăm súng các loại.

Chiến thắng Bình Giã của bộ đội chủ lực Miền và quân dân Bà Rịa - Long Khánh đánh dấu bước trưởng thành nhảy vọt về khả năng đánh tập trung của bộ đội chủ lực ta và có tác động đến toàn bộ cuộc chiến tranh ở miền Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận định “chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại căn bản của chiến tranh đặc biệt” trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Đến cuối năm 1964, trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một và Phước Thành, ta đã bao vây bức rút hàng loạt đồn bót dọc đường 13 từ Thới Hòa xuống ngã tư Sở Sao, làm chủ đường 13 từ Cây Trường đến Lai Khê; bức rút đồn An Hòa, An Lợi, Chánh Lưu, làm chủ đường số 2 từ ngã tư Sở Sao đến Nhà Đỏ, xã Tân Bình (Phú Giáo). Vùng giải phóng của ta nối liền Long Nguyên nam Bến Cát, bắc và đông nam Châu Thành, nối liền Chiến khu Đ xuống Thuận An Hòa, An Sơn, Tân Hiệp. Đường hành lang từ Long Nguyên qua Chiến khu Đ, từ Chiến khu Đ xuống Thuận An Hòa đã thông suốt.

Phần lớn các làng công nhân trong đồn điền cao su Dầu Tiếng là vùng giải phóng; vùng giải phóng nam - bắc Bến Cát của ta được mở rộng, địch buộc phải rút bỏ bót Cỏ Trách (xã Thanh An), bót Bung Còng (xã Thanh Tuyền), bót An Thuận, Phú Thứ (xã Phú An)... Các đoàn thể quần chúng như Thanh niên, Phụ nữ, Nông hội... phát triển nhanh chóng ở các xã vùng căn cứ, vùng nông thôn giải phóng. Nhân dân đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của cho cách mạng. Huyện Châu Thành, Bến Cát là trung tâm thu mua chính của ngành hậu cần Quân khu miền Đông. Mỗi ngày từng đoàn xe bò của nhân dân Châu Thành, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo (do Hội đồng cung cấp của từng huyện tổ chức) chuyên gạo về căn cứ cho cách mạng.

Mở đầu mùa khô 1964 - 1965, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã quyết định tổ chức một trận tập kích hỏa lực vào sân bay Biên Hòa. Chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành và Huyện ủy, Huyện đội Tân Uyên tổ chức thực hiện. Nhân dân vùng Tân Hòa, Mỹ Lộc gấp rút chuẩn bị lương thực và gài 20 ghe thuyền các loại để sẵn sàng phục vụ cho bộ đội.

Chiều 31-10-1964, tại Giáp Lạc, đơn vị hỏa lực đã làm lễ lên đường. Đường trơn lầy lội, băng qua ruộng vát vả, được nhân dân giúp sức, đơn vị đã bí mật qua sông an toàn.

Đêm ấy, hàng ngàn đồng bào vùng Mỹ Lộc, Tân Hòa không ngủ được. Mọi người hồi hộp theo dõi hướng đoàn quân đi, nhiều bà má đốt nhang cắm ở bàn thờ thiên cầu mong cho bộ đội hành quân đến đích an toàn.

Bộ Chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã), Đoàn trưởng Đoàn pháo binh U80 và Nguyễn Văn Búra (Hai Hồng Lâm) chỉ huy tổ chức trận đánh.

Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ngoài lực lượng phục vụ của các địa phương thuộc huyện Tân Uyên, còn bao gồm: một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ (2 khẩu) của Miền, kết hợp với một đại đội cối 81 (3 khẩu một trung đội đặc công của Tiểu đoàn 800 của Quân khu miền Đông (T1), đại đội bộ đội địa phương tỉnh Phước Thành, đội vũ trang và du kích các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu. Đội vũ trang thị xã Biên Hòa làm nhiệm vụ dẫn đường và chốt chặn.

Đúng 23 giờ 30 đêm 31-10-1964, đạn pháo ta bắt đầu bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận bị chấn động mạnh vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút, 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B.57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa vào miền Nam sử

dụng, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 293 tên địch, thiêu hủy và làm nổ tung hoàn toàn hai kho đạn lớn, một kho xăng, một đài quan sát và 18 căn trại lính. Ta rút lui về căn cứ an toàn.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước và bè bạn khắp năm châu. Báo Thế giới Tây Đức đã nhận xét: “Trận đòn của Việt cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự Oasinhton rất đau đầu. Người ta cho rằng không cần có gì thêm nữa, Việt cộng cũng có khả năng lặp lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí chiến lược quan trọng khác mà không bị thương vong một người nào. Việt cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đôla cho không quân Mỹ”.

Chiến công to lớn này đã có phần đóng góp của Đảng bộ, và dân tình Phước Thành, trực tiếp là huyện Tân Uyên. Chiến thắng này đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng ở miền Đông Nam Bộ và cả miền Nam nói chung.

Phối hợp với quân dân toàn miền, đầu năm 1965, Đảng bộ, quân và dân hai tỉnh Thủ Dầu Một, Phước Thành tích cực xây dựng lực lượng, xây dựng làng xã chiến đấu, căn cứ chiến đấu, xây dựng bảo vệ vùng giải phóng; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiến công địch cả nông thôn và thị xã, thị trấn; phá lỏng, phá rã bộ máy kìm kẹp của địch trong những ấp chiến lược còn lại; thực hiện đánh phá hệ thống giao thông, kho tàng, chủ động chống càn, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch.

Trong sự phát triển chung của toàn Miền, tháng 5-1965, Bộ Chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch tiến công, hướng chính là hai tỉnh Phước Long và Bình Long.

Chấp hành Chỉ thị của Khu ủy, Bộ Chỉ huy Quân khu, thực hiện chia cắt chiến dịch hỗ trợ cho chiến trường Phước

Long - Đồng Xoài, tỉnh Thủ Dầu Một và Phước Thành mở đợt hoạt động đánh phá giao thông địch trên đường quốc lộ 13, lộ 1A, đường 16, phục kích đánh mìn, ngăn chặn không cho địch điều quân đi cứu viện bằng đường bộ, đồng thời tiếp tục tấn công ba mũi đánh phá vào hệ thống áp chiến lược đang bị xộc xệch của địch.

Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài đã giành được thắng lợi to lớn, giải phóng một vùng rộng lớn của tỉnh Phước Long.

Chiến thắng Phước Long - Đồng Xoài góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy trên toàn miền Nam.

Cùng với quân, dân toàn tỉnh cũng như toàn miền Nam, từ sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Đảng bộ, quân và dân huyện Tân Uyên đã vượt qua những thử thách, đương đầu với chương trình “bình định” gom dân, lập áp chiến lược, một kế hoạch hết sức quyết liệt và thâm độc của địch khi thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Đây là giai đoạn đấu tranh gay go, gian khổ, quyết liệt và dai dẳng. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, Bộ Chỉ huy Quân khu miền Đông, phong trào cách mạng của tỉnh Phước Thành nói chung, của Tân Uyên nói riêng, không ngừng phát triển, từng bước tiến lên, giữ vững vai trò là một địa bàn vùng chiến khu - nơi đứng chân các cơ quan của các tỉnh miền Đông và của Miền, nơi hội tụ và nơi xuất phát của các đơn vị chủ lực tiến đánh các mục tiêu của địch ở các tỉnh lân cận và ngay tại sào huyệt của chúng ở Sài Gòn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, quân và dân Tân Uyên đã góp phần xứng đáng cùng quân và dân toàn miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới không kém phần quyết liệt.

Chương III
ĐÁNH ĐỊCH, BÁM DÂN, BÁM ĐỊA BÀN,
CÙNG BỘ ĐỘI CHỦ LỰC THỰC HIỆN
TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỘI DẠY
XUÂN MẬU THÂN 1968, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI
CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ”
CỦA MỸ - NGUY (1965 - 1968)

I. LIÊN TỤC ĐÁNH ĐỊCH, GÓP PHẦN GIỮ VỮNG CĂN CỨ CHIẾN KHU Đ, THAM GIA ĐÁNH BẠI HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1965 – 1966 VÀ 1966 – 1967 CỦA MỸ - NGUY

Sự kiên trì và tinh thần đấu tranh anh dũng của quân và dân miền Nam từ năm 1961 đến đầu năm 1965 đã làm sụp đổ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chính quyền Giônxon đã từng bước chuyển từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” với quy mô khốc liệt và tàn bạo hơn.

Thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Mỹ đưa một lực lượng lớn quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam; thực hiện “tìm diệt và bình định” để “bẻ gãy xương sống của Việt cộng”.

Mục tiêu quan trọng nhất của Mỹ trong “chiến tranh cục bộ” là tìm diệt cho được bộ đội chủ lực ta và gom dân lập ấp chiến lược, thực hiện “bình định” nông thôn nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường, tiến tới “đánh bại cộng sản” ở Nam Việt Nam như kế hoạch chúng đã vạch ra. Đó là kế hoạch ba giai đoạn, gồm:

- Giai đoạn 1: Sẽ chặn các bước tiến của cộng sản để “tránh thua trận”. Giai đoạn này sẽ kéo dài tới ngày 31-12-1965.

- Giai đoạn 2: Bao gồm việc tấn công các lực lượng cộng sản và mở rộng chương trình bình định nhằm “giành trái tim và khối óc” của nông dân Việt Nam. Chương trình này sẽ kéo dài từ ngày 1-1 tới ngày 30-6-1966.

- Nếu cộng sản không đầu hàng, giai đoạn 3 sẽ được đưa vào để “phá tan hay làm mất hiệu quả của các đơn vị có tổ chức còn lại Việt cộng và các khu của chúng”. Giai đoạn này sẽ kéo dài từ ngày 1-7-1966 tới tận ngày 31-12-1967”¹.

Từ đầu năm 1965, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam (1-1965), trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, đã đề ra nhiệm vụ của quân và dân miền Nam trong năm 1965, sẵn sàng đánh địch theo hai khả năng:

- Một là, đế quốc Mỹ thấy càng can thiệp càng sa lầy, không lối thoát nên từ bỏ ý đồ can thiệp sâu hơn nữa, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” có thể kéo dài thêm một thời gian thì quân và dân miền Nam sẽ đánh bại địch trong “chiến tranh đặc biệt”.

- Hai là, Mỹ ngoan cố, chuyên cuộc chiến tranh xâm lược từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” lên “chiến tranh cục bộ”, ta phải đương đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ, có vũ khí trang bị hiện đại.

Hội nghị khẳng định, nếu Mỹ nhảy vào ta sẽ đánh Mỹ, dù vũ khí của Mỹ có dồi dào hơn, hiện đại hơn. Chúng vào bao nhiêu cũng đánh, đánh trong bao lâu cũng đánh. Một khi chúng ta đã dám đánh thì chúng ta sẽ tìm ra cách đánh và đánh thắng Mỹ. Hội nghị cũng xác định, dù tình hình phát triển theo hướng nào, quân và dân toàn miền cũng phải chủ động chuẩn

¹ Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập II, 1954-1975, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2010, tr.416.

bị ba vấn đề lớn: Tân binh, dân công và tài chính nhằm đủ sức đánh thắng Mỹ.

Sau khi có Nghị quyết của Trung ương Cục (1-1965), Tỉnh ủy Phước Thành đã tổ chức quán triệt Nghị quyết Trung ương Cục từ tỉnh xuống các chi bộ. Nhiệm vụ cấp bách về xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng, xây dựng thế trận được gấp rút triển khai thực hiện. Các cấp ủy từng đảng bộ, chi bộ cơ quan, đơn vị tỉnh, huyện, thị, xã, ấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, khẩn trương triển khai xây dựng củng cố các căn cứ bám trụ, căn cứ chiến đấu của từng xã, huyện, từng cơ quan, đơn vị. Cán bộ Mặt trận, cán bộ các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến huyện, xã động viên mọi tầng lớp nhân dân từ vùng giải phóng đến vùng địch kiểm soát đóng góp sức người, sức của, ủng hộ cách mạng. Ở hầu hết các xã, nơi nào cũng có đội du kích từ 1 đến 3 tiểu đội; một số xã ở Châu Thành, Phú Giáo, Tân Uyên, du kích chiến đấu áp (1-2 tiểu đội) cũng chiến đấu giỏi như du kích xã. Thế trận chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đánh địch trên địa bàn của tỉnh được chuẩn bị tích cực. Ban Kinh tài, Hội đồng cung cấp tỉnh, huyện, xã (do một đồng chí cấp ủy phụ trách) bố trí lực lượng thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc men ở các cửa khẩu về căn cứ. Nguồn hàng thu mua chủ yếu từ trong dân ở các huyện Bến Cát, Châu Thành, Tân Uyên, Phú Giáo và một số mối hàng vận chuyển từ trong thị xã, từ Sài Gòn chuyển ra. Có ngày những mối hàng lớn trong thành chợ ra cửa khẩu Chánh Lưu, Nhà Đò hàng chục năm sáu ngàn lít muối bán cho cách mạng.

Cuối tháng 5-1965, Tỉnh ủy Phước Thành tổ chức Hội nghị tại căn cứ Giáp Lạc để học tập quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục, triển khai những chủ trương của Tỉnh ủy về nhiệm vụ bám trụ chiến đấu trước những âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù:

- Một là, quyết tâm xây dựng thế bám trụ trong dân bằng hệ thống hầm hào, địa đạo bí mật ngay trong ấp, trong nhà dân để bảo vệ lực lượng và tấn công địch.

- Hai là, ở những nơi quá khó khăn không thể bám trụ được thì bằng mọi cách phải bám địa bàn, không thoát ly đi nơi khác.

Mục tiêu bám trụ và bám địa bàn là để đánh địch. Vì vậy các địa phương tích cực, chủ động bằng mọi cách đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Chủ động chuẩn bị điều kiện mọi mặt để bám trụ đánh lâu dài.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các ban ngành của tỉnh và cấp ủy các huyện, xã của tỉnh Phước Thành khẩn trương bố trí lại việc ăn ở cho cán bộ, đảng viên, du kích các xã; phân công lực lượng bám dân, dựa vào dân để làm hầm bí mật trong ấp chiến lược sát nách địch. Ở nhiều xã như Bình Chánh, Khánh Vân, Thái Hòa, Thạnh Hội, Mỹ Quới..., Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân cùng du kích xây dựng nhiều địa đạo, công sự hầm hào, củng cố lại căn cứ bám trụ chiến đấu.

Trung tuần tháng 5-1965, địch sử dụng một tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn dù 173 đi càn quét khu vực Thuận An Hòa, căn cứ của huyện Lái Thiêu. Sau khi bị ta đánh cho tổn thất nặng, cuối tháng 5-1965, lữ đoàn dù này lên thay Lữ đoàn đặc nhiệm 198 đổ xuống Bà Tràm, Nhà Đỏ, Cồng Xanh, Gò Lũy, Sở 49..., hình thành gọng kìm càn quét Chiến khu Đ và xúc tát gom dân ba xã Tân Bình, Bình Mỹ, Vĩnh Tân. Đầu tháng 7-1965, quân Mỹ càn vào xã Mỹ Lộc, nơi có căn cứ Tỉnh ủy Phước Thành. Phát huy thế trận đã chuẩn bị sẵn, du kích các xã Tân Bình, Bình Mỹ và du kích xã Vĩnh Tân (Châu Thành) sử dụng mìn tự tạo gài đánh địch, phá hủy 13 xe thiết giáp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên địch.

Ngày 6-7-1965, địch cho nhiều lần máy bay và pháo binh bắn phá dữ dội vùng Mỹ Lộc, Đất Cuốc, Tân Hòa, sau đó

Lữ đoàn 173 và Tiểu đoàn quân Úc đã chia làm hai mũi càn vào vùng Chiến khu Đ. Cánh đi đầu dọc theo sông Đồng Nai càn về phía Lạc An, cánh thứ hai đi về vùng Đất Cuốc. Cả hai cánh quân này của địch liên tiếp bị lực lượng ta gài mìn, phục kích, vì vậy chúng tiến rất chậm chạp. Ngày 8-7-1965, sau khi đã mệt mỏi, địch dồn quân lại đóng tại Bà Sầm để chuyển hướng từ Giáp Lạc càn quét vào căn cứ.

Không bỏ lỡ thời cơ, lực lượng vũ trang tỉnh Phước Thành và huyện Tân Uyên tổ chức tập kích bất ngờ vào quân Mỹ đóng dã ngoại tại đây. Lúc đầu trong nội bộ ta còn có người ngần ngại, nhất là thấy quân Mỹ đông, hỏa lực mạnh, nhưng với quyết tâm đánh thắng Mỹ ngay trận đầu, lực lượng của tỉnh và của huyện đã diệt được gần 160 tên Mỹ (riêng Lê Hồng Minh diệt được 22 tên), buộc Mỹ phải rút lui.

Trận thắng Mỹ tại Bà Sầm đã góp phần giải quyết tư tưởng ngại đụng độ với Mỹ và bước đầu tạo niềm tin trong cán bộ, chiến sĩ của tỉnh và huyện là du kích có thể đánh được Mỹ, cho dù quân Mỹ có hỏa lực mạnh và phương tiện chiến tranh hiện đại.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, tháng 7-1965, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa lần thứ hai.

Đoàn pháo binh 75 Miền được Thị ủy Biên Hòa và cơ sở mật cung cấp bản đồ sân bay, đã hoàn chỉnh phương án tác chiến cụ thể cho trận đánh.

Đêm 23-8-1965, Tiểu đoàn 34 pháo binh Miền được nhân dân giúp sức đã vượt qua sông xây dựng trận địa pháo tại cù lao Rùa (Thanh Hội), cách sân bay Biên Hòa 2.800m với 4 khẩu pháo 82 ly. Tại Tân Tịch, 20 khối bộc phá đã được chuyển gấp đến để làm trận địa giả, nghi binh, thu hút hỏa lực phản kích của địch. Trận địa pháo ở Hóa An cách sân bay 1.000m với 2 khẩu sơn pháo 75 ly và 2 khẩu DKZ75.

0 giờ ngày 24-8-1965, từ hai trận địa pháo, 8 khẩu pháo, cối của Tiểu đoàn 34 pháo binh nã dồn dập 300 quả đạn vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Cả sân bay rực lửa. Máy bay địch lên phản kích đều bị thu hút vào trận địa giả ở Tân Tịch. Được sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, Tiểu đoàn 34 nhanh chóng vượt sông về Chiến khu Đ an toàn.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần thứ hai đã giáng một đòn đau vào quân Mỹ khi chúng vừa đặt chân đến đất miền Đông. Chiến khu Đ - một bàn đạp tiến công chỉ cách thị xã Biên Hòa 4km đường chim bay - đã tạo điều kiện tốt để quân chủ lực giành thắng lợi ở sân bay Biên Hòa: Ta phá hủy 68 máy bay các loại, 8 dàn hỏa tiễn, 22 bồn xăng dầu, 30 xe ô tô, diệt và làm bị thương 300 tên giặc lái và kỹ thuật Mỹ.

Thời gian này, việc chỉ đạo du kích chiến tranh trong tỉnh Phước Thành rất chặt chẽ. Các xã ven sông và dọc lộ 15, 16 đều đã củng cố lại lực lượng du kích, khắp nơi đã củng cố xong hầm hào, ụ chiến đấu, sẵn sàng đánh trả địch càn quét. Lực lượng du kích xã Vĩnh Tân do đồng chí Mai Văn Ngờ (Ba Tích) chỉ huy đã đắp hàng chục ụ chiến đấu và đào nhiều hầm bí mật trong khu rừng Vĩnh Lợi. Địch càn quét hàng chục lần nhưng không vào được căn cứ.

Ngày 6-11-1965, quân Mỹ đổ xuống Giáp Lạc (Mỹ Lộc) và Hiếu Liêm trên 4.500 quân, càn quét vùng Chiến khu Đ. Tại Hồ Bàu (Đất Cuốc), lực lượng bảo vệ Trường Đặc công và Đại đội 303 do đồng chí Bảy Hiệp (Huỳnh Văn Hiệp) chỉ huy phục kích, diệt 30 tên Mỹ, thu được một số súng AR15.

Ngày 8-11-1965, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 1, Sư đoàn 9 đã bố trí sẵn đội hình chiến đấu tại Đất Cuốc. Một tiểu đoàn của Lữ dù 173 Mỹ đã lọt vào trận địa phục kích. Ta nổ súng mãnh liệt và xung phong. Quân Mỹ bị động đối phó, phải gọi máy bay, pháo binh từ Biên Hòa, Tân Uyên bắn yểm trợ để rút lui. Vượt hỏa lực mạnh của địch, bộ đội ta xung phong đánh

thắng vào đội hình của chúng, dùng lựu đạn, lưới lê đánh quyết liệt. Trước cách đánh táo bạo, xấp lá cà của quân ta, phi pháo của địch trở nên mất hiệu lực. Sau 5 giờ chiến đấu, ta diệt và làm bị thương hơn 300 tên Mỹ, bắn rơi 4 máy bay, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Trận Đất Cuốc là trận mà lần đầu tiên một tiểu đoàn quân chủ lực miền Đông đã đánh diệt một tiểu đoàn quân viễn chinh Mỹ.

Cuối tháng 12-1965, trong không khí sôi sục đánh Mỹ của quân dân cả nước, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội đề ra đường lối, chủ trương đánh Mỹ một cách toàn diện. Sau khi vạch rõ âm mưu thủ đoạn của địch, phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch và của ta, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là: Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Hội nghị Trung ương lần thứ 12 xác định quyết tâm đánh Mỹ, đề ra cách đánh Mỹ và khẳng định: Cuối cùng ta sẽ đánh bại Mỹ trên cơ sở bốn nhân tố cơ bản: Một là, có sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng; Hai là, có khối đoàn kết toàn dân chống Mỹ, cứu nước, Nam, Bắc một lòng; Ba là, có chiến tranh nhân dân, chiến tranh cách mạng sáng tạo, có lực lượng vũ trang nhân dân đã được tôi luyện; Bốn là, có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân toàn Miền thực hiện quyết tâm chiến lược đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Trên chiến trường miền Nam, từ cuối năm 1965, Mỹ đã triển khai thực hiện kế hoạch phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) với mục tiêu đánh bại bộ đội chủ lực, phá hoại các căn cứ kháng chiến, thực hiện “bình định có trọng điểm” nhằm thu hẹp vùng giải phóng của ta, củng cố nguy quân, nguy quyền. Hai hướng phản công chính của địch là miền Đông Nam Bộ và đồng bằng Khu 5.

Ở miền Đông Nam Bộ, từ tháng 1 đến tháng 5-1966, Mỹ - nguy mở 13 cuộc hành quân lớn đánh phá Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Hồ Bò, Bời Lời, Bến Cát, hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và một bộ phận quân chủ lực của ta, ngăn chặn ta hoạt động uy hiếp Sài Gòn, hỗ trợ cho quân nguy bình định, tiến tới giành thế chủ động trên chiến trường.

Tại chiến trường Thủ Dầu Một và Phước Thành, Mỹ sử dụng lực lượng nòng cốt là Sư đoàn 1 bộ binh kết hợp lực lượng Sư đoàn 18 chủ lực nguy và một số tiểu đoàn bảo an địa phương mở nhiều cuộc hành quân trên diện rộng ở Tân Uyên, Phước Vĩnh, Chiến khu Đ, Bến Cát, Châu Thành để hỗ trợ cho chương trình bình định. Sau đó chúng tập trung lực lượng với quy mô cấp sư đoàn đánh sâu vào các cụm căn cứ của ta, nhằm phát hiện lực lượng, phá sự chuẩn bị tiến công của ta, tìm diệt chủ lực (Sư đoàn 9 bộ binh) ở Chiến khu Đ.

Địch sử dụng nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại như máy bay, pháo binh, xe tăng, rải chất độc hóa học triệt phá rừng căn cứ nhằm gây ra cảnh đói nghèo cho đồng bào vùng căn cứ, vùng giải phóng để chúng thực hiện âm mưu xúc tát, gom lại dân vào các ấp chiến lược mà chúng đổi tên gọi là “ấp tân sinh”.

Đầu tháng 2-1966, Mỹ mở cuộc truy quét quy mô lớn vào Chiến khu Đ, mang tên “Hòn đá lăn” (Rolling Stone). Để uy hiếp tinh thần quân và dân ta và tạo thuận lợi cho lính viễn chinh Mỹ tham gia cuộc hành quân. Địch sử dụng lực lượng

không quân, pháo binh, kể cả dùng máy bay B.52 ném bom rải thảm hàng ngàn tấn bom đạn xuống Hiếu Liêm, Sinh, Trùng Cây, Bà Đã, Mỹ Lộc. Ngày 5-2-1966, địch sử dụng Lữ đoàn 1, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ, Lữ đoàn dù 173, Tiểu đoàn Úc, 2 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 18 bộ binh ngụy và một chi đoàn thiết xa vận, hình thành hai mũi tiến công đánh thẳng vào căn cứ của Quân khu, lòng tim chủ lực, phá kho tàng, trạm vận chuyển của ta trong căn cứ.

Bộ đội tỉnh Phước Thành cùng du kích Tân Uyên phối hợp với lực lượng Sư đoàn 9 tổ chức nhiều cánh quân nhỏ, gọn nhẹ liên tục tiến công, kết hợp đánh mìn, gây cho địch nhiều thiệt hại. Như trận Bàu Đẽ, lực lượng huyện Tân Uyên do đồng chí Năm Hải, đồng chí Bảy Hiệp chỉ huy dựa vào ụ chiến đấu diệt hơn 40 tên Mỹ, thu 20 súng AR15; du kích xã Tân Hòa, gài mìn diệt 7 tên Mỹ; các tổ du kích xã Tân Bình, Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Tân... đánh bọn ngụy ở vòng ngoài, bắn cháy 3 xe GMC trên đường 15, phục kích đánh xe địch tại lộ 12 xã Phước Hòa; gài mìn diệt địch ở cầu Thợ Ụt, Sinh... Riêng 3 du kích Phước Hòa do đồng chí Bảy Bù Lu trực tiếp chỉ huy phục kích địch tại lộ 12, khi chiếc xe GMC chở đầy lính đi qua, đồng chí Nhịn ném lựu đạn trúng thùng xe, diệt tại chỗ 30 tên.

Phối hợp với các xã trong huyện, du kích Phú Chánh kết hợp với Tiểu đoàn Phú Lợi tấn công vào đồn Phú Chánh, diệt 27 tên, bắt sống 11 tên bảo an, thu toàn bộ vũ khí. Du kích Tân Hòa, Tân Khánh phục kích diệt hàng chục tên bảo an, dân vệ. Đặc biệt, trong trận quân Mỹ càn vào khu vực Gò Mã (Tân Phước Khánh), sau khi diệt và làm bị thương hơn 20 tên Mỹ, đồng chí Ny (lúc đó là Chi ủy viên phụ trách xã hội) bị trúng đạn, vết thương rất nặng, nhưng đồng chí ra lệnh cho lực lượng rút hết, sau đó ôm trái mìn dưới bụng giả chết. Khi bọn lính kéo đến lôi xác đồng chí Ny thì mìn nổ, 6 tên Mỹ chết tại trận.

Ngày 14-2-1966, quân Mỹ, quân ngụy và 1 tiểu đoàn chư hầu (Úc) từ Chiến khu Đ rút ra Bông Trang, Nhà Đổ chuẩn bị mở cuộc hành quân “dao lửa” nhằm hỗ trợ cho quân ngụy củng cố trục tam giác Tân Uyên - Phước Vĩnh - Lai Khê hòng chia cắt Chiến khu Đ của ta và hỗ trợ cho kế hoạch bình định xã Tân Bình, Bình Mỹ, Bình Cơ. Phối hợp với Sư đoàn 9 chủ lực Miền, Huyện ủy Tân Uyên, Bến Cát, Phú Giáo tập trung chỉ đạo du kích các xã ven trục tỉnh lộ 1A, đường 16 chiến đấu ngăn chặn, tiêu hao sinh lực địch. Du kích các xã Phước Hòa, Bình Mỹ, Tân Bình tổ chức thành liên đội chốt bố trí trận địa mìn, trái gài, phục kích, chặn đánh quyết liệt lực lượng bộ binh, cơ giới; tập kích trận địa pháo địch tại khu vực ngã ba Cồng Xanh, Bô Lá... tạo điều kiện cho lực lượng Sư đoàn 9 thực hiện cuộc tập kích đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn quân Mỹ đóng dã ngoại tại ấp Bông Trang và Nhà Đổ trong đêm 24- 2-1966, tiêu hao nặng Tiểu đoàn Úc, bắn cháy 48 xe bọc thép M.113, 24 xe tăng..., sau đó đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn Mỹ tại dốc Bà Nghĩa trên đường 16.

Kết hợp tiến công quân sự, trong thời gian này các địa phương trong tỉnh đẩy mạnh công tác binh vận. Trong nhiều tổ binh vận ở xã, ấp, ta vận động được cả gia đình binh sĩ tham gia. Tại Khánh Vân, Tân Hóa, Vĩnh Tân, trong năm 1965 và nửa đầu năm 1966, nhân dân đã vận động được 207 binh lính của Trung đoàn 48 Sư đoàn 18 ngụy đào, rã ngũ. (Uyên Hưng, đồng bào rải nhiều truyền đơn trong các đồn bót địch, tuyên truyền tác động: “Mỹ thua Mỹ về nước, anh em binh sĩ thua về đâu ?”, đã tác động đến tâm lý, tinh thần nhiều binh sĩ ngụy.

Mặc dù có đầy đủ các ưu thế (không quân, hỏa lực, cơ giới, số lượng bộ binh), nhưng cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) của Mỹ đã bị quân và dân miền Nam đập tan. Đại sứ Mỹ Cabótlót đã phải thú nhận: “Cuộc phản công không làm hao tổn Việt cộng, không diệt được một đơn vị chính quy nào của Việt cộng, không ngăn được du kích phát

triển, hậu phương không ổn định. Mỹ và ngụy Nam Việt Nam vẫn bị động. Quân đội Sài Gòn giảm chất lượng nhanh chóng, lực lượng Mỹ tăng cường bổ sung không kịp, khả năng tiếp vận hạn chế, quân chính quy Việt cộng cơ động”¹.

Trên chiến trường của tỉnh Thủ Dầu Một và Phước Thành, cả quân Mỹ và quân ngụy bị đánh đau ở Chiến khu Đ, Phú Lợi, Dầu Tiếng, Bông Trang, Nhà Đỏ... Cả hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ - ngụy đều bị bẻ gãy. Quân và dân trong tỉnh không còn sợ Mỹ, chủ động tiến công tiêu diệt địch. Thế trận tiến công địch của ta ở cả ba vùng, ba mũi được giữ vững và phát triển. Lực lượng vũ trang trong tỉnh, huyện, du kích các xã đã đánh thắng quân Mỹ ngay trong các trận đầu bằng thế trận du kích chiến tranh rộng khắp. Hệ thống căn cứ của tỉnh, huyện tuy bị địch đánh phá, bom đạn ác liệt, nhưng ta đã kịp củng cố, xây dựng. Tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc Mỹ và bè lũ tay sai của các tầng lớp nhân dân từ vùng giải phóng đến các thị trấn, thị xã ngày càng dâng cao.

Các tầng lớp đồng bào đã vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ chống Mỹ - ngụy và hết lòng ủng hộ, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

Đầu tháng 3-1966, quân Mỹ tiếp tục mở một trận càn quét mới lấy tên là “Thành phố bạc” (Silver city) nhằm vào vùng Bà Đã, Bến Chang Chang phía bắc Chiến khu Đ. Phối hợp với quân Mỹ, Trung đoàn 48, Sư đoàn 10 của ngụy mở cuộc càn quét vào các xã phía bắc Tân Uyên có sự yểm trợ của xe tăng, càn phá rừng, lùng sục các kho tàng, căn cứ của ta. Quân ngụy chia làm nhiều mũi, nhưng đông nhất là các đợt càn vào căn cứ Vĩnh Lợi, Vĩnh Tân, Xóm Bó (Tân Bình) và Bàu Góc (Bình Mỹ). Đi đến đâu địch cũng gặp phải chông, mìn và trái do du kích các xã giải. Chỉ sau một tuần, du kích

¹ Việt Nam - những sự kiện 1945 – 1975, tập II (1965 – 1975), Nxb. Khoa học xã hội.

Vĩnh Tân, Tân Bình và Bình Mỹ đã diệt hơn 60 tên địch, thu 21 súng các loại và 17 trái lựu đạn.

Cũng trong thời gian này, du kích Tân Nhuận (Uyên Hưng) cùng Trung đoàn 1, Sư đoàn 9 phục kích địch từ Uyên Hưng về sở Cậtbay diệt gần 140 tên Mỹ.

Cay cú vì không tìm diệt được chủ lực ta, lại bị du kích đánh tiêu hao, quân Mỹ và nguy quay sang bắn giết trâu bò, đốt nhà cửa của nhân dân. Tại Bình Mỹ, Vĩnh Tân, Đất Cuốc, trong ngày 10-3-1966, chúng đã bắn giết hơn 100 trâu bò và đốt hơn 60 nóc nhà. Cùng ngày, quân Mỹ đổ thêm quân xuống Bàu Bàng và trảng Cua Đình. Ở trảng Cua Đình, chúng đổ 2 tiểu đoàn Mỹ và chia làm 2 cánh càn vào căn cứ quân y và căn cứ của Quân khu tại khu vực Bàu Sấn.

Ngày 13-3-1966, mặc dù vừa phải di chuyển thương binh, thuốc men, dược liệu, nhưng lực lượng bảo vệ Quân khu cùng các cơ quan và quân y đã đẩy lùi 9 đợt xung phong của địch, đồng thời tổ chức lực lượng tấn công tạt sườn của chúng, diệt gần 60 tên Mỹ, buộc địch phải rút lui.

Liên tục trong các ngày 14 và 15-3-1966, các lực lượng của ta dũng cảm chống càn bảo vệ căn cứ, kho tàng, diệt thêm 40 tên Mỹ. Tuy được phi pháo yểm trợ và bị cấp trên thúc ép, nhưng do bị tổn thất nặng quân Mỹ chỉ đi càn dọc lộ thống nhất, mỗi ngày không quá 2km. Mệt mỏi và hoang mang, 18 giờ 30 ngày 15-3, quân Mỹ cụm lại tại Bàu Sấn và xin rút lui. Phát hiện được ý đồ của địch, Đoàn 51 (Q51) được lệnh tập kích tiêu diệt quân Mỹ ở Bàu Sấn. Bàu Sấn nằm trong khu vực tứ giác Giáng Hương - Mã Đà và Suối Linh - Rẫy Bảy Mầu. Xung quanh khu vực này là vùng rừng đã bị B.52 hủy diệt nên việc tiếp cận, nhất là tiếp cận vào ban đêm gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, đến 6 giờ 15 phút ngày 16-3 lực lượng của Quân khu và của Miền đã hình thành 3 mũi bao vây và nổ súng vào cụm quân Mỹ. Quân địch lợi dụng các hố bom và

dựa vào phi pháo yểm trợ cầm cự quyết liệt, đẩy lùi nhiều đợt xung phong của ta. Chúng tập trung phi pháo và bom napan liên tục thả xuống phía sau đội hình ta. Lực lượng ca xạ và 12,7 mm của ta phối hợp với bộ binh bắn rơi 4 máy bay địch. Đến 16 giờ 35 phút, sau khi đã đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn kỵ binh Mỹ, lực lượng ta được lệnh rút lui.

Trận này ta hy sinh 72 đồng chí, bị thương 242 người. Ta loại khỏi vòng chiến trên 1.000 tên Mỹ, bắn rơi 5 trực thăng.

Như vậy, trong đợt phản công lần thứ nhất, hai cuộc càn lớn “Hòn đá lăn” và “Thành phố bạc” vào Chiến khu Đ và vùng đất Tân Uyên của địch đều bị bẻ gãy. Thắng lợi và những bài học trong hai cuộc chống càn đã khẳng định: Căn cứ không chỉ là hậu phương đơn thuần mà còn là pháo đài phòng ngự và tấn công tiêu diệt quân thù.

Không diệt được chủ lực, không phá được hậu cứ của ta, đế quốc Mỹ quay sang dùng máy bay ném bom và rải chất độc xuống địa bàn huyện Tân Uyên. Máy bay trinh sát của Mỹ ngày đêm chụp ảnh và bắn pháo sáng xuống các bến sông, trục lộ để ngăn chặn và hạn chế các hoạt động của ta.

Cuối tháng 3-1966, Trung ương Cục họp đánh giá tình hình sau khi đánh bại buộc phản công lần thứ nhất của địch và đề ra nhiệm vụ của cách mạng, trong đó nhấn mạnh vấn đề xây dựng căn cứ, vấn đề sản xuất, tiết kiệm và từng bước hoàn chỉnh vùng chiến lược.

Thực hiện chủ trương này, các vùng Bông Trang, Bình Mỹ, Bình Cơ, Phước Hòa trở thành những cửa khẩu quan trọng để mua lương thực và hàng quân sự cho hậu cần Miền.

Lúc này, dựa vào thế quân sự Mỹ đánh phá vòng ngoài, nguy quân, nguy quyền tiến hành nhiều biện pháp nhằm củng cố hệ thống kim kẹp đã bị lỏng lẻo, tan rã ở nhiều nơi. Chúng đưa bọn ác ôn ở nơi khác đến làm Xã trưởng một số xã, tung

cảnh sát nguy vừa đào tạo về nắm dân vệ, cảnh sát ở xã, ấp, tăng cường các đoàn bình định, củng cố các ấp chiến lược, kiểm soát gắt gao việc đi lại, làm ăn của nhân dân, nhất là số người chúng nghi ngờ có quan hệ với cách mạng; bao vây phong tỏa, bắt làm sổ xay lúa để quản lý hòng không cho lọt lương thực, hàng hóa ra vùng ta. Thời gian này các xã, nhất là các xã lợi thế có rừng đã củng cố và xây dựng ổ, ụ chiến đấu chống trả địch quyết liệt mỗi khi chúng tràn vào căn cứ, đồng thời tổ chức nhiều trận phục kích đánh địch. Nổi bật có trận đánh của du kích xã Phú Chánh kết hợp cùng lực lượng C62 tập kích vào ấp Phú Chánh, đánh bọn bảo an đêm 14-7-1966, diệt 35 tên, bắt sống 7 tên, thu 37 súng các loại. Đầu tháng 8-1966, du kích Tân Phước Khánh do đồng chí Chiến chỉ huy, được sự hỗ trợ của lực lượng huyện, đã tấn công bọn bảo an bảo vệ ở bót Cầu Xéo, diệt 12 tên, thu 5 súng cạc bản.

Cuối mùa mưa năm 1966, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục, tỉnh Phước Thành giải thể, một số cán bộ của Tỉnh ủy, các cơ quan Đảng, quân sự, các ngành được điều về trên, một số bổ sung cho huyện Phú Giáo và Tân Uyên. Hai huyện Phú Giáo, Tân Uyên của Phước Thành sáp nhập vào tỉnh Thủ Dầu Một. Để kịp thời lãnh đạo quân dân trong tỉnh trên địa bàn tỉnh mở rộng, Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan của tỉnh tăng cường cán bộ giúp Phú Giáo và Tân Uyên.

Cùng thời gian này, Mỹ ráo riết chuẩn bị cuộc phản công chiến lược lần thứ hai vào mùa khô 1966 - 1967 bằng kế hoạch “hai gọng kìm” nhằm đánh bại ta trong năm 1967 để giải quyết chiến tranh Việt Nam.

Trên chiến trường Nam Bộ, địch ưu tiên tập trung lực lượng đánh vào hệ thống căn cứ ta ở miền Đông Nam Bộ, trọng điểm là chiến trường Dương Minh Châu nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não và một bộ phận chủ lực ta, kết hợp bình định mở rộng vành đai an ninh quanh Sài Gòn.

Trên chiến trường của tỉnh, địch bố trí Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ dọc quốc lộ 13 (Lai Khê, Phước Vĩnh), sẵn sàng cơ động cho hướng Tây Ninh hoặc Bình Long, Phước Long, yểm trợ cho Sư đoàn 5 bộ binh ngụy bình định các tỉnh Bình Dương (Thủ Dầu Một), Bình Long.

Tháng 10-1966, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền mở Hội nghị tổng kết du kích chiến tranh toàn Miền lần thứ ba. Báo cáo điển hình của các địa phương có phong trào du kích chiến tranh mạnh, những kinh nghiệm phong phú về xây dựng lực lượng và chiến đấu của du kích, xây dựng làng xã chiến đấu, xây dựng vành đai diệt Mỹ... của các tỉnh, trong đó có kinh nghiệm đánh Mỹ của du kích xã An Điền; đội chốt Lai Khê; du kích xã Thới Hòa; du kích xã Tân Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Thủ Dầu Một... đã làm phong phú thêm nội dung tổng kết. Hội nghị đã đề ra một số nhiệm vụ về phát triển phong trào du kích chiến tranh rộng khắp với phương châm tiến công ba mũi, đánh mạnh giao thông, đánh sâu vào hậu phương địch, tạo điều kiện cho các lực lượng tập trung tấn công diệt địch mạnh mẽ hơn.

Từ nhiệm vụ Hội nghị du kích chiến tranh toàn Miền lần thứ ba đề ra, Khu ủy và Quân khu ủy nhận định: Chiến khu Đ vẫn là một địa bàn trọng yếu, là mục tiêu đánh phá trong kế hoạch tìm diệt và bình định của địch. Khu ủy chỉ đạo cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào du kích chiến tranh, vừa bảo vệ căn cứ chống địch càn quét, vừa tạo bàn đạp tiến công vào các cơ sở đầu não, kho tàng địch, hỗ trợ cho chiến trường chung.

Ta đang triển khai và củng cố thế chiến đấu tại căn cứ thì ngày 31-1-1967, Lữ đoàn 3, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ từ căn cứ quân sự Phước Vĩnh mở cuộc càn quét vào khu vực Bàu Gốc, Đồng Chanh, Trâm Quy, Suối Cát, Phước Hòa... Từ ngày 31-1 đến ngày 3-2-1967, bộ đội địa phương tỉnh Thủ Dầu Một, huyện Tân Uyên, Phú Giáo và du kích các xã đã liên tục bám sát đánh địch, phục kích bằng mìn, lựu đạn, tập kích bất ngờ

vào các cụm chốt của địch, diệt và làm bị thương hơn 400 tên xâm lược Mỹ.

Từ ngày 22-2-1967, đế quốc Mỹ mở trận càn Gianxon Xity (Junction City) đánh vào căn cứ Tây Ninh. Chúng huy động toàn bộ quân viễn chinh Mỹ ở miền Đông Nam Bộ với một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh hiện đại vào cuộc hành quân này trong gần 1 tháng (từ ngày 22-2 đến 15-3-1967).

Nắm thời cơ chủ lực Mỹ - ngụy bị thu hút vào chiến trường bắc Tây Ninh, Khu ủy chủ trương mở đợt tiến công mạnh vào các căn cứ địch, các chốt địch trong căn cứ, đánh phá các ấp chiến lược mở rộng vùng làm chủ xung quanh Chiến khu Đ. Từ tháng 3 đến tháng 4-1967, bộ đội địa phương huyện Phú Giáo, Tân Uyên đã đánh bại cuộc càn của Trung đoàn 7, Sư đoàn 5 bộ binh ngụy vào căn cứ. Đồng thời, ta đẩy mạnh hoạt động trên đường 14, 16, bức rút, bức hàng 10 đồn bót địch, phá vỡ 22 ấp chiến lược, giải phóng hơn 100.000 dân.

Sau trận càn, ta tổ chức bắt tên Nhà và hàng chục tên gián điệp đang hoạt động ở vùng Mỹ Lộc, Thường Lang, Tân Hòa, Tân Tịch. Việc khám phá và phát hiện bọn gián điệp chỉ điểm nằm vùng đã làm phá sản nhiều dự định của địch đánh vào căn cứ của ta, đồng thời làm cho bọn còn lại hoảng sợ trốn chạy đi nơi khác, giữ vững được đoàn kết nội bộ và an toàn trong một thời gian dài.

Chỉ sau 1 tháng “thi đua diệt Mỹ - ngụy”, hàng trăm chiến sĩ đã được nhận danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ” và “Dũng sĩ quyết thắng”. Việc tập trung mũi nhọn vào quân ngụy đã tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh với bọn tề xã đòi địch cấm bắn pháo bừa bãi, chống bắt lính, chống gom dân, để cho dân tự do đi lại, nhất là đi vào rừng làm ăn.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, tháng 5-1967, Trung ương Cục quyết định thành lập Đoàn 70 trực thuộc Cục Hậu cần Miền. Đoàn 70 do đồng chí Cao Hoài Xạ (Cao Phong) làm Đoàn trưởng, đồng chí Sáu Sâm làm Chính ủy. Nhiệm vụ của Đoàn 70 là đón nhận hàng của Trung ương qua đường Nam Tây Nguyên và từ Campuchia chuyển về phục vụ cho hoạt động tác chiến ở B2 (Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ).

Đoàn 70 có 4 cánh H7, H8, H9, H10, trong đó hai cánh H8 và H10 đứng chân ở bờ bắc Sông Bé (Chiến khu Đ) và nam Đồng Xoài, vừa đón nhận hàng tiếp liệu, vừa triển khai kho tàng trong căn cứ.

Đoàn 70 cùng Đoàn hậu cần 81, 84 với nhiều cánh thu mua, vận chuyển, chiến đấu bảo vệ hành lang, căn cứ, tạo thành mạng lưới hậu cần liên hoàn từ Chiến khu Đ xuống các khu vực Bình Dương - Biên Hòa, Bà Rịa, bảo đảm cho các lực lượng chủ lực Miền, Quân khu hoạt động. Nhân dân quanh vùng Chiến khu Đ và các xã Tân Bình, Bình Mỹ, Vĩnh Tân ngày đêm cung cấp lương thực cho các cửa khẩu. Biệt kích, phi pháo và máy bay địch liên tục uy hiếp, nhưng những đoàn xe bò, xe thô vắn tập nập chở đủ mọi mặt hàng phục vụ cho chiến trường.

Ở miền Đông, Khu ủy và Quân khu ủy chủ trương mở một đợt hoạt động mùa mưa, tiến công vào các căn cứ, kho tàng, sân bay của địch ở bắc, tây bắc và nam Chiến khu Đ, phá thế bao vây của địch, diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh cao cấp của Mỹ.

Ngày 11-5-1967, Trung đoàn pháo ĐKB 274 Miền với trận địa pháo tại Chiến khu Đ (bờ sông Đồng Nai) đã mở trận tập kích hỏa lực lần thứ ba vào sân bay Biên Hòa. Ta phá hủy 100 máy bay các loại và diệt nhiều sĩ quan kỹ thuật Mỹ - ngụy.

Đầu tháng 7-1967, Trung đội cối 82 của huyện Tân Uyên được thành lập. Trung đội gồm 21 người hoàn toàn là

nữ, do đồng chí Huỳnh Thị Châu làm Chính trị viên, Mười Diệu làm Trung đội trưởng, Tư Hò làm Trung đội phó. Sau khi thành lập, Trung đội đã tổ chức pháo kích vào Chi khu Tân Uyên, trận đầu lập công xuất sắc, diệt và làm bị thương 14 tên, phá hủy một khẩu pháo 105 ly.

Cuối tháng 7-1967, một đại đội Mỹ có xe tăng yểm trợ càn vào căn cứ Ông Đông - Bà Tri. Du kích Khánh Vân, Bình Chánh do đồng chí Ba Minh và Sáu Điền chỉ huy đánh địch quyết liệt, bắn cháy một xe tăng, bắn rơi một máy bay trinh sát.

Cũng trong thời gian này, một tiểu đoàn Mỹ càn vào vùng Re Đũng và Con Xíp, bị lực lượng của huyện và du kích ở xóm Sinh, Bà Đã chặn đánh. Sau 7 ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt một đại đội Mỹ, đánh thiệt hại một đại đội khác, phá hủy 20 xe tăng và xe bọc thép, thu 17 súng (trong đó có 3 trung liên, một đại liên) và nhiều đồ dùng quân sự khác.

Đầu tháng 8-1967, quân Mỹ càn vào vùng Tân Tịch, Thường Lang, đóng quân giả ngoại tại Bàu Nai. Sau đó một trung đội biệt kích dò đường vào căn cứ. Đồng chí Huỳnh Thị Châu cùng 5 du kích xã lợi dụng ô, ụ chiến đấu, diệt được một tiểu đội biệt kích.

Sau đợt càn quét, quân Mỹ về bót nghỉ ngơi. Lợi dụng lúc chúng đang chủ quan, đội cối của Tân Uyên tập kích diệt hơn 40 tên, phá hủy 1 xe tăng. Sau trận này quân giặc rất sợ và rất kiêng nể đội cối nữ của huyện Tân Uyên.

Ngày 13-9-1967, quân Mỹ và ngụy mở cuộc càn lớn vào vùng hồ Bà Tùng (Uyên Hưng) và 4 xã Chiến khu Đ.

Lúc này các xã Bình Hóa, Tân Nhuận, Tân Hòa đã được củng cố thành lực lượng chung, gọi là đội vũ trang thị trấn Tân Uyên. Đội vũ trang do đồng chí Lê Văn Gắt (Mười Gắt) và Ba Thắng chỉ huy phối hợp cùng du kích chặn viện, đánh địch quyết liệt tại đóc Bà Nghĩa, diệt gọn một trung đội Mỹ, phá

hủy 1 xe cơ giới của địch. Sau đó, phối hợp với Trung đoàn Đồng Nai tấn công đồn Bà Nghĩa, diệt gọn 1 đại đội bảo an đóng giữ đồn này. Ở Tân Tịch, dưới sự chỉ huy của đồng chí Dũng, một tiểu đội du kích chặn đánh địch tại ụ Bà Sóc, bẻ gãy 7 đợt tấn công của chúng. Đến 3 giờ chiều, trận đánh kết thúc, địch bỏ lại trên 70 xác chết, ta có 2 du kích hy sinh.

Khi bước vào giai đoạn địch thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, với nỗ lực vượt bậc, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã dũng cảm kiên cường chiến đấu, góp phần làm thất bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966 - 1967 của Mỹ - ngụy. Sau sự thất bại đó, đế quốc Mỹ phải chuyển từ phản công chiến lược sang thế bị động phòng ngự về chiến lược. Đó là thất bại nghiêm trọng của đế quốc Mỹ khi đẩy cuộc chiến tranh cục bộ lên mức cao nhất. Tình hình đó cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng sang một thời kỳ giành thắng lợi to lớn hơn.

II. THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI XUÂN MẬU THÂN 1968, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGUY

Để chuẩn bị cho chiến lược mới đã được Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua tháng 10-1967, Trung ương Cục, Quân ủy Miền đã ra Nghị quyết về Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, lấy tên là “Nghị quyết Quang Trung”. Lấy Sài Gòn - Gia Định làm trọng điểm, hướng tiến công chủ yếu là thành phố Sài Gòn, mục tiêu của Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa là các cơ quan đầu não, bộ máy chiến tranh của Mỹ và đầu não Trung ương ngụy quyền. Trước mắt, thực hiện tốt công tác chuẩn bị, tổ chức lại chiến trường, đẩy mạnh phát triển thực lực cách mạng và kiên trì phương hướng chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn - Gia Định và các thị xã, thị trấn khi thời cơ đến.

Do tính chất quan trọng của Sài Gòn - Gia Định trong Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, ngày 25-10-1967, Trung ương Cục quyết định giải thể Quân khu Sài Gòn - Gia Định và Quân khu 1, tổ chức lại chiến trường miền Đông Nam Bộ theo yêu cầu nhiệm vụ mới, tổ chức Sài Gòn - Gia Định thành khu trọng điểm do Trung ương Cục trực tiếp chỉ đạo. Khu trọng điểm gồm Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh lân cận, tổ chức thành 5 phân khu (1-2-3-4-5), hình thành 5 mũi tiến công vào các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ và ngụy quyền ở Sài Gòn.

Theo tổ chức mới, Phân khu 5 ở hướng bắc Sài Gòn, gồm: các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành (bao gồm các xã Chánh Phú Hòa, Thới Hòa, Tân Định, Tân An, Tương Bình Hiệp của huyện Bến Cát giao về cho Châu Thành), thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Dĩ An và bắc Thủ Đức.

Phân khu 1 gồm: các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp (Gia Định), Bến Cát, Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), Trảng Bàng (Tây Ninh).

Căn cứ vào tổ chức chiến trường, Trung ương Cục quyết định thành lập Ban Chấp hành các Phân khu ủy thay cho các tỉnh ủy. Phân khu ủy Phân khu 5 có các đồng chí: Hoàng Minh Đạo (Năm Thu), Bí thư Phân khu ủy kiêm Chính ủy lực lượng vũ trang; Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, làm Phó Bí thư thường trực.

Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, sau khi Phân khu thành lập, các cơ quan của tỉnh Thủ Dầu Một (trở thành các cơ quan của Phân khu 5) chuyển từ căn cứ Long Nguyên - Bến Cát về Chiến khu Đ. Phân khu ủy chỉ đạo các huyện, thị, các lực lượng khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị cho Tổng tiến công và nổi dậy. Phân khu ủy chỉ đạo trực tiếp Ban giao bưu phối hợp với các địa phương bố trí lại các trạm giao liên đường dây du kích đi các huyện, tăng cường lực

lượng cho các hướng trọng điểm, mở thêm đường dây công khai liên lạc với Khu ủy qua hòm thư. Các đội thanh niên xung phong cùng hàng ngàn dân công và anh chị em cán bộ, chiến sĩ, nhân viên các cơ quan ở căn cứ và các đơn vị hậu cần ngày đêm bí mật chuyển hàng từ các nơi về căn cứ và từ các kho hậu cần phía sau xuống các vị trí tập kết. Trên mỗi hướng có hệ thống kho tàng, đường hành lang vận tải ngang dọc, phía sau ra phía trước đều có cơ sở hậu cần tại chỗ phối hợp. Đến tháng 1-1968, kết hợp hậu cần khu vực với hậu cần nhân dân (thu mua trong dân và nhờ dân cất giấu), trên địa bàn Phân khu ta đã có 1.500 tấn lương thực, 750 tấn vũ khí, đạn dược được bố trí trong các kho ở Chiến khu Đ và cất giấu rải rác trong dân.

Đến cuối năm 1967, trên địa bàn Phân khu 5, ta đã có vùng giải phóng các xã bắc Châu Thành (Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, Vĩnh Tân) và một vùng rộng lớn Chiến khu Đ với khoảng trên 15.000 dân. Thực lực ở cơ sở phần lớn các xã có chi bộ, du kích, đoàn thể quần chúng, như Châu Thành có 274 đảng viên, Tân Uyên 191 đảng viên, Lái Thiêu có 94 đảng viên (có 25 đảng viên mật), thị xã có 38 đảng viên mật... Cấp ủy huyện, thị được tăng cường và củng cố, nơi nhiều nhất như Tân Uyên có 17 đồng chí. Các ban, ngành từ tỉnh đến huyện tương đối hoàn chỉnh về tổ chức và bố trí cán bộ.

Những tháng cuối năm 1967, công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được tiến hành khẩn trương và bí mật. Các đơn vị lực lượng vũ trang phân khu, các huyện thị đến du kích các xã khẩn trương kiện toàn tổ chức biên chế, bổ sung quân số, trang bị. Lực lượng chính trị trên từng địa phương - nhất là thị xã Thủ Dầu Một và các thị trấn - được tổ chức, sắp xếp, chuẩn bị các phương án.

Trong khi các địa phương trong tỉnh đang chuẩn bị các mặt trận cho chiến dịch tổng tiến công, trên địa bàn huyện Tân

Uyên vẫn liên tục diễn ra các trận đánh quyết liệt giữa ta và địch.

Từ giữa tháng 11-1967, quân Mỹ và ngụy liên tục càn quét vào các vùng căn cứ của ta với ý đồ ngăn chặn các hoạt động trong mùa khô tới. Chúng phục kích các con đường qua lại trong vùng Chiến khu Đ và lùng sục các kho tàng, bến bãi. Lực lượng Mỹ ở Cồng Xanh tổ chức hành quân về phía Sinh, Bà Đã. Bọn ở Bà Đã tổ chức càn vào làng Cây Chanh và dọc sông Bé.

Sáng ngày 23-11-1967, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 48 ngụy được máy bay trực thăng đổ xuống Sinh, Bà Đã để càn quét vào Đất Cuốc và từ Đất Cuốc về Tân Uyên.

Suốt ngày 24-11, chúng truy lùng theo dấu vết hoạt động của ta, phá được số diện tích mì chưa thu hoạch mà không hề gặp phải sự kháng cự nào. Chiều ngày 24-11, chúng tổ chức đóng dã ngoại tại cầu Tân Lợi để sáng hôm sau càn quét dọc lộ rồi qua đóc Bàn Tay về Chi khu Tân Uyên.

Nắm chắc tình hình địch đang mệt mỏi và chủ quan, Đại đội 3 và Đại đội 2 của Tiểu đoàn 1 và Trung đoàn Đồng Nai được du kích Đất Cuốc dẫn đường, vừa hành quân vừa chạy đến cầu Tân Lợi. Đến 5 giờ sáng ngày 24-11, quân ta đã hình thành 3 mũi bao vây đội hình địch. Đúng 6 giờ 10 phút, ta chỉ còn cách địch 15, 20m nhưng chúng vẫn không phát hiện được. Quân ta nhất loạt xung phong, dùng B.40, AK và lựu đạn tấn công sở chỉ huy địch. Ngay phút đầu, 2 máy PRC10 liên lạc của địch và tên đại úy Tiểu đoàn trưởng đã bị tiêu diệt. Ta chia cắt đội hình địch và áp sát để tránh pháo từ Tân Uyên và Bà Đã bắn tới. Sau 35 phút chiến đấu, ta diệt và làm bị thương 320 tên, thu 24 súng các loại, trong đó có ĐKZ, đại liên và súng cối. 24 tên sống sót chạy về đến đóc Bàn Tay thì bị lực lượng tải gạo của thị trấn Tân Uyên do Sáu Tân, Bảy Tiên phụ trách tiêu diệt.

Tháng 12-1967, thi đua lập thành tích chào mừng sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam (20-12), đội nữ pháo binh Tân Uyên bí mật tập kích bất ngờ quân Mỹ đóng ở ngã ba Sinh, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Bị đánh bất ngờ và biết được đội pháo binh toàn là phụ nữ, quân Mỹ tung một đại đội ra lùng sục. Khi chúng vừa mò ra vùng Bàu Giáp Nước thì bị lực lượng của huyện chặn đánh ác liệt. Sau 30 phút chiến đấu, đại đội Mỹ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Thảm đau, cả tiểu đoàn bộ binh thuộc Sư đoàn “Anh cả đỏ” có xe thiết giáp tràn ra tấn công lại bị chặn đánh. Suốt sáu giờ chiến đấu, ta đã diệt và làm bị thương nhiều tên Mỹ, bắn tan xác năm xe thiết giáp, xe tăng và M.41, bắn rơi 1 máy bay lên thẳng. Xác lính Mỹ nằm ngổn ngang khắp vùng Bàu Giáp Nước. Mãi đến chiều hôm sau, quân Mỹ mới dám cho trực thăng đến lấy xác.

Như vậy, chỉ trong ngày 6-12-1967, lực lượng của huyện đã đánh địch ba trận, diệt gọn một đại đội Mỹ, đánh tiêu hao một tiểu đoàn Mỹ khác, bắn cháy 5 xe thiết giáp và xe tăng M.41, bắn rơi một trực thăng, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự.

Tính đến đầu tháng 1-1968, công tác chuẩn bị Tổng tiến công trên các hướng cơ bản đã hoàn thành, nhưng còn bộc lộ một số nhược điểm do thời gian gấp gáp nên chưa khắc phục được như: công tác huấn luyện cho bộ đội tác chiến trong thành phố, công tác hiệp đồng giữa phía trước với phía sau, giữa chủ lực với phân khu..., lực lượng nổi dậy cũng chưa được chuẩn bị kỹ. Trong khi đó, địch mặc dù bị động, căng kéo lực lượng để đối phó với ta ở Khe Sanh, Lộc Ninh, Đắc Tô..., nhưng vẫn tăng cường lực lượng bảo vệ Sài Gòn, gia tăng các biện pháp phòng thủ vùng trung tuyến và nội đô. Về tương quan lực lượng so sánh giữa ta và địch trên địa bàn Phân khu

5, thì địch chiếm ưu thế hoàn toàn về binh lực, hỏa lực và phương tiện chiến tranh (cả quân Mỹ và quân ngụy có 30 tiểu đoàn) với một hệ thống bố phòng có thể chi viện cho nhau cả về hỏa lực, binh lực khi cần

Do tính chất của chiến dịch, để giữ triệt để yếu tố bí mật, bất ngờ trước giờ nổ súng tiến công vào các mục tiêu trong nội ô Sài Gòn, chỉ huy các phân khu chỉ được biết nhiệm vụ cụ thể trước 48 giờ.

Từ khi Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu nhận được nhiệm vụ cụ thể cho đến trước giờ nổ súng, cơ sở vật chất mới chuẩn bị được 40-50% (có súng mà đạn chưa chuyển kịp xuống như B41, ĐKB...). Nhưng thời gian hiệp đồng nổ súng đã đến. Tất cả đều chấp hành mệnh lệnh. Mọi công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương hơn. Từng cấp ủy, từng đơn vị địa phương đến từng đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ được quán triệt nhiệm vụ. Trong toàn lực lượng ta, quyết tâm, khí thế rất cao, tinh thần sẵn sàng xả thân giành thắng lợi cho cách mạng với khẩu hiệu: “Tất cả cho tuyên truyền, tất cả để chiến thắng, giành chính quyền về tay nhân dân”.

Đúng 0 giờ ngày 30-1-1968, tức đêm mừng 2 tết Mậu Thân, cùng với toàn Miền, quân và dân Phân khu 5 đồng loạt nổ súng tấn công và nổi dậy khắp trong địa bàn Phân khu.

Tại Tân Uyên, huyện tập trung lực lượng bộ đội địa phương huyện (Đại đội 1, Đại đội 2 và Đội trinh sát đặc công) tấn công Chi cảnh sát, Trung tâm thông tin chiêu hồi, nhà Quận trưởng, khu vực Nhà Đền, bót Cầu Tre và 7 tua, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 50 tên địch, đốt cháy 1 bồn xăng, bắn rơi 3 máy bay trực thăng. Trong quá trình bộ đội chiến đấu, cán bộ đoàn thể, cơ sở mật thị trấn tranh thủ tiếp xúc nhân dân, gia đình binh sĩ trong thị trấn và các vùng phụ cận phân phát truyền đơn, cương lĩnh Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Nhiều đồng bào giúp đỡ bộ đội, du kích truy lùng

bọn ác ôn lần trốn. Trong khi đó, Đội nữ pháo binh của huyện thực hiện pháo kích căn cứ địch ở đồi Hoa Sim, bót Hiệp Hưng, căn cứ Trung đoàn 48, Sư đoàn 18 bộ binh ngụy, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Cũng trong đêm 30-1-1968, du kích các xã Tân Hòa, Thường Lang, Tân Tịch phối hợp với 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 5 chủ lực Miền tấn công hậu cứ Trung đoàn 48, Sư đoàn 18 bộ binh tại dốc Bàn Tay, đánh một số chốt dã ngoại của địch ở khu vực đồi Hoa Sim, dốc Bà Nghĩa, hỗ trợ đồng bào nổi dậy diệt ác. Tại xã Mỹ Lộc, Thường Lang, Bạch Đằng, Thạnh Phước, du kích cùng nhân dân dùng ghe chở lực lượng Trung đoàn 5, Sư đoàn 5 chủ lực Miền vượt sông Đồng Nai tấn công vào sân bay Biên Hòa. Khi đơn vị trở ra, vượt sông về căn cứ, bị phi pháo địch đánh phá chặn đường rút, bộ đội thương vong nhiều, cấp ủy chỉ bộ các xã vận động đồng bào đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi dưỡng, chăm sóc thương binh, tổ chức lực lượng dân công vận chuyển hàng trăm ca thương binh nặng đưa về căn cứ. Nhiều đồng bào ở Thạnh Phước, Bạch Đằng, Thạnh Hội... đào hầm bí mật nuôi giấu thương binh, bộ đội khi rút ra bị lạc đơn vị, sau đó liên hệ địa phương đưa chuyển thương binh, bộ đội về căn cứ an toàn.

Sau đợt 1 Tổng tiến công và nổi dậy (Tết Mậu Thân năm 1968), quân và dân toàn Miền đã giáng cho địch những đòn chí mạng, gây cho chúng tổn thất nghiêm trọng. Tuy chưa đạt được những yêu cầu cao nhất đề ra, nhưng đòn tập kích chiến lược của quân và dân ta đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Tổng thống Mỹ Giôn-xơn (ngày 31-3-1968) phải tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và chấp nhận mở cuộc đàm phán bốn bên với ta tại Pari.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trong đợt 1 Tết Mậu Thân 1968 diễn ra trên địa bàn Phân khu 5 cũng như toàn Miền ; điều kiện địch có ưu thế hơn hẳn ta về binh lực, hỏa lực

(không quân, pháo binh, cơ giới...), khả năng cơ động trong hoạt động tác chiến. Các lực lượng chủ lực của Phân khu cũng như các huyện, thị, quân số, trang bị chưa đầy đủ, hạn chế về trình độ chỉ huy hiệp đồng tác chiến trong thành phố với chiến dịch quy mô lớn, dài ngày. Tuy nhiên, Đảng bộ, quân và dân toàn Phân khu đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của trên, vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, ác liệt, anh dũng chiến đấu, đánh thiệt hại nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch. Một số nơi ta đã kết hợp được phong trào nổi dậy của quần chúng đấu tranh chính trị và binh vận, vận động được một số binh sĩ đào, rã ngũ.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ sáu (3-1968), Phân khu ủy Phân khu 5 đã kịp thời chỉ đạo cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các ngành, đoàn thể của Phân khu, các huyện, thị tổ chức kiểm điểm, đánh giá đợt hoạt động, chỉ ra những khuyết điểm, nhược điểm về chỉ đạo, chỉ huy trong hiệp đồng chiến đấu giữa phía trước với phía sau, giữa hoạt động vũ trang với phát động quần chúng phối hợp đấu tranh chính trị, binh vận, công tác bảo đảm thông tin liên lạc... Trong điều kiện chiến trường ác liệt, các đơn vị lực lượng vũ trang Phân khu làm nhiệm vụ thọc sâu chiến đấu trong nội ô Sài Gòn và thị xã Thủ Dầu Một cũng như tấn công địch tại các huyện đều bị thương vong, tổn thất, cả trong quá trình chiến đấu và trên đường rút về căn cứ, nhưng tinh thần, ý chí quyết tâm vượt qua gian khổ, ác liệt, hy sinh của đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, các cơ quan, đoàn thể, cả phía trước và phía sau không hề giảm sút. Từng cấp ủy chi bộ, đảng bộ, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy từng cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, các ban ngành, đoàn thể của tỉnh, các huyện thị... đã quán triệt nhiệm vụ, xây dựng quyết tâm tiếp tục tấn công địch và phát động quần chúng nổi dậy. Cùng với lực lượng trên bổ sung. Phân khu ủy, Bộ Chỉ huy Phân khu chỉ đạo các huyện, thị vận động thanh

niên và rút du kích các xã đưa lên bổ sung cho các đơn vị chiến đấu của địa phương, ít nhất mỗi đại đội 50-60 tay súng chiến đấu.

Trước sự phát triển của tình hình qua đợt 1 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân toàn Miền, tháng 3-1968, Trung ương Cục họp Hội nghị (mở rộng) lần thứ sáu, đánh giá kết quả đợt 1 Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa. Nghị quyết số 01-NQNT của Hội nghị đánh giá: “Chúng ta đã giành được thắng lợi rất to lớn, nhưng chưa giành được thắng lợi cao nhất theo khả năng thứ 1 mà Bộ Chính trị đã đề ra, vì chúng ta còn những khuyết điểm, nhược điểm”¹. Những khuyết điểm, nhược điểm mà Hội nghị đã chỉ ra là: về quân sự, chưa thực hiện được nhiệm vụ “đòn xeo” của Tổng công kích; về chính trị chưa phát động được quần chúng đứng lên khởi nghĩa vũ trang, chưa phát triển được lực lượng cách mạng trong quá trình Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa. Nghị quyết khẳng định: “Ngày nay, chúng ta đã có cơ sở thực tế để nhận thức đầy đủ hơn về tính chất và quy luật phát triển của giai đoạn TCK - TKN, khắc phục nhận thức tư tưởng đơn giản, xúc nổi, kiên định lập trường, quyết đưa TCK - TKN đến toàn thắng”².

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ sáu (3-1968) và nhiệm vụ của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền giao, Phân khu ủy Phân khu 5 chỉ thị cho cấp ủy các địa phương, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang kịp thời giải quyết những băn khoăn, thắc mắc của bộ đội từ trên xuống dưới, từ cán bộ, đảng viên đến chiến sĩ, thống nhất nhận thức, tư tưởng về thắng lợi của ta, thất bại của địch, củng cố lòng tin vào đường lối, chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng; thấy rõ tình hình trước mắt còn nhiều khó khăn, nhưng thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn đang mở ra, từ đó quán triệt tư tưởng tiến công, nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, xây dựng quyết tâm

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.29, tr.605, 610

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.29, tr.605, 610

chiến đấu cao, khắc phục mọi khó khăn, ác liệt của chiến trường, quyết tâm giành thắng lợi lớn nhất.

Nhiệm vụ của quân và dân Phân khu 5 trong đợt 2 là sử dụng lực lượng Trung đoàn Đồng Nai và Tiểu đoàn 4 Quyết Thắng (Phân khu 1) tấn công chiếm giữ khu vực Gò Vấp, làm bàn đạp phát triển về phía Bình Hòa, Hàng Xanh, Thị Nghè, quận 3, phát triển vào nội thành, đánh chiếm khu an ninh quân đội nguy và Đài phát thanh Sài Gòn.

Trong đợt 2 chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, quân và dân các huyện thị Phân khu 5 và huyện Bến Cát, Dầu Tiếng (Phân khu 1) đã huy động mọi lực lượng, tiếp tục đẩy mạnh tiến công địch bằng ba mũi giáp công, anh dũng chiến đấu, bám giữ các bàn đạp, đánh địch nồng nặc ra phản kích, tấn công một số đồn bót, căn cứ, hậu cứ, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch.

Tại huyện Tân Uyên, thực hiện nhiệm vụ Khu ủy, Bộ Chỉ huy Phân khu 5 giao, bước vào đợt 2 Chiến dịch (5-1968), bộ đội địa phương Tân Uyên phối hợp với Trung đoàn 174, Sư đoàn 7 mở đợt hoạt động trên đường 16. Sau khi bị lực lượng vũ trang Tân Uyên phối hợp với lực lượng Trung đoàn 174, Sư đoàn 7 bộ binh chủ lực Miền tấn công tiêu diệt cụm quân địch đóng Bến Xoài, ngày 12-5-1968, địch đổ thêm 1 đại đội Úc (thuộc Sư đoàn Hoàng gia Úc) và 1 Đại đội pháo 105 ly xuống Sở Hội nhằm bịt chặt con đường hành lang nam - bắc đường 16 của ta. Chủ động tấn công địch, đêm 12, rạng 13-5-1968, bộ đội địa phương Tân Uyên phối hợp với lực lượng Trung đoàn 174 (Sư đoàn 7) tập kích cụm quân Úc và 1 Đại đội pháo hỗn hợp, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 400 tên, phá hủy 3 khẩu pháo 105 ly, 3 khẩu cối 106,7 ly, bắn cháy 4 nhà dù (nhà lính), 2 xe tăng, phá hủy 4 ô đại liên.

Ngày 16-5-1968, địch sử dụng 40 trực thăng (HU1A) đổ 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ xuống Sở Hội nhằm chia cắt đường 16 và tăng áp lực vào Chiến khu Đ của ta.

Chủ động tấn công địch, ngay đêm 16-5-1968, lực lượng Trung đoàn 2, Sư đoàn 7 bộ binh (chủ lực Miền) thực hiện trận tập kích đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn Mỹ. Địch hoảng hốt tháo chạy về cụm quân Mỹ đóng chốt tại ngã ba Cống Xanh. Tại đây, chúng bị trung đội trinh sát đặc công Tân Uyên và du kích Bình Mỹ phục kích chặn đánh trên đường rút chạy, hơn 30 tên bị loại khỏi vòng chiến đấu. Tiếp đó, ngày 26-5-1968, Đại đội 1 bộ đội địa phương huyện Tân Uyên cùng du kích xã Bình Mỹ phối hợp với lực lượng bộ đội chủ lực Miền tập kích cụm quân Mỹ đóng bàu Đông Tràm, đánh thiệt hại 1 đại đội, phá hủy 3 khẩu pháo 105 ly.

Tại xã Bạch Đằng, Lạc An, Trung đội nữ pháo binh của huyện phối hợp với du kích tập kích bót Mỹ Quới (xã Bạch Đằng), sử dụng mìn, trái gài bố trí phục kích đánh đại đội Mỹ đóng gò Trũng Chùa, khu vực Hồ Mây, đóc Bà Én, núi Lò Ô... loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục tên.

Tại huyện Châu Thành, trong đợt 2, bộ đội địa phương huyện cùng du kích các xã liên tục chiến đấu đánh địch càn quét địa bàn căn cứ Vĩnh Lợi (Vĩnh Tân), Hòa Lợi, Tân Định, Truong Bông Bông (xã Định Hòa) pháo kích đồn Tân Khánh, Phú Chánh; phục kích trên đường tỉnh lộ 1A, quốc lộ 13; tập kích bọn bảo an gom dân ở ấp An Hòa (xã Hòa Lợi), ấp Cây Tràm, xã An Mỹ (Phú Mỹ ngày nay)... tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và giữ vững căn cứ và bàn đạp vùng ven.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục, quân dân các phân khu tiếp tục tiến công và nổi dậy đợt 3 (từ ngày 17-8 đến 30-9-1968), chỉ thị lực lượng các phân khu của khu trọng điểm tiếp tục bám trụ giữ vững địa bàn vùng ven, chuẩn bị cho những đợt công kích tiếp theo vào đô thị. Liên tục từ tháng 6

đến cuối tháng 8-1968, các tiểu đoàn của Trung đoàn Đồng Nai thuộc Phân khu 5 liên tục thay nhau bám trụ cùng lực lượng địa phương chiến đấu tại Bình Nhâm, An Sơn, An Thạnh (huyện Lái Thiêu), xóm Guốc (thị xã Thủ Dầu Một), đánh bật nhiều cuộc phản kích của địch, giữ vững bàn đạp vùng ven để ta tiếp tục tấn công vào nội đô Sài Gòn.

Cuối năm 1968, địch đưa lực lượng Sư đoàn kỵ binh bay Mỹ mở cuộc càn quét quy mô lớn vào địa bàn bắc huyện Châu Thành, Nam đường 16, trọng điểm là ba xã Vĩnh Tân, Tân Bình, Bình Mỹ nhằm đẩy lực lượng vũ trang ta ra khỏi bàn đạp cửa ngõ Chiến khu Đ, hỗ trợ cho quân ngụy thực hiện bình định, gom dân trở lại các ấp chiến lược. Quân Mỹ và quân ngụy đi đến đâu cũng vấp phải những bãi tử địa mìn, trái gài, bàn chông, hố đinh của du kích tại các khu vực Vườn Thơm, Gò Găng, Vườn Cau, rừng Cù Đền, suối Nhánh... (xã Vĩnh Tân), Cồng Xanh, Xóm Bó (xã Tân Bình), Bàu Gốc, Bàu Sóng Rắn, ấp Bà Chủ... (xã Bình Mỹ). Sau mấy ngày càn quét, hàng chục tên bị thương vong vì mìn trái, địch quay về cụm lại tại Bình Mỹ. Quyết tâm tiêu diệt địch, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tân Uyên sử dụng Đại đội 1, Phân đội công binh cùng du kích xã Bình Mỹ, Tân Bình tập kích cụm quân Mỹ đóng dã ngoại tại Bình Mỹ, bắn cháy và phá hủy 4 xe tăng, xe bọc thép, 2 xe ủi đất, tiêu diệt và làm bị thương hơn 20 tên.

Phát huy tinh thần tự lực, trong suốt cuộc Tổng tiến công nổi dậy từ Tết Mậu Thân đến cuối năm 1968, ngoài nguồn vũ khí do trên cấp, việc tổ chức sản xuất vũ khí tự tạo của Phân khu cũng như các huyện thị và du kích xã không ngừng được phát huy. Trong năm 1968, Xưởng quân giới Phân khu 5 có hơn 60 cán bộ, chiến sĩ, làm nhiệm vụ vận chuyển nguyên vật liệu, lương thực, thực phẩm từ bờ nam Sông Bé về căn cứ (bờ bắc Sông Bé), vừa sản xuất liên tục ngày đêm, vừa chuyển số vũ khí sản xuất ra (lựu đạn, thủ pháo, bộc phá, mìn ĐH) đưa xuống các kho trạm của Phân khu phục vụ cho bộ đội

địa phương chiến đấu và các cơ quan, đơn vị đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ.

Trong năm 1968, có tháng, Xưởng quân giới huyện Tân Uyên (quân số gần 40 người) thu gom được 500-650kg thuốc TNT để sản xuất mìn đầu gạt, thủ pháo, mìn ĐH. Trong 6 tháng đầu năm 1968, Xưởng đã sản xuất 6,5 tấn vũ khí và hơn 1.000 ồng nổ điện. Nếu tính cả năm 1967, Xưởng quân giới huyện Tân Uyên đã sản xuất số vũ khí (mìn ĐH, thủ pháo, lựu đạn, mìn đầu gạt...) nhiều hơn Xưởng Quân giới Z30, gấp 3 lần xưởng Z24A của Miền¹.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Xuân Mậu Thân 1968, Đảng bộ, quân và dân Phân khu 5 đã chấp hành mệnh lệnh của Đảng vô điều kiện, nỗ lực vượt bậc, kết hợp tiến công quân sự đồng loạt tập kích vào các thị trấn, thị xã, đánh vào nội đô; phát động quần chúng nổi dậy phá kim, bao bó, bức rút, bức hàng nhiều đồn bót, phối hợp nhịp nhàng với chiến trường toàn Miền giành được những thắng lợi rất quan trọng.

Ngay khi ta đồng loạt nổ súng tiến công các mục tiêu địch trong Sài Gòn các thị xã, thị trấn thì cũng là lúc quần chúng khắp nơi trong Phân khu công khai vận chuyển lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Tại vùng Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa, Bình Mỹ, Bình Cơ, Vĩnh Tân, Tân Hóa..., ban ngày xe thồ, xe bò, ban đêm dân công từ các cửa khẩu vận chuyển cấp phát lương thực cho lực lượng vũ trang và cất giấu, dự trữ, vận chuyển thương binh từ các mặt trận trong thành phố theo đường sông Sài Gòn đưa ra sơ cứu và chuyển tiếp về Chiến khu Đ.

¹ Lịch sử Quân giới Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (1954 - 1975), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.291.

Trong quá trình tác chiến, lực lượng vũ trang Phân khu cũng như bộ đội địa phương các huyện, thị và du kích xã, ấp đã vận dụng nhiều cách đánh phong phú, đa dạng, sáng tạo; sử dụng thành thạo các loại vũ khí được trang bị, gồm cả vũ khí thô sơ, tự tạo đạt hiệu quả chiến đấu cao, độc đáo, sáng tạo. Từng tiểu đoàn, đại đội, từng địa phương huyện, thị, xã, ấp, đến từng tổ, từng người... đã vượt qua gian khổ, ác liệt, hy sinh, dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu, còn một người cũng đánh, một tổ cũng bám trụ chiến đấu, không rời trận địa. Hàng ngàn đảng viên, đoàn viên, cán bộ, chiến sĩ và quần chúng yêu nước đã chẳng tiếc sức mình trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, sẵn sàng hy sinh vì thắng lợi của cách mạng.

Trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968, Đảng bộ, quân dân Phân khu 5 và huyện Bến Cát, Dầu Tiếng cùng với quân và dân toàn Miền thực hiện đòn đánh hiểm vào các trung tâm đầu não của địch, làm rung chuyển cả Sài Gòn và rung động cả nước Mỹ; làm đảo lộn ý đồ của Mỹ, làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đập tan ảo tưởng giành chiến thắng quân sự trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ; làm lung lay ý chí xâm lược Việt Nam của chúng; tạo ra bước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, buộc Mỹ phải từng bước rút quân và ngồi vào bàn đàm phán với chính phủ ta tại Hội nghị Pari.

Chương IV
NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GIAN KHỔ,
THAM GIA CHIẾN DỊCH XUÂN HÈ 1972,
GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC
“VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”
CỦA MỸ - NGUY (Từ 1969 đến 27-1-1973)

I. KIÊN CƯỜNG BẮM TRỤ, ĐÁNH ĐỊCH PHẢN KÍCH,
TÍCH CỰC XÂY DỰNG VÀ Củng Cố Phong Trào
CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH (đầu 1969 - cuối 1971)

Bị thất bại nặng nề về quân sự, Giôn-xơn đề ra chủ trương “phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh Việt Nam. Từ “tiêu diệt và bình định”, quân Mỹ chuyển sang “quét và giữ”.

Ngày 20-1-1969, Ních-xơn lên nhậm chức Tổng thống đã đề ra chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, thực chất là sự điều chỉnh chủ trương “phi Mỹ hóa” của Giôn-xơn.

Nội dung của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là tiếp tục sử dụng quân đội Mỹ để làm chỗ dựa cho học thuyết “dùng người Việt đánh người Việt” bằng việc Mỹ cung cấp tiền bạc, vũ khí và chỉ huy để tránh thiệt hại về sinh mệnh cho quân Mỹ. Mục tiêu cơ bản của chiến lược này là rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam mà vẫn giữ được chính quyền ngụy, vừa xuống thang chiến tranh, đồng thời vừa phản công quyết liệt để chống lại phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Mỹ - ngụy sử dụng tối đa việc ném bom, rải chất độc hóa học có tính chất hủy diệt, kết hợp với những thủ đoạn quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, chiến tranh tâm lý, tình báo, gián điệp, tạo thành một cuộc chiến tranh phản cách mạng hết sức tàn bạo, thâm độc để tiến hành bình định nông thôn miền Nam.

Chúng tìm cách tiêu hao, đẩy lùi lực lượng vũ trang ta ra xa thành phố, đánh phá căn cứ, triệt phá cơ sở hậu cần, đối phó với những đòn tiến công của ta, xóa bỏ cơ sở hạ tầng của cách mạng, giành dân, giành đất, mở rộng vùng kiểm soát, thiết lập và củng cố cơ sở hạ tầng của chính quyền ngụy.

Miền Đông Nam Bộ là chiến trường uy hiếp trực tiếp Sài Gòn từ hướng bắc và được Mỹ - ngụy xác định là chiến trường trọng điểm. Lấy Sài Gòn làm trung tâm, địch hình thành ba tuyến phòng thủ: tuyến ven đô, tuyến giữa và tuyến biên giới. Trên hướng bắc, tuyến giữa là một vòng cung bao gồm cả khu vực Dầu Tiếng, Bến Cát, Lai Khê, Phước Vĩnh, Tấn Uyên, Phú Lợi. Đây là địa bàn cơ động quan trọng nhất, là vành đai vừa ngăn chặn, vừa là vị trí xuất phát tiến công ta. Đây là địa bàn có ý nghĩa chiến lược cho cả ta và địch nên địch ưu tiên số một cho tuyến trung gian này trong bố trí sử dụng lực lượng, thực hiện bình định và càn quét.

Đầu năm 1969, địch tập trung hỏa lực lớn từ căn cứ Lai Khê tiến quân đánh phá dọc đường 13, 14, 16, càn quét vào căn cứ của ta ở Rẫy Gạch, Suối Ôi, bà Trình Tà, bà Góc, Trần Quý, Chang Chang, Bà Bèo, Bà Đã, Bến Trám... Lợi dụng mùa khô, địch dùng bom xăng và chất độc hóa học để hủy diệt rừng cùng với việc thả các loại máy dò tiếng động và cho biệt kích Mỹ luôn sâu vào căn cứ hòng phát hiện, đánh phá các hành lang vận chuyển của ta.

Quanh khu vực Chiến khu Đ, ở các vùng tạm chiến, địch xây dựng thêm nhiều đồn bót, cưỡng ép thanh niên gia nhập “dân vệ” để canh gác, bảo vệ bộ máy kìm kẹp tận cơ sở, ở các vùng tranh chấp. Chúng ráo riết càn quét, gom dân vào ấp chiến lược, đồng thời tung tình báo, gián điệp trà trộn trong để đánh phá cơ sở cách mạng.

Mặc dù đã giành được nhiều thắng lợi về chính trị, quân sự trong năm 1968, song lực lượng ta cũng bị tiêu hao nhiều,

quân số thiếu trầm trọng, chưa kịp bổ sung, địa bàn bị thu hẹp, bị phong tỏa. Lực lượng Tân Uyên đứng trước tình hình cực kỳ khó khăn, hai vấn đề có tính chất quyết định sống còn bấy giờ là lương thực cho chiến sĩ và thuốc men cho thương, bệnh binh.

Để giải tỏa áp lực quanh căn cứ, tạo thời cơ cho lực lượng tại chỗ giải quyết những khó khăn lúc bấy giờ, Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông chủ trương đưa bộ đội chủ lực về hoạt động vùng vành đai chiến khu, đồng thời phối hợp với địa phương thọc sâu vào cụm đầu não Quân đoàn 3 địch ở thị xã Biên Hòa.

Mặc dù đã được tăng cường chủ lực, ta vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Địch dùng lực lượng lớn đánh phá chiến khu. Chúng rải quân, đánh từng cụm trong khu vực căn cứ phối hợp với hỏa lực xe tăng, máy bay và pháo binh càn quét, phá hủy kho tàng, dự trữ và ngăn chặn tiếp tế của ta. Mật độ bom B52 và chất độc hóa học trút xuống căn cứ ta rất lớn, hàng chục ngàn hécta rừng bị hủy diệt. Địa hình ngày càng trống trải, mọi sinh hoạt của ta phải chuyển xuống hầm hào. Địch lại sử dụng các loại đạn pháo xuyên sâu phá hầm bắn vào căn cứ.

Tình hình ngày càng nghiêm trọng. Gạo chỉ đủ dùng nấu cháo cho thương binh. Bộ đội phải tự tìm các loại củ (củ nân, củ chụp, củ nho...) và các loại lá rừng (tàu bay, lá bướm, lá lép...) làm lương thực. Lợi dụng khó khăn của ta, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, kêu gọi chiến sĩ ta ra hàng. Chúng dùng máy bay phát loa lời kêu gọi của những phần tử phản bội. Chúng còn dùng bọn này để nhận mặt, chỉ điểm, phá vỡ nhiều cơ sở cách mạng. Nhiều cán bộ ta bị bắt, hy sinh, thậm chí đầu hàng trong thời điểm này.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ chín, Huyện ủy chỉ đạo các chi bộ kiên quyết bám trụ, giữ vững địa bàn, củng cố cơ sở cách mạng, đẩy

manh chiến tranh du kích. Mục tiêu trọng tâm lúc này là phá lỏng, phá vỡ bộ máy kìm kẹp của địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, đồng chí Huỳnh Thị Châu bám trụ xây dựng, củng cố cơ sở, có thời gian phải trụ dưới hầm bí mật hàng tháng trời chờ bắt liên lạc với quần chúng. Ngày 20-10-1969, bọn mật thám đánh hơi được đồng chí nên đã theo dõi và tổ chức phục kích trong một chuyến công tác. Đồng chí hy sinh trong lúc các cơ sở bắt đầu hồi sinh.

Tại Tân Bình, du kích dùng mìn tự tạo diệt 3 GMC của địch. Đồng chí Phạm Văn Tèo, một chiến sĩ du kích đã dùng súng M.16 bắn rơi một máy bay lên thẳng của địch. Cũng tại Tân Bình, 22 giờ đêm 25-11-1969, đồng chí Phạm Văn Tèo cùng một du kích mật đã áp sát đồn Nhà Đỏ đặt mìn định hướng ngay Cổng Xanh. Mờ sáng, bọn Mỹ mở cổng để hành quân, đồng chí cho nổ mìn, tiêu diệt 20 tên. Tuy nhiên, sau khi đặt mìn vào vị trí, lúc trở ra, vô tình đồng chí du kích mật làm vướng dây mìn. Đoán chắc mìn đã lệch vị trí sẽ không nổ đúng hướng đã định, đồng chí Tèo quyết định quay trở vào chỉnh lại vị trí mìn, mặc dù biết rằng việc này là hết sức nguy hiểm, liều lĩnh. Trước khi trở vào, đồng chí căn dặn đồng đội cứ cho mìn nổ trong trường hợp địch phát hiện. Đồng chí nhất quyết “thà hy sinh chứ không để rơi vào tay giặc”. Sự bình tĩnh, gan dạ của đồng chí đã góp phần đem lại thắng lợi cho trận đánh¹.

Bằng những thủ đoạn tàn bạo và xảo quyết với các phương thức mà chúng gọi là “chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt, chiến tranh hủy diệt”, Mỹ - ngụy đã gây cho

¹ Đồng chí Phạm Văn Tèo tham gia cách mạng đầu năm 1969, lúc 19 tuổi. Ngày 17-1-1970 tại Suối Tre, tổ du kích của đồng chí bị máy bay địch phát hiện, bắn dữ dội. Đồng chí bắn trả và chạy ra trảng trống để dụ địch tập trung chú ý nhằm giúp đồng đội chạy thoát. Đồng chí hy sinh trong sự thương tiếc của đồng đội. Trải qua một tuổi quân, đồng chí đã tham gia 50 trận đánh, lập nhiều thành tích. Có lần bị địch bắt, tra tấn dã man suốt 15 ngày, đồng chí vẫn không khai một lời, địch phải trả tự do. Ngày 31-10-1978, đồng chí được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

ta nhiều khó khăn ở cả vùng ven và vùng căn cứ. Càn quét, đánh phá ác liệt ngoài địa hình, kết hợp xúc tát, gom dân vào các ấp chiến lược, địch ráo riết thực hiện bắt lính, đồn quân, xây dựng, củng cố hệ thống đồn bót, tăng cường lực lượng cảnh sát, phát triển “cán bộ bình định nông thôn”, đẩy mạnh phát triển tổ chức phòng vệ dân sự làm lực lượng hỗ trợ cho dân vệ, bảo an.

Tại vùng căn cứ phía sau, hầu hết các kho tàng dự trữ của các đoàn hậu cần của ta bị địch đánh phá. Biệt kích Mỹ phục kích, gài mìn trên các đường mòn. Ở nhiều đơn vị của ta, số chiến sĩ thương vong khi đi tải gạo, vận chuyển vũ khí có khi nhiều hơn chiến đấu. Các đơn vị bám trụ vùng ven chủ yếu nhờ vào nguồn lương thực của nhân dân trong các ấp chiến lược bí mật mang ra ủng hộ hoặc bán cho cách mạng cũng mất mát, hy sinh nhiều. Những đơn vị chiến đấu cũng như các cơ quan trên địa bàn ở Chiến khu Đ, Châu Thành, Tân Uyên, Bến Cát..., có lúc hàng tháng trời, mỗi người chỉ có từ 3 đến 5 lon gạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cũng phải phân chia từng lon muối. Hàng ngày, cán bộ, chiến sĩ phải ăn cháo rau rừng với củ mài, củ chụp, củ nần. Các đơn vị bộ đội địa phương huyện, du kích xã, cán bộ phong trào bám trụ vùng ven, vùng yếu phải nằm hầm bí mật, chịu đựng căng thẳng liên tục dài ngày ngay trong ấp chiến lược để bám dân, tuyên truyền, vận động quần chúng, nắm quy luật địch, đánh địch, xây dựng cơ sở.

Cuộc chiến đấu trên chiến trường Phân khu ngày càng quyết liệt. Trong những năm 1969-1970, ta bị tổn thất lực lượng lớn trên địa bàn vùng trung tuyến một phần do địch thường xuyên đánh phá bằng phi pháo, rải chất độc hóa học, càn quét, ủi phá, một phần do ta chuyển phương thức hoạt động chậm, chưa kịp thời xây dựng lực lượng mật trong dân, trong khi bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở đã được tăng cường. Do đó những trận đột áp đánh phá bình định của ta dễ bị địch phát hiện, phản kích, phục kích.

Tháng 1-1970, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 18 đã đánh giá cục diện chiến tranh kể từ đầu xuân Mậu Thân, nhìn lại tình hình năm 1969 và đề ra phương hướng nhiệm vụ của năm 1970.

Sau khi phân tích âm mưu, thủ đoạn mới của địch và chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, của ta, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trước mắt trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến là: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, vừa tiến công địch vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh; đánh bại âm mưu Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ... tạo nên chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi quyết định, đánh cho Mỹ phải rút hết quân, đánh cho ngụy phải suy sụp, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà”.

Tháng 3-1970, Phân khu ủy Phân khu 5 tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sau khi phân tích âm mưu và thủ đoạn mới của địch, Hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm của Phân khu lúc này là “Phát huy sức mạnh tổng hợp, kiên quyết đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ - ngụy... Ra sức phát triển mọi mặt một cách nhanh chóng đều khắp và vững chắc, nhất là lực lượng tại chỗ; tập trung mọi lực lượng, bằng ba mũi giáp công đánh phá bình định, xây dựng lực lượng, chuyển thế, chuyển vùng; đẩy mạnh và kết hợp hoạt động của ba thứ quân, tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, làm “đòn xeo” hỗ trợ đặc lực cho phát động quần chúng nổi dậy đánh phá bình định, ra sức xây dựng cơ sở đảng trong quần chúng; phát triển du kích chiến

tranh, đồng thời đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của công nhân trong các đồn điền, các tầng lớp nhân dân trong các ấp chiến lược, trong thị xã, thị trấn, diệt ác, phá kìm ở cơ sở, chuyển lên làm chủ ở một số vùng. Đặc biệt phải chú trọng bảo vệ vùng căn cứ phía sau vững chắc, củng cố phát huy vai trò chính quyền cách mạng, đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm, chăm lo bồi dưỡng sức dân, động viên sức người, sức của phục vụ cho phía trước”¹.

Ngày 23-3-1970, Phân khu ủy Phân khu 5 chỉ thị cho các chi bộ, Đảng bộ trong toàn Phân khu về việc tiếp tục chỉnh huấn theo Nghị quyết 9 và quán triệt Chỉ thị số 04/CT/70 của Trung ương Cục với yêu cầu làm chuyển biến rõ rệt về nhận thức, tư tưởng, xác định quyết tâm vượt mọi khó khăn, ác liệt, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tin tưởng vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi đánh giá tình hình chung trong phân khu, chỉ thị nhấn mạnh: Hiện nay phong trào du kích chiến tranh ở xã, ấp còn yếu, bộ đội địa phương còn ít, các đơn vị chủ lực của Phân khu được tăng cường cho huyện phải thiết thực kết hợp cùng bộ đội địa phương và du kích từng xã vừa chiến đấu vừa xây dựng. Xã nào không có lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội chủ lực phải làm thay thế đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, xây dựng, tổ chức, phát triển cho có lực lượng tại chỗ. Phát động mạnh mẽ quần chúng tạo cơ sở tổ chức quần chúng thành đội ngũ đoàn thể; lực lượng vũ trang phải hỗ trợ cho cán bộ, đoàn thể bám trụ địa phương.

Đầu năm 1970, Phân khu 5 mở đợt hoạt động đánh phá bình định. Phân khu ủy đề ra một số nội dung, yêu cầu và phương châm hoạt động cụ thể cho từng vùng. Nhiệm vụ cụ thể của đợt hoạt động đánh phá bình định này là:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.31, tr.117.

- Phát triển rộng rãi phong trào du kích chiến tranh đều khắp, phát huy lực lượng tại chỗ; sử dụng tốt lực lượng chủ lực và các binh chủng.

- Kiên trì giữ vững và phát triển căn cứ Lái Thiêu, phát triển nhiều lõm du kích ở Thủ Đức, Dĩ An, đẩy mạnh, giữ vững những hoạt động vùng trọng điểm Châu Thành, nam Tân Uyên, từng bước khôi phục thể làm chủ của nhân dân ở trên các vùng.

- Tiếp tục tiến công địch ở thị xã, thị trấn, ở cả ba vùng, ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của địch, phá kìm, bám dân xây dựng cơ sở, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận.

- Ra sức diệt ác, phá kìm, đánh bại âm mưu bình định cấp tốc, đánh rã phòng vệ dân sự và nguy quyền cơ sở của địch, tạo điều kiện đưa phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng phát triển trên diện rộng.

- Đánh phá giao thông, kho tàng, hậu cứ địch.

- Vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng..., nhanh chóng phát triển lực lượng tại chỗ.

Để thực hiện được 6 nhiệm vụ trên, Phân khu chỉ rõ 3 yêu cầu của đợt hoạt động là:

Một là, phải kiên quyết giữ vững và phát triển thế tiến công liên tục.

Hai là, ra sức diệt ác, phá kìm, phá bình định, đánh rã phòng vệ dân sự, bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở.

Ba là, phát triển lực lượng chính trị, vũ trang tại chỗ, du kích mật, tạo lõm chính trị, lõm du kích, xây dựng cơ sở các ngành, các giới thành lực lượng tại chỗ.

Phân khu nêu rõ 10 phương châm hoạt động, trong đó nhấn mạnh phương châm “Phát huy lực lượng chính trị, vũ

trang tại chỗ, đứng tại chỗ tấn công địch làm cho hậu phương địch không ổn định, ở đâu cũng bị đánh, các tuyến phòng ngự của địch đều bị đánh” đồng thời phải “mở rộng diện và mũi tiến công binh vận”, cô lập từng bộ phận quân địch.

Căn cứ vào nguồn bổ sung tân binh từ miền Bắc vào và yêu cầu, nhiệm vụ của chiến trường từng huyện, Phân khu tăng cường Tiểu đoàn 2 cho huyện Tân Uyên với quân số 150 người; Châu Thành, Tiểu đoàn 4, quân số 150 đồng chí. Ba huyện vùng ven (Lái Thiêu, Thủ Đức, Dĩ An) được tăng cường Tiểu đoàn 3, quân số 100 đồng chí. Tiểu đoàn 1 là lực lượng cơ động của Phân khu.

Để bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các vùng trong đợt hoạt động được kịp thời, Phân khu ủy quyết định thành lập Ban chỉ đạo vùng ven và vùng trung tuyến.

Cấp ủy phân công các đồng chí phụ trách vùng trung tuyến gồm: đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm Trưởng ban chỉ đạo; đồng chí Nguyễn Văn Hữu (Một Hữu, Chỉ huy phó Phân khu) làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Năm Hưng (Trung đoàn trưởng Trung đoàn Đồng Nai) làm Chỉ huy phó kiêm Tham mưu trưởng; đồng chí Năm Long, Phó Chính ủy Trung đoàn Đồng Nai, làm Phó chính trị viên; đồng chí Năm Chinh (Huyện đội trưởng Châu Thành) làm Chỉ huy phó; đồng chí Ba Lùng (Phó chủ nhiệm hậu cần Phân khu) làm Chỉ huy phó và một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, dân quân. Các đồng chí Bí thư Huyện ủy Châu Thành, Tân Uyên là ủy viên Ban chỉ đạo, Chỉ huy. Căn cứ đứng chân của Ban chỉ đạo, Chỉ huy vùng trung tuyến đặt ở địa bàn huyện Châu Thành.

Ngày 3-3-1970, Huyện ủy Tân Uyên tiến hành Đại hội Đảng bộ với sự tham gia của 33 đảng viên ưu tú của các chi bộ. Đại hội quán triệt tình hình, xác định nhiệm vụ. Đồng chí Nguyễn Văn Bờ tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Phát huy thắng lợi của Đại hội, đồng thời tranh thủ thời cơ khi nhiều đơn vị Mỹ - ngụy rút đi, tình hình chiến trường tạm lắng xuống, Huyện ủy mở đợt chỉnh huấn cán bộ, chiến sĩ nhằm quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 136 về quyết tâm của Trung ương Cục, đánh giá đúng tình hình và tích cực đẩy mạnh xây dựng chi bộ mật. Đối với cán bộ, chiến sĩ, cần nắm rõ tương quan lực lượng giữa địch và ta, xu thế phát triển của tình hình, những sơ hở, mâu thuẫn của địch, từ đó nâng cao ý chí, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, các chi bộ đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở, xây dựng chi bộ mật trong các ấp chiến lược.

Cuối tháng 5-1970, tại căn cứ suối Bà Hào, Phân khu 5 mở Hội nghị đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất. Hội nghị đã đánh giá kết quả chấp hành nghị quyết của Đảng bộ từ năm 1968 đến nay và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung lãnh đạo trong thời gian tới.

Sau khi chỉ ra một số khó khăn, khuyết điểm, Hội nghị đại biểu Đảng bộ Phân khu đã đặt ra một số nhiệm vụ và những yêu cầu trước mắt phải tập trung lãnh đạo như sau:

Một là, tập trung mọi lực lượng, bằng ba mũi giáp công đánh phá bình định, xây dựng lực lượng chuyển thể, chuyển vùng. Hai là, đẩy mạnh và kết hợp hoạt động của ba thứ quân, tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch làm “đòn xeo” hỗ đắc lực cho hoạt động phát động quần chúng nổi dậy đánh phá bình định, xây dựng cơ sở, phát triển phong trào du kích chiến tranh.

Ba là, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn, diệt ác, phá kìm, thường xuyên gây rối địch, làm lỏng kìm kẹp ở cơ sở, từ đó ta chuyển lên thế làm chủ một số khu vực.

Bốn là, củng cố vùng căn cứ phía sau vững chắc; củng cố, phát huy vai trò chính quyền cách mạng; đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, chăm lo bồi dưỡng sức dân, động viên sức người, sức của phục vụ tiền tuyến.

Năm là, ra sức xây dựng phát triển thực lực mọi mặt một cách nhanh chóng, đều khắp và vững chắc, nhất là lực lượng tại chỗ, lực lượng mật.

Sáu là, tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo tư tưởng (học tập trong Đảng và phát động quần chúng), cải tiến lề lối làm việc, nhất là khâu tổ chức thực hiện, tác phong chỉ đạo sâu sát tận xã, ấp.

Tháng 6-1970, Phân khu ủy Phân khu 5 mở đợt hoạt động vũ trang sâu rộng, đánh phá kế hoạch bình định nhằm giảm bớt áp lực của địch ở chiến khu.

Đêm mùng 7 rạng sáng ngày 8-6-1970, bằng lối đánh đặc công, Đại đội đặc công 504 và Tiểu đoàn 1 của Phân khu 5 đã tập kích cụm quân địch đóng tại chốt Thầy Phòng trên đường 16, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 7 Sư đoàn 5 bộ binh nguy, loại khỏi vòng chiến đấu 170 tên (có 2 cố vấn Mỹ), phá hủy 4 khẩu pháo 105 ly, đánh sập 35 nhà hầm, hầm ngầm lô cốt của địch, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng.

Chốt Thầy Phòng án ngữ và ngăn chặn lực lượng ta phát triển xuống nam Tân Uyên. Mất chốt Thầy Phòng, tuyến phòng thủ đường 16 của địch bị chọc thủng một mắt xích quan trọng, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang Phân khu phát triển thế tiến công trên địa bàn cơ động: nam Tân Uyên và huyện Châu Thành.

Trận đánh chốt Thầy Phòng của lực lượng chủ lực Phân khu đã gây thói động tinh thần binh lính địch đóng tại các đồn bót lẻ xung quanh. Mấy ngày sau, lính bảo an, dân vệ đóng trong các đồn bót ở Bình Mỹ, Tân Bình đã đào bỏ ngũ gần 100 tên. Bọn lính thuộc Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 7, Sư đoàn 5 bộ

binh nguy còn sống sót ở chốt Thầy Phòng tìm cách bỏ trốn, nhờ dân đón xe đò để về với gia đình. Các bót bảo an, dân vệ ở các ấp chiến lược Tân Bình, Bình Mỹ, Phước Hòa ngày nào cũng có một, hai tên bỏ trốn.

Phát huy thắng lợi, bộ đội địa phương Tân Uyên cùng du kích các xã đẩy mạnh hoạt động diệt ác, phá tề, vận động quần chúng đấu tranh với địch. Ở ấp chiến lược Nhà Đỏ (Tân Bình), đồng bào chống địch gài trái xung quanh ấp; nhân dân Phước Hòa chống phá không cho địch rào kềm gai; đồng bào Bình Mỹ chống bầu cử, không tín nhiệm tề xã, ấp, không vào tổ chức hợp tác xã của địch, không vào phòng vệ dân sự... buộc địch phải nhượng bộ. Địch co lại trong đồn bót nên thế kìm kẹp bị phá lỏng dần, quần chúng đi lại làm ăn được dễ dàng hơn trước, tạo điều kiện cho ta củng cố và phát triển cơ sở mật trong các ấp chiến lược ở các khu vực xung quanh. Tại các cửa khẩu Bình Mỹ, Bông Trang, quần chúng đi lại, mua bán dễ dàng hơn. Nhờ xây dựng được cơ sở nội tuyến, ở Tân Bình, nhân dân đã chở được gạo bằng xe bò ra bán cho cách mạng.

Trung tuần tháng 11-1970, Thường vụ Phân khu ủy Phân khu 5 họp đề ra nhiệm vụ hoạt động mùa khô năm 1970-1971 cho Đảng bộ, quân và dân Phân khu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình địch - ta và chấp hành chỉ đạo của trên, Hội nghị Thường vụ Phân khu ủy Phân khu 5 đã xác định nhiệm vụ quân sự mùa khô 1970-1971 của Phân khu là: Tập trung mọi lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận phục vụ cho đánh phá bình định; phá lỏng, rã bộ máy kìm kẹp của địch với diện rộng lớn hơn; nâng cao và củng cố quyền làm chủ của ta lên một bước.

Để phù hợp với tình hình chiến trường, đồng thời thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, tháng 3-1971, Phân khu ủy và Bộ Chỉ huy Phân khu 5 quyết định giải thể

Trung đoàn Đồng Nai, bố trí các tiểu đoàn (quân số mỗi tiểu đoàn lúc này khoảng 65 - 80 tay súng) phân tán xuống các huyện phối hợp với lực lượng tại chỗ đánh địch, xây dựng cơ sở. Cán bộ đảng, cán bộ chính trị, binh vận được bố trí trực tiếp xuống các địa bàn kết hợp với lực lượng mật đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở trong quần chúng ở các ấp chiến lược, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang đột áp diệt ác, phá tề, phá tổ chức phòng vệ dân sự, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh giành quyền và làm chủ. Ở Phú Giáo, Tân Uyên, ta đã vận động được trên 5.000 đồng bào bung ra vùng giải phóng sản xuất. Tại Châu Thành, Lái Thiêu, Tân Uyên, Phú Giáo, Bắc Dĩ An (An Đức) và một số địa bàn trọng điểm trong các thị trấn, thị xã, cơ sở mật được phục hồi và phát triển dần. Đến cuối tháng 3-1971, ở huyện Tân Uyên, trong số 13 xã, 1 thị trấn đã có 5 chi bộ mật, 8 chi bộ lộ.

Từ ngày 20-5 đến ngày 20-6-1971, Phân khu 5 quyết định mở đợt hoạt động cao điểm đánh phá chương trình bình định của địch. Khu vực trọng điểm của Phân khu là Bình Mỹ, Tân Bình (Tân Uyên); Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, Phú Chánh (Châu Thành). Khu vực trọng điểm của từng huyện sẽ là diện của Phân khu, như Khánh Vân, Bình Chánh, Phước Thành (Tân Uyên); Tân Hóa, Tân Phước, Vĩnh Trường (Châu Thành).

Đêm 20-5-1971, các điểm, diện đồng loạt nổ súng đánh vào các mục tiêu. Bộ đội huyện phối hợp với du kích xã đột nhập vào các ấp của xã Tân Phước, Thới Hòa, Hòa Lợi, Phú Chánh, Chánh Phú Hòa... diệt ác ôn, đánh bọn ruồng bố bên ngoài. Bộ đội, du kích ta ém quân nhiều ngày trong vùng trọng điểm, diệt từng tiểu đội, trung đội địch tại Chánh Lưu (Chánh Phú Hòa), Nhà Đỏ (Tân Bình) và pháo kích hậu cứ Phú Lợi...

Trên khu vực diện của huyện Tân Uyên, lực lượng huyện, du kích xã tổ chức đột nhập vào các ấp vùng sâu, vùng yếu thuộc xã Khánh Vân, Bình Chánh, Phước Thành, tuyên

truyền, giáo dục được 290 quần chúng, 130 phòng vệ dân sự, làm rã 87 tên. Ở xã Thái Hòa phòng vệ trả 40 súng, bỏ gác tập thể... Quần chúng trên địa bàn Phân khu bung về xóm cũ diện rộng hơn, thế làm chủ quần chúng một số nơi được nâng lên. Từ đó, đảng viên, cán bộ đoàn thể (Nông - Thanh - Phụ, Dân vận, Mặt trận) lộ, mật của huyện đeo bám, tổ chức học tập cho 45 đảng viên ở cơ sở (có 10 đảng viên mật), 40 đoàn viên mật, 79 cơ sở các loại; phát triển 6 đảng viên, xây dựng được 16 an ninh mật, 14 nòng cốt, 1 Ban cán sự Nông hội... Ở Tân Uyên, Châu Thành..., nhiều đơn vị, nhiều xã đã kết hợp đánh nhỏ, đánh lẻ, vừa tấn công bên trong, vừa bám đánh bọn bung ra lũng đục, bọn tuần tiêu; tiêu hao, tiêu diệt từng tổ, từng bộ phận, từng tiểu đội, trung đội địch. Các lực lượng vũ trang ba thứ quân tăng cường hoạt động tấn công tiêu diệt địch, mở rộng tác chiến ở những khu trọng điểm. Du kích lộ, mật ở nhiều ấp, xã đã phối hợp với nhau trong diệt ác như Phước Vĩnh, Bình Mỹ, Tân Bình.

Tại Tân Uyên, lực lượng của huyện phối hợp lực lượng Phân khu phục kích, tập kích các cụm quân địch ở Bàu Rượu, dốc Bàn Tay... từng bước phát triển xuống hướng nam diệt ác, phá phòng vệ dân sự ở các xã Thái Hòa, cù lao Mỹ Quới, Thạnh Hội... Tiêu biểu trong đợt hoạt động này là vào đầu năm 1971, Đơn vị 429 đặc công và K2 huyện Tân Uyên phối hợp đánh vào Chi khu Tân Uyên và đại đội bảo an địch đóng ở đồi Hoa Sim bảo vệ vòng ngoài Chi khu. Tại đồi Hoa Sim, 30 quả đạn pháo cối của ta bắn trúng vào giữa đội hình địch: 180 tên sĩ quan, binh lính bị tiêu diệt, 4 khẩu pháo, cối của địch bị phá hủy hoàn toàn.

Tháng 5-1971, Trung ương Cục quyết định sáp nhập Phân khu 5 và tỉnh Biên Hòa (U1) thành Phân khu Thủ Biên. Trung ương Cục chỉ định Ban Chấp hành Phân khu ủy gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) làm Bí thư; các

đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang), Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát), Nguyễn Hồng Lâm làm Phó Bí thư.

Cuối tháng 9-1971, Phân khu ủy Phân khu Thủ Biên chủ trương thực hiện đợt hoạt động cao điểm mùa mưa, tiếp tục đánh phá bình định, chống bầu cử của địch với yêu cầu: phá lỏng, phá rã địch trên diện rộng, xây dựng, phát triển lực lượng ta tại chỗ; tác chiến đánh bọn yểm trợ bình định nhằm hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, binh vận và đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích lên một bước.

Hai huyện trọng điểm của đợt hoạt động là Tân Uyên, Châu Thành. Phú Chánh được chọn là xã thí điểm cho đợt hoạt động cao điểm mùa mưa vì địa bàn này luôn là điểm nóng, tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch.

Trong khi bọn ngụy quyền đang tuyên truyền cho trò hề “bầu cử Tổng thống” thì ngày 3-10-1971, lực lượng vũ trang Phân khu Thủ Biên đồng loạt tiến công vào các sân bay, hậu cứ lớn của địch ở Phú Lợi, Phước Vĩnh, Lai Khê, Tân Uyên... bằng những trận tập kích, pháo kích. Ta đánh địch kết hợp với vũ trang tuyên truyền ở ấp chiến lược An Hòa, xã Hòa Lợi, diệt 12 tên ác ôn và Phương hoàng, thám báo. Đại đội công binh 506 và du kích Tân Uyên, Châu Thành tổ chức hoạt động phá hoại giao thông đường 16, 14, hỗ trợ đồng bào đấu tranh không đi bầu cử. Đại đội bảo an địch ở Bình Mỹ, Bình Cơ, Tân Bình nghe lời vận động của quần chúng cũng hưởng ứng, không ngăn cản quần chúng đấu tranh chống bầu cử.

Phát huy thắng lợi, ta tiếp tục đẩy mạnh tiến công. Từ ngày 6 đến ngày 16-10-1971, Tiểu đoàn 1 (D800) liên tục đánh địch ở nam, bắc suối Bà Tảo, Sở cao su Phú Hưng, ấp Bà Cỏ, xã Phước Hòa, diệt hơn 100 tên thuộc Sư đoàn 5 ngụy.

Tại khu vực trọng điểm (Tân Uyên, Châu Thành), lực lượng Phân khu cùng lực lượng địa phương đã tiến hành diệt

ác ở Bình Mỹ, Khánh Vân, Chánh Lưu, Tân Bình... Đại đội công binh 506 cùng lực lượng huyện Châu Thành và du kích xã tập kích, đánh thiệt hại nặng đại đội lính Tiểu khu Bình Dương lên càn quét đang nghỉ lại ở Gò Đình xã Phú Chánh. Tiếp đó ta mở rộng hoạt động, phát triển xuống các xã Tân Phước, Tân Hóa, Tân An, Tương Bình Hiệp, Định Hòa, đánh địch, phá phòng vệ dân sự ở các xã này, mở rộng hướng hoạt động xuống các xã Tân Ba, Thái Hòa, làm lỏng, rã ở mức độ nhất định phòng vệ dân sự, tạo thế đấu tranh cho quần chúng bung về chỗ cũ sản xuất.

Từ năm 1969 đến cuối năm 1971, quân và dân Tân Uyên đã kiên cường bám trụ, nêu cao tinh thần chủ động tiến công anh dũng chiến đấu, vượt qua thời kỳ đầy khó khăn, thử thách. Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Tân Uyên đã lãnh đạo quần dân từng bước chuyển hướng hoạt động phù hợp với tình hình, tăng cường củng cố các tổ chức cơ sở đảng, tổ chức quần chúng, từng bước khôi phục, làm chủ địa bàn, tạo thế và lực mới để cùng quân và dân toàn tỉnh bước vào cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

II. ĐẨY MẠNH ĐÁNH PHÁ BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ - NGUYỄN (1-1972 - 1-1973)

Thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5-1971 về việc động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nắm lấy thời cơ lớn, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và Đông Dương, đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ... giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng việc thương lượng trên thế thua. Tháng 6-1971, Quân ủy Trung ương đã chuẩn bị mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, tập trung mọi cố gắng

đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị trên cả ba vùng chiến lược ở miền Nam, làm lay chuyển tận gốc chính quyền địch, tạo ra bước chuyển biến cơ bản làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh. Đòn tiến công của quân chủ lực sẽ nhằm vào 3 hướng: Trị Thiên, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Trong đó, Đông Nam Bộ là hướng tiến công chủ yếu. Chiến trường miền Đông Nam Bộ được chọn làm chiến trường chính với mục tiêu giải phóng một số khu vực quan trọng thuộc ba tỉnh Bình Long, Tây Ninh, Phước Long, lấy đường 13 làm hướng chủ yếu. Chiến dịch được mang tên Chiến dịch Nguyễn Huệ.

Trong chiến dịch tổng hợp năm 1972, Phân khu Thủ Biên là chiến trường phối hợp. Chấp hành phương hướng, nhiệm vụ của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền và xuất phát từ tình hình thực tế của chiến trường, Phân khu ủy xác định nhiệm vụ chung trong tháng đầu của đợt Xuân - Hè năm 1972 của Phân khu là: Đẩy mạnh ba mũi giáp công, đánh phá bình định, liên tục làm lỏng, rã bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ trên diện rộng và nâng thế làm chủ một bước cao hơn để hoàn thành bước một đánh phá bình định. Trong điều kiện thuận lợi, bung dân về xóm cũ sản xuất đông hơn, diện rộng hơn ở một số vùng trong các quận Châu Thành, Tân Uyên. Phát huy khả năng ba thứ quân, liên tục tiến công tiêu diệt lực lượng ác ôn, kìm kẹp... Nhiệm vụ trước mắt là mở mang giành dân khu vực nam Phú Giáo, bắc Châu Thành, khôi phục lại căn cứ cũ, phá lỏng, phá rã trên diện rộng ở nam Châu Thành, Lái Thiêu, tạo sự chuyển biến mới đưa phong trào tiến lên.

Để bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời địa bàn trọng điểm của chiến dịch, Phân khu ủy quyết định thành lập Ban chỉ huy tiền phương Chiến dịch Xuân - Hè, do đồng chí Bùi Khánh Nguơn, Phân khu ủy viên, Phân khu phó - Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Phân khu làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Luông, Phó Bí thư Phân khu ủy làm Chính ủy;

đồng chí Nguyễn Trọng Tâm, Phân khu ủy, phụ trách công tác binh vận, cùng đồng chí Bí thư Huyện ủy Tân Uyên, Châu Thành và một số đồng chí của các cơ quan, các ngành của Phân khu tham gia trong Ban Chỉ huy tiền phương. Ban Chỉ huy tiền phương Phân khu trong chiến dịch có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo các đơn vị trong Phân khu và lực lượng các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Phú Giáo, Lái Thiêu, An Đức. Huyện Châu Thành và tây bắc huyện Tân Uyên được xác định là khu vực trọng điểm của Phân khu. Khu vực thu hút để tiêu diệt địch là đông đường 16, bắc thị trấn Tân Uyên và tây nam Tân Uyên. Hướng bung dân là Vĩnh Tân, Hòa Lợi, Tân Phước, Tân Hiệp (Châu Thành), Phước Vĩnh và 4 xã Chiến khu Đ.

Phân khu ủy chỉ thị cho các huyện thành lập Ban Chỉ đạo, Chỉ huy thống nhất trong chiến dịch gồm một số đồng chí trong Huyện ủy, Ban Chỉ huy Huyện đội, các ngành của huyện và phân công cán bộ trong Ban chỉ đạo xuống từng khu vực trọng điểm của huyện để chỉ đạo, chỉ huy kịp thời các lực lượng phối hợp hoạt động.

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chỉ huy Miền, Nghị quyết của Phân khu ủy, từ đầu tháng 3-1972, quân và dân Phân khu Thủ Biên đã mở đợt hoạt động đánh phá bình định trên toàn địa bàn Phân khu. Mở đầu đợt hoạt động, ta tổ chức pháo kích vào căn cứ địch ở Phú Lợi, vị trí chỉ huy Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ nông ra đóng trên đường 16, Chi khu quân sự Tân Uyên, tập kích các đại đội bảo an đóng ở Tân Bình, Phú Chánh... loại khỏi vòng chiến đấu hơn 200 tên địch.

Kết hợp với hoạt động vũ trang, quần chúng ở các xã Bình Mỹ, Khánh Vân, Phước Hòa... vận động, lôi kéo, kết hợp trấn áp làm tan rã nhiều toán phòng vệ dân sự (Bình Mỹ: 3 toán, Khánh Vân: 2 toán, Phước Hòa: 1 toán) và hàng chục tên địch trả súng không đi gác. Bị quần chúng tác động cùng với tin tức không khả quan từ các chiến trường, chỉ trong tháng 4-1972 ở các huyện Tân Uyên, Phú Giáo, Châu Thành đã có 107

binh lính địch đào, rã ngũ, phần lớn là bảo an, dân vệ. Trong thời gian này, cán bộ và du kích mật, lộ các địa phương thực hiện vũ trang tuyên truyền, đã dán, rải hàng chục ngàn tờ truyền đơn giải thích 10 chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời và vạch trần âm mưu của Mỹ - ngụy, vận động đồng bào có con em bị địch bắt đi lính kêu gọi con em trở về với gia đình. Nhiều xã ở Phú Giáo, Tân Uyên, Châu Thành, Lái Thiêu nhờ không chế được bọn tề ấp, xã, quần chúng đã giành được quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau. Một số xã như Bình Mỹ, Khánh Vân, Thạnh Hội, Thái Hòa... quần chúng đấu tranh bung ra về xóm cũ sản xuất.

Cuối tháng 7-1972, cùng với du kích Bình Cơ, bộ đội Tân Uyên bao vây cô lập bót Bình Cơ suốt 1 tuần lễ, cắt đứt giao thông đường 16. Đến ngày 3-8, Tiểu đoàn bảo an 306 của địch từ Tân Uyên tiến vào Bình Cơ phản kích đã bị ta chặn đánh, tiêu diệt một đại đội, đánh thiệt hại nặng một đại đội khác.

Ngày 4-8, Đại đội bảo an 171 từ Phú Giáo xuống giải tỏa Bình Cơ bị ta đánh thiệt hại nặng. Cùng lúc ấy, tại Chi khu Tân Uyên, ta tổ chức nhiều đợt đột kích, đánh phá uy hiếp địch. Tại sân bay Biên Hòa, đêm 1-8-1972, sau khi chuẩn bị đầy đủ phương án tác chiến, Tiểu đoàn pháo 174 đã xúc tiến kế hoạch tấn công. Pháo ta bắn cấp tập, chính xác, phá hủy 74 máy bay các loại, 13 xe quân sự, 2 đài radar, hai kho đạn, một kho lương thực và hai kho thiết bị chiến tranh.

Chưa kịp hoàn hồn với những tổn thất, đổ nát..., ngày 10-9 một lần nữa địch ở Biên Hòa lại bị Tiểu đoàn 174 giáng một đòn nặng nề. Theo hợp đồng chiến đấu, cơ sở nội tuyến của ta trong sân bay Biên Hòa là đồng chí Nguyễn Văn Thôn dùng mìn hẹn giờ đặt trong đế giày cài vào kho bom tại sân bay. Lúc 3 giờ 45 phút mìn nổ, cụm pháo ta bố trí tại dốc Ông Hoàng phối hợp rót đạn vào sân bay làm nổ tung 4 kho bom, nhiều máy bay các loại bị phá hủy, 24 sĩ quan Mỹ, 46 sĩ quan

nguy hiểm mạng. Trận đánh sân bay Biên Hòa đã cổ vũ mạnh mẽ khí thế tiến công của quân, dân Tân Uyên.

Tại Tân Phước Khánh, du kích xã ở địa đạo Hồ Đá bắt ngờ xuất hiện, bắn rơi một máy bay khu trục Mỹ lúc chúng quần đảo tìm diệt lực lượng ta. Địch cho một đơn vị thuộc lực lượng bảo an 306 tập trung càn quét ấp Long Hội, nơi có lực lượng ta trú đóng. Tại đây, du kích của ta phối hợp với bộ đội huyện đánh trả quyết liệt, sau đó ta rút lui sau khi tiêu diệt được 4 tên địch. Quyết tâm tiêu diệt bằng được lực lượng ta, địch tăng cường viện binh truy kích, có xe tăng, phi pháo yểm trợ. Trong đợt truy kích này địch một lần nữa lại chịu tổn thất, thêm một trung đội và hai xe tăng bị bắn cháy.

Nhằm củng cố bộ máy kìm kẹp ở địa phương và lần chiếm vùng giải phóng, ngày 3-11-1972, hai chiến đoàn 8 và 9 thuộc Sư đoàn 5 bộ binh nguy tổ chức đợt càn quét vào khu vực Bông Trang - Nhà Đỏ, An Hòa, An Lợi, Chánh Lưu... Cuộc càn của địch gặp phải sức chống trả quyết liệt của chủ lực Miền, chủ lực Quân khu. Hơn 100 nguy quân thiệt mạng và hai máy bay lên thẳng bị bắn rơi.

Tại Tân Phước Khánh, địch đưa Sư đoàn 8 án ngữ tuyến đường Thủ Dầu Một - Chiến khu Đ. Lực lượng du kích đã tổ chức tập kích một đơn vị ở khu vực Mả Thầy Giáo, diệt 5 tên địch. Hai ngày sau, địch cho một tiểu đoàn bao vây Xã đội bộ. Lực lượng ta phải chia làm hai nhóm, một nhóm di chuyển về địa đạo Hồ Đá, tại Xã đội bộ còn lại hai đồng chí Quang (Xã đội trưởng) và Nguyễn Thị Diệp. Hai đồng chí cầm cự với địch từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều, chặn được nhiều đợt tiến công của địch. Cuối cùng đồng chí Quang bị thương, đồng chí Diệp vừa băng bó, chăm sóc đồng chí Quang vừa chiến đấu. Sức chống trả của ta yếu dần, trong lúc địch dồn hỏa lực tấn công cuối cùng hai đồng chí đã anh dũng hy sinh sau khi đã tiêu diệt một trung đội địch.

Trong tháng 10-1972, cuộc tiến công và nổi dậy liên tục khắp nơi của Phân khu đã đánh mạnh vào lực lượng kìm kẹp của địch ở xã, ấp, loại khỏi vòng chiến đấu 3.215 tên, thu 200 súng các loại, đánh sập 14 tua khác, giải tán hàng trăm phòng vệ dân sự, vận động gần 300 binh lính địch đào, rã ngũ, phá lỏng, phá rã hàng loạt ấp chiến lược và hơn 10.000 đồng bào từ 9 xã, 28 ấp chiến lược bung về xóm cũ làm ăn sinh sống ở những mức độ khác nhau.

Trước sự phát triển của tình hình, cục diện chiến trường đã thay đổi, cuối năm 1972, Trung ương Cục quyết định tổ chức lại chiến trường miền Đông Nam Bộ, giải thể các phân khu, thành lập lại các tỉnh. Tháng 9-1972, Phân khu Thủ Biên giải thể, tỉnh Thủ Dầu Một được tái lập. Đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) được Trung ương Cục chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Lúc này huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Thủ Dầu Một.

Sau khi tái lập tỉnh, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo từ trong Đảng ra các ban ngành, từ tỉnh xuống quận, xã. Các đơn vị lực lượng vũ trang quán triệt tư tưởng tiến công; uốn nắn kịp thời tư tưởng trông chờ Hiệp định, co thủ, thiếu tin tưởng vào khả năng của địa phương, đơn vị, nhất là sau khi Mỹ lật lọng không ký kết Hiệp định (10-1972). Càng thua đau, Mỹ - ngụy càng điên cuồng, xảo quyệt. Cuối năm 1972, Mỹ thực hiện cuộc tập kích chiến lược bằng không quân đánh vào Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng hòng gây sức ép buộc Chính phủ ta phải chấp nhận một bản hiệp định có lợi cho Mỹ, nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta tiếp tục đẩy mạnh cuộc tiến công và nổi dậy, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại kế hoạch “trần ngập lãnh thổ”, lấn đất, giành dân của địch nhằm tạo ưu thế khi có giải pháp chính trị.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Miền và Nghị quyết của Tỉnh ủy mở đợt tập kích vào sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 6-12-1972, tỉnh huy động gần 600 cán bộ, chiến sĩ nhân viên các cơ quan phía sau của tỉnh, học viên ở các trường của

Phân khu cùng 2 tiểu đoàn (1 và 2) làm nhiệm vụ bảo vệ do đồng chí Trần Văn Châu (Năm Châu), Tiểu đội phó trực tiếp chỉ huy, phối hợp với đơn vị pháo binh của Miền, khắc phục địa hình trống trải, luồn lách qua đôn bốt địch, vận chuyển 100 trái đạn ĐKB 122 ly từ Chiến khu Đ xuống cất giấu tại căn cứ Hồ Đá, xã Bình Chuẩn. Hai ngày sau đó, lực lượng dân công tiếp tục chuyển đạn xuống ấp Đông An, thực hiện trận tập kích vào sân bay Tân Sơn Nhất và cơ quan Bộ Tổng tham mưu, phá hủy một số máy bay vận tải và nhiều phương tiện chiến tranh tại khu sân bay, làm cho địch hết sức bất ngờ và choáng váng.

Thực hiện “đánh bồi, đánh nhồi”, hạ tuần tháng 1-1973, ta đưa tiếp xuống 50 trái đạn ĐKB, tổ chức trận địa tại ấp Bình Phước, xã Bình Nhâm, sát thị trấn Lái Thiêu để đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất lần thứ hai, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, gây chấn động tinh thần quân địch ở Sài Gòn.

Càng gần đến ngày ký kết Hiệp định, cuộc đấu tranh giành đất, giành dân, giành quyền chủ động trên chiến trường giữa ta và địch càng quyết liệt. Những cố gắng quân sự của địch hòng giành ưu thế trên chiến trường khi có Hiệp định đã bị quân dân ta giáng trả quyết liệt.

Trước tình thế không thể đảo ngược, ngày 27-1-1973, đế quốc Mỹ buộc phải chấp nhận ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Theo tinh thần của Hiệp định, Mỹ phải rút hết quân viễn chinh khỏi miền Nam, tôn trọng độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam; các lực lượng vũ trang của hai bên tại miền Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Hiệp định khẳng định: nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tuyến cử thực sự tự do, dân chủ và có sự giám sát quốc tế.

Hiệp định Pari đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, là một thắng lợi rất to lớn trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Từ sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 1968 đến tháng 1-1973, Đảng bộ, quân và dân huyện Tân Uyên đã trải qua 5 năm chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ và quyết liệt, từng bước khôi phục củng cố và phát triển thực lực cách mạng, kiên cường bám trụ, đánh địch phản kích. Các lực lượng của địa phương cùng chủ lực Khu, Miền đã anh dũng chiến đấu bền bỉ đánh bại âm mưu bình định và cô lập căn cứ của địch. Với Chiến dịch Nguyễn Huệ, quân và dân Tân Uyên cùng chủ lực Miền đã mở thông hành lang chiến lược từ biên giới Campuchia - Lộc Ninh - Bù Đốp - Phước Long và Chiến khu Đ - nam Phước Long - Tây Nguyên với Đoàn 559, tiếp nhận hàng chi viện của Trung ương, góp phần đưa cách mạng ở miền Đông Nam Bộ lên một bước phát triển mới. Hiệp định Pari được ký kết, Mỹ phải chấp nhận thất bại, cuốn cờ về nước. Mỹ đã “cút”, nhưng ngụy chưa “nhào”. Cuộc đấu tranh của quân và dân ta chưa kết thúc. Đảng bộ, quân và dân huyện Tân Uyên quyết tâm cùng quân, dân trong tỉnh và cả nước tiếp tục cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Chương V
ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM,
PHÁT HUY VAI TRÒ VÙNG ĐẤT CHIẾN KHU
TRONG CHIẾN DỊCH MÙA XUÂN NĂM 1975,
GIẢI PHÓNG HUYỆN VÀ TỈNH
(1973-1975)

I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI,
ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM, GIỮ VỮNG
VÙNG GIẢI PHÓNG

Từ sau khi Hiệp định Pari được ký kết, tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường đã có sự thay đổi căn bản theo hướng có lợi cho ta. Quân Mỹ và chư hầu buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn mất hẳn chỗ dựa quan trọng và suy yếu rõ rệt. Đối với ta, lực lượng vũ trang ba thứ quân ngày càng vững mạnh. Vùng đất giải phóng được mở rộng và nối liền với hậu phương miền Bắc. Ở vùng tranh chấp, vùng ven hình thành thể “da beo” áp sát căn cứ địch.

Tuy buộc phải ký kết Hiệp định, chấm dứt chiến tranh xâm lược, nhưng đế quốc Mỹ và tay sai chưa cam chịu thất bại, nên ra sức phá hoại Hiệp định, tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược bằng cách duy trì ở miền Nam một chính quyền tay sai nằm trong quỹ đạo chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Được Mỹ tiếp sức, lợi dụng khi Hiệp định ngừng bắn, hiệu lực, địch mở những cuộc hành quân “tràn ngập lãnh thổ” nhằm lấn đất, giành dân. Tiếp đó, chúng thực hiện kế hoạch “bình định đặc biệt”, nhanh chóng lấn chiếm lại những lổm đã mất trước ngày ngừng bắn, nong ra vùng giáp ranh, uy hiếp

hành lang vận chuyển của ta nhằm cải thiện thể phòng ngự, hỗ trợ cho kế hoạch bình định ở vòng trong.

Đi đôi với những cuộc hành quân lấn chiếm, địch ra sức củng cố bộ máy kim kẹp ở ấp, xã, đưa sĩ quan quân đội và cảnh sát về nắm bộ máy quyền ở cơ sở. Chúng dùng thủ đoạn kinh tế để mua chuộc, tranh thủ nhân dân như chia ruộng đất cho nông dân theo chương trình cải cách điền địa của Thiệu cho vay vốn, cấp giống, đưa máy cày về nông thôn...; đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, xuyên tạc Hiệp định Pari, bao vây, triệt phá kinh tế của ta, lôi kéo, ép buộc quần chúng vào tổ chức phản động của địch.

Trên địa bàn Chiến khu Đ và vùng ven (lộ 13, lộ 14, lộ 20) ngay sau khi Hiệp định được ký kết, địch liên tục mở các cuộc hành quân lấn chiếm. Bọn tình báo, Phượng hoàng, Thiên Nga trà trộn vào trong dân ra các vùng giải phóng, sản xuất để nắm tin tức và phát hiện cơ sở cách mạng. Xung quanh các ấp chiến lược, địch ủi trống địa hình, ủi phá rừng chồi nơi chúng nghi là căn cứ du kích. Pháo địch từ Biên Hòa, Đại An, Tân Uyên, Phước Hòa, Phước Vĩnh, Đồng Xoài liên tục vào vùng giải phóng để ngăn chặn dân đi sản xuất, không cho dân liên lạc với cách mạng.

Ở vùng trọng điểm lộ 14, địch đẩy mạnh lấn chiếm. Trung đoàn 9, Sư đoàn 5 của địch lên lấn chiếm lộ 14. Đoạn từ Tân Bình đến Phước Vĩnh, địch bố trí hàng chục cụm chốt, mỗi cụm từ một đến hai đại đội chủ lực Sư đoàn 5 ngự đóng giữ Trên đường 16 từ Tân Uyên đến Bình Mỹ, địch bố trí 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 43 và 57 Sư đoàn 18 ngự. Tại các xã căn cứ Thường Lang, Lạc An, Tân Hòa, Tôn Tịch, Mỹ Lộc, bố trí 4 tiểu đoàn bảo an (số 346, 347, 348, 349) từ Biên Hòa sang kết hợp với biệt kích dù 81 từ Đồng Xoài xuống nhằm ngăn chặn lực lượng ta vượt sông Đồng Nai tiến công vào sân bay Biên Hòa. Tại Bình Mỹ, Bình Cơ, Phước Hòa, Phước

Vĩnh và nam Đồng Xoài, địch bố trí 6 tiểu đoàn bảo an (số 301, 302, 320, 322, 345, 336).

Đi đôi với hành động lấn chiếm vùng giải phóng, địch còn cấu kết với bọn tư sản đưa cơ giới vào khai thác gỗ nhằm phá địa bàn căn cứ của ta.

Từ tháng 2-1973, chủ lực ngụy có xe tăng, pháo binh yểm trợ liên tục đánh sâu vào căn cứ ở phía nam, tây bắc và bắc chiến khu.

Trong khi đó, một số đơn vị của ta từ chủ lực đến địa phương vẫn tin tưởng vào hiệu lực của Hiệp định Pari nên chủ quan, chưa nhận thức hết sự phức tạp của tình hình, âm mưu thâm độc của địch. Vì thế những đợt lấn chiếm, hành quân bất ngờ của địch gây tổn thất đáng kể cho ta.

Để kịp thời chấn chỉnh tình trạng thiếu cảnh giác này, Trung ương Cục liên tục ra những Chỉ thị số 01, 02 cùng điện văn khẩn 775, 934 vạch rõ bản chất hiếu chiến, lật lọng của Mỹ - Thiệu, đồng thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang tăng cường đề cao cảnh giác, kiên quyết chống địch lấn chiếm.

Từ ngày 28-4 đến ngày 12-5-1973, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở hội nghị nhằm đánh giá tình hình địch - ta và đề ra những nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ.

Quán triệt Chỉ thị số 02/CT-73 của Trung ương Cục và Điện số 775 của Quân khu ủy, Hội nghị đã liên hệ và chỉ ra những lệch lạc trong nhận thức của một số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, như không đánh giá hết ý nghĩa của thắng lợi, không thấy được những nhân tố mới nên sinh ra hoài nghi, bi quan, không tin vào khả năng chính trị là cơ sở, đấu tranh vũ trang là hậu thuẫn đắc lực; thực lực ít, yếu, sinh ra cơ thủ, hữu khuynh và có biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác. Hội nghị xác định: Phải tăng cường công tác giáo dục cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, kịp thời uốn nắn và đấu

tranh với những biểu hiện chủ quan, đánh giá thấp địch, thỏa mãn với thắng lợi, muốn nghỉ ngơi, ảo tưởng hòa bình...

Hội nghị Đảng bộ tỉnh xác định nhiệm vụ, phương hướng chung của Đảng bộ tỉnh trong thời gian trước mắt là: Nỗ lực tập trung chỉ đạo mở rộng và phong trào đấu tranh chính trị, binh vận; nắm chắc, sử dụng đúng mức lực lượng vũ trang kết hợp chặt chẽ ba mũi, kiên quyết chủ động và liên tục tiến công làm thất bại các âm mưu thủ đoạn của địch; ngăn chặn, bẻ gãy, đẩy lùi âm mưu bình định, lấn chiếm của địch; ra sức giữ vững, củng cố và không ngừng mở rộng, nâng cao quyền làm chủ vùng tranh chấp; tích cực mở rộng diện nắm dân, gây dựng, phục hồi cơ sở, đưa phong trào từ thấp lên cao ở vùng yếu, thị xã, thị trấn; nhanh chóng xây dựng, củng cố vùng căn cứ giải phóng toàn diện, vững chắc; tập trung và khẩn trương xây dựng thực lực chính trị, vũ trang, đảng, đoàn, lực lượng lộ, mật; ra sức động viên sức người, sức của cả ba vùng nhằm làm thay đổi tương quan tại chỗ có lợi cho ta; sẵn sàng đánh trả, từng bước buộc địch thi hành Hiệp định, sẵn sàng đánh bại những hành động lừa lỉnh gây lại chiến tranh của địch¹.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (tháng 5-1973) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ từ tỉnh đến chi bộ cơ sở. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng khi đã có Hiệp định Pari, từ đó rõ âm mưu của địch, không mơ hồ, mất cảnh giác.

Để đối phó với âm mưu, thủ đoạn của địch, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục, Huyện ủy Tân Uyên chỉ đạo các chi bộ Mục tiêu trọng tâm trong giai đoạn này là đấu tranh ba mũi giáp công (vũ trang, chính trị, binh vận) kết hợp đấu tranh

¹ Xem: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thủ Dầu Một, tháng 5-1973, tài liệu số 31, lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.

pháp lý, bảo vệ Hiệp định, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến những điều khoản của Hiệp định Pari. Ngày 12-5-1973, hơn 200 công nhân cao su Phước Hòa dưới sự chỉ đạo của chi bộ mật đã tổ chức bãi công, đấu tranh đòi tăng lương, cấp dao cạo mũ cho công nhân. Cũng tại Phước Hòa, dựa trên những điều khoản được học tập, nhiều lượt đấu tranh của công nhân, nông dân liên tiếp nổ ra sau đó với nguyện vọng được tự do trở về xóm cũ làm ăn, tự do đi làm sớm về tối. Dựa vào cơ sở pháp lý của Hiệp định và sức mạnh của tập thể, quần chúng đã buộc địch phải chấp nhận những đề nghị trên.

Ở phía nam Chiến khu Đ, theo chỉ đạo của Khu ủy và Quân khu ủy miền Đông, ngày 26-5-1973, Tiểu đoàn Phú Lợi (tỉnh Thủ Dầu Một) đã chặn đánh 3 tiểu đoàn địch càn quét lấn chiếm ở Bình Mỹ, Tân Bình (2 tiểu đoàn 321, 360 bảo an và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 9 Sư đoàn 5 ngụy). Ta đã đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn địch, phá hủy nhiều xe quân sự và nhiều đồ dùng quân sự.

Chặn đứng cuộc lấn chiếm của địch ở Bình Mỹ, Tân Bình đã củng cố được phong trào chiến tranh nhân dân chống địch lấn chiếm trong căn cứ. Những ngày cuối tháng 5-1973, bộ đội địa phương Phú Giáo, Tân Uyên và du kích các xã Phước Hòa, Nước Vàng, Chánh Phú Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An liên tục chặn đánh địch lấn chiếm, hạn chế hoạt động của địch trên đường số 8, đường 14 và 16.

Ngày 15-6-1973, tại Phước Hòa, Chiến đoàn 9, Sư đoàn 5 ngụy được sự yểm trợ của phi pháo tiến công lấn chiếm khu đồn điền, nơi trú quân của ta. Trong hai giờ đồng hồ, địch ném hai lượt bom, bắn trên 12.000 quả đạn pháo rồi tổ chức tiến công. Du kích Phước Hòa phối hợp với Đại đội 360, 550 của Phân khu tổ chức phản công, tiêu diệt 7 tên địch.

Phối hợp hoạt động chiến trường, ta đẩy mạnh hoạt động diệt tề, yểm trợ cho hai mũi chính trị, binh vận khắp nơi trong huyện.

Tại Khánh Vân, tên Dương - Đội trưởng dân vệ nổi tiếng ác ôn, quỷ quyệt - đã lòng bắt, phá vỡ nhiều cơ sở cách mạng. Đêm 9-7, sau nhiều lần tổ chức trình sát giết hụt tên Dương, Chi bộ Khánh Vân do đồng chí Trần Văn Đông chủ trì giao nhiệm vụ này cho đồng chí Nguyễn Văn Hồn một Xã đội trưởng rất xông xáo và bản lĩnh. Sau khi nhận nhiệm vụ, đồng chí Hồn nghiên cứu kỹ nhược điểm của tên Dương, lập kế hoạch tiêu diệt.

Sau nhiều lần nghiên cứu, đồng chí Hồn quyết định lợi dụng tính háo thắng, tham vọng lập công của tên ác ôn để trừng trị hắn. Đêm 11 rạng ngày 12-7-1973, đồng chí Hồn bò vào sát hàng rào đồn dân vệ, sau khi đã dùi thủng một lỗ trên nón mình (có viết tên Nguyễn Văn Hồn) và cẩn thận mang theo con gà. Anh cắt cổ con gà rồi bò trở ra sau khi bỏ lại chiếc nón. Ra khỏi rào được một đoạn, anh bỏ chiếc ba lô và gài bên dưới một trái lựu đạn. Sắp đặt xong, anh ném vào vòng rào một trái lựu đạn gây tiếng nổ rồi ôm gà thoát về trong tiếng súng xối xả của bọn lính đồn.

Trời chưa sáng, tên Dương đã mò ra vòng rào và tìm thấy chiếc nón của Hồn, hấn mừng rỡ hăm hở lần theo dấu máu, đến chỗ chiếc ba lô, hấn càng tin chắc là Hồn bị trọng thương, vừa nhắc chiếc ba lô lên xem thì lựu đạn nổ, tên ác ôn chết tại chỗ.

Ngày 14-7-1973, Trung đoàn 7 Sư đoàn 5, Trung đoàn 43 và 52 Sư đoàn 18 ngay cùng 2 tiểu đoàn pháo bắn yểm trợ càn vào khu vực Bó Lá, Cổng Xanh, Phước Hòa, sân bay Ông Lĩnh. Cùng trong ngày, hai tiểu đoàn biệt động quân (số 73 và 84), một tiểu đoàn bảo an Tiểu khu Phước Long được điều lên

án ngữ phía nam Đồng Xoài, càn phá vào đường ủi 322, lấn chiếm khu vực bắc Tân Uyên,

Kiên quyết trừng trị bọn địch vi phạm Hiệp định, giữ vững vùng giải phóng và căn cứ, trong hơn 10 ngày, bộ đội địa phương Thủ Dầu Một, tỉnh Phước Long, huyện Đồng Xoài, Phú Giáo, Tân Uyên đã chặn đánh địch quyết liệt. Ta diệt 350 tên, phá hủy 5 xe tăng, buộc địch phải rút lui về Đồng Xoài và Phước Vĩnh.

Trước những đòn giáng trả của quân, dân Chiến khu Đ, địch phải bỏ lại một số cứ điểm, đồn bót, cắm sâu vào căn cứ ta sau Hiệp định. Từ tháng 8-1973, địch chuyển hướng tập trung bình định vùng tạm chiếm, lấn chiếm vùng du kích tiếp cận chiến khu. Hoạt động đánh phá vào Chiến khu Đ của địch chủ yếu là cho máy bay ném bom, bắn pháo, nhất là đối với khu vực Mã Đà, vùng ven sông Đồng Nai (nam Chiến khu), khu vực sản xuất của ta.

Tháng 10-1973, Trung ương Cục quyết định tách các huyện: Tân Uyên, Phú Giáo, quận 5 của Thủ Dầu Một (gồm 2 xã Bù Cháp, Lý Lịch) cùng các xã phía nam và đông nam của Phước Long, Định Quán và Độc Lập của Biên Hòa để thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú do đồng chí Nguyễn Văn Luông làm Bí thư Tỉnh ủy. Đến cuối năm 1974, tỉnh Tân Phú giải thể, hai huyện Tân Uyên và Phú Giáo lại trả về tỉnh Thủ Dầu Một.

Sau khi tỉnh căn cứ Tân Phú được thành lập, Khu ủy miền Đông mở Hội nghị chuyên đề về xây dựng vùng giải phóng và căn cứ địa cách mạng. Kế hoạch phát triển sản xuất trong căn cứ được Hội nghị bàn bạc và thông qua. Các nông trường lớn trồng mì, bắp lúa được xây dựng ở Đồng Phường, Vĩnh An, Tà Lài, Bù Cháp, Lý Lịch, Hiếu Liêm, Cây Gáo, Mã Đà. Khu vực sản xuất ở Suối Ôi, Ông Linh, Nước Vàng, Vàm Giá, Sinh, Bà Đã và dọc Sông Bé được giao cho tỉnh Thủ Dầu Một và các huyện Tân Uyên, Phú Giáo đảm nhận. Đồng thời,

ta vận động đồng bào dân tộc Xtiêng, Chơ Ro ở Bù Cháp, Lý Lịch, Tà Lài và bắc Phước Long định canh, định cư; giáo dục và tổ chức đồng bào vào các đội an ninh để bảo vệ căn cứ.

Các vùng rừng trong căn cứ đều được Khu ủy quy hoạch để có kế hoạch sử dụng và bảo vệ, phát triển về sau này khi cuộc kháng chiến thắng lợi hoàn toàn. Những vùng rừng bị bom pháo tàn phá nặng, ta giao cho nhân dân, các đơn vị phát rẫy sản xuất. Những vùng rừng có thể khai thác, ta lập trạm kiểm soát để thu thuế bọn tư sản vào làm be, hoặc trao đổi gỗ lấy lương thực, thuốc men và những hàng hóa thiết yếu khác.

Cuối năm 1973, Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở Chiến dịch mùa khô 1973-1974 phản công và tiến công nhằm đánh bại kế hoạch bình định, mở hành lang, tạo bàn đạp tiến công, từng bước mở rộng, hoàn chỉnh vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ, tạo thế vững chắc và phát triển lực lượng chuẩn bị cho đợt tiến công mùa mưa 1974 giành thắng lợi. Trung ương Cục đặc biệt nhấn mạnh phải thu hồi, làm chủ 4 xã Chiến khu Đ cũ, mở rộng và làm chủ một số khu vực nam sông Đồng Nai như Đại An, Thiện Tân, Đồng Lách, Sông Mây và phải làm chủ nhiều đoạn đường 14 từ Đồng Xoài đến Bù Na, Bù Đăng, cắt đứt hoàn toàn Bù Đăng, Kiến Đức, cô lập thị xã Phước Long, Chi khu Phước Bình.

Ở miền Đông, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 Miền được điều về hoạt động ở Tây Ninh và Thủ Dầu Một, uy hiếp tuyến giữa và tuyến vùng ven bảo vệ Sài Gòn của địch, kìm chân các sư đoàn số 5, 18, 25 ngụy và các liên đoàn biệt động quân của Quân đoàn 3.

Trong lúc Chiến dịch mùa khô 1973 – 1974 đang phát triển, Trung ương Cục ra Chỉ thị số 01/CT/74 vạch rõ những công tác cụ thể để chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến lược trong năm 1974. Chỉ thị nhấn mạnh: Công tác xây dựng căn cứ là một vấn đề rất lớn, rất cơ bản, rất bức thiết trước mắt cũng như

lâu dài. Phải tạo được sự liên hoàn giữa địa phương, đơn vị quân đội của Khu và chủ lực Miền¹.

Thực hiện Chỉ thị số 01, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu đã xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể nhằm xây dựng căn cứ cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng... Trong Chỉ thị về nội dung phát triển sản xuất, Khu ủy đề ra nhiệm vụ: phải tập trung sản xuất, chủ yếu là trồng cây lương thực, chú ý cả lúa để bảo đảm có ăn, chống đói trước mắt và có dự trữ lâu dài².

Bằng nỗ lực và quyết tâm cao trong năm 1974, các đơn vị hậu cần Quân khu và các đơn vị trong căn cứ đã gieo trồng được 6.000ha cây lương thực và thu hoạch gần 8.000 tấn lương thực.

Tại Tân Uyên, 6 tháng đầu năm 1974, tình hình kinh - tài được đánh giá có nhiều tiến bộ. Các xã, ấp cũng như các đơn vị, cơ quan đều tích cực tăng gia sản xuất, đã trồng được 74.500 gốc mì, gieo được 47 lít lúa rẫy, 19 lít đậu xanh, 19kg đậu phộng, 270m² khoai lang, gieo mạ chuẩn bị cấy 18 gạ. Có nhiều xã đạt thành tích cao như Phước Hòa đã trồng được 20.000 gốc mì (chiếm hơn 1/4 tổng số gốc mì của huyện trồng được). Cả huyện gieo được 47 lít lúa rẫy thì Phước Hòa đã có 24 lít giống gieo, 200/270m² diện tích khoai lang. Kế đó là cơ quan Huyện đội (19.500 gốc mì, 5 gạ giống lúa đã gieo); Lạc An (13.000 gốc mì, 7kg đậu xanh, 7kg đậu phộng giống đã gieo); Thường Lang (2.000 gốc mì, 100 gốc bầu, bí); Bình Mỹ (4.000 gốc mì). Các ấp vùng giải phóng Lạc An (4.600 gốc mì, 520 bụi môn, 3 lít đậu xanh). Mỹ Lộc và Tân Tịch (10 công cấy, 50 gốc bầu).

Với những cố gắng trên, đời sống của các đơn vị, cơ quan được cải thiện đáng kể.

¹ Chỉ thị số 01/CT/74 của Trung ương Cục, lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.

² Chỉ thị về phát triển sản xuất của Khu ủy miền Đông, lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.

Về tài chính, tổng thu 6 tháng đầu năm 1974 của huyện là 184.205 đồng, các xã gửi về huyện 82.500 đồng, các đơn còn giữ 101.705 đồng. Trong số này, các xã có số thu cao nhất huyện là Phước Hòa (60.850đ), Thường Lang (23.000đ), Lạc An (18.405đ), Mỹ Lộc (16.000đ), Tân Tịch (16.000đ) và Tân Hòa (4.000đ).

Từ ngày 30-12-1974 đến ngày 3-1-1975, Huyện ủy Tân Uyên đã họp hội nghị mở rộng để đánh giá tình hình sản xuất và thu chi tài chính trong năm 1974. Về sản xuất, có nhiều cố gắng nhưng chưa đạt yêu cầu. Kết quả thu tài chính trong năm là 8.883.190đ. Tuy nhiên, trong số này thì nguồn tài chính từ chi viện chiếm phần lớn (7.166.992đ), còn lại là thu trong dân (1.387.680đ).

Trong hội nghị mở rộng này, Huyện ủy cũng đã đề ra quyết tâm cho năm 1975 là tự túc từ 6 tháng lương thực trở lên. Cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tất cả đều phải tham gia, bảo đảm cứ 10 người có 1 người đi sản xuất. Chiến sĩ trực tiếp chiến đấu được miễn 1/4 chỉ tiêu lương thực (nghĩa là trong một năm, mỗi chiến sĩ phải sản xuất tự túc được 3 tháng lương thực để ăn”¹.

Cũng trong thời gian này, Đoàn hậu cần 814 Miền, Hậu cần Quân khu và các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú đã mở được nhiều cửa khẩu, đưa được hàng từ vùng chiếm vào căn cứ ở Bến Môn, Vĩnh An, Bàu Hàm, Lạc An, Đại An, Định Quán (đường 20), Bình Mỹ, Phước Hòa, Phước Tiến, lộ ủi 322 (đoạn từ Đồng Xoài vào), dốc Lam Sơn (gần Bù Na, lộ 14)...

Các tuyến đường giao liên, vận chuyển hàng hóa trong căn cứ cũng được hoàn chỉnh và nhiều đoạn ta có thể đi bằng xe cơ giới. Từ trung tâm căn cứ Mã Đà (nơi đóng cơ quan Khu

¹ Ngành tài chính tỉnh Bình Dương, Lịch sử - truyền thống (1945-1975), năm 2002, tr.150, 151.

ủy và Quân khu ủy) có thể đi ô tô về Phước Hòa, Phước Tiên, Bình Mỹ, Bình Cơ, Cây Gáo, Vĩnh An.

Kết thúc Chiến dịch mùa khô 1973 - 1974, quân và dân vùng Chiến khu Đ, trong đó có quân, dân huyện Tân Uyên kết hợp chặt chẽ với những đòn tiến công của quân chủ lực Miền và các địa phương khác ở miền Đông đã giành được những thắng lợi lớn. Căn cứ Chiến khu Đ đã được mở rộng và hoàn chỉnh giáp với Nam Tây Nguyên về phía bắc và phía đông, mở được những hành lang nối thông vùng bắc Tây Ninh và vùng tam giác Dầu Tiếng, Bến Cát, Củ Chi, tạo thành căn cứ địa nối thông với hậu phương lớn miền Bắc. Đây là một thắng lợi mang ý nghĩa chiến lược trên cả ba mặt quân sự, chính trị và hậu cần tạo thế và lực mới cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

II. THAM GIA ĐÁNH BẠI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÁNH PHÁ, BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH, CÙNG QUÂN VÀ DÂN TOÀN MIỀN NAM THỰC HIỆN TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Để ngăn chặn hoạt động của ta trong mùa khô, từ đầu tháng 1-1974, trên chiến trường miền Đông, địch sử dụng toàn bộ lực lượng Quân đoàn 3 kết hợp bảo an cơ động mở những cuộc hành quân quy mô lớn đánh phá, lấn chiếm nhiều hướng trên khắp chiến trường miền Đông.

Tại Tân Uyên, cuối tháng 1-1974, địch tập trung lực lượng (Liên đoàn 322) biệt động quân và Trung đoàn 15, 18, 22 thiết giáp càn quét vào khu vực Hồ Đá, Khánh Vân, Nhà Thờ. Riêng Trung đoàn bộ binh 43 (Sư đoàn 18) đánh phá các xã ven sông Đồng Nai: Thường Lang, Tân Tịch, Mỹ Lộc và Đại An, Tân Định (Vĩnh Cửu). Ngày 20-2-1974, Trung đoàn 52 (Sư đoàn 18 ngụy) càn quét vào xóm Bà Tri. Ngày 24-2-1974, hai tiểu đoàn bảo an 309, 511 càn vào khu vực suối sâu,

Ông Dưới, Hồ Bàu; Lữ đoàn biệt kích 81 đổ quân vào khu vực Hiếu Liêm, càn quét khu vực Bà Ôi, Suối Cát, Bung Cầu... Tháng 3-1974, địch tăng cường hai trung đoàn 48 và 52 (Số đoàn 18) tấn công các khu vực Bà Chủ, Ông Đông, Vĩnh Tân.

Song song với hoạt động lấn chiếm của chủ lực nguy tại Tân Uyên, địch đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp để đánh phá cơ sở và tăng cường công tác tuyên truyền, tâm lý chiến. Để tranh thủ lấy lòng của quân chúng, ngày 26-3-1974, nguy quyền Tân Uyên cho tập trung đồng bào tổ chức mít tinh chào mừng ngày chính quyền Thiệu ban hành “Luật người cày có ruộng”. Tại Mỹ Hòa, địch tập trung được 40 người, tại khu vực thị trấn Tân Uyên được 100 người.

Trong cuộc mít tinh tại thị trấn Tân Uyên, tên Huỳnh Kim Phương (Quận trưởng) huyênh hoang tuyên bố sẽ cho mở lại đường số 8 từ Bình Hóa về Nhà Trắng (Bến Sắt), đưa đồng bào di cư về ở dọc lộ 16 - từ dốc Bà Nghĩa trở lên, đồng thời bung dân về Ông Đông làm ruộng.

Với ý đồ đưa đồng bào theo đạo Thiên Chúa - lực lượng mà địch tin tưởng “có tinh thần chống cộng triệt để” - vào các khu vực dọc lộ 16, hình thành vành đai an toàn bao vây phía đông và đông nam Chiến khu. Tại khu vực căn cứ suối Ông Đông, địch liên tục mở cuộc càn để triệt hạ căn cứ. Tại đây nhiều cuộc càn của địch bị lực lượng Đại đội 1 huyện đẩy lùi, gây nhiều tổn thất. Cũng tại đây, lực lượng Đại đội 1 liên tục tổ chức pháo kích vào các cụm quân dã ngoại của địch, tiêu hao sinh lực của chúng.

Trong lúc ý đồ của địch càn quét, triệt hạ các căn cứ lồi của ta để đưa đồng bào theo đạo Thiên Chúa cấy dần ra khu vực vành đai chiến khu chưa thực hiện được, tháng 5-1974, lực lượng Đại đội 1 huyện tổ chức pháo kích vào Chi khu quân sự huyện.

Từ tháng 6-1974 đến giữa tháng 7-1974, chỉ trong vòng một tháng, nhiều lần địch điều các đơn vị chủ lực thay nhau án ngữ trên lộ 16, yểm trợ cho các đơn vị công binh ủi phá địa hình, xúc tiến kế hoạch xây dựng tuyến hào chống chiến xa.

Những ngày đầu tháng 8-1974, để phục vụ công trình xây dựng tuyến hào chống chiến xa dọc lộ 16 (sâu 2m, rộng 2m50), chạy dài từ Suối Nhỏ đến Sở Gòn, Giếng Máy (Khánh Vân), địch bắt ép đồng bào các xã Bình Chánh, Khánh Vân, Chợ Đậu, Hiệp Hưng đi làm xâu. Những người không đi phải nộp từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng. Hàng đêm, bọn tề xã cùng dân vệ, cảnh sát đến sục sạo từng nhà bắt đi xâu hoặc nộp tiền đào hào. Lợi dụng việc này, chúng bắt cả những người thương tật, không đủ sức khỏe phải nộp tiền đào hào để bỏ túi riêng.

Cuối năm 1974, Trung ương Cục và Quân ủy Miền hạ quyết tâm mở Chiến dịch mùa khô năm 1974-1975 với địa bàn trọng điểm là miền Đông Nam Bộ, mục tiêu của chiến dịch là đường 14 – Phước Long.

Chuẩn bị cho Chiến dịch mùa khô năm 1974-1975, từ cuối năm 1974, Trung ương Cục quyết định giải thể tỉnh Tân Phú, giao huyện Tân Uyên¹, Phú Giáo và Dĩ An về tỉnh Thủ Dầu Một. Đồng chí Nguyễn Văn Luông, Bí thư Tỉnh ủy Tân Phú được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thay đồng chí Nguyễn Văn Trung về Khu ủy miền Đông.

Để thực hiện kế hoạch mùa khô năm 1974-1975, Trung ương Cục giao nhiệm vụ cho tỉnh Thủ Dầu Một thực hiện đầy mạnh hoạt động phối hợp với chiến trường chính để phân tán

¹ Từ tháng 9-1974, đồng chí Phan Tấn Lập (Sáu Lập) được Trung ương Cục miền Nam điều về làm Bí thư Huyện ủy Tân Uyên kiêm Chính trị viên Huyện đội. Đến tháng 1-1975, đồng chí Sáu Lập lại được Khu ủy miền Đông quyết định giao nhiệm vụ Bí thư Huyện ủy Tân Uyên kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban mặt trận và Chính trị viên Huyện đội đến tháng 12-1976. (Theo tài liệu đồng chí Sáu Lập cung cấp tại cuộc Hội thảo Lịch sử Đảng bộ Tân Uyên, ngày 20-7-2015).

lực lượng và tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, chuyển thế đấu tranh ở các huyện vùng yếu của tỉnh phát triển mạnh mẽ hơn.

Quán triệt nhiệm vụ của Trung ương Cục giao, tháng 10- 1974, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một ra nghị quyết lãnh đạo quân dân trong tỉnh tích cực công tác chuẩn bị và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động, sẵn sàng đón thời cơ mới. Nghị quyết của Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ của Đảng bộ, quân và dân của tỉnh trong mùa khô năm 1974-1975 là: Đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định” lấn chiếm của địch, cùng quân dân toàn Miền giành thắng lợi to lớn có ý nghĩa quyết định, sẵn sàng mọi mặt cho những hoạt động mới tiếp theo trong năm 1975¹.

Đầu tháng 12-1974, chiến dịch mùa khô năm 1974-1975 mở ra trên các chiến trường. Đêm 12-12-1974, bộ đội chủ lực Miền và lực lượng địa phương tỉnh Bình Phước bắt đầu nổ súng tiến công, mở màn cho đợt 1 Chiến dịch đường 14 - Phước Long, giải phóng đoạn đường 14 từ Bù Na lên Bù Đăng và các vị trí bên ngoài tỉnh lỵ Phước Long.

Phối hợp với Chiến dịch đường 14 - Phước Long, từ đêm 7-12-1974, Đại đội đặc công 73 của tỉnh tập kích bót cầu Thợ Ụt (Châu Thành) do 1 đại đội bảo an Tiểu khu Bình Dương đóng giữ. Tiểu đoàn Phú Lợi cùng Đại đội 62 của Châu Thành và du kích xã Vĩnh Tân chặn đánh Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 52, Sư đoàn 18 đi càn quét ở Vĩnh Tân, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn địch, diệt 70 tên, bắt sống 7 tên, thu 75 súng (có 3 súng đại liên, 7 máy thông tin PRC25). Cùng đêm, du kích xã Phú Chánh, Tân Hóa phục kích diệt gọn 1 tiểu đội lính dân vệ đi tuần đường. Du kích các xã quanh Chiến khu Đ cùng bộ đội địa phương của Tân Uyên phối hợp với Tiểu đoàn Phú Lợi, Đại đội 73 đặc công của tỉnh đánh tiêu diệt hơn 190 tên địch thuộc Trung đoàn 52, Sư đoàn 18 nong ra càn quét các xã

¹ Trích Nghị quyết Tỉnh ủy Thủ Dầu Một (10-1974) về “Đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ - ngụy, tiến tới hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Tư liệu số 57/NQ lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.

đọc đường 16, bẻ gãy các cuộc càn của địch vào khu vực căn cứ Châu Thành, Tân Uyên, giữ vững bàn đạp đứng chân của tỉnh.

Ngày 6-1-1975, tỉnh Phước Long hoàn toàn giải phóng. Tin chiến thắng Phước Long bay tới Hà Nội giữa lúc Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đang họp bàn kế hoạch thực hiện quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976. Căn cứ vào những diễn biến của tình hình, Bộ Chính trị chỉ rõ: “Năm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc... Kế hoạch liên tiếp cho năm 1976 sẽ do kết quả thực hiện kế hoạch năm 1975 quyết định. Chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975”¹.

Ngày 27-1-1975, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền họp quán triệt của Nghị quyết của Bộ Chính trị và điều chỉnh bổ sung kế hoạch bước 2 của mùa khô năm 1974-1975. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị và nhiệm vụ của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền giao, trong 2 tháng đầu năm 1975 quân và dân Thủ Dầu Một cùng với toàn Miền tiếp tục đẩy mạnh chiến lược tiến công, tạo thế, tạo lực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu quyết định.

Sau khi mất Phước Long, địch tập trung củng cố tuyến ngăn chặn ở tuyến giữa, làm lá chắn cho lực lượng bên trong hoạt động kìm kẹp quần chúng.

Ngày 20-2-1975, địch mở cuộc càn vào khu vực Bình Chánh, Khánh Vân, Vĩnh Tân, Tân Hiệp với lực lượng gồm 2 tiểu đoàn biệt động quân (46, 93), 1 tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 8, Sư đoàn 5, 1 tiểu đoàn bảo an 333, 3 chi đoàn thiết giáp cùng phi pháo yểm trợ. Ngày 28-2, địch sử dụng 3

¹ Nghị quyết Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1-1975).

chi đoàn cơ giới cùng bộ binh tràn vào khu vực Ông Đông, Bà Tri, ủi phá địa hình hào lập tuyến ngăn chặn nam đường 16, đông nam Châu Thành, từ Bến Sắn đến dọc đường số 8. Đầu tháng 3-1975, Trung đoàn 43, Sư đoàn 18 địch lại tràn vào Đất Cuốc, Suối Cái để thăm dò lực lượng ta. Địch dùng máy bay ném bom đánh phá vào các xã, ấp vùng giải phóng bắc Bến Cát, Dầu Tiếng, Phú Giáo.

Thực hiện quyết tâm của Tỉnh ủy, lực lượng huyện Tân Uyên, Châu Thành phối hợp với các đơn vị bộ đội của tỉnh liên tục chiến đấu chống tràn. Dựa vào địa hình và thế trận căn cứ bám trụ, bộ đội tỉnh, huyện cùng du kích các xã bố trí sẵn mìn trái kết hợp phục kích, tập kích, chặn đánh và tiêu diệt hơn 100 tên địch, phá hủy 23 xe tăng, xe bọc thép, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Địch không thực hiện được ý đồ lấn chiếm vùng giải phóng và bị đánh bật ra khỏi bàn đạp Châu Thành, nam Tân Uyên và buộc phải rút quân về phòng thủ.

Những ngày cuối tháng 3-1975, tin chiến thắng dồn dập về các cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng làm nức lòng quân và dân cả nước. Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị họp và ngày 1-4-1975, Bộ Chính trị có điện vào chiến trường. Bức điện chỉ rõ: “Cuộc chiến tranh cách ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời cơ để mở tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu...”¹.

Trước sự phát triển rất nhanh của tình hình, ngày 2-4-1975, Thường vụ Trung ương Cục chỉ thị cho các tỉnh ủy và lực lượng vũ trang: “táo bạo, đánh các điểm then chốt kể cả các tiêu khu, thị xã, khi có thời cơ”², và “bằng tất cả khả năng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.36, tr.95.

² Chỉ thị số 340/TW của Thường vụ Trung ương Cục ngày 2-4-1975.

sẵn có của địa phương mà mạnh dạn, táo bạo phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, áp giải phóng áp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh bằng lực lượng của bản thân phối hợp với chiến trường chung”¹.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, chỉ thị của Trung ương Cục, ngày 2-4-1975, Thường vụ Tỉnh ủy có Chỉ thị số 03/CT-TU cho Đảng bộ và quân dân trong tỉnh. Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy các địa phương phải hết sức nhạy bén, linh hoạt, táo bạo, chủ động tiến công để phối hợp với chiến trường chung giành thắng lợi lớn...

Tỉnh ủy chỉ thị: Các huyện ủy, thị xã ủy, xã ủy và chi bộ phải nhạy bén với tình hình mới, phóng tay hết mức, mạnh dạn, táo bạo phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa bằng tất cả khả năng hiện có của mình để áp giải phóng áp, xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện với lực lượng của bản thân... Các huyện, xã cần nắm, chỉ đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang của mình, táo bạo đánh tua bót, kể cả một số tiêu then chốt, các chi khu, thị trấn, thị xã khi có thời cơ và thấy chắc ăn là phóng tay làm. Đồng thời phải gấp rút xây dựng lực lượng chính trị, binh vận, chuyên môn và lực lượng lãnh đạo để đủ sức liên tục tấn công địch².

Tình hình phát triển mau lẹ. Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các cơ quan, đơn vị cùng với huyện Tân Uyên, Phú Giáo ngày đêm hối hả chuẩn bị bến bãi, kho tàng, trạm khách cho bộ phận tiền trạm của Quân đoàn 1 mới từ miền Bắc hành quân thần tốc vào chiến trường, chuẩn bị sẵn vị trí tập kết để đón bộ đội. Người dân Tân Uyên cùng hàng ngàn dân công của tỉnh được huy động tham gia tải gạo, tải đạn ra chiến trường, chuẩn bị cho bộ đội tập kết lực lượng và cơ động chiến đấu. Bộ đội địa phương và du kích huyện Tân Uyên cùng lực lượng địa

¹ Chỉ thị số 340/TW của Thường vụ Trung ương Cục ngày 2-4-1975.

² Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Dương.

phương các huyện trong tỉnh đẩy mạnh tiến công vây ép địch, không cho chúng bung ra ngoài hoạt động. Trong các xóm ấp, cán bộ ta bám trụ xây dựng cơ sở, phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh, gọi hàng binh lính địch. Chỉ hơn một tuần lễ đầu tháng 4-1975, đã có gần 300 lính ngụy các nơi trong tỉnh đào, rã ngũ. Nhiều toán phòng vệ dân sự tự động giải tán, mang theo súng trở về tham gia du kích xã, góp phần đánh địch lập công như ở Bình Mỹ, Tân Hóa, Mỹ Phước, Thái Hòa...

Tuy vậy vào thời điểm này, trên toàn tỉnh, lực lượng địch vẫn còn hơn ba vạn tên, gồm lính chủ lực Sư đoàn 5 bộ binh, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 chiến đoàn thiết giáp, 10 tiểu đoàn bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự với hơn 50 khẩu pháo.... được bố trí trên 200 cứ điểm quân sự lớn nhỏ. Địch điều chỉnh lực lượng, hình thành 2 tuyến phòng ngự để vừa ngăn chặn vừa chi viện cho nhau. Tuyến ngoài từ Bến Cát nối liền qua Phú Giáo, tuyến trong gồm Tân Uyên, Châu Thành, Lái Thiêu và thị xã. Ở ngoại ô thị xã, địch đào hào, xây hầm chống tăng, bố trí mìn bẫy, chướng ngại, hệ thống vật cản dài hàng chục kilômét để đề phòng ta tiến công.

Từ ngày 14 đến ngày 16-4-1975, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh để phổ biến nhiệm vụ của quân và dân toàn tỉnh trong chiến dịch tiến công và nổi dậy giải phóng tỉnh và nhiệm vụ phối hợp với các quân đoàn chủ lực trong chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Trực tiếp giao nhiệm vụ cho các Bí thư Huyện ủy và Thị ủy.

Ngày 18-4-1975, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một ra lời kêu gọi: Toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các cấp, các ngành, các vùng hãy phát huy cao độ vai trò tiên phong gương mẫu, kiên cường, bất khuất, đập bằng mọi gian khổ hy sinh, cùng đồng bào liên tục tấn công đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 26-4-1975, từ các căn cứ cách mạng và các vùng giải phóng, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ của lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng 2 sư đoàn chủ lực của Quân đoàn 1 và Đoàn 113 đặc công của Quân khu vượt qua bom đạn của kẻ thù, àoạt xuống đường hướng về mục tiêu theo kế hoạch.

Trong lúc này, tại Chi khu Tân Uyên và các khu vực trọng yếu xung quanh như Chợ Đậu, Hiệp Hưng..., lực lượng địch vẫn còn khá mạnh, gồm toàn bộ hậu cứ Trung đoàn 48 thuộc Sư đoàn 5, một đại đội pháo 105 ly, một đại đội bảo an, một đại đội thủy quân lục chiến.

Đêm 26 rạng ngày 27-4-1975, Tiểu đoàn 2 Phú Lợi của tỉnh được pháo binh Quân đoàn 1 chi viện, nổ súng tấn công cứ điểm Bình Mỹ, Bình Cơ, tiêu diệt Tiểu đoàn 306 bảo an (tiểu đoàn có nhiều nợ máu với nhân dân), bắt sống 17 tên, thu 92 súng các loại. Phối hợp với đòn tiến công quân sự, chi bộ lộ, cơ sở mật xã Bình Mỹ đã lãnh đạo vận động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, truy bắt tề điệp, kêu gọi binh lính ra hàng.

Xã Bình Mỹ hoàn toàn giải phóng, ta làm chủ một đoạn đường 16 dài gần 10km, từ ấp 1 Bình Mỹ đến cầu Bình Cơ. Chiến thắng Bình Mỹ đã chọc thủng tuyến phòng ngự phía bắc thị xã Thủ Dầu Một, mở thông đầu cầu cho các cánh quân của Quân đoàn 1 áp sát mục tiêu được an toàn. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Văn Thiệt - Quận trưởng Tân Uyên đã vội vã chuyên cả gia đình qua cù lao Mỹ Quới (nay thuộc xã Bạch Đằng), còn tên đại úy Tâm - Đại đội trưởng Đại đội pháo 105 ly vẫn lớn tiếng kêu gọi binh lính “từ thủ đến cùng”.

Thực hiện phương châm “Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh”, Huyện ủy Tân Uyên đã quyết định phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với cuộc tiến công của bộ đội chủ lực. Ngay trong ngày 28-4, du kích xã Bình Chánh, Khánh Vân, Phước Thành phát động quần chúng

nổi dậy bức rút đồn Ông Thượng, bót 18 (Bình Chánh), chốt cầu Suối Cát (Khánh Vân). Bộ đội địa phương huyện cùng du kích bao vây bức rút đồn dân vệ cây Sao Khô, bót Sở 49. Bộ máy kìm kẹp của địch số bị diệt, số bị tan rã. Ta hoàn toàn làm chủ hai xã Bình Chánh, Khánh Vân.

Đêm 28 rạng ngày 29-4-1975, ta pháo kích vào Chi khu Tân Uyên, đồng thời các lực lượng địa phương áp sát vào thị trấn. Tuy nhiên với lực lượng mạnh hơn ta, địch đã phản công dữ dội, gây cho ta một số tổn thất, nhưng ta vẫn chiếm được chi khu. Trước tình hình đó, ta nhận định: khả năng dùng lực lượng tại chỗ để giải phóng trung tâm đầu não địch ở Tân Uyên là khá khó khăn. Trong lúc này, đồng chí Huỳnh Tư với vai trò là Tỉnh đội phó Tỉnh đội Thủ Dầu Một được phân công đến đón cánh quân thuộc Quân đoàn 1 để mở mũi dẫn đường tiến về giải phóng Sài Gòn cũng vừa hành quân đến đây. Đồng chí Huỳnh Tư đã quyết định hướng đoàn quân chủ lực theo lộ 16 hành quân qua thị trấn cùng phối hợp với lực lượng địa phương huyện, vừa đê bẹp sự kháng cự của địch, nhanh chóng tiến về Sài Gòn, vừa góp phần giải phóng Tân Uyên.

Gần 9 giờ sáng 29-4-1975, đoàn xe tăng dưới sự hướng dẫn của đồng chí Huỳnh Tư đã nã đạn tới tấp vào Chi khu Tân Uyên cùng các ỏ đê kháng của địch. Các mũi tấn công của lực lượng Tân Uyên cũng đồng loạt xông lên phối hợp. Cùng với những tiếng đạn nổ liên hồi và tiếng xe tăng của ta gầm rú làm cho lực lượng của địch trong chi khu hỗn loạn tháo chạy ra bên sông. Bọn chúng cướp ghe xuồng của dân, rồi tự bắn vào nhau để tranh giành phương tiện chạy thoát thân. Trong cảnh hỗn loạn này, những tên lính cuối cùng của Đại đội pháo 105 ly trước khi buông súng đầu hàng đã quay súng bắn tên đại úy Tâm cùng các sĩ quan chỉ huy đại đội và bắn chìm chiếc ca nô chở bọn chúng.

9 giờ 15 phút ngày 29-4-1975, Chi khu Tân Uyên được hoàn toàn giải phóng. Sau đó ở các xã còn lại trong huyện,

quần chúng nhân dân kết hợp với lực lượng du kích nổi dậy áp đảo tinh thần địch, cộng với tin chi khu, huyện lỵ bị thất thủ khiến cho tinh thần quân địch càng thêm hoảng loạn. Bọn địch ở các đồn bót đều bỏ súng đầu hàng hoặc tìm đường tháo chạy. Khắp nơi trong huyện, nơi nào cũng hừng hực khí thế cách mạng, truy tìm bọn ác ôn đã gây nhiều nợ máu với nhân dân. Trưa ngày 29-4-1975, gần 200 binh lính, sĩ quan của địch đã cởi bỏ quân phục, giầy đinh chạy bộ từ Phú Giáo qua Cầu Sông. Du kích xã Tân Hòa, Tân Bình, Bình Mỹ đã chặn bắt sống, tiêu diệt một số tên ngoan cố. Đến chiều ngày 29-4-1975, toàn bộ các xã trong huyện đều được giải phóng. Đồng chí Huỳnh Tu, Tỉnh đội phó tỉnh Thủ Dầu Một - từng là Huyện đội trưởng Tân Uyên, tiếp tục vai trò mở mũi dẫn đường, đưa cánh quân chủ lực - quả đấm thép Quân đoàn 1 - với xe tăng, xe thiết giáp tiến quân qua Bình Chuẩn qua cầu Bình Trị tiến đánh Bộ Tổng tham mưu ngụy vào cắm cờ tại đây đúng vào lúc 11 giờ trưa ngày 30-4-1975, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

KẾT LUẬN

Do ở vào vị trí địa lý đặc biệt, Tân Uyên trở thành một huyện căn cứ, một bộ phận quan trọng của Chiến khu Đ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Do vậy, trong quá trình tiến hành cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên không chỉ giới hạn trong nhiệm vụ đánh giặc giải phóng quê hương mà còn có nhiệm vụ tham gia xây dựng, bảo vệ căn cứ địa; xây dựng hậu phương chiến lược tại chỗ cho toàn tỉnh, toàn khu, toàn Miền, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Cũng từ vị trí đặc biệt quan trọng này, suốt 30 năm chiến tranh (1945–1975) trên địa bàn Tân Uyên nói riêng, Chiến khu Đ nói chung đã diễn ra cuộc đối đầu quyết liệt giữa ta và địch. Lực lượng kháng chiến ở Tân Uyên - Chiến khu Đ đã vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt để làm nên chiến công nối tiếp chiến công và cuối cùng hòa vào dòng thác cách mạng quét sạch bè lũ cướp nước và bọ tay sai của chúng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, non sông thu về một mối để dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Thắng lợi của quân và dân Tân Uyên trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ đó trước hết và cơ bản nhất là do các Chi bộ, Đảng bộ Tân Uyên đã vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ mà trực tiếp là các tỉnh ủy Biên Hòa, Thủ Biên, Phước Thành, Thủ Dầu Một vào địa bàn cụ thể Tân Uyên để đề ra chủ trương và tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào cách mạng ở địa phương.

Ra đời trong bối cảnh phong trào bình dân đang phát triển lan rộng trong cả nước, các chi bộ đầu tiên ở Tân Phước

Khánh, Mỹ Lộc đã tranh thủ phát huy ảnh hưởng, gieo mầm, phát triển các hạt giống cách mạng, các cơ sở đảng trong toàn huyện, làm cho sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có hiệu quả trên toàn địa bàn Tân Uyên. Do tiếp xúc thường xuyên các cán bộ Đảng cấp trên qua lại, ăn náu hoạt động, các chi bộ Đảng Tân Uyên thường xuyên tiếp nhận được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Xứ ủy, từ đó có được sự định hướng đúng và sát hợp với tình hình thực tế.

Trong tình hình đặc biệt phức tạp sau ngày 23-9-1945 Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai ở Nam Bộ, Đảng tuyên bố “tự giải tán”, hàng loạt tổ chức kháng chiến trong đó gồm cả lực lượng vũ trang không cách mạng kéo về Tân Uyên dừng chân và xây dựng căn cứ, các đảng viên trụ cột của tỉnh và xứ nhảy bèn thay đổi hình thức hoạt động, bám sát cơ sở, bám sát phong trào, duy trì sự lãnh đạo thực tế của Đảng. Tùy từng giai đoạn lịch sử cụ thể mà Đảng bộ Tân Uyên hướng nỗ lực toàn dân vào nhiệm vụ trọng tâm, lúc thì xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng các cấp, xây dựng thực lực mọi mặt cho cuộc kháng chiến, xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang; lúc thì chuyển sang chống địch bình định, đánh vào hậu phương và chiến lược dự trữ kinh tế của chúng; lúc thì đẩy mạnh hoạt động quân sự, chống thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch, khắc phục hậu quả bão lụt, uồn nản lệch lạc trong thực hiện phương châm ba vùng, lúc thì phát động kết hợp phong trào du kích chiến tranh với phong trào địch ngụy vận, mở rộng vùng căn cứ...

Những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, trước khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Đảng bộ Tân Uyên đã ý thức sâu sắc được việc xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng quân sự, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh quân sự chắc chắn sẽ nổ ra trong lúc vẫn tiến hành lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định. Nhờ thế, toàn Đảng, toàn

dân Tân Uyên đã chủ động tiếp tục cuộc kháng chiến trong điều kiện mới, khi kẻ thù thay đổi chiến lược chiến tranh. Vận dụng sáng tạo, linh hoạt chiến lược tổng hợp với phương châm kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận, kết hợp tác chiến của cả ba thứ quân, kết hợp giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, kết hợp giữa các vùng chiến trường, tạo ra sức mạnh tổng hợp trên địa bàn toàn huyện.

Cùng với quá trình phát triển của cuộc kháng chiến, các chi bộ Đảng, các đảng viên ở Tân Uyên không ngừng được mở rộng về số lượng và nâng cao về chất lượng, trở thành một Đảng bộ vững mạnh. Đó là Đảng bộ có lập trường quan điểm kiên định, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm chỉ thị của tổ chức đảng cấp trên, nắm vững quan điểm quần chúng, được toàn dân tin tưởng, hết lòng che chở, đùm bọc.

Thành phần cộng đồng dân cư Tân Uyên khá phức tạp, có đồng bào dân tộc thiểu số, có nhân dân di cư vào từ ba thế kỷ trước, lại có không ít đồng bào Thiên Chúa giáo mới di cư từ sau Hiệp định Giơnevơ, có công nhân cao su công tra, có cả trí thức, học sinh, công nhân, nông dân, bộ đội mới hồi cư trong thời kỳ kháng chiến. Đảng bộ Tân Uyên từ ngày mới ra đời đã biết dựa vào các tầng lớp nhân dân, không phân biệt thành phần, tập trung dưới ngọn cờ độc lập dân tộc, phát huy thế mạnh, khắc phục những hạn chế, khó khăn của mỗi bộ phận cư dân để huy động tối đa sự tham gia của họ vào dòng chảy cách mạng. Vì vậy, trên địa bàn Tân Uyên, công nhân, nông dân, trí thức, học sinh không phân biệt già, trẻ, trai gái, dân tộc, tôn giáo, người tại chỗ hay người từ nơi khác tới đều hăng hái tham gia kháng chiến. Lực lượng này đã tham gia vào cuộc kháng chiến dưới nhiều hình thức hết sức phong phú: Đấu tranh vạch tội ác của địch, giáo dục và phát động quần chúng, bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ cán bộ, đảng viên, đòi địch thực hiện các cam kết, đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống địch bắn phá, rải chất độc, cào nhà, gom dân; tấn công

quân nguy, phân hóa cô lập chúng, giáo dục, xây cơ sở trong lòng địch; hoạt động quân sự như nắm tình hình địch, liên lạc, vận tải, nghi binh đánh lạc hướng, gây tâm lý hoang mang, dao động trong hàng ngũ địch, trực tiếp chống càn, phục kích, tấn công, bức rút đồn bót, diệt tề trừ gian, hoặc nhân dân Tân Uyên cùng các lực lượng đóng trên địa bàn Chiến khu Đ đã trồng những rừng khoai mì bạt ngàn, tận rừng sâu để nuôi lực lượng kháng chiến... Tất cả tạo nên một cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện trên khắp địa bàn huyện, tạo nên một sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù vốn lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần.

Trong suốt quá trình đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Tân Uyên đã kiên cường chịu đựng gian khổ, hy sinh, vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt như sự đàn áp đẫm máu của địch sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ 1940; những ngày đói rét, bệnh tật sau bão lụt năm Nhâm Thìn 1952; những tháng năm bị địch truy lùng, bắt bớ tù đày, thẩm sát những người yêu nước dưới chế độ độc tài Ngô Đình Diệm sau Hiệp định Giơnevơ; những ngày địch khủng bố và bình định quyết liệt sau Mậu Thân 1968... Khi “chiến tranh cục bộ” phát triển đến cường độ cao, vùng Chiến khu Đ bị bom B52 chà đi, xát lại đêm ngày, hết khu vực này đến khu vực khác, các trận địa pháo ở sân bay Biên Hòa, dã chiến 2 của Mỹ, Ba Dốc, Cây Gáo, Kiệm Tân, Hiếu Liêm... liên tục bắn vào Chiến khu Đ. Nhiều cánh rừng nguyên sinh chỉ còn là đồi trọc vì bom phát quang, chất độc hóa học. Nói đến khó khăn ở Chiến khu Đ trong thời kỳ kháng chiến còn là bệnh tật, thiếu thuốc men, đói khát, bị thú dữ tấn công, muỗi mòng, vắt cắn...

Trong cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, ở Tân Uyên có không ít những cá nhân mà lịch sử đã khắc ghi công lao to lớn của họ, để các thế hệ hôm nay và mai sau luôn biết ơn, tưởng nhớ và tự hào về những con người kiên cường, thông minh và dũng cảm đã không tiếc máu xương, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi là một chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Mỗi người dân Tân Uyên cũng đều tự hào về địa phương mình đã góp phần vào chiến thắng vinh quang ấy. Lịch sử sẽ dần lùi xa vào quá khứ, nhưng mồ hôi, công sức và cả xương máu của thế hệ đã làm nên chiến thắng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ luôn là nền tảng chính trị, tư tưởng đồng hành cùng những thế hệ hôm nay và mai sau bước tiếp chặng đường xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu mạnh, nhân dân có một cuộc sống ngày càng phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG VÀ DI TÍCH TIÊU BIỂU CỦA TÂN UYÊN



*Các đồng chí lãnh đạo huyện Tân Uyên
dự lễ mít tinh chào mừng ngày
giải phóng miền Nam 30-4-1975*



*Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên những năm đầu
tiếp quản sau ngày 30-4-1975*



*Đoàn đại biểu huyện Tân Uyên dự
Đại hội Đảng bộ tỉnh Sông Bé năm 1976*



Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên đầu những năm 1980



Đảng bộ huyện tổ chức họp mặt nhân dịp kỷ niệm 13 năm ngày giải phóng Tân Uyên (29-4-1975 - 29-4-1988)



Đồng chí Lê Thanh Cung - Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (thứ nhất, từ phải sang) trao Nghị quyết số 136/NQ-CP, ngày 29-12-2013 của Chính Phủ cho các đồng chí đại diện lãnh đạo thị xã Tân Uyên trong Lễ công bố thành lập thị xã Tân Uyên



Đồng chí Mai Thế Trung - Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương (thứ hai, từ trái sang) tặng hoa chúc mừng trong Lễ công bố thành lập thị xã Tân Uyên



*Ban Chấp Hành Đảng bộ thị xã Tân Uyên
ra mắt tại Lễ công bố thành lập thị xã Tân Uyên*



Di tích Khảo cổ học cấp quốc gia Dốc Chùa - xã Tân Mỹ



Di tích Khảo cổ học cấp quốc gia Cù Lao Rùa - xã Thạnh Hội



Di tích cấp quốc gia Chiến khu Đ - xã Đất Cuốc



Di tích cấp tỉnh, Nhà cổ ông Đỗ Cao Thừa - xã Bạch Đằng



*Di tích cấp tỉnh, Chùa Hưng Long (Chùa Bà Thao)
– xã Thạnh Phước*



*Di tích cấp tỉnh, Khu mộ cổ Đức Ông Trần Thượng Xuyên
- xã Tân Mỹ*



Di tích cấp tỉnh, Đình thần Tân Trạch - xã Bạch Đằng



*Di tích cấp tỉnh, Chiến thắng Tháp canh Cầu Bà Kiên - xã
Thạnh Phước*



Di tích cấp tỉnh, Chiến khu Vĩnh Lợi - xã Vĩnh Tân



Di tích cấp tỉnh, Miếu Bà Đất Cuốc - xã Đất Cuốc



Di tích cấp tỉnh, Đình Vĩnh Phước - xã Thái Hòa

**HÌNH ẢNH MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY
TÂN UYÊN**

(Từ 1948 đến 1975)



Đồng chí Huỳnh Văn Đính
Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
(1948)



Đồng chí Năm Quyết
Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
(7-1961-8-1961)



Đồng chí **Sáu Lai**
Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
(1964-1965)



Đồng chí **Lê Văn Đàng**
Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
(1974)



Đồng chí **Phan Tấn Lập**
Bí thư Huyện ủy Tân Uyên
(1975-1976)

PHỤ LỤC

DANH SÁCH
CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY TÂN UYÊN

TT	Họ và tên	Bí danh	Chức vụ	Giai đoạn
1	Lê Thái	Năm Thái	Bí thư Quận ủy	Tháng 10- 1945 - 1947; 1951-1954
2	Huỳnh Văn Đính	Hai Đính	Bí thư Quận ủy Bí thư Huyện ủy	1947-1951; Cuối năm 1954 đầu năm 1955
3	Nguyễn Văn Tổ	Ba Lộc	Bí thư Huyện ủy	1955-1957
4	Ngô Tiến		Bí thư Huyện ủy	1957-1958
5	Trần Xuân Hà	Hà Tư	Bí thư Huyện ủy	1958-1959
6	Ba Tình		Bí thư Huyện ủy	Đầu năm 1960
7	Phạm Hòa		Bí thư Huyện ủy Tân Uyên 1	Tháng 9- 1960
8	Vũ Khánh		Bí thư Huyện ủy Tân Uyên 2	Tháng 9- 1960
9	Năm Quyết		Bí thư Huyện	7-1961-8-

			ủy	1961
10	Nguyễn Văn Bờ		Bí thư Huyện ủy	1963-1964; 1965-1966
11	Út Lợi		Bí thư Huyện ủy	1961-1963; 1969-1973
12	Sáu Lai		Bí thư Huyện ủy	1964-1965
13	Sáu Bánh		Bí thư Huyện ủy	1966-1967
14	Nguyễn Văn Luông	Sáu Phát	Bí thư Huyện ủy	1967 - 2- 1969
15	Lê Văn Đàng	Chín Đàng	Bí thư Huyện ủy	1974
16	Phan Tấn Lập		Bí thư Huyện ủy	1974-1975

DANH SÁCH
CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHONG TẶNG DANH HIỆU
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN

TT	Đơn vị	Ngày phong tặng
1	Xã Bình Mỹ	6-11-1978
2	Du kích xã Tân Phước	6-11-1978
3	Lực lượng vũ trang huyện Tân Uyên	20-12-1994
4	Xã Tân Bình	20-12-1994
5	Xã Thái Hòa	20-12-1994
6	Xã Vĩnh Tân	22-8-1998
7	Xã Tân Vĩnh Hiệp	22-8-1998
8	Xã Tân Mỹ	28-4-2000
9	Xã Thường Tân	28-4-2000
10	Xã Phú Chánh	28-4-2000
11	Xã Khánh Bình	28-4-2000
12	Xã Thạnh Phước	28-4-2000
13	Xã Đất Cuốc	17-11-2004
14	Xã Tân Hiệp	17-11-2004
15	Xã Thạnh Hội	17-11-2004
16	Thị trấn Uyên Hưng	24-6-2005
17	Xã Bạch Đằng	24-6-2005
18	Công an thị xã Tân Uyên	16-12-2014

DANH SÁCH
CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngày tuyên dương
1	Nguyễn Văn Lân	Bình Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	17-9-1967
2	Huỳnh Thị Châu	Tân Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	6-11-1978
3	Bùi Văn Bình	Thạnh Phước, Tân Uyên, Bình Dương	29-8-1985
4	Đoàn Thị Liên	Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương	28-4-2000
5	Võ Thành Long	Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương	28-4-2000
6	Trần Thị Hường	Tân Bình, Phú Giáo, Bình Dương	16-12-2014

DANH SÁCH MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
(Tính đến tháng 02-2015)

TT	Họ và tên	Năm sinh
Xã Uyên Hưng		
1	Nguyễn Thị Sông	1887
2	Nguyễn Thị Thìn	1897
3	Lâm Thị Nữa	1903
4	Nguyễn Thị Năm	1903
5	Trần Thị Viễn	1903
6	Huỳnh Thị Trước	1904
7	Trương Thị Thà	1904
8	Nguyễn Thị Thôi	1904
9	Dương Thanh Thủy	1905
10	Trần Thị Vẽ	1905
11	Phạm Thị Đê	1906
12	Nguyễn Thị Chớ	1909
13	Bùi Thị Phường	1911
14	Nguyễn Thị Sửu	1911
15	Đỗ Thị Khương	1913
16	Hồ Thị Lệ	1916
17	Đoàn Thị Xóm	1916
18	Thái Thị Thiêm	1917
19	Trần Thị Sáu	1917
20	Nguyễn Thị Tố	1918

21	Huỳnh Thị Mỹ	1918
22	Nguyễn Thị Ba	1918
23	Nguyễn Thị Ba	1918
24	Nguyễn Thị Tùng	1919
25	Nguyễn Thị Rành	1920
26	Hồ Thị Năng	1923
27	Đỗ Thị Hai	1924
28	Trương Thị Ròng	1925
29	Nguyễn Thị Minh	1925
30	Lê Thị Ba	1925
31	Trần Thị Tất	1930
Xã Bạch Đằng		
32	Võ Thị Ngó	1887
33	Nguyễn Thị Tiên	1891
34	Võ Thị Thử	1894
35	Đông Thị Hảo	1896
36	Lê Thị Dành	1897
37	Phạm Thị Lầu	1898
38	Nguyễn Thị Liên	1902
39	Nguyễn Thị Mến	1904
40	Nguyễn Thị Trạch	1904
41	Đặng Thị Hoài	1907
42	Lê Thị Thôi	1908
43	Cao Thị Thả	1909

44	Tổng Thị Bồng	1910
45	Lê Thị Dẻo	1912
46	Ngô Thị Chà	1913
47	Lê Thị Thìn	1914
48	Huỳnh Thị Xuân	1915
49	Giang Thị Tép	1916
50	Nguyễn Thị Thạnh	1916
51	Đỗ Thị Dẫu	1917
52	Nguyễn Thị Du	1917
53	Bùi Thị Đoan	1917
54	Nguyễn Thị Đắc	1921
55	Lý Thị Dê	1928
Xã Khánh Bình		
56	Đinh Thị Đây	1897
57	Nguyễn Thị Thảo	1903
58	Nguyễn Thị Trừ	1906
59	Đinh Thị Dẫu	1906
60	Đinh Thị Đê	1907
61	Nguyễn Thị Đăng	1909
62	Phạm Thị Sỹ	1909
63	Đặng Thị Hương	1910
64	Nguyễn Thị Hiềm	1911
65	Dương Thị Thàng	1912
66	Lê Thị Phước	1917

67	Nguyễn Thị Lại	1918
68	Nguyễn Thị Gọn	1919
69	Huỳnh Thị Anh	1922
70	Trần Thị Chúc	1924
71	Trần Thị Ổ	1925
72	Trương Thị Đô	
Xã Thạnh Phước		
73	Đoàn Thị Rót	1902
74	Nguyễn Thị Tốt	1902
75	Lê Thị Mối	1905
76	Nguyễn Thị Ảnh	1906
77	Hồ Thị Xuân	1911
78	Võ Thị Ron	1913
79	Trần Thị Thịnh	1927
Xã Thái Hòa		
80	Nguyễn Thị Mao	1894
81	Nguyễn Thị Song	1902
82	Trần Thị Gôm	1902
83	Mai Thị Lối	1904
84	Nguyễn Thị Khuynh	1905
85	Nguyễn Thị Dơi	1907
86	Trần Thị Dồi	1907
87	Nguyễn Thị Kêu	1908
88	Bồ Thị Xã	1909

89	Nguyễn Thị Dặm	1910
90	Nguyễn Thị My	1911
91	Nguyễn Thị Giới	1913
92	Nguyễn Thị Hòe	1913
93	Trần Thị Xưa	1914
94	Đỗ Thị Sang	1916
95	Phạm Thị Bơi	1916
96	Nguyễn Thị Dệm	1917
97	Từ Thị Cón	1917
98	Võ Thị Nhỏ	1917
99	Đỗ Thị Trôn	1919
100	Nguyễn Thị Phe	1920
101	Phạm Thị Năm	1920
102	Lữ Thị Út	1921
103	Trần Thị Út	1925
Xã Tân Phước Khánh		
104	Ngô Thị Ân	1890
105	Trần Thị Dẹo	1891
106	Phan Thị Hoài	1902
107	Nguyễn Thị Vinh	1903
108	Nguyễn Thị Nghĩa	1903
109	Nguyễn Thị Hoa	1908
110	Nguyễn Thị Lưới	1908
111	Nguyễn Thị Phải	1911

112	Hồng Thị Cài	1914
113	Phạm Thị Lạch	1914
114	Nguyễn Thị Tạm	1915
115	Nguyễn Thị Hoa	1916
116	Hồ Thị Thảo	1917
117	Lê Thị Bảnh	1918
118	Nguyễn Thị Trao	1918
119	Phạm Thị Bảy	1918
120	Phan Thị Ân	1918
121	Phạm Thị Chàm	1919
122	Đỗ Thị Lan	1919
123	Tổng Thị Thơm	1920
124	Bùi Thị Đa	1923
125	Trần Thị Hành	1927
126	Lê Thị Chánh	1928
Xã Tân Vĩnh Hiệp		
127	Phan Thị Ngữ	1887
128	Nguyễn Thị Tỏ	1891
129	Lê Thị Riêng	1894
130	Nguyễn Thị Giới	1900
131	Đỗ Thị Thanh	1902
132	Bùi Thị Cụt	1903
133	Lê Thị Sen	1904
134	Võ Thị Xuyên	1905

135	Trương Thị Sòng	1906
136	Lê Thị Hai	1907
137	Thái Thị Khai	1907
138	Bùi Thị Thấy	1907
139	Huỳnh Thị Kính	1908
140	Đỗ Thị Gặp	1910
141	Bùi Thị Thơ	1910
142	Huỳnh Thị Nhiên	1910
143	Ngô Thị Dì	1912
144	Nguyễn Thị Thắm	1913
145	Ngô Thị Tiệm	1914
146	Phan Thị Đảo	1914
147	Nguyễn Thị Khóa	1914
148	Nguyễn Thị Ngâu	1914
149	Nguyễn Thị Xất	1915
150	Nguyễn Thị Chức	1915
151	Trần Thị Sợi	1915
152	Đoàn Thị Thơm	1915
153	Nguyễn Thị Mươn	1916
154	Nguyễn Thị Năm	1917
155	Mai Thị Tôn	1918
156	Nguyễn Thị Bì	1918
157	Lâm Thị Ong	1919
158	Nguyễn Thị Đi	1921

159	Võ Thị Mỳ	1921
160	Trương Thị Côi	1922
161	Nguyễn Thị Dậy	1923
162	Lâm Thị Tý	1924
163	Nguyễn Thị Bạc	1924
164	Nguyễn Thị Lọt	1925
165	Mai Thị Hoa	1925
166	Phan Thị Lượng	1925
167	Trần Thị Măng	1925
168	Nguyễn Thị Súng	1925
169	Nguyễn Thị Phá	1927
170	Nguyễn Thị Hữu	1929
Xã Phú Chánh		
171	Nguyễn Thị Lự	1898
172	Lê Thị Cộng	1902
173	Trần Thị Đồi	1904
174	Huỳnh Thị Mỹ	1906
175	Đỗ Thị Một	1907
176	Đặng Thị Đụng	1907
177	Dương Thị My	1910
178	Bồ Thị Sánh	1910
179	Lê Thị Nhẫn	1912
180	Nguyễn Thị Đeo	1912
181	Bồ Thị Thắm	1913

182	Lý Thị Đâu	1914
183	Cao Thị Huệ	1915
184	Nguyễn Thị Lâu	1915
185	Lê Thị Liên	1919
186	Nguyễn Thị Bài	1923
187	Nguyễn Thị Khoe	1924
188	Lê Thị Hơ	1924
Xã Vĩnh Tân		
189	Mai Thị Thu	1890
190	Nguyễn Thị Đòi	1895
191	Nguyễn Thị Vuông	1901
192	Nguyễn Thị Tiểu	1901
193	Trương Thị Nở	1902
194	Bồ Thị Tâm	1903
195	Trần Thị Cá	1904
196	Võ Thị Ngưu	1904
197	Nguyễn Thị Lã	1907
198	Nguyễn Thị Đò	1909
199	Đỗ Thị Nghe	1909
200	Bồ Thị Cánh	1909
201	Nguyễn Thị Biếu	1909
202	Nguyễn Thị Chòn	1910
203	Phạm Thị Tư	1910
204	Nguyễn Thị Sáu	1910

205	Lương Thị Bầm	1910
206	Nguyễn Thị Lá	1913
207	Nguyễn Thị Nung	1913
208	Đỗ Thị Dơi	1914
209	Trần Thị Dũng	1914
210	Nguyễn Thị Ớt	1915
211	Trương Thị Dậy	1917
212	Nguyễn Thị Chúc	1918
213	Trần Thị Mỹ	1919
214	Huỳnh Thị Bắp	1919
215	Nguyễn Thị Thao	1920
216	Trương Thị Dẫm	1920
217	Nguyễn Thị Voi	1921
218	Nguyễn Thị Mối	1923
219	Trần Thị Tiện	1923
220	Nguyễn Thị Gôm	1925
221	Nguyễn Thị Bình	1926
222	Nguyễn Thị Nghị	1927
223	Đỗ Thị Đeo	1930
224	Bồ Thị Thá	1931
225	Phan Thị Nàng	1932
226	Lê Thị Bê	1933
Xã Hội Nghĩa		
227	Nguyễn Thị Biên	1913

228	Phạm Thị Thanh	1915
229	Phạm Thị Kế	1915
Xã Tân Hiệp		
230	Phan Thị Trâm	1887
231	Nguyễn Thị Nghệ	1892
232	Nguyễn Thị Thiêm	1906
233	Võ Thị Nhi	1907
234	Phạm Thị Chứng	1909
235	Võ Thị Cửu	1910
236	Nguyễn Thị Khéo	1910
237	Lê Thị Gấm	1912
238	Nguyễn Thị Ón	1913
239	Dương Thị Thả	1913
240	Trần Thị Ngọc	1913
241	Võ Thị Trí	1914
242	Huỳnh Thị Đóm	1918
243	Phạm Thị Ba	1919
244	Võ Thị Lùng	1924
245	Phạm Thị Bay	1925
246	Trương Thị Mừng	1926
247	Lê Thị Lãnh	1926
248	Nguyễn Thị Nhi	1926
249	Nguyễn Thị Thắm	1927
Xã Thạnh Hội		

250	Đào Thị Ra	1864
251	Bùi Thị Quý	1910

**CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA CẤP TỈNH,
CẤP QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN UYÊN**

TT	Tên di tích	Địa điểm	Cấp công nhận	Năm công nhận
Di tích cấp quốc gia				
1	Khảo cổ học Dốc Chùa	Tân Mỹ	Bộ Văn hóa - Thông tin	28-12-2001
2	Khảo cổ học Cù Lao Rùa	Thạnh Hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch	3-3-2009
3	Chiến khu Đ	Đất Cuốc	Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch	11-5-2010
Di tích cấp tỉnh				
1	Nhà cổ ông Đỗ Cao Thứa	Bạch Đằng	Ủy ban nhân dân tỉnh	2-6-2004
2	Chùa Hưng Long (Bà Thao)	Thạnh Phước	Ủy ban nhân dân tỉnh	2-6-2004
3	Mộ cổ Đức Ông Trần Thượng Xuyên	Tân Mỹ	Ủy ban nhân dân tỉnh	04-7-2005
4	Đình Tân Trạch	Bạch Đằng	Ủy ban	30-10-

			nhân dân tỉnh	2007
5	Chiến thắng Tháp canh Cầu Bà Kiên	Thạnh Phước	Ủy ban nhân dân tỉnh	10-3-2008
6	Chiến khu Vĩnh Lợi	Vĩnh Tân	Ủy ban nhân dân tỉnh	7-12-2010
7	Miếu Bà Đất Cuốc	Đất Cuốc	Ủy ban nhân dân tỉnh	28-1-2011
8	Đình Vĩnh Phước	Thái Hòa	Ủy ban nhân dân tỉnh	13-3-2015

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	3
LỜI NÓI ĐẦU.....	5
<i>MỞ ĐẦU</i> TÂN UYÊN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG	7
PHẦN THỨ NHẤT CÁC CHI BỘ ĐẢNG Ở TÂN UYÊN RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945).....	28
Chương I CÁC HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TÂN UYÊN TỪ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1935	29
I. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH TÂN UYÊN NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX.....	29
Chương II CÁC CHI BỘ ĐẢNG Ở TÂN UYÊN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945	40
I. CÁC CHI BỘ ĐẢNG RA ĐỜI Ở TÂN UYÊN LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 1936 – 1939	40
II. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN TÂN UYÊN THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA NAM KỶ VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945	52
<i>PHẦN THỨ HAI</i> ĐẢNG BỘ TÂN UYÊN LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954).....	74
Chương I NHIỆM VỤ CHỦ YẾU SAU KHI GIÀNH CHÍNH QUYỀN (Từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946)	75
I. THÀNH LẬP, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN	75
II. THỰC HIỆN “TIÊU THỔ KHÁNG CHIẾN ĐÁNH ĐỊCH TẠI CHỖ”	82
Chương II XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TIẾN HÀNH CUỘC ĐẤU TRANH TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, GÓP	

PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN THUẬT THÁP CANH CỦA THỰC DÂN PHÁP (1947 - 1950)	100
I. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, PHÁT TRIỂN ĐẤU TRANH DU KÍCH, CHIẾN THUẬT ĐẶC CÔNG RA ĐÒI.....	100
II. CÙNG TOÀN TỈNH ĐÁNH PHÁ CHIẾN THUẬT THÁP CANH CỦA THỰC DÂN PHÁP	109
Chương III GÓP PHẦN GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG CĂN CỨ, VƯỢT QUA THIÊN TAI, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951-1954).....	119
I. GÓP PHẦN GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG CHIẾN KHU Đ, BÁM TRỤ SẢN XUẤT, CỨU ĐÓI SAU BÃO LỤT	119
II. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GIAN KHỔ, TÍCH (ĐÁNH ĐỊCH, GÓP PHẦN KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC	132
PHẦN THỨ BA ĐẢNG BỘ HUYỆN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN HÀNH CUỘC KHÁNG CHIẾN ĐÀO CH DÂN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (Từ 7-1954 đến 4-1975).....	143
Chương I TỔ CHỨC, BỐ TRÍ LẠI LỰC LƯỢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVƠ TỪNG BƯỚC TIẾN LÊN ĐỒNG KHỞI (1954-1960)	144
I. SẮP XẾP BỐ TRÍ LẠI LỰC LƯỢNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVƠ (1954 – 1956)	144
II. VŨ TRANG TUYÊN TRUYỀN, DIỆT ÁC PHÁ KÌM GÓP PHẦN CỨNG CỐ XÂY DỰNG CHIẾN KHU Đ (1957-1958)	154
III. CỨNG CỐ, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, TIẾN HÀNH CUỘC ĐỒNG KHỞI TẠI ĐỊA PHƯƠNG (1959 – 1960)	163
Chương II TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC; ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI	

CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY (1961 - 1965).....	168
I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC, Củng Cố QUYỀN LÀM CHỦ XÃ ÁP CỦA NHÂN DÂN.....	168
II. ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, THAM GIA TIÊU DIỆT TIỂU KHU QUÂN SỰ PHƯỚC THÀNH, CÙNG QUÂN DÂN TRONG TỈNH GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ - NGUY	172
Chương III ĐÁNH ĐỊCH, BÁM DÂN, BÁM ĐỊA BÀN, CÙNG BỘ ĐỘI CHỦ LỰC THỰC HIỆN TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGUY (1965 - 1968).....	194
I. LIÊN TỤC ĐÁNH ĐỊCH, GÓP PHẦN GIỮ VỮNG CĂN CỨ CHIẾN KHU Đ, THAM GIA ĐÁNH BẠI HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ 1965 – 1966 VÀ 1966 – 1967 CỦA MỸ - NGUY	194
II. THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI XU N MẬU TH N 1968, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ - NGUY.....	212
Chương IV NỖ LỰC VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, GIAN KHỔ, THAM GIA CHIẾN DỊCH XUÂN HÈ 1972, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ - NGUY (Từ 1969 đến 27-1-1973).....	226
I. KIÊN CƯỜNG BÁM TRỤ, ĐÁNH ĐỊCH PHẢN KÍCH, TÍCH CỰC XÂY DỰNG VÀ Củng Cố PHONG TRÀO CHỐNG PHÁ BÌNH ĐỊNH (đầu 1969 - cuối 1971).....	226
II. ĐẨY MẠNH ĐÁNH PHÁ BÌNH ĐỊNH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ - NGUY (1-1972 - 1-1973).....	241
Chương V ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM, PHÁT HUY VAI TRÒ VÙNG ĐẤT CHIẾN KHU TRONG CHIẾN	

DỊCH MÙA XUÂN NĂM 1975, GIẢI PHÓNG HUYỆN VÀ TỈNH (1973-1975).....	249
I. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI, ĐÁNH ĐỊCH BÌNH ĐỊNH, LẤN CHIẾM, GIỮ VỮNG VÙNG GIẢI PHÓNG	249
II. THAM GIA ĐÁNH BẠI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÁNH PHÁ, BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH, CÙNG QUÂN VÀ DÂN TOÀN MIỀN NAM THỰC HIỆN TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, THÔNG NHẤT ĐẤT NƯỚC	259
KẾT LUẬN	270
PHỤ LỤC	293